THERAVADĀ

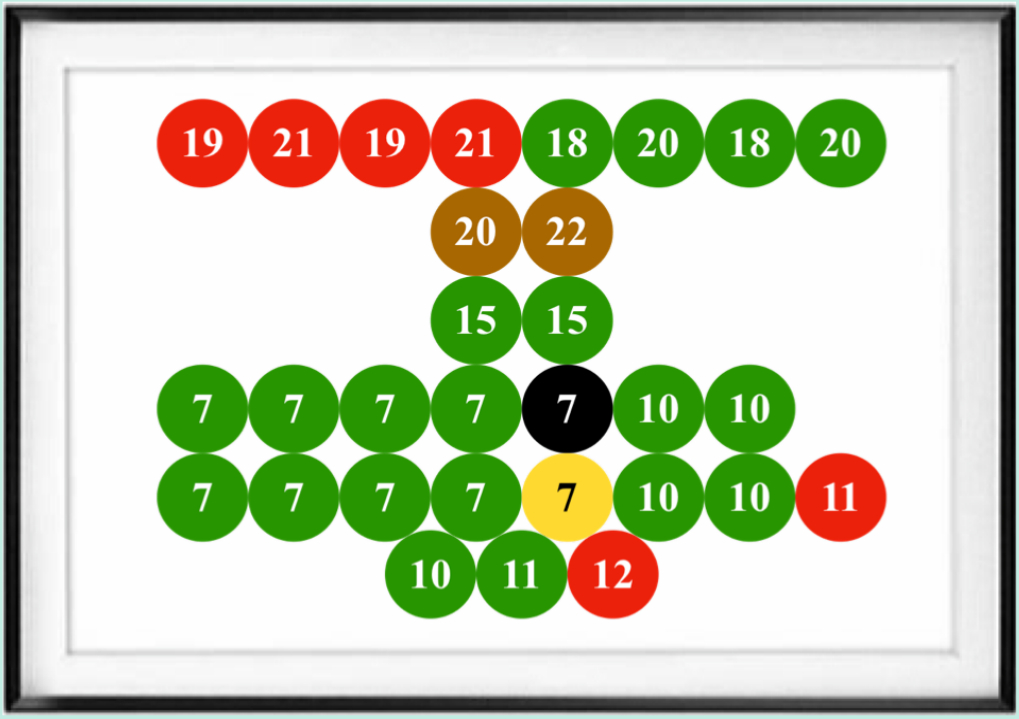

GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP II

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyên Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahan cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học nầy hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh sau chuyến đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã về lại Việt Nam

và tập trung giảng dạy liên tục nhiều tháng liền tại Thiền Viện Phước Sơn trong mùa COVID, và quyển **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này do nhân duyên đó đã ra đời.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này,

Chúng con thành kính tri ân cô Tu nữ An Nhiên và quý cô Tu nữ đã gửi bài đánh máy đến chúng con. Chúng con kính tri ân chị Kim Nhung và Tina Nguyễn đã phụ với chúng con dò lại từng chi pháp và lỗi chính tả cũng như quý bạn đạo đã hết lòng ủng hộ tinh thần cũng như khuyến khích và nâng đỡ chúng con trong quá trình hoàn thành bộ sách.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Hồi hướng,

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc, trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.
Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đồng đều nhau cả thảy.

Những việc thiện lành do chúng con làm nơi đây tuy kẻ nhiều người ít, kẻ trước người sau, song về phần phước thiện thanh cao, tất cả chúng con nói chung, mỗi người

trong chúng con nói riêng phước thiện đồng đều nhau cả thảy.

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

SÁCH THAM KHẢO

* Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự
* Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh
* Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên
* A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera
* A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

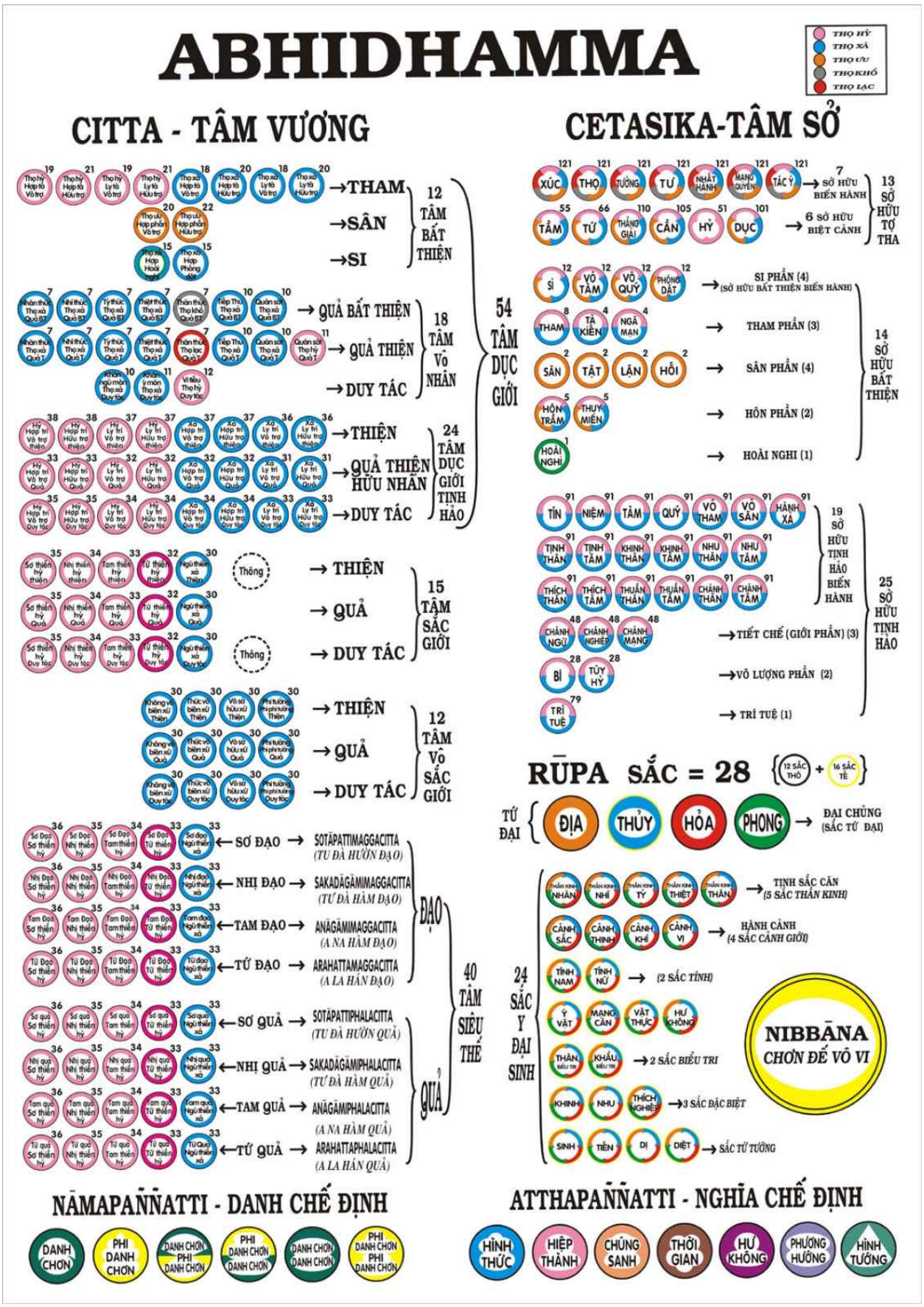
ABHIDHAMMA
THỌ HỶ
THỌ XẢ
THỌ ƯU
THỌ KHỔ
THỌ LẠC
CITTA - TÂM VƯƠNG
CETASIKA-TÂM SỞ
→THAM
→SÂN
→SI
12 TÂM BẤT THIỆN
→ QUẢ BẤT THIỆN
→ QUẢ THIỆN
→ DUY TÁC
18 TÂM VÔ NHÂN
54 TÂM DỤC GIỚI
→THIỆN
→ QUẢ THIỆN HỮU NHÂN
→DUY TÁC
24 TÂM DỤC GIỚI TỊNH HẢO
Thông
→ THIỆN
→ QUẢ
→ DUY TÁC
15 TÂM SẮC GIỚI
→ THIỆN
→ QUẢ
→ DUY TÁC
12 TÂM VÔ SẮC GIỚI
← SƠ ĐẠO → SOTĀPATTIMAGGACITTA (TU ĐÀ HƯỜN ĐẠO)
← NHỊ ĐẠO → SAKADĀGĀMIMAGGACITTA (TƯ ĐÀ HÀM ĐẠO)
← TAM ĐẠO → ANĀGĀMIMAGGACITTA (A NA HÀM ĐẠO)
← TỨ ĐẠO → ARAHATTAMAGGACITTA (A LA HÁN ĐẠO)
ĐẠO
← SƠ QUẢ → SOTĀPATTIPHALACITTA (TU ĐÀ HƯỜN QUẢ)
← NHỊ QUẢ → SAKADĀGĀMIPHALACITTA (TƯ ĐÀ HÀM QUẢ)
← TAM QUẢ → ANĀGĀMIPHALACITTA (A NA HÀM QUẢ)
← TỨ QUẢ → ARAHATTAPHALACITTA (A LA HÁN QUẢ)
QUẢ
40 TÂM SIÊU THẾ
XÚC
THỌ
TƯỞNG
TƯ
NHẤT HÀNH
MẠNG QUYỀN
TÁC Ý
7 SỞ HỮU BIẾN HÀNH
TẦM
TỨ
THẮNG GIẢI
CẦN
HỶ
DỤC
6 SỞ HỮU BIỆT CẢNH
13 SỞ HỮU TỢ THA
SI
VÔ TÀM
VÔ QUÝ
PHÓNG DẬT
SI PHẦN (4) (SỞ HỮU BẤT THIỆN BIẾN HÀNH)
THAM
TÀ KIẾN
NGÃ MẠN
THAM PHẦN (3)
SÂN
TẬT
LẬN
HỐI
SÂN PHẦN (4)
HÔN TRẦM
THỤY MIÊN
HÔN PHẦN (2)
HOÀI NGHI
HOÀI NGHI (1)
14 SỞ HỮU BẤT THIỆN
TÍN
NIỆM
TÀM
QUÝ
VÔ THAM
VÔ SÂN
HÀNH XẢ
TỊNH THÂN
TỊNH TÂM
KHINH THÂN
KHINH TÂM
NHU THÂN
NHU TÂM
THÍCH THÂN
THÍCH TÂM
THUẦN THÂN
THUẦN TÂM
CHÁNH THÂN
CHÁNH TÂM
19 SỞ HỮU TỊNH HẢO BIẾN HÀNH
CHÁNH NGỮ
CHÁNH NGHIỆP
CHÁNH MẠNG
→TIẾT CHẾ (GIỚI PHẦN) (3)
BI
TÙY HỶ
→VÔ LƯỢNG PHẦN (2)
TRÍ TUỆ
→ TRÍ TUỆ (1)
25 SỞ HỮU TỊNH HẢO
RŪPA SẮC = 28
12 SẮC THÔ + 16 SẮC TẾ
TỨ ĐẠI
ĐỊA
THỦY
HỎA
PHONG
→ ĐẠI CHỦNG (SẮC TỨ ĐẠI)
NHÃN THẦN KINH
NHĨ THẦN KINH
TỶ THẦN KINH
THIỆT THẦN KINH
THÂN THẦN KINH
→ TỊNH SẮC CĂN (5 SẮC THẦN KINH)
CẢNH SẮC
CẢNH THINH
CẢNH KHÍ
CẢNH VỊ
→ HÀNH CẢNH (4 SẮC CẢNH GIỚI)
TÍNH NAM
TÍNH NỮ
→ (2 SẮC TÍNH)
Ý VẬT
MẠNG CĂN
VẬT THỨC
HƯ KHÔNG
THÂN BIỂU TRI
KHẨU BIỂU TRI
→ 2 SẮC BIỂU TRI
KHINH
NHU
THÍCH NGHIỆP
→3 SẮC ĐẶC BIỆT
SINH
TIẾN
DỊ
DIỆT
→ SẮC TỨ TƯỚNG
24 SẮC Y ĐẠI SINH
NIBBĀNA
CHƠN ĐẾ VÔ VI
NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH
DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN
DANH CHƠN PHI DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN DANH CHƠN
DANH CHƠN DANH CHƠN
PHI DANH CHƠN PHI DANH CHƠN
ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH
HÌNH THỨC
HIỆP THÀNH
CHÚNG SANH
THỜI GIAN
HƯ KHÔNG
PHƯƠNG HƯỚNG
HÌNH TƯỚNG

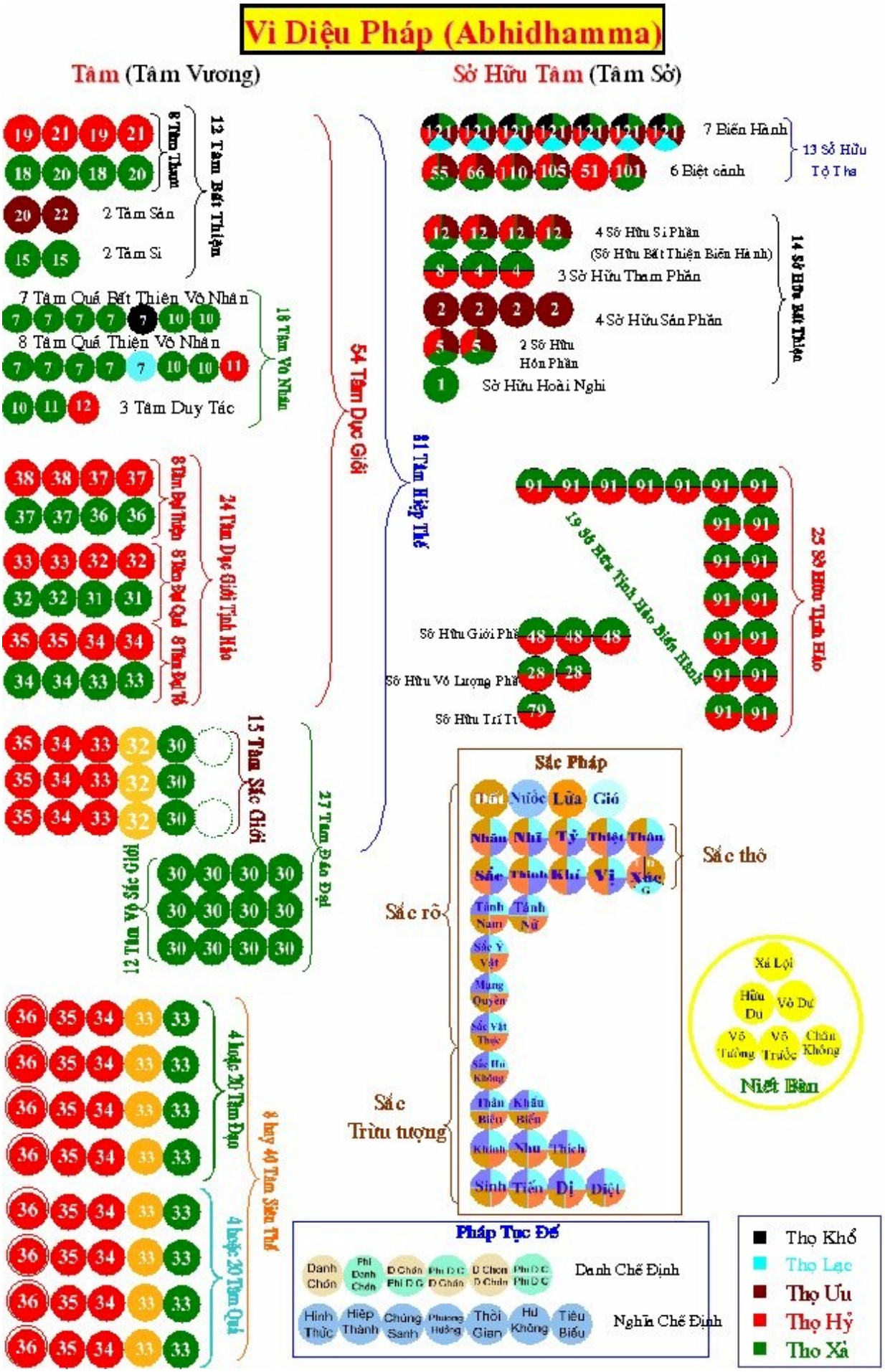
Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)
Tâm (Tâm Vương)
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)
12 Tâm Bất Thiện
8 Tâm Tham
2 Tâm Sân
2 Tâm Si
7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
3 Tâm Duy Tác
18 Tâm Vô Nhân
54 Tâm Dục Giới
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo
8 Tâm Đại Thiện
8 Tâm Đại Quả
8 Tâm Đại Tố
15 Tâm Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại
4 hoặc 20 Tâm Đạo
4 hoặc 20 Tâm Quả
8 hay 40 Tâm Siêu Thế
81 Tâm Hiệp Thế
7 Biến Hành
6 Biệt cảnh
13 Sở Hữu Tợ Tha
4 Sở Hữu Si Phần
(Sở Hữu Bất Thiện Biến Hành)
3 Sở Hữu Tham Phần
4 Sở Hữu Sân Phần
2 Sở Hữu Hôn Phần
Sở Hữu Hoài Nghi
14 Sở Hữu Bất Thiện
19 Sở Hữu Tịnh Hảo Biến Hành
Sở Hữu Giới Phần
Sở Hữu Vô Lượng Phần
Sở Hữu Trí Tuệ
25 Sở Hữu Tịnh Hảo
Sắc Pháp
Đất
Nước
Lửa
Gió
Nhãn
Nhĩ
Tỷ
Thiệt
Thân
Sắc
Thinh
Khí
Vị
Xúc
Sắc thô
Sắc rõ
Tính Nam
Tính Nữ
Sắc Ý Vật
Mạng Quyền
Sắc Vật Thực
Sắc Hư Không
Thân Biểu
Khẩu Biểu
Khinh
Nhu
Thích
Sinh
Tiến
Dị
Diệt
Sắc Trừu tượng
Xá Lợi
Hữu Dư
Vô Dư
Vô Tướng
Vô Trước
Chân Không
Niết Bàn
Pháp Tục Đế
Danh Chế Định
Nghĩa Chế Định
Thọ Khổ
Thọ Lạc
Thọ Ưu
Thọ Hỷ
Thọ Xả

ABHIDHAMMA

Created by: Bhikkhu Tịnh Sự

Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I
(BÀI 8)

TÂM - SỞ HỮU TÂM PHỐI HỢP

I. ĐỊNH NGHĨA:

Tâm (Citta) - Sở hữu tâm (Cetasika) phối hợp hay còn gọi là Tâm - Sở hữu hợp đồng là Tâm và các sở hữu hòa hợp đồng sanh như thế nào, Tâm và sở hữu tâm phối hợp như thế nào.

Tâm và sở hữu tâm phối hợp, hợp đồng cũng có nghĩa là những sở hữu nào có mặt trong những Tâm. Tâm và Sở hữu tâm có 4 điểm tương đồng. Đó là:

- đồng sanh,
- đồng diệt,
- đồng biết một cảnh,
- đồng nương một vật.

II. PHÂN TÍCH CHI PHÁP:

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:

Có 19 Sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý. 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và tà kiến.

2. **Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:**
   Có 21 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 19 sở hữu như Tâm tham thứ nhất cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

3. **Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ:**
   Có 19 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và ngã mạn.

4. **Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:**
   Có 21 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 19 sở hữu như Tâm tham thứ ba và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

5. **Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ:**
   Có 18 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục trừ hỷ vì là thọ xả và 4 sở hữu bất thiện biến hành

còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và tà kiến.

6. **Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ:**
Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 18 sở hữu giống như tâm tham thứ năm và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

7. **Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ:**
Có 18 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục, trừ hỷ vì là thọ xả và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và ngã mạn.

8. **Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ:**
Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 18 sở hữu giống như tâm tham thứ 7 và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

9. **Tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ:**
Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ,

tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục, trừ hỷ vì là thọ ưu và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với 4 sở hữu sân phần: sân, tật, lận, hối.

10. **Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ:**
Có 22 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 20 sở hữu giống như tâm sân thứ nhất và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm, thụy miên.

11. **Tâm si thọ xả hợp hoài nghi:**
Có 15 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 10 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý. 3 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, cần và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật, cộng với sở hữu hoài nghi.

12. **Tâm si thọ xả hợp phóng dật:**
Có 15 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 10 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 4 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần và 4 sở

hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật.

13. **Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**
Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

14. **Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**
Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

15. **Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân**:
Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

16. **Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**
Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

17. **Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân**:
Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

18. **Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

19. **Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

20. **Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

21. **Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

22. **Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

23. **Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

24. **Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

25. **Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

26. **Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

27. **Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân:**

Có 11 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất

hành, mạng quyền, tác ý và 4 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, hỷ.

28. **Tâm khán ngũ môn thọ xả:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

29. **Tâm khán ý môn thọ xả:**

Có 11 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 4 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần.

30. **Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ:**

Có 12 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 5 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ.

31. **Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ**:

Có 38 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng

giải, cần, hỷ, dục; 25 sở hữu tịnh hảo tức là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ.

****Lưu ý:** 38 sở hữu tâm cùng sanh, tâm thiện này là tính tổng quát, thực tế chỉ có 33 hoặc 24 sở hữu tâm mà thôi.

32. **Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**

Có 38 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

33. **Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:**

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ vì là tâm thiện ly trí.

34. **Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:**

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

35. **Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ:**
Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là thọ xả.

36. Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ:
Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

37. **Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ:**
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ và sở hữu hỷ vì là ly trí và thọ xả.

38. **Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ:**
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ.

39. **Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: Tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: Tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm,

khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm và thêm sở hữu trí tuệ.

40. **Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ.

41. **Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ.

42. **Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ.

43. **Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là thọ xả.

44. **Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ.

45. **Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ:**
Có 31 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm

quả thọ xả hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ và trí tuệ vì là thọ xả và ly trí.

46. **Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ:**
Có 31 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ xả ly trí vô trợ.

47. **Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với sở hữu trí tuệ.

48. **Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ.

49. **Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm

duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ vì là tâm ly trí.

50. **Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ.

51. **Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là tâm thọ xả.

52. **Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ.

53. **Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ và sở hữu trí tuệ vì là tâm thọ xả và ly trí.

54. **Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ.

55. **Tâm thiện sơ thiền sắc giới:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu

tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với sở hữu trí tuệ.

56. **Tâm thiện nhị thiền sắc giới:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm vì là tâm nhị thiền chỉ có 4 chi thiền là: tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.

57. **Tâm thiện tam thiền sắc giới:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm và sở hữu tứ vì là tâm tam thiền chỉ có 3 chi thiền là: hỷ, lạc, nhất tâm.

58. **Tâm thiện tứ thiền sắc giới**:

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu

tầm, sở hữu tứ và sở hữu hỷ vì là tâm tứ thiền chỉ có 2 chi thiền là: lạc, nhất tâm.

59. **Tâm thiện ngũ thiền sắc giới:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ, sở hữu hỷ và không có 2 sở hữu vô lượng phần tức là không có sở hữu bi và tùy hỷ vì là tâm ngũ thiền chỉ có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

60. **Tâm quả sơ thiền sắc giới:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới.

61. **Tâm quả nhị thiền sắc giới:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện nhị thiền sắc giới.

62. **Tâm quả tam thiền sắc giới:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tam thiền sắc giới.

63. **Tâm quả tứ thiền sắc giới:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tứ thiền sắc giới.

64. **Tâm quả ngũ thiền sắc giới:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

65. **Tâm duy tác sơ thiền sắc giới**:
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới.

66. **Tâm duy tác nhị thiền sắc giới:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện nhị thiền sắc giới.

67. **Tâm duy tác tam thiền sắc giới:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tam thiền sắc giới.

68. **Tâm duy tác tứ thiền sắc giới:**
Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tứ thiền sắc giới.

69. **Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

70. **Tâm thiện không vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

71. **Tâm thiện thức vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

72. **Tâm thiện vô sở hữu xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

73. **Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

74. **Tâm quả không vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

75. **Tâm quả thức vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

76. **Tâm quả vô sở hữu xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

77. **Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ**:
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

78. **Tâm duy tác không vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

79. **Tâm duy tác thức vô biên xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

80. **Tâm duy tác vô sở hữu xứ:**
Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

81. **Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ**: Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

82. Tâm sơ đạo sơ thiền:
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cùng với 23 sở hữu tịnh hảo tức là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm,

thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, cộng với 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và sở hữu trí tuệ.

83. **Tâm sơ đạo nhị thiền:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm vì là tâm nhị thiền chỉ có 4 chi thiền là: tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.

84. **Tâm sơ đạo tam thiền:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm và sở hữu tứ vì là tâm tam thiền chỉ có 3 chi thiền là: hỷ, lạc, nhất tâm.

85. **Tâm sơ đạo tứ thiền:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ và sở hữu hỷ vì là tâm tứ thiền chỉ có 2 chi thiền là: lạc, nhất tâm.

86. **Tâm sơ đạo ngũ thiền:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm,

sở hữu tứ, sở hữu hỷ vì là tâm ngũ thiền chỉ có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

87. **Tâm nhị đạo sơ thiền:**
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

88. **Tâm nhị đạo nhị thiền:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

89. **Tâm nhị đạo tam thiền:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

90. **Tâm nhị đạo tứ thiền**:
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

91. **Tâm nhị đạo ngũ thiền:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

92. **Tâm tam đạo sơ thiền:**
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

93. **Tâm tam đạo nhị thiền:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

94. **Tâm tam đạo tam thiền:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

95. **Tâm tam đạo tứ thiền:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

96. **Tâm tam đạo ngũ thiền:**
Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

97. **Tâm tứ đạo sơ thiền**:
Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

98. **Tâm tứ đạo nhị thiền:**
Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

99. **Tâm tứ đạo tam thiền:**
Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

100.**Tâm tứ đạo tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

101.**Tâm tứ đạo ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

102.**Tâm sơ quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

103.**Tâm sơ quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

104.**Tâm sơ quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

105.**Tâm sơ quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

106.**Tâm sơ quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

107.**Tâm nhị quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

108.**Tâm nhị quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

109.**Tâm nhị quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

110.**Tâm nhị quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

111.**Tâm nhị quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

112.**Tâm tam quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

113.**Tâm tam quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

114.**Tâm tam quả tam thiền**:

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

115.**Tâm tam quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

116.**Tâm tam quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

117.**Tâm tứ quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

118.**Tâm tứ quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

119.**Tâm tứ quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

120.**Tâm tứ quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ

121.**Tâm tứ quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

III. KẾT LUẬN:

Bài học này giúp hành giả thấy rõ một cách chi tiết về sự liên hệ giữa tâm (citta) và sở hữu tâm (cetasika) một cách rõ ràng dứt khoát như câu nói "Thầy pháp nào, âm binh đó" hay câu nói: "Cha nào con nấy", "Thầy nào trò nấy", thấy rõ các loại tâm và các loại sở hữu, thấy rõ những tâm được phân theo nhóm, những sở hữu được phân theo nhóm với nhau, có liên hệ mật thiết với nhau.

Bài học cũng giúp hành giả dễ dàng trong việc niệm tâm, nhìn tâm, quan sát tâm, không lẫn lộn giữa các tâm với nhau và giữa các sở hữu tâm với nhau.

==***==

Hết bài số 8
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 10/03/2020 (17-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG II

SƠ ĐỒ TÂM - SỞ HỮU TÂM PHỐI HỢP

PHÂN TÍCH CHI PHÁP

1. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ:

Có 19 Sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý. 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và tà kiến.

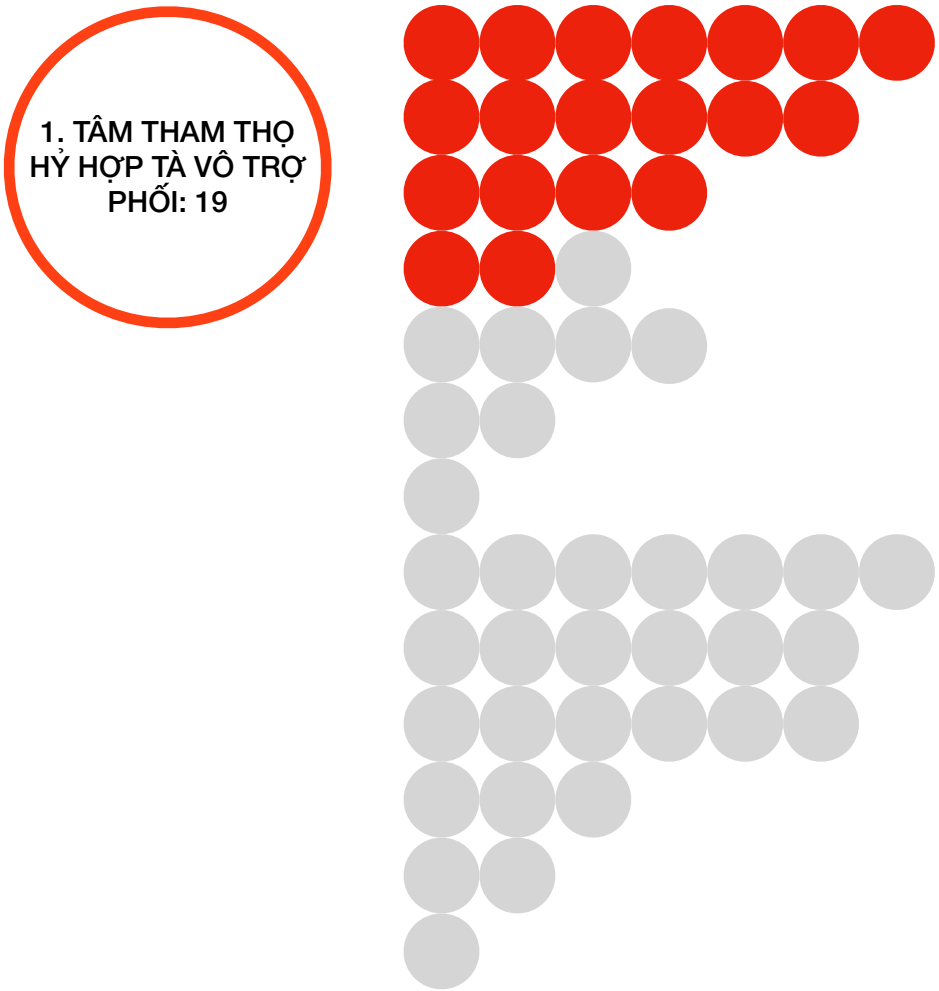

2. Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ:

Có 21 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 19 sở hữu như Tâm tham thứ nhất cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

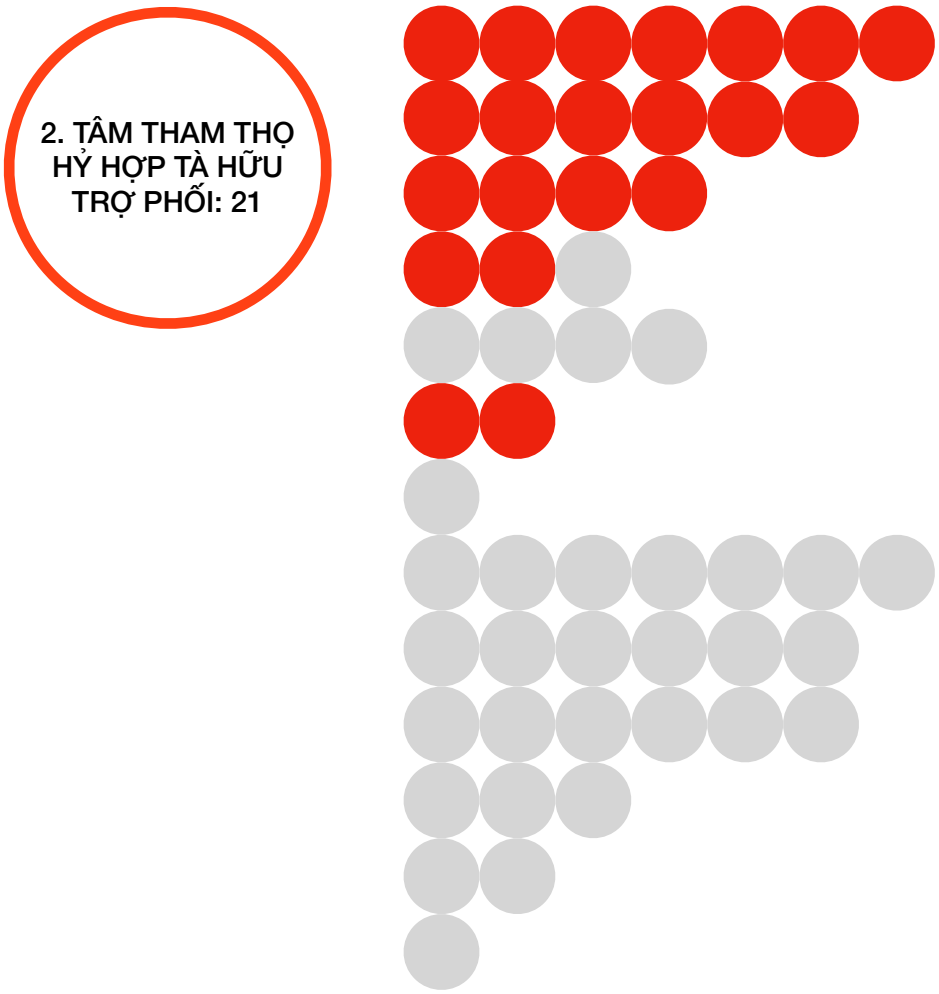

3. Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ:

Có 19 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và ngã mạn.

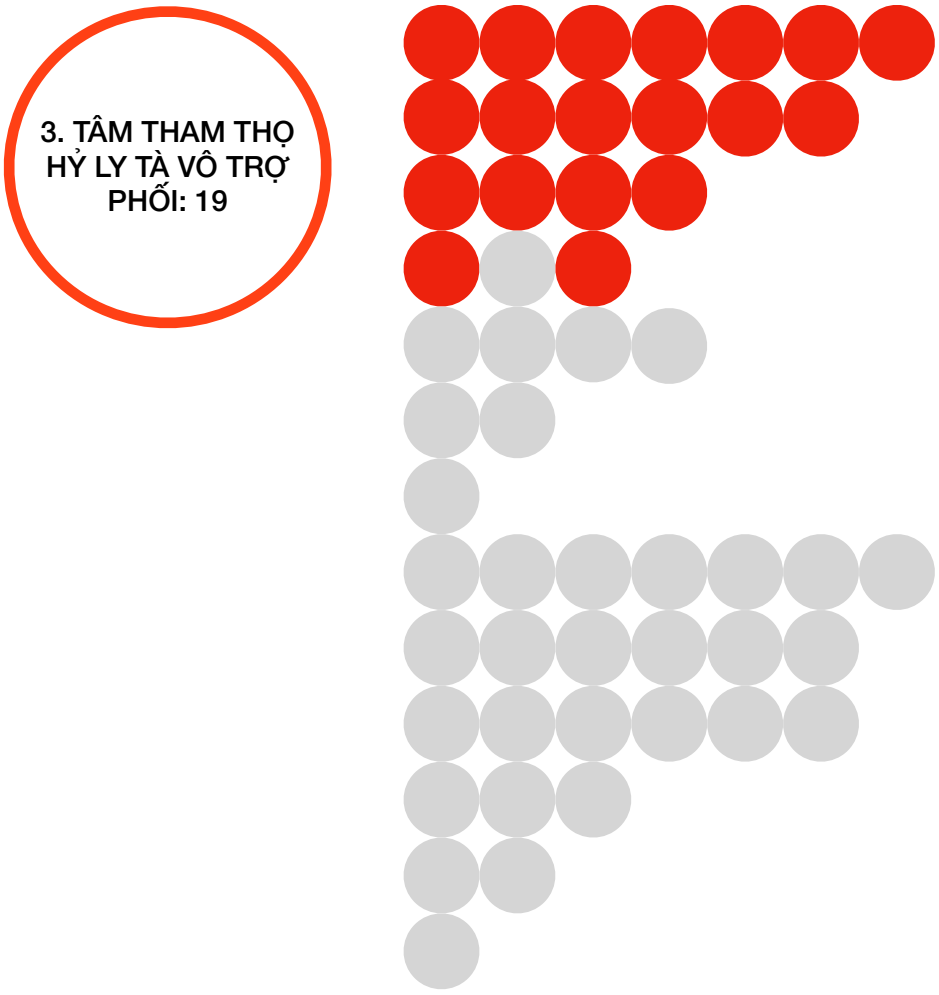

4. Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ:

Có 21 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 19 sở hữu như Tâm tham thứ ba và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

5. Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ:

Có 18 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục trừ hỷ vì là thọ xả và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và tà kiến.

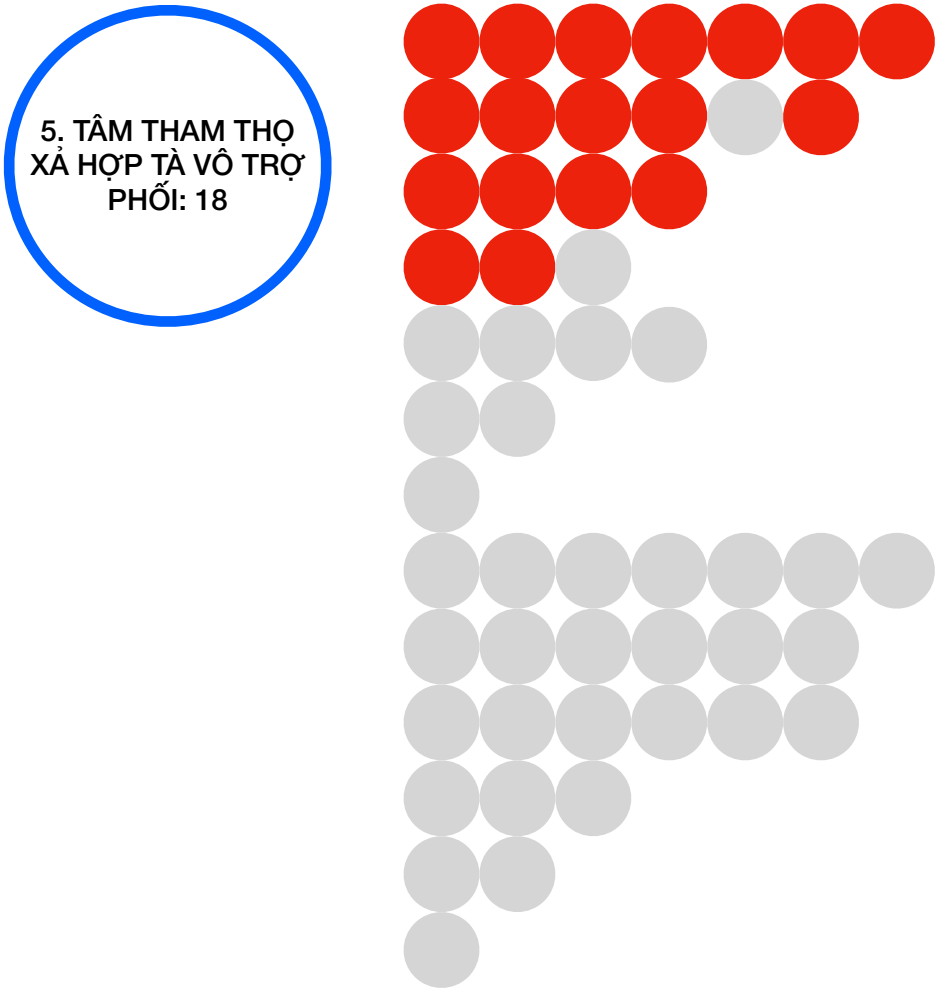

6. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ:

Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 18 sở hữu giống như tâm tham thứ năm và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

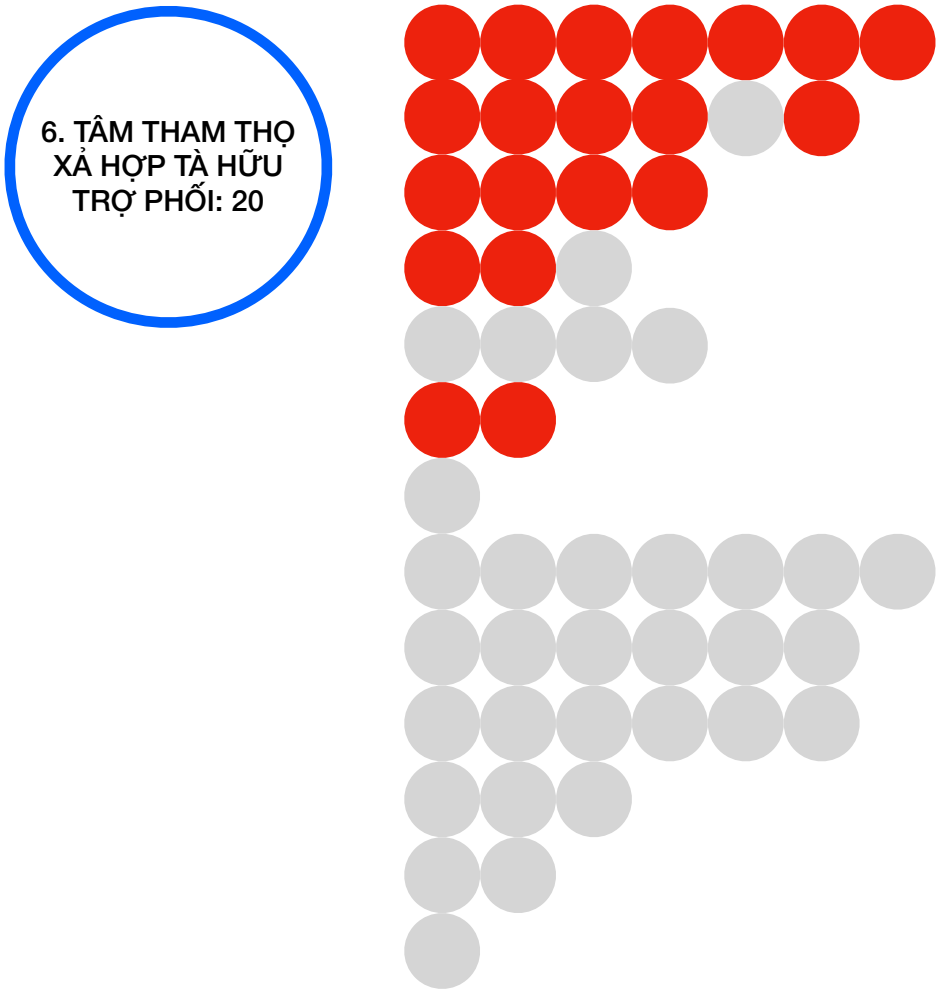

7. Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ:

Có 18 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục, trừ hỷ vì là thọ xả và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với tham và ngã mạn.

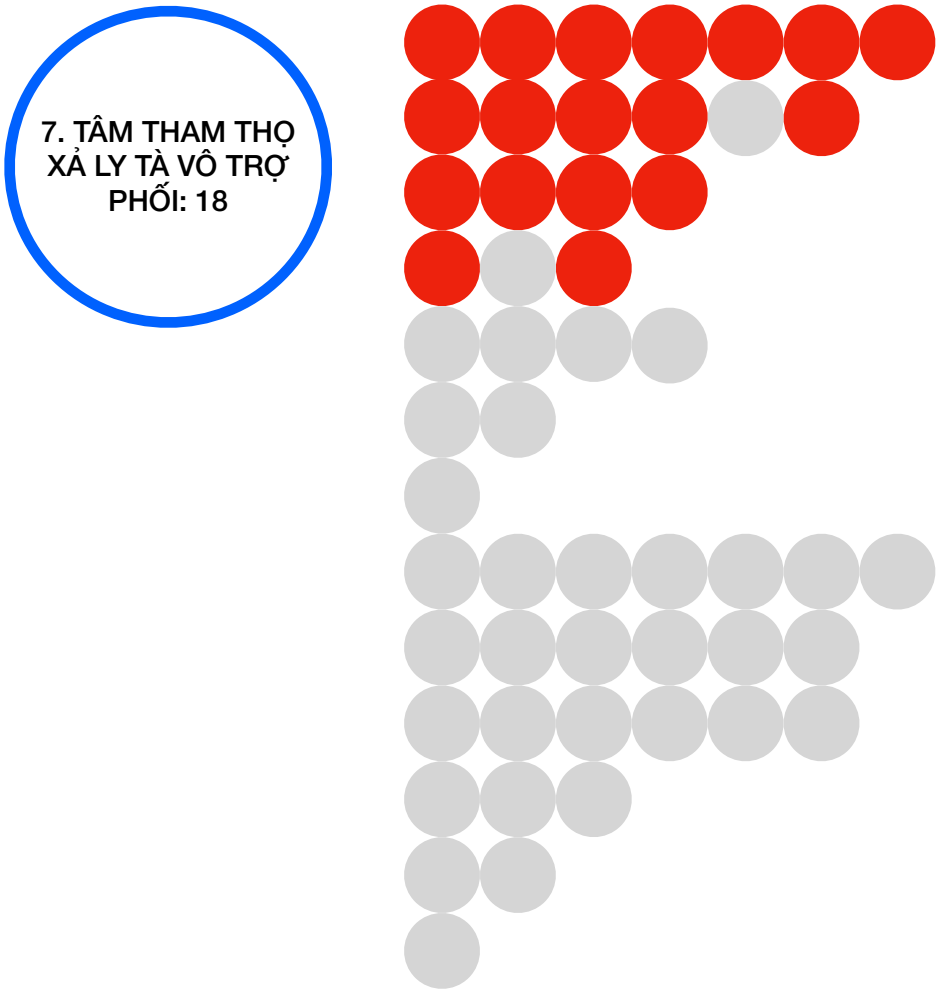

8. **Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ:**

Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 18 sở hữu giống như tâm tham thứ 7 và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm và thụy miên.

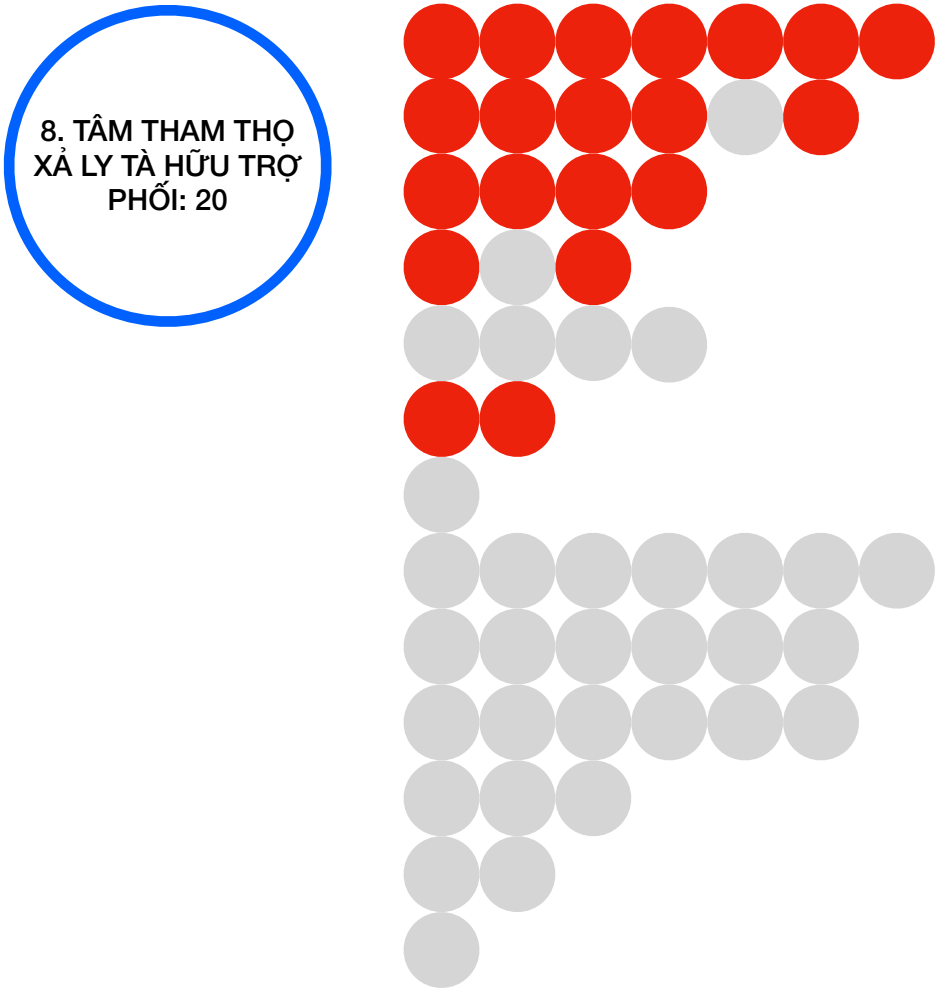

9. Tâm sân thọ ưu hợp phần vô trợ:

Có 20 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 12 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục, trừ hỷ vì là thọ ưu và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật cộng với 4 sở hữu sân phần: sân, tật, lận, hối.

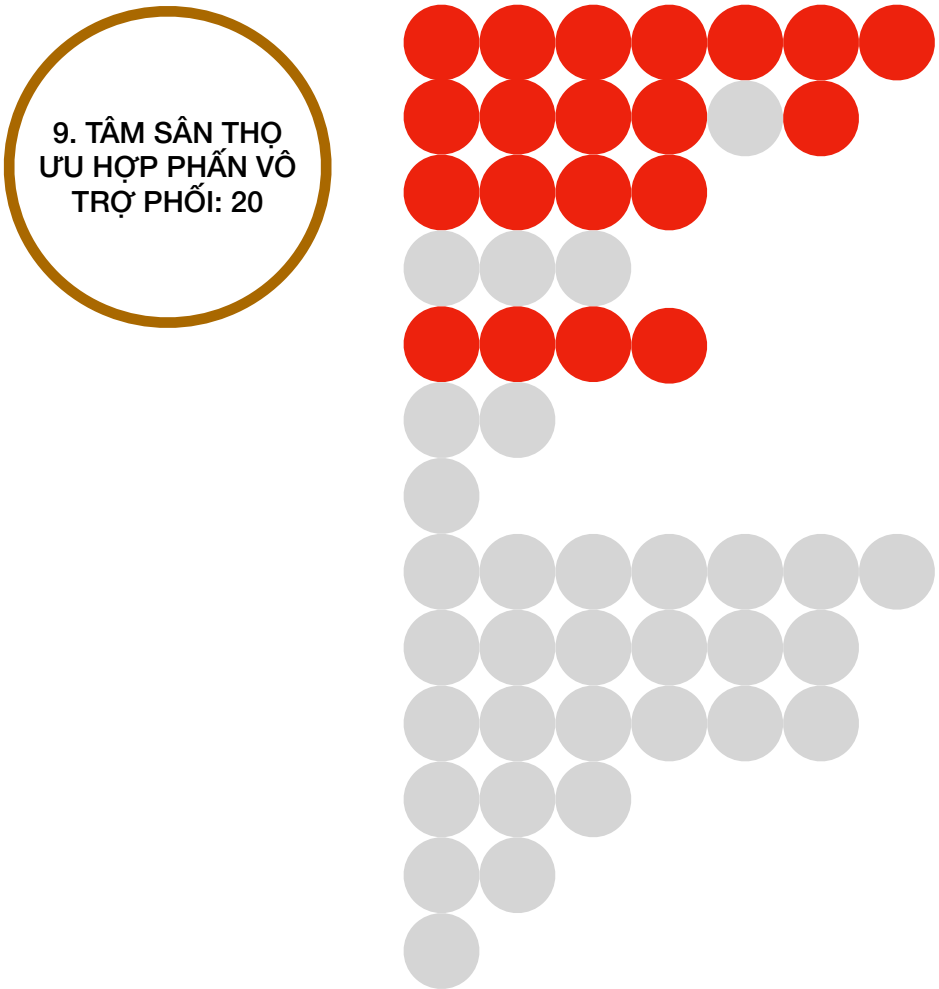

10. **Tâm sân thọ ưu hợp phấn hữu trợ:**

Có 22 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 20 sở hữu giống như tâm sân thứ nhất và cộng thêm 2 sở hữu hôn phần tức là hôn trầm, thụy miên.

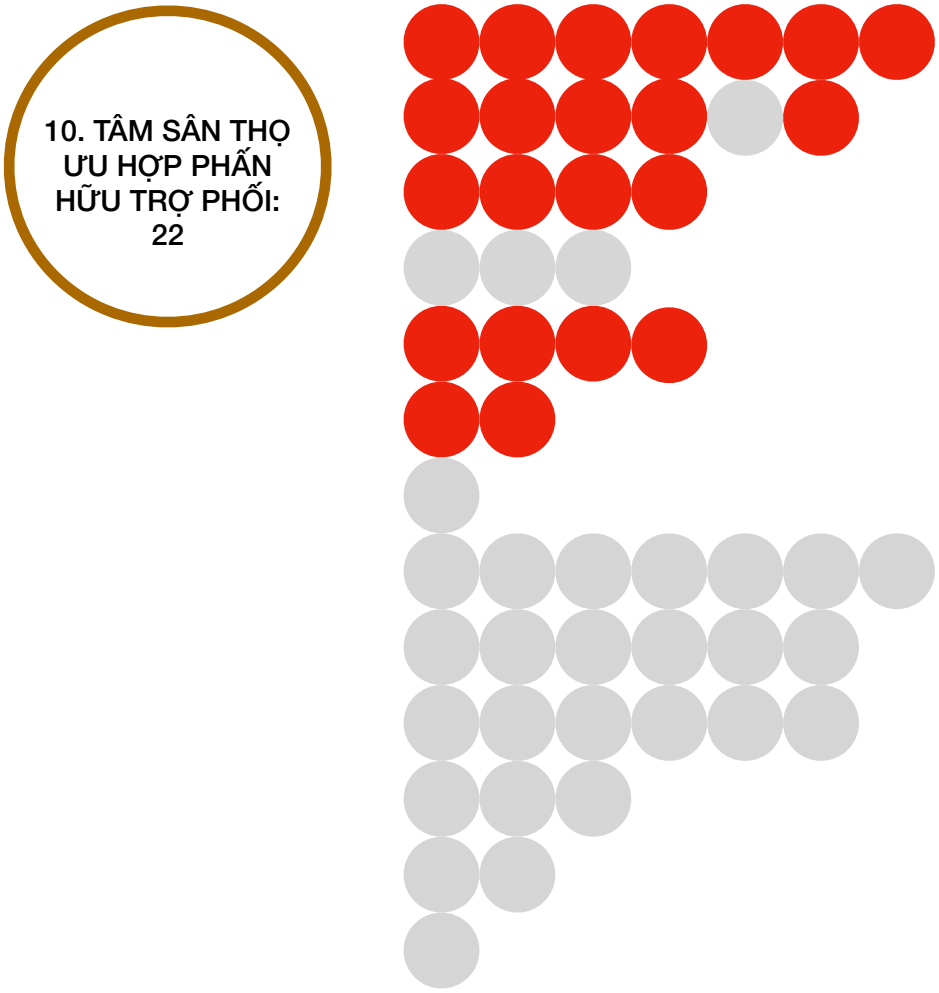

11. **Tâm si thọ xả hợp hoài nghi:**

Có 15 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 10 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý. 3 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, cần và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật, cộng với sở hữu hoài nghi.

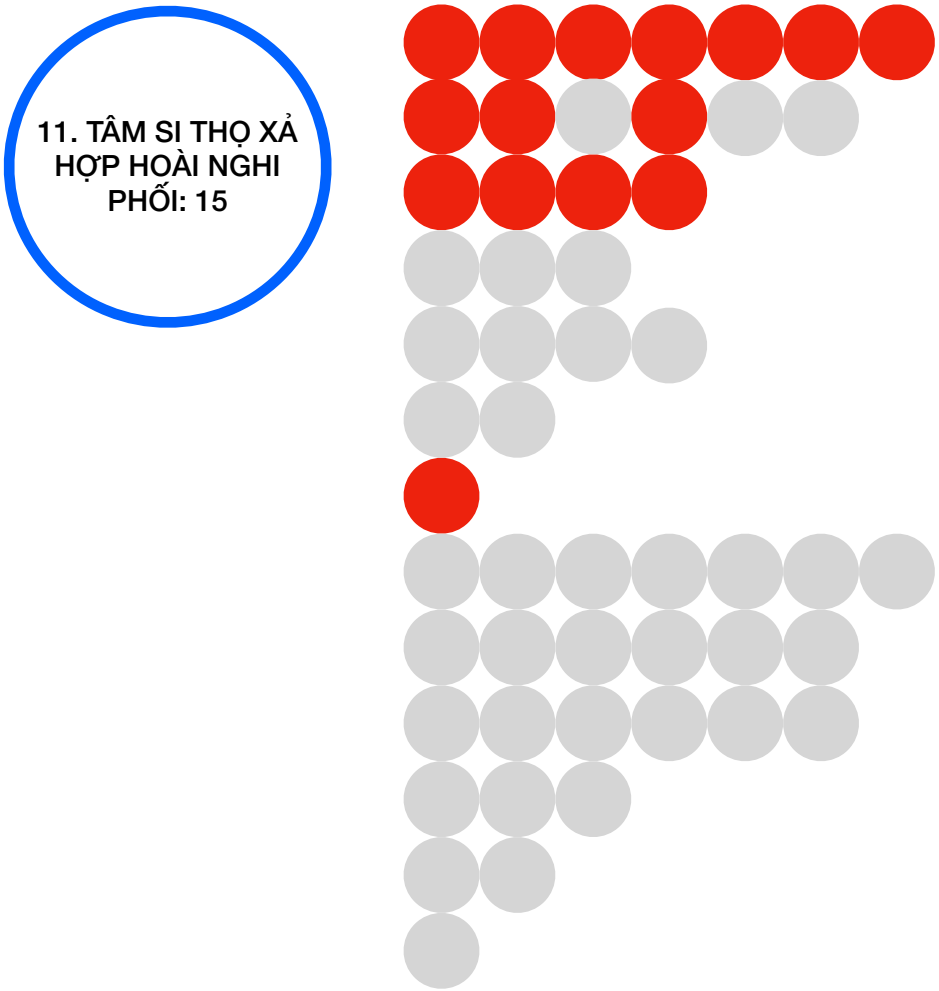

12. **Tâm si thọ xả hợp phóng dật:**

Có 15 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 10 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 4 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần và 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là si phần: si, vô tàm, vô uý, phóng dật.

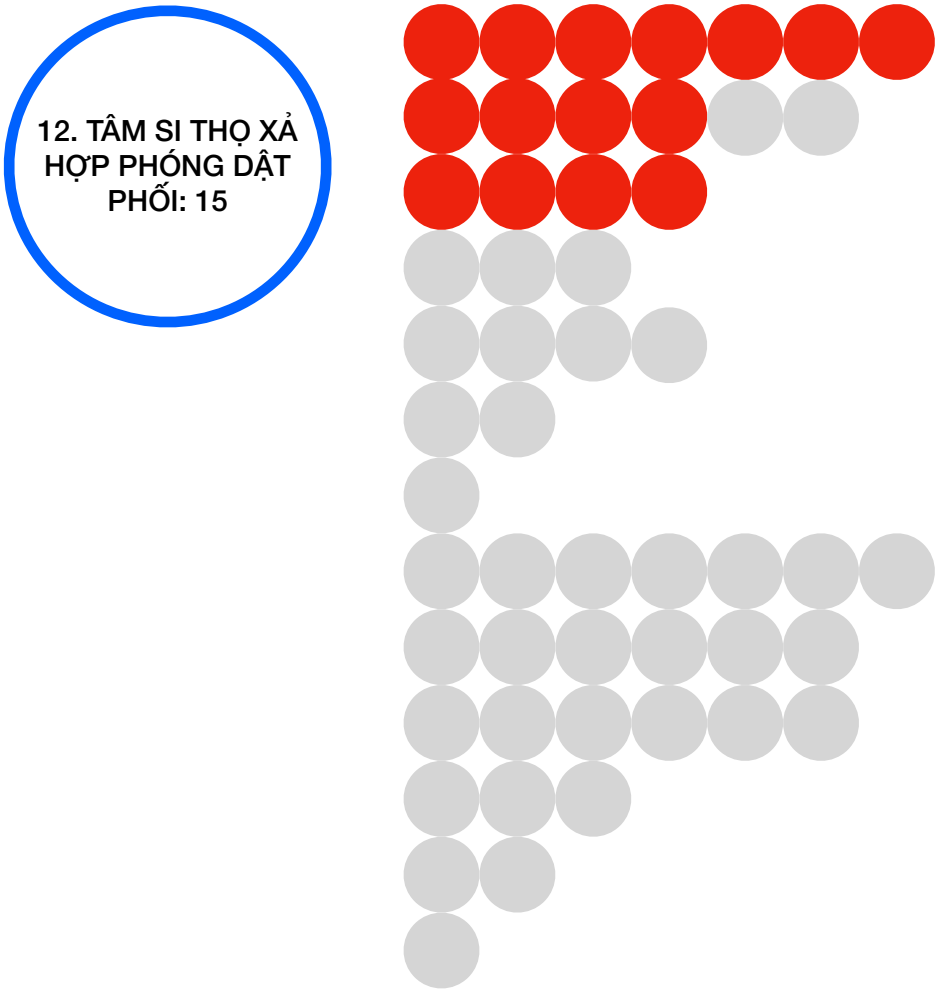

13. **Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

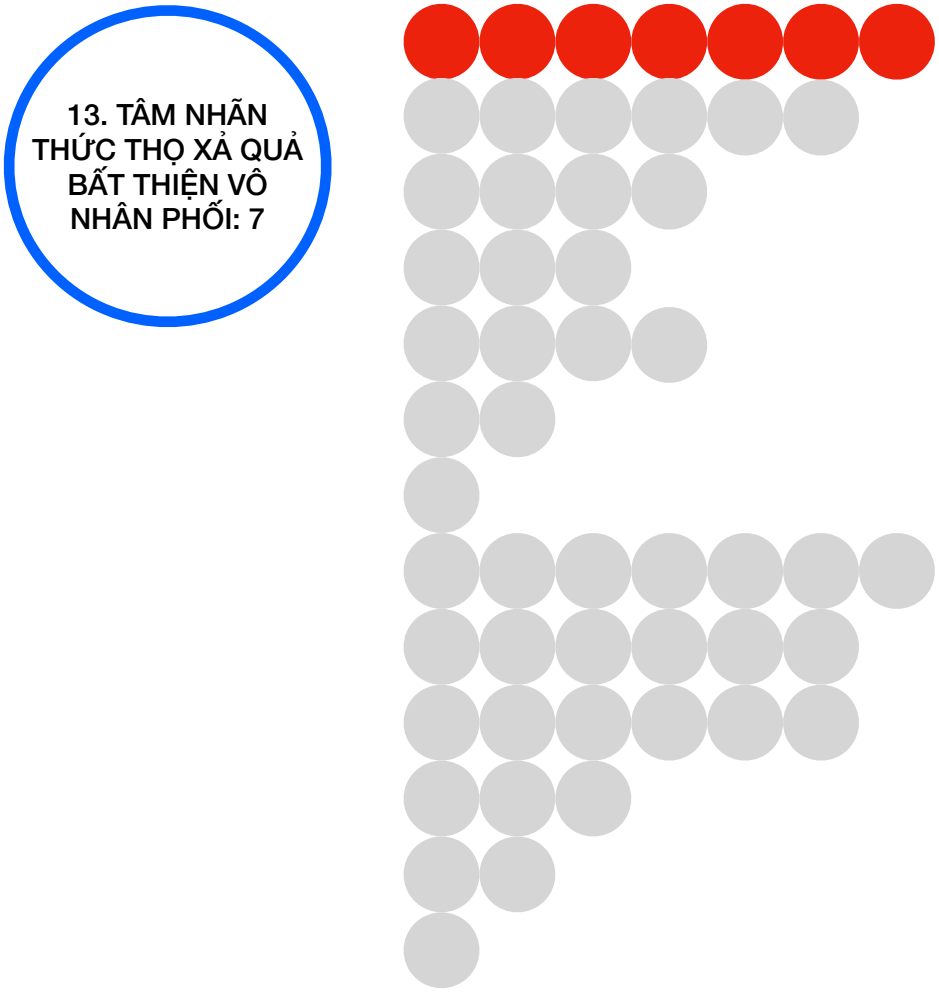

14. **Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

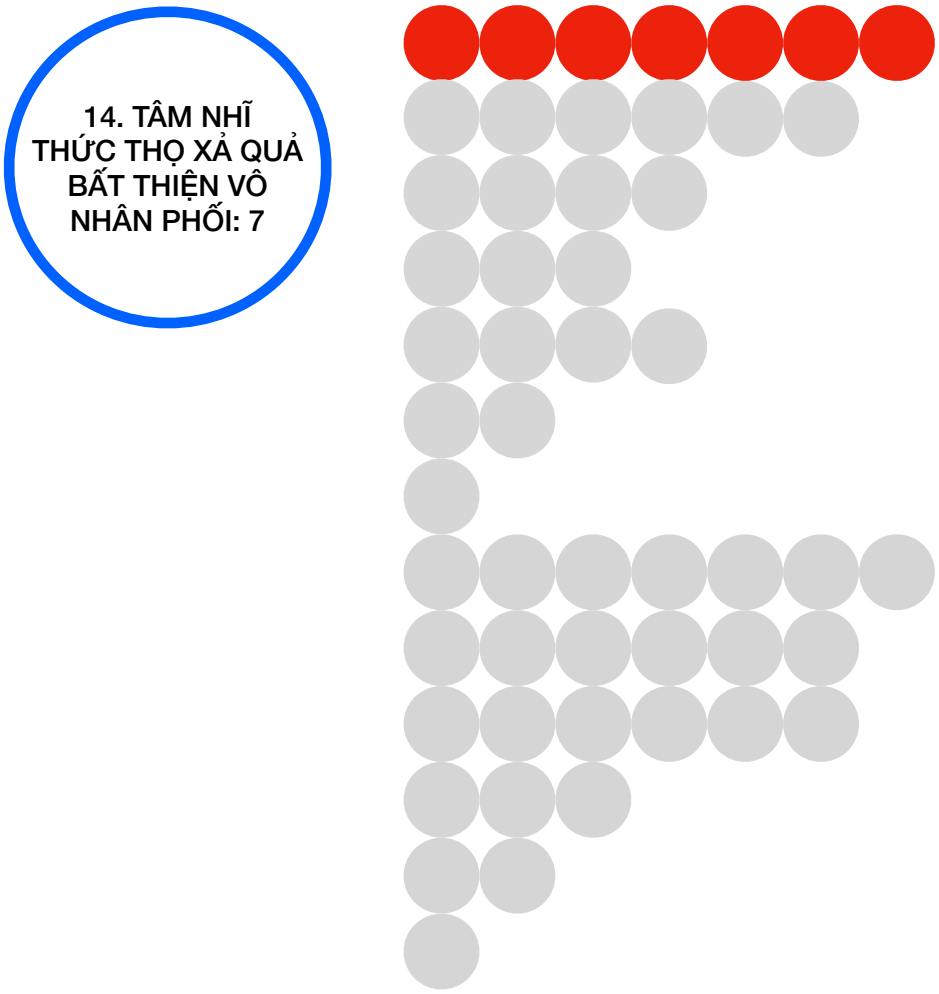

15. **Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân**:

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

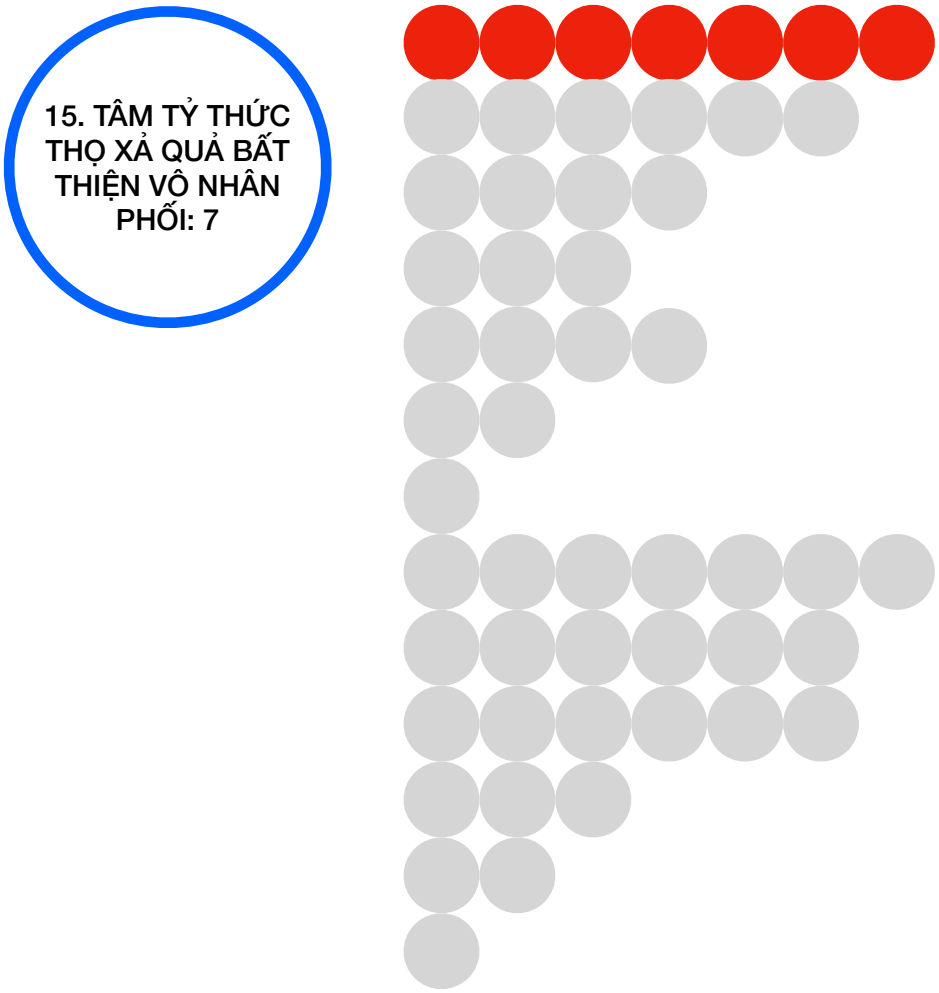

16. **Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

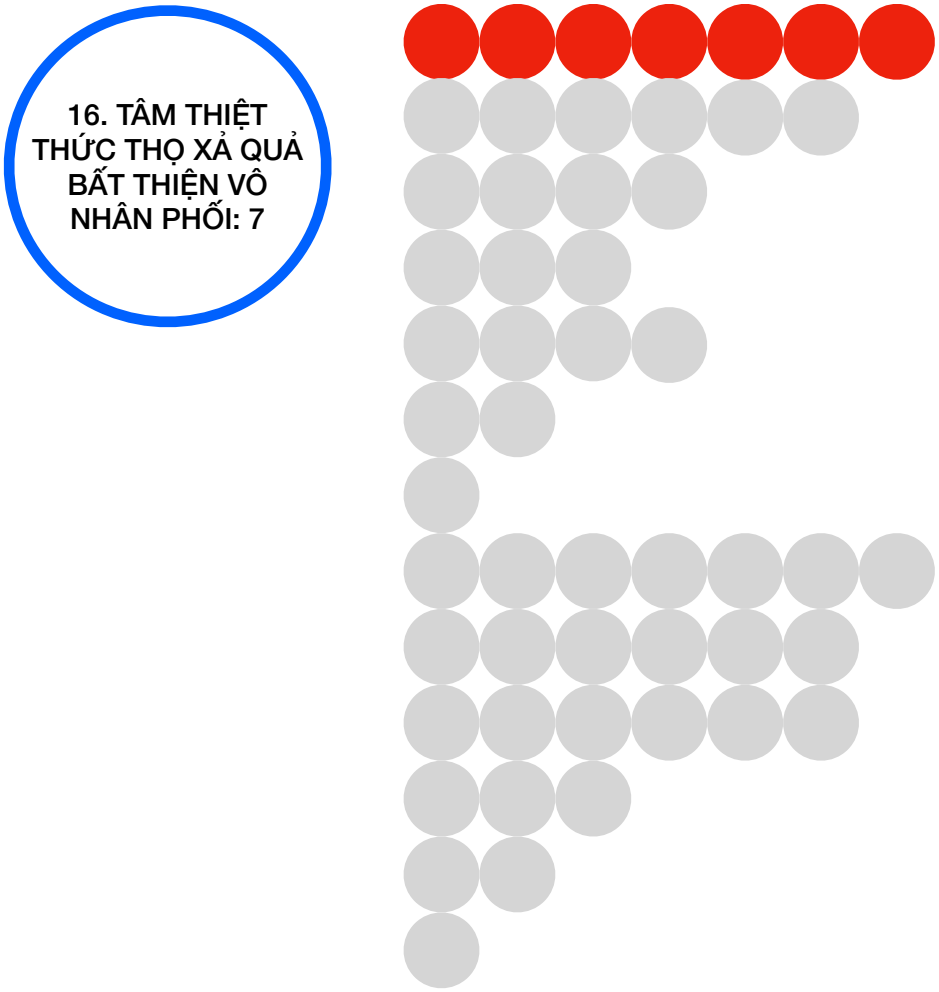

17. **Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân**:

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

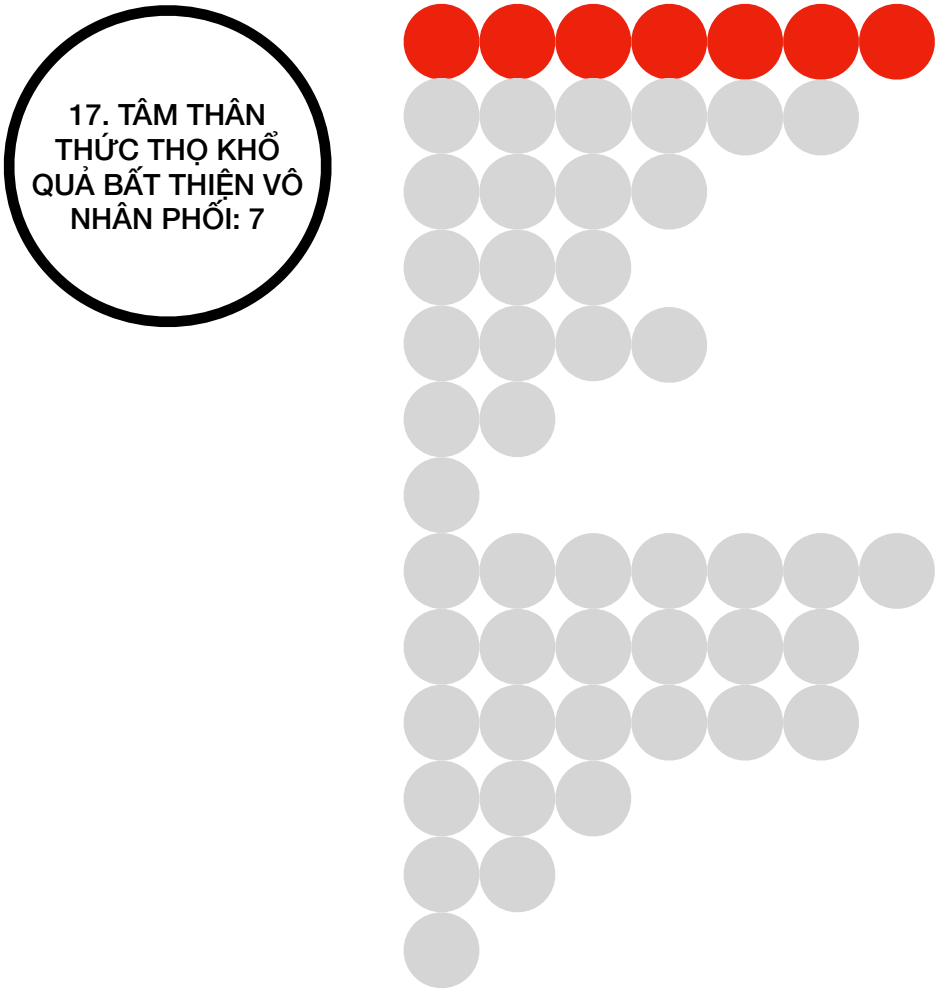

18. **Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

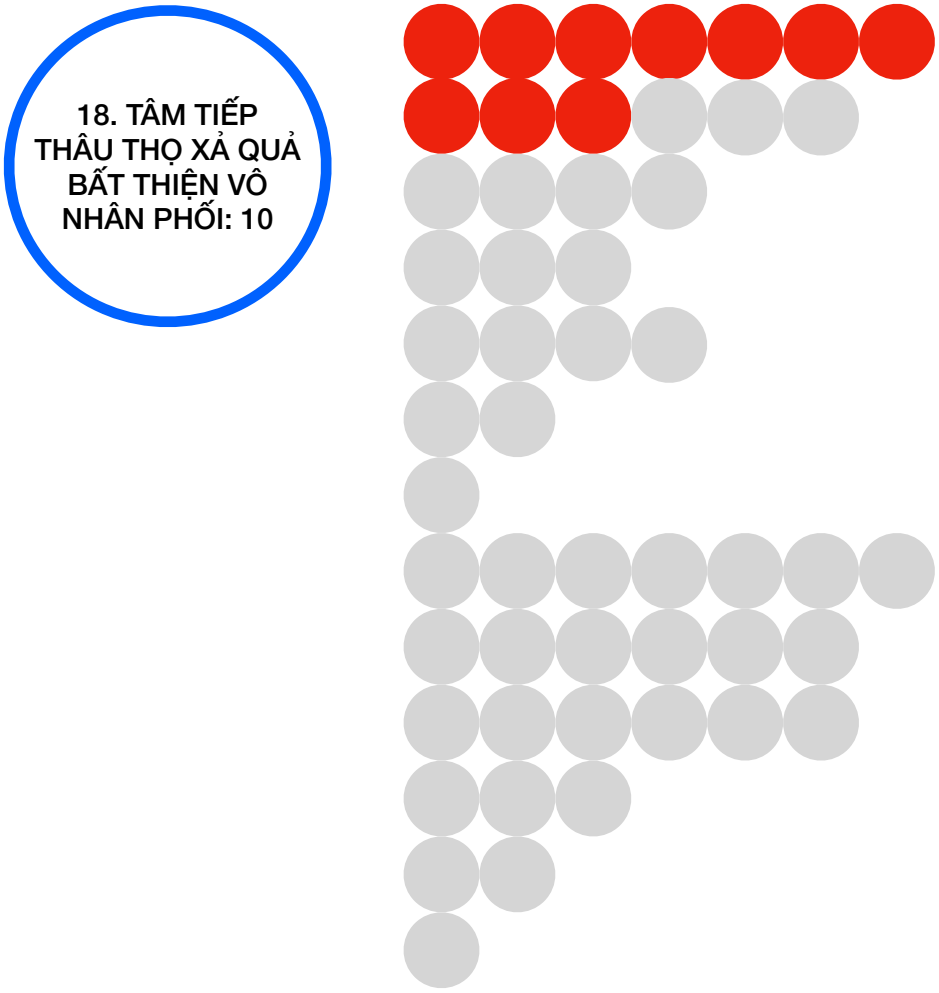

19. **Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

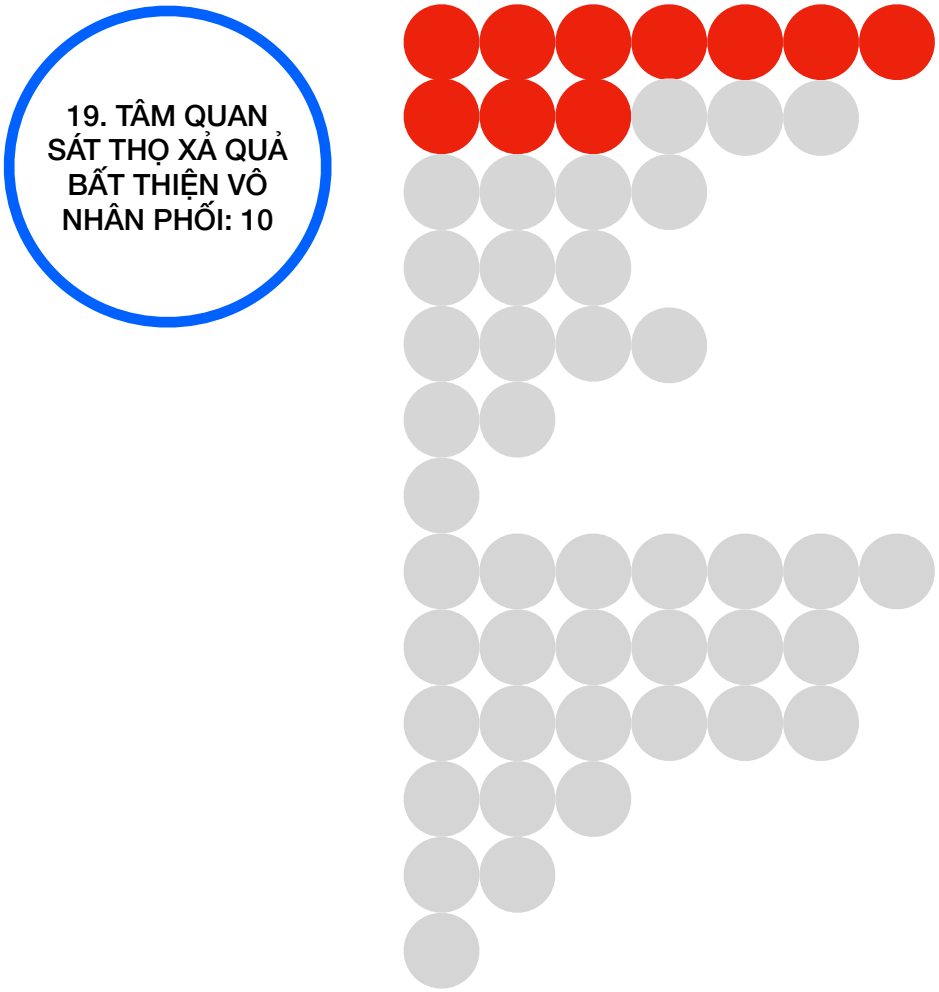

20. **Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

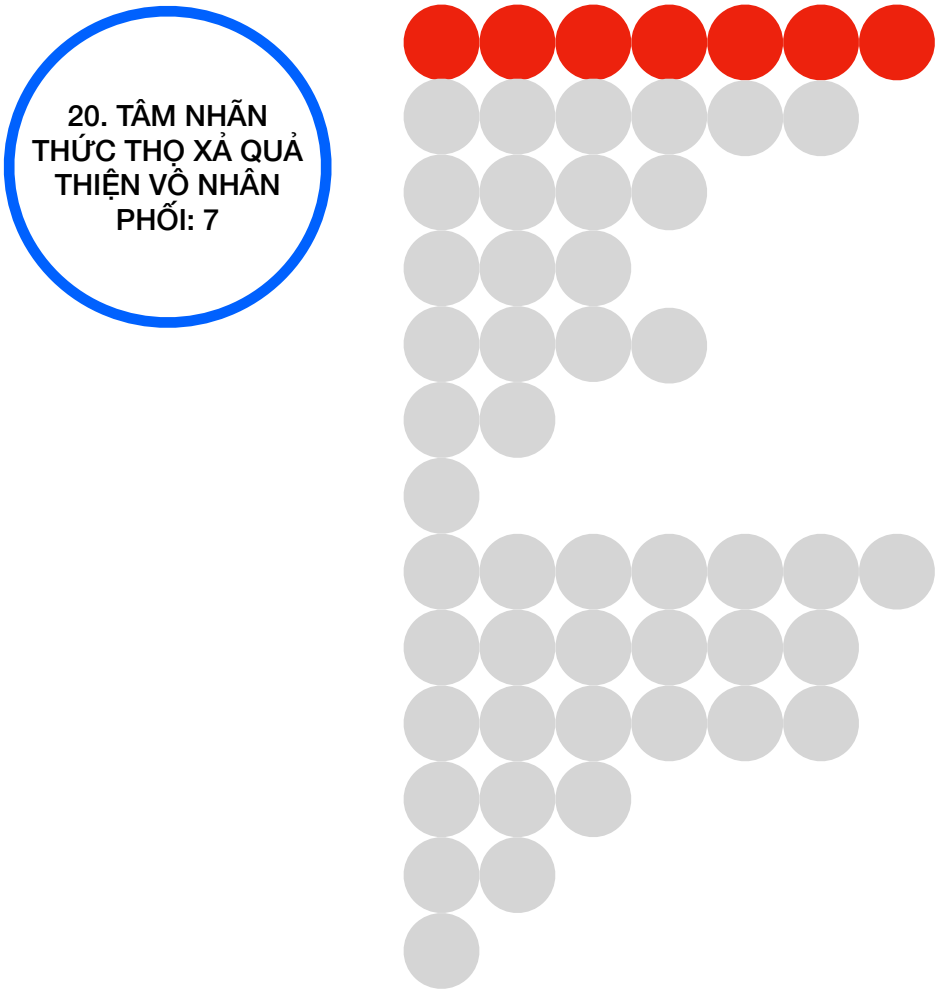

21. **Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

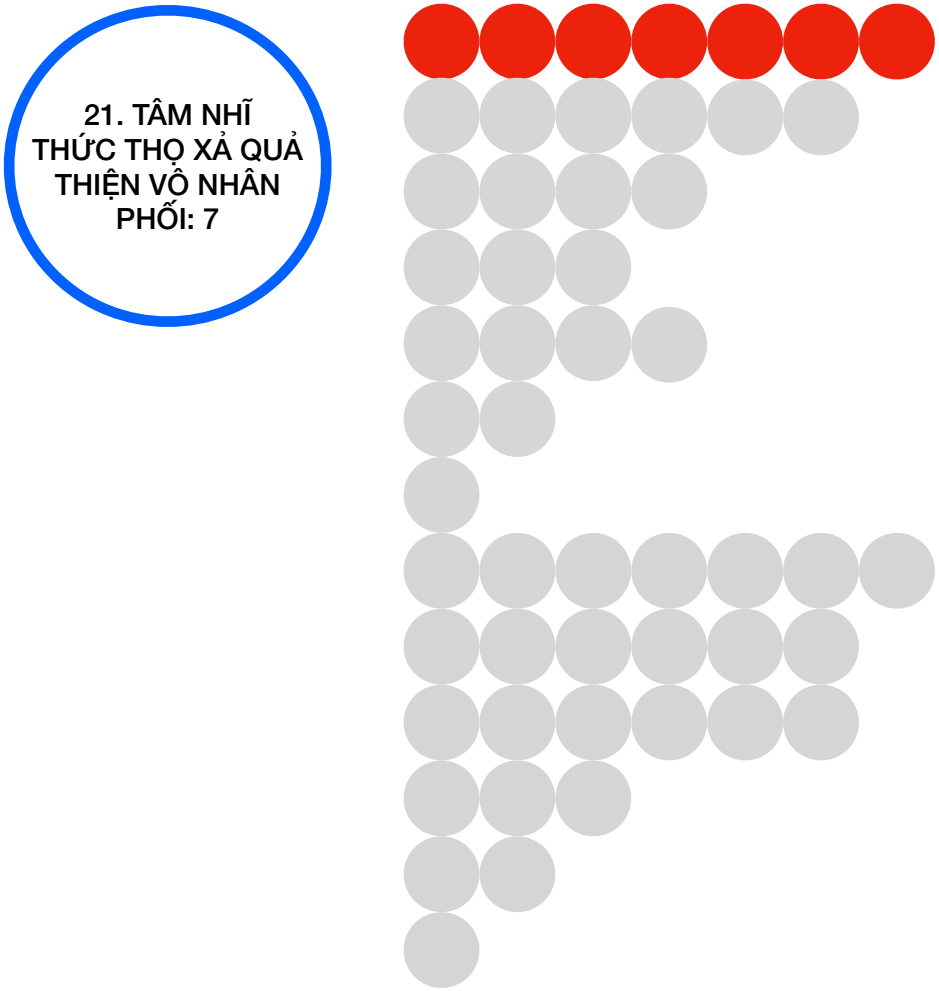

22. **Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

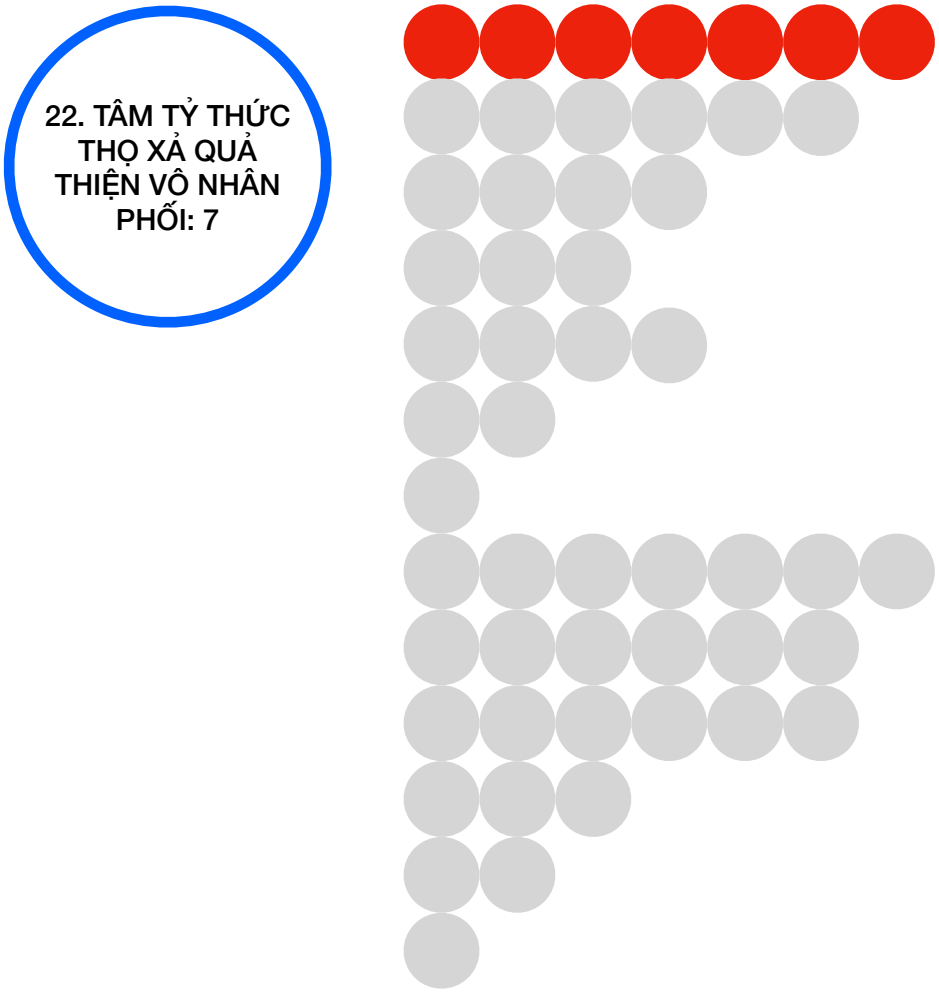

23. **Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

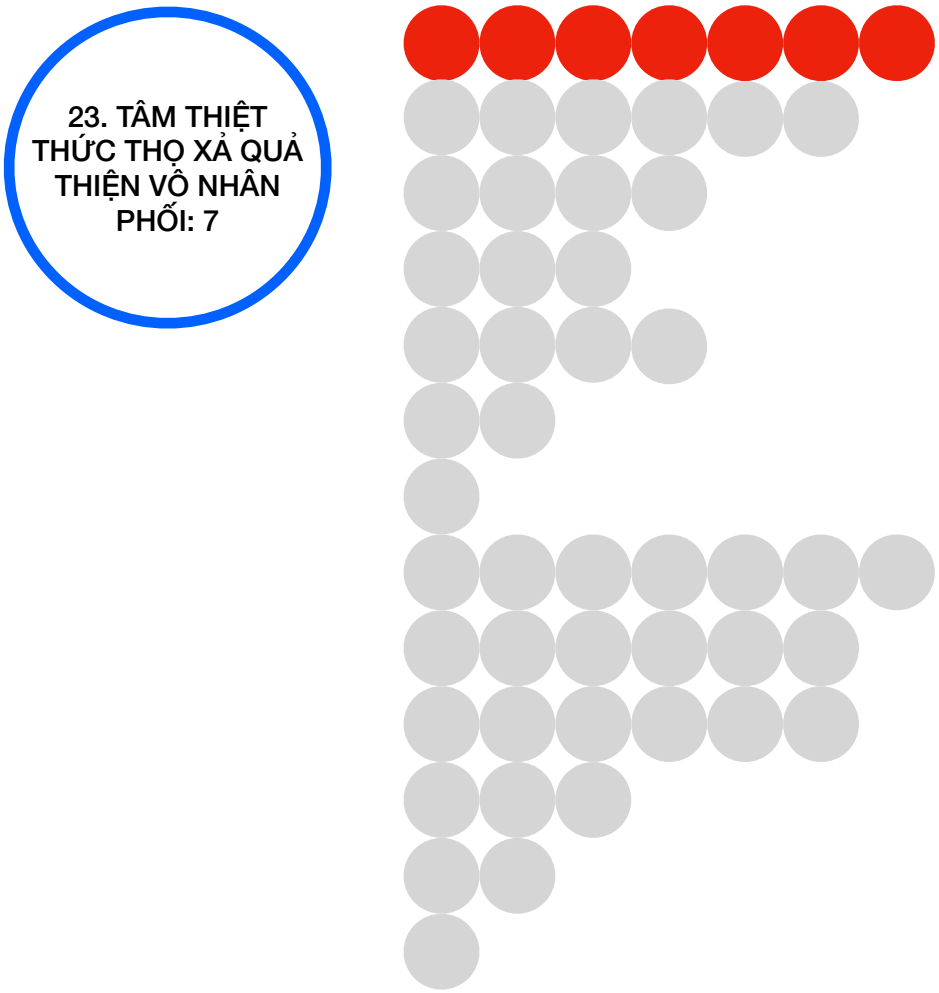

24. **Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân:**

Có 7 sở hữu biến hành cùng sanh gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

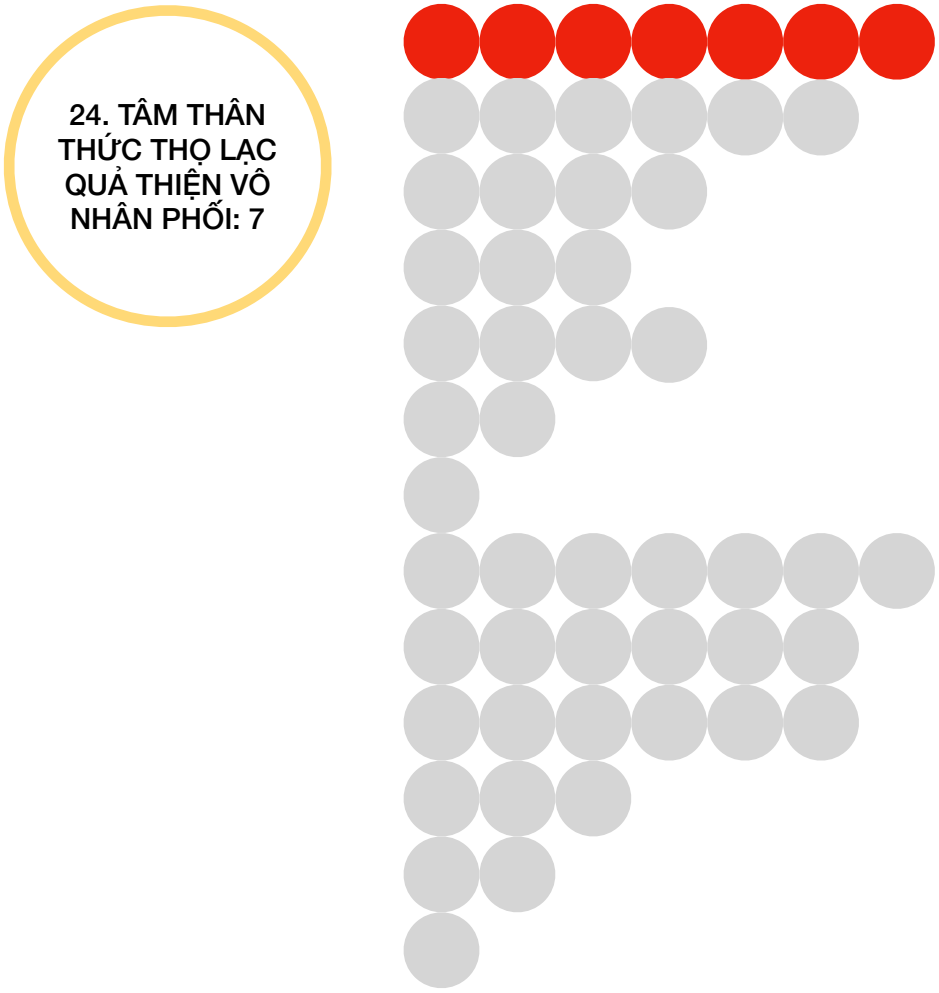

25. **Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

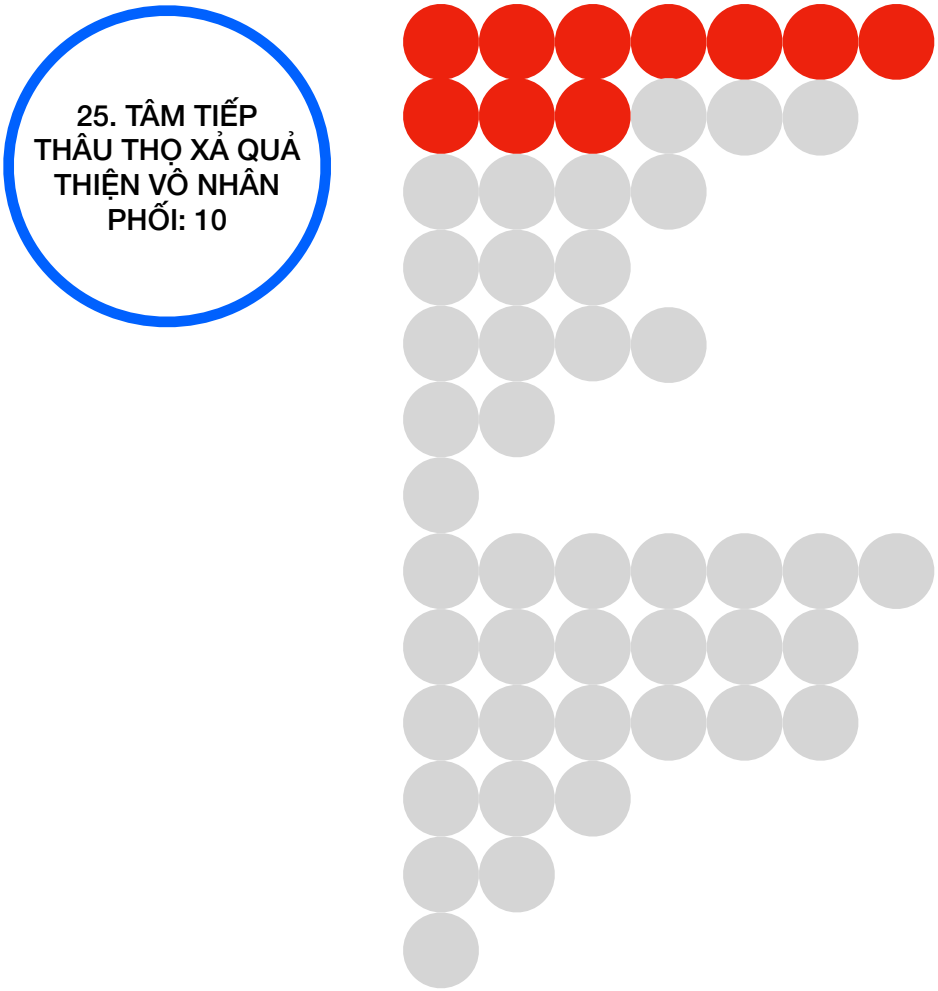

26. **Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

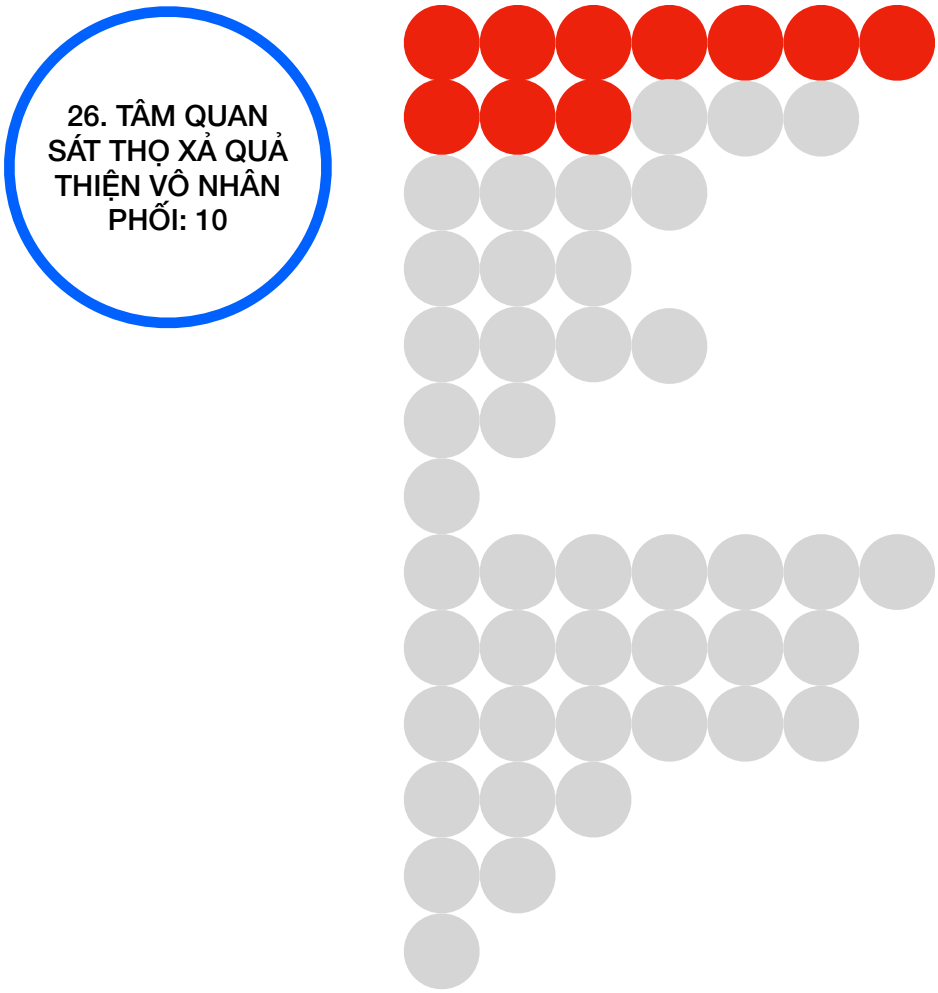

27. **Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân:**

Có 11 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 4 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, hỷ.

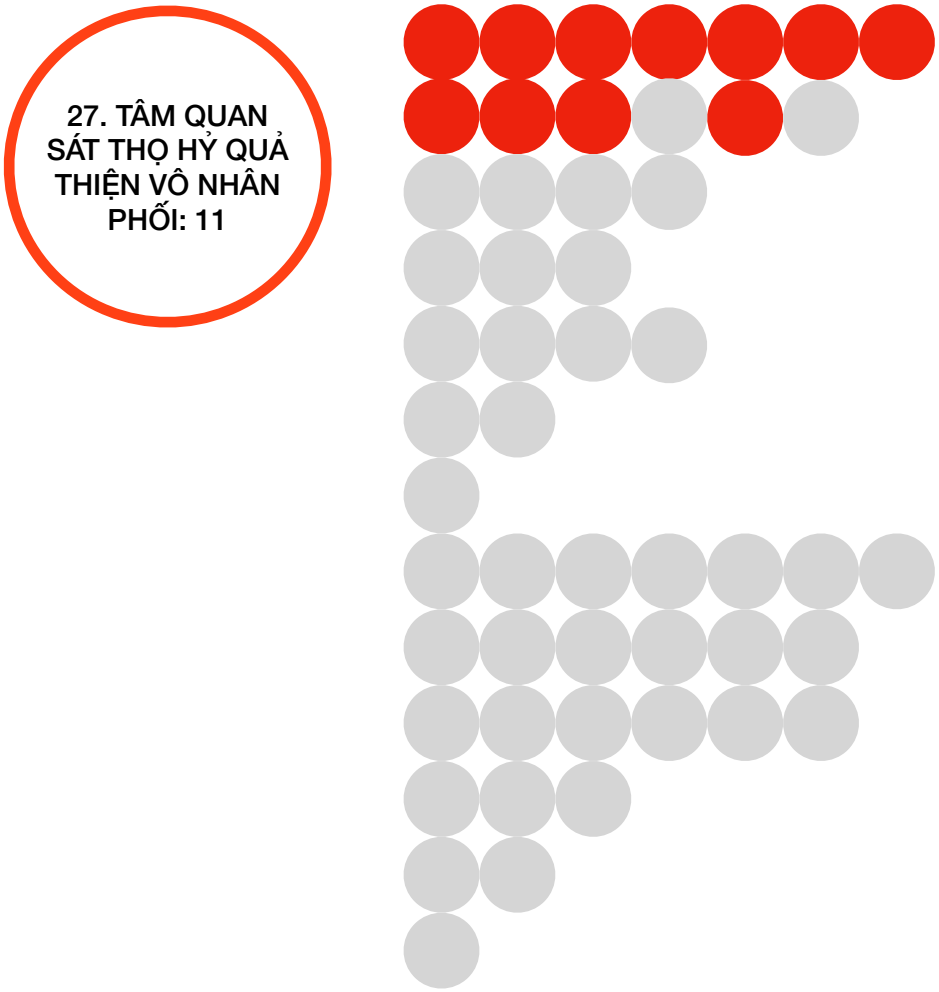

28. **Tâm khán ngũ môn thọ xả:**

Có 10 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 3 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải.

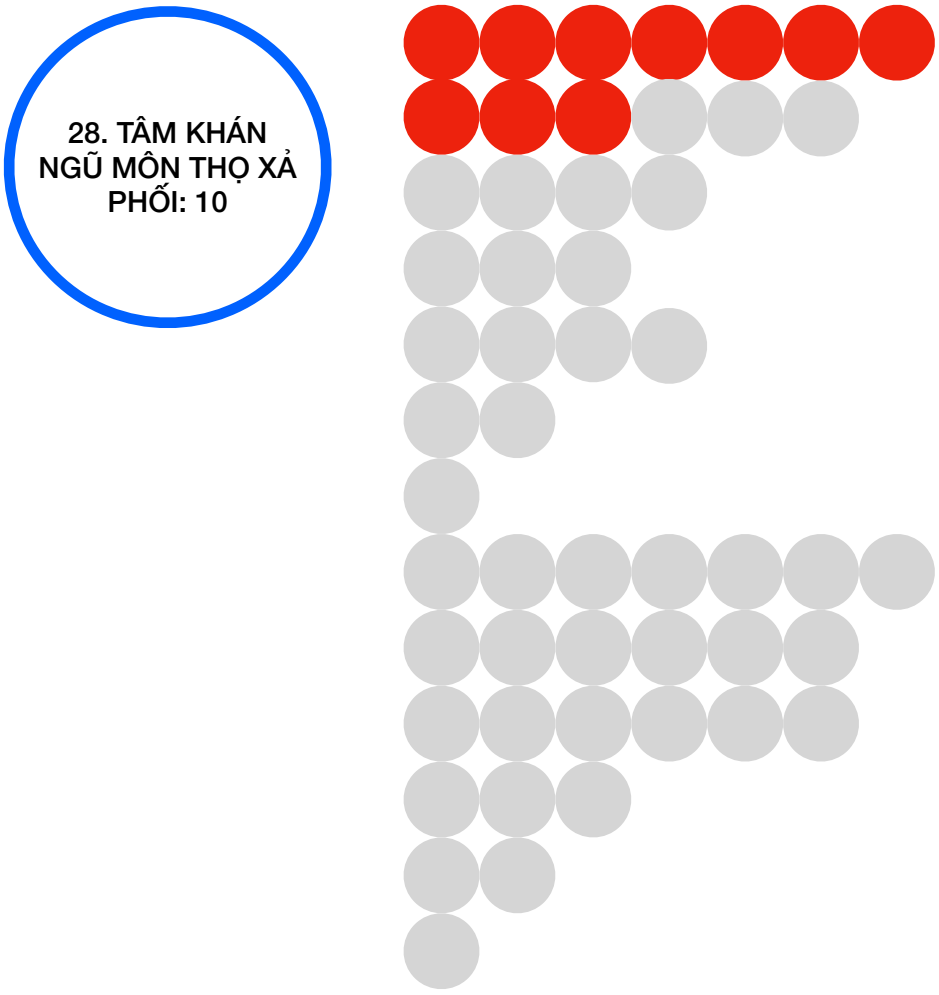

29. **Tâm khán ý môn thọ xả:**

Có 11 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 4 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần.

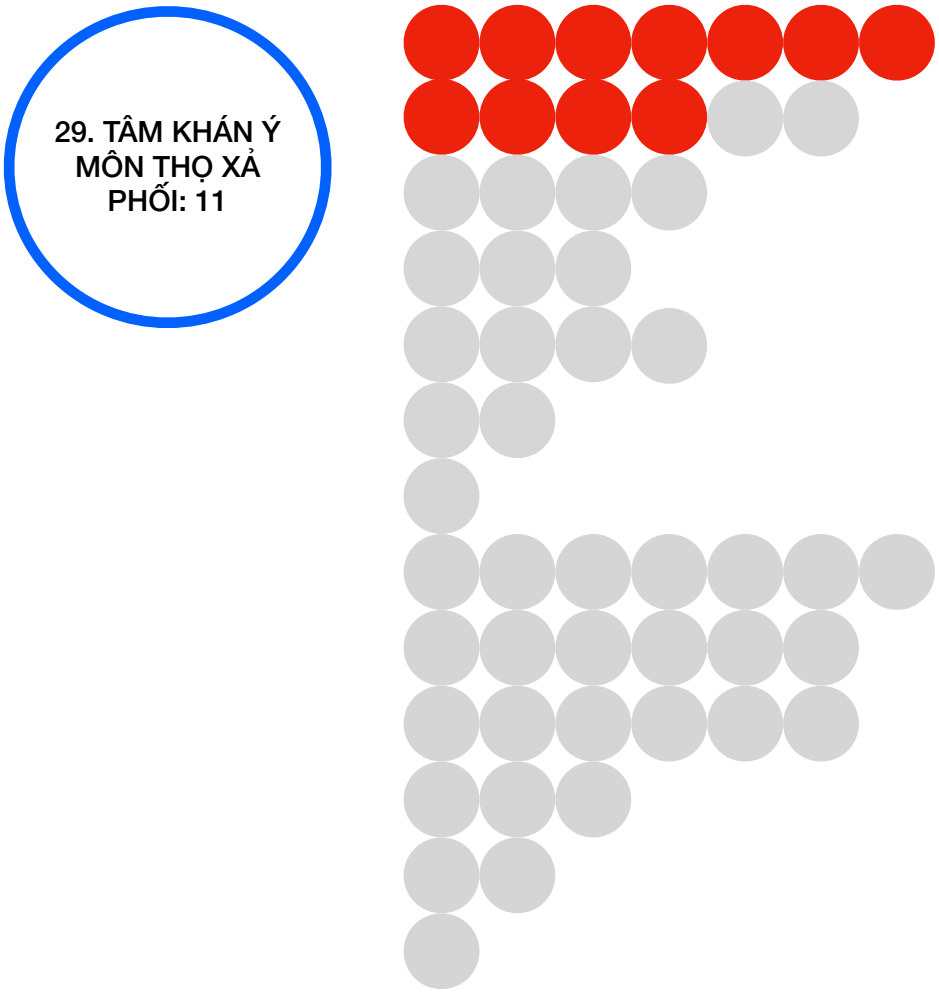

30. **Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ:**

Có 12 sở hữu tợ tha cùng sanh đó là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 5 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ.

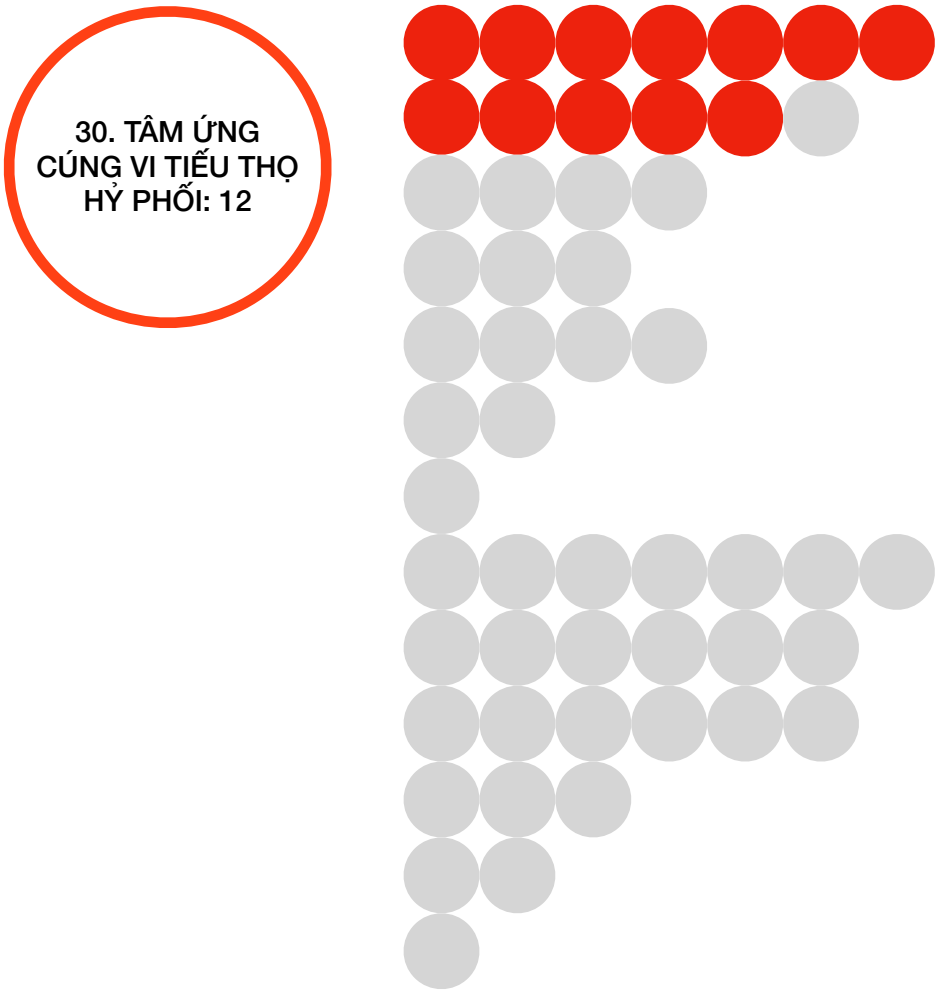

31. **Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ**:

Có 38 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục; 25 sở hữu tịnh hảo tức là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm,

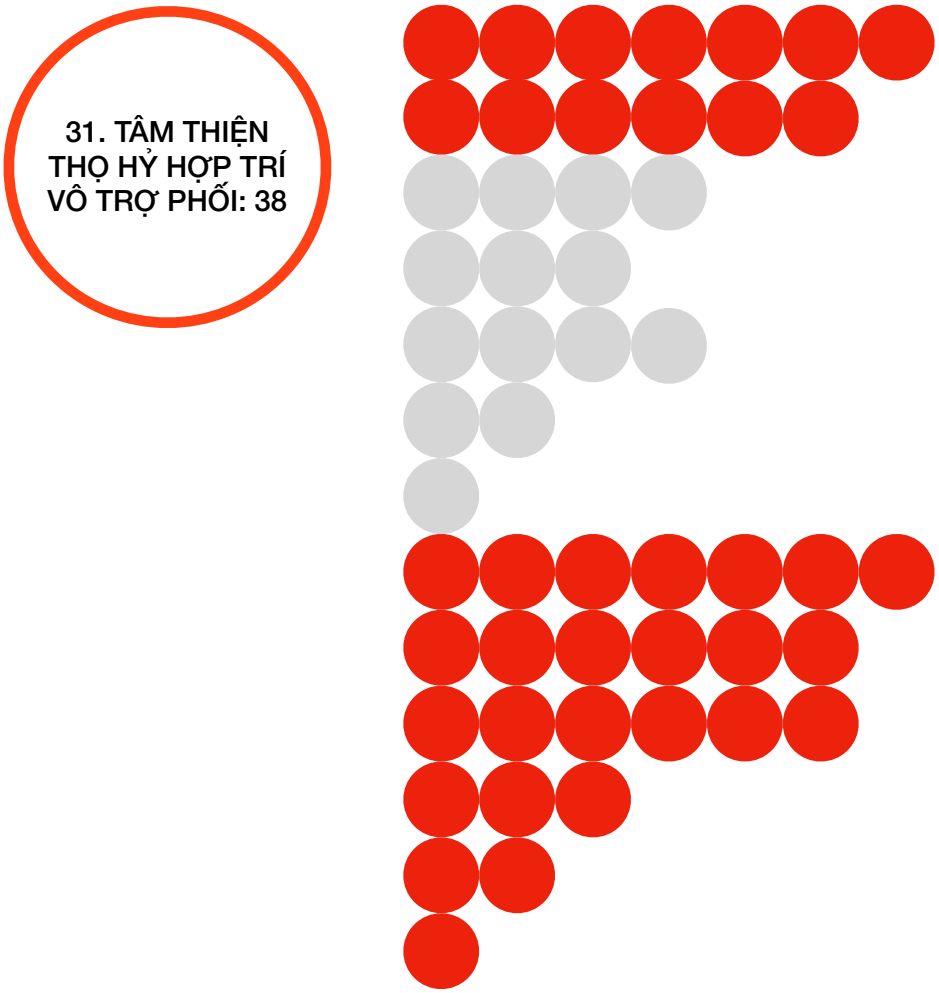

tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ.

****Lưu ý:** 38 sở hữu tâm cùng sanh, tâm thiện này là tính tổng quát.

32. **Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**

Có 38 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ.

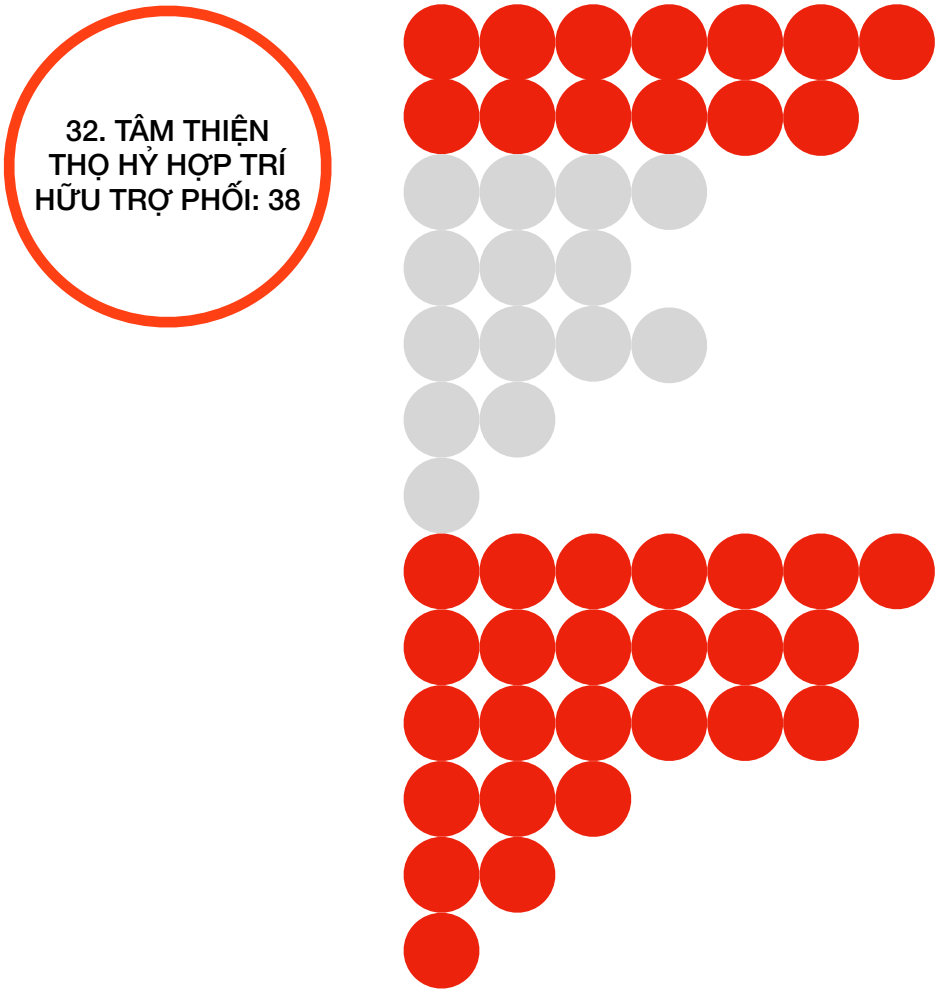

33. **Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ:**

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ vì là tâm thiện ly trí.

34. **Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ:**

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ.

35. **Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ:**

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là thọ xả.

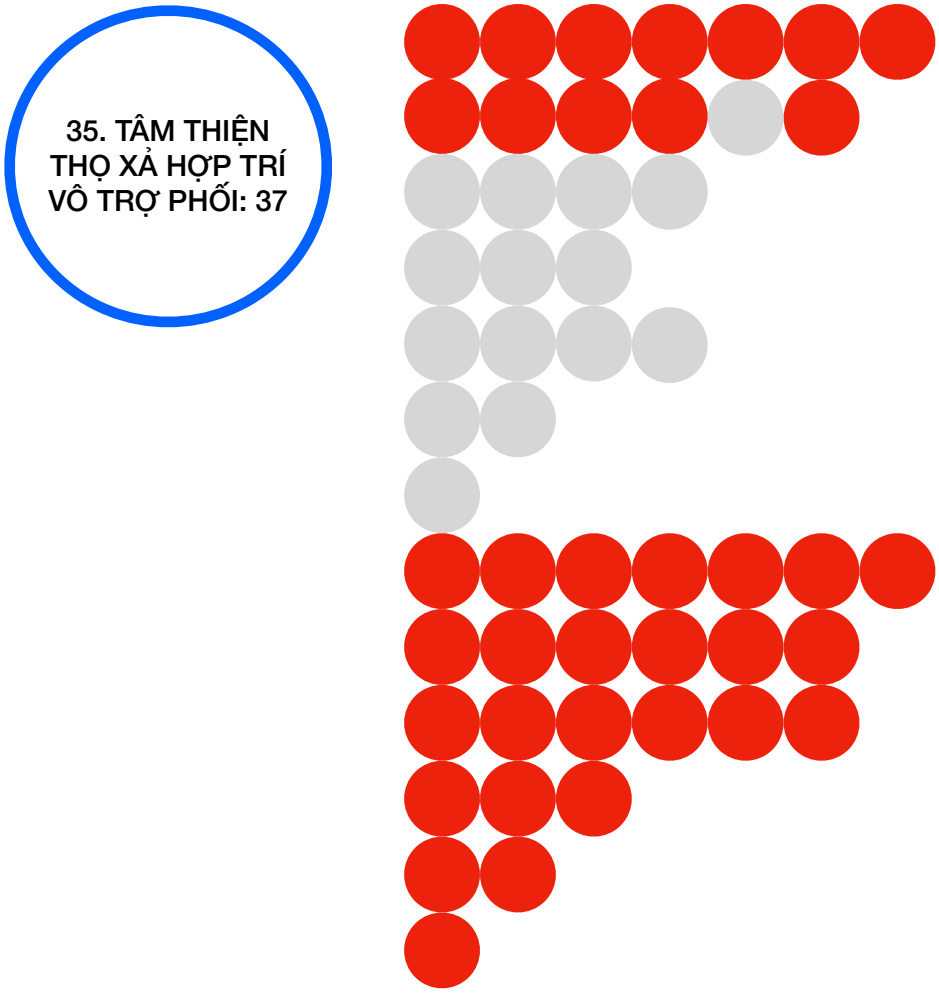

36. Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ:

Có 37 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ.

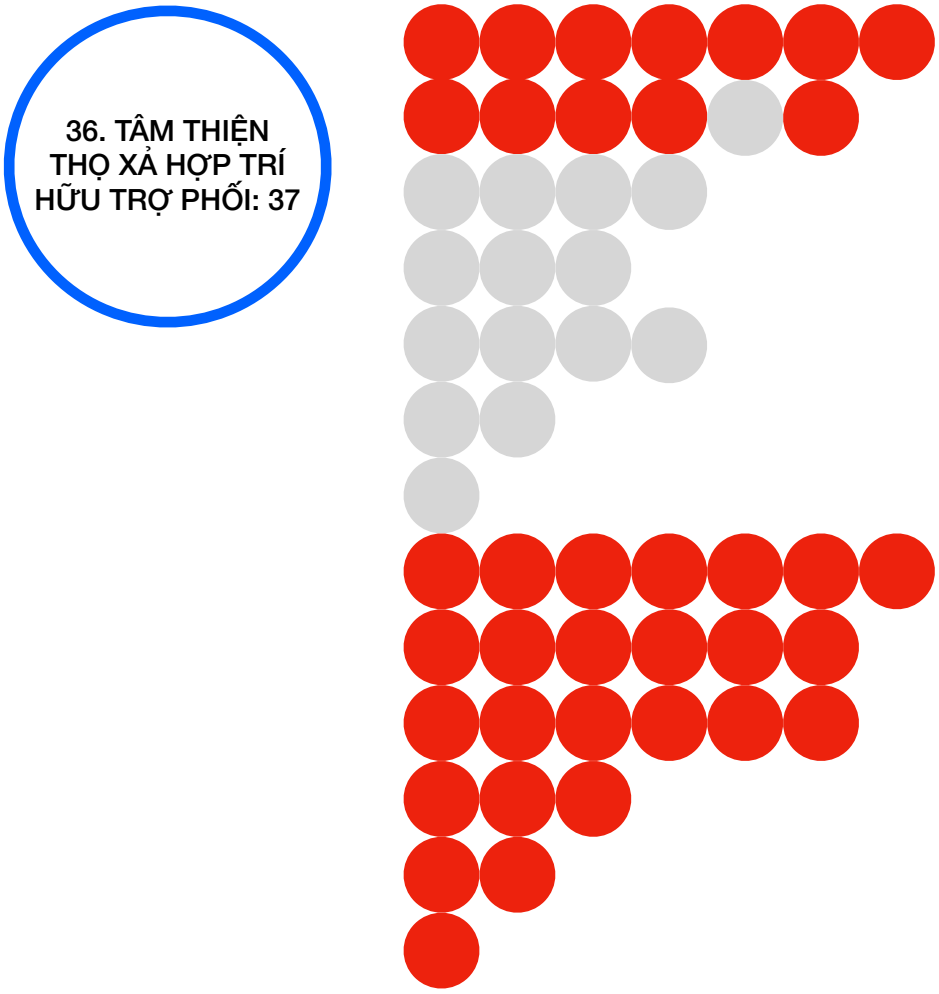

37. **Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ và sở hữu hỷ vì là ly trí và thọ xả.

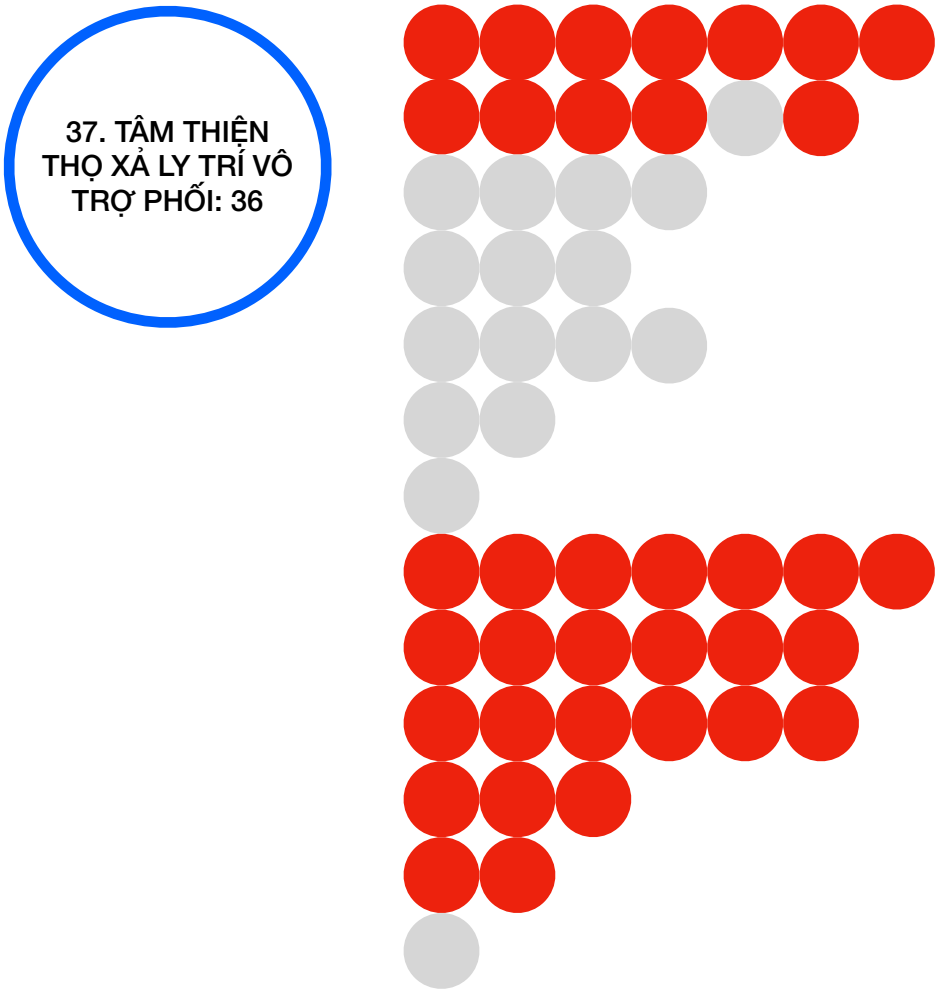

38. **Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ.

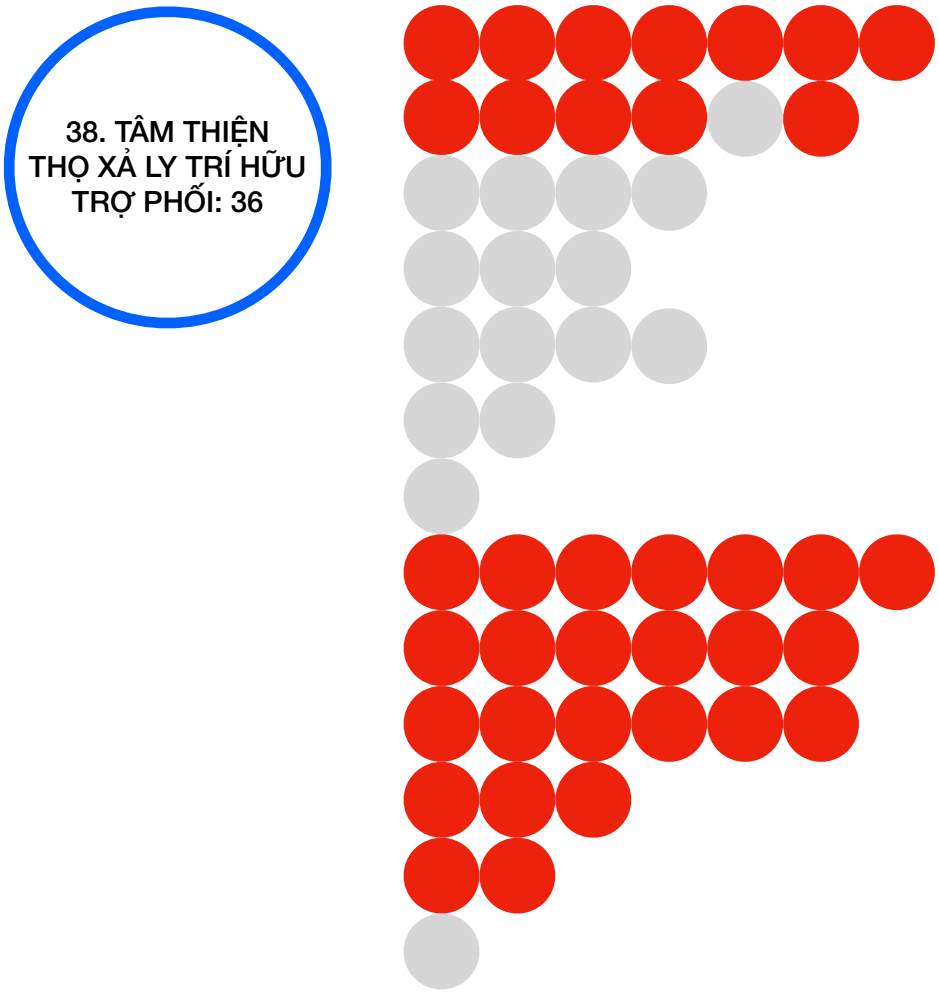

39. **Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: Xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: Tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: Tín, niệm, tàm, q uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm và thêm sở hữu trí tuệ.

40. **Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ.

41. **Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ.

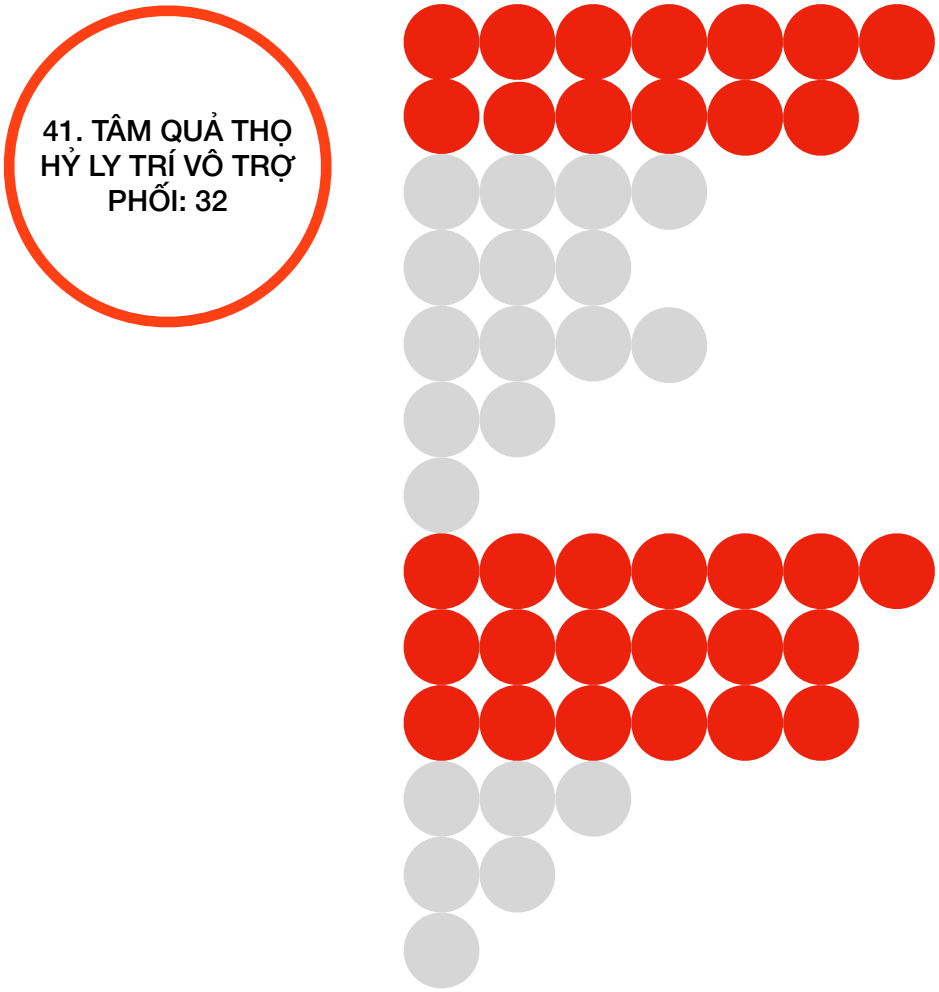

42. **Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ.

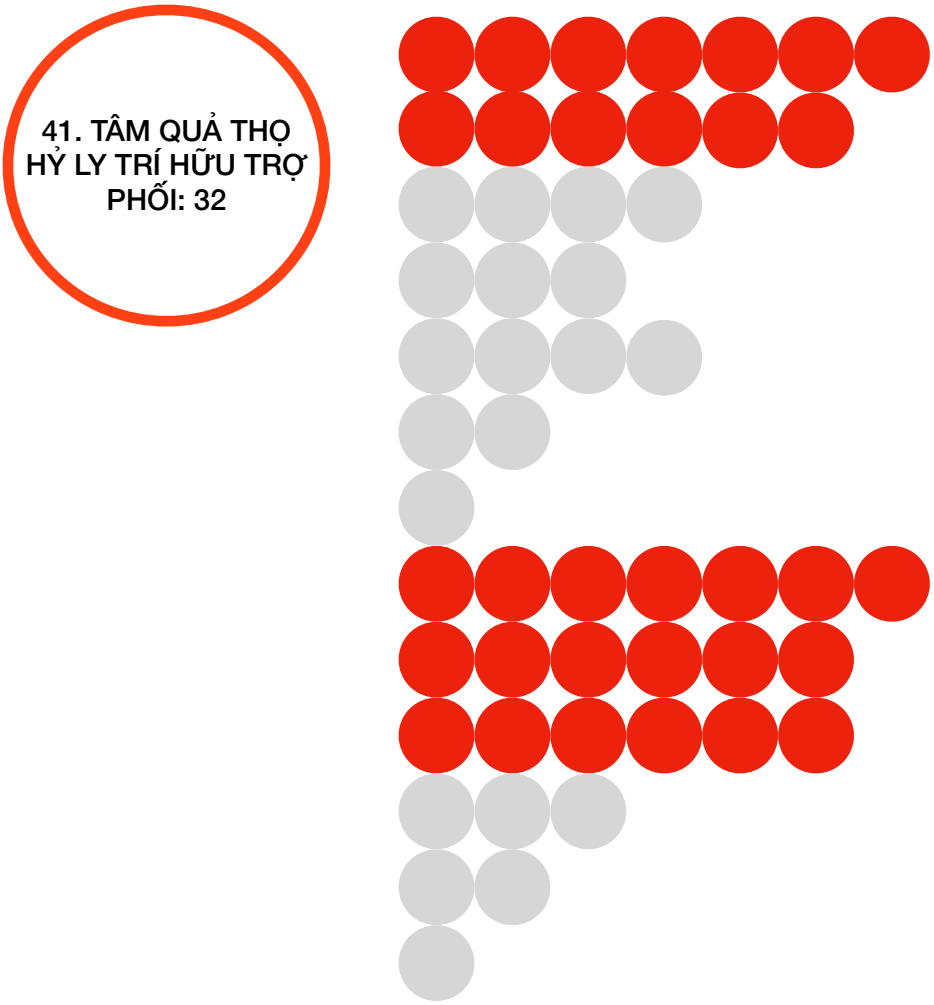

43. **Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là thọ xả.

44. **Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ.

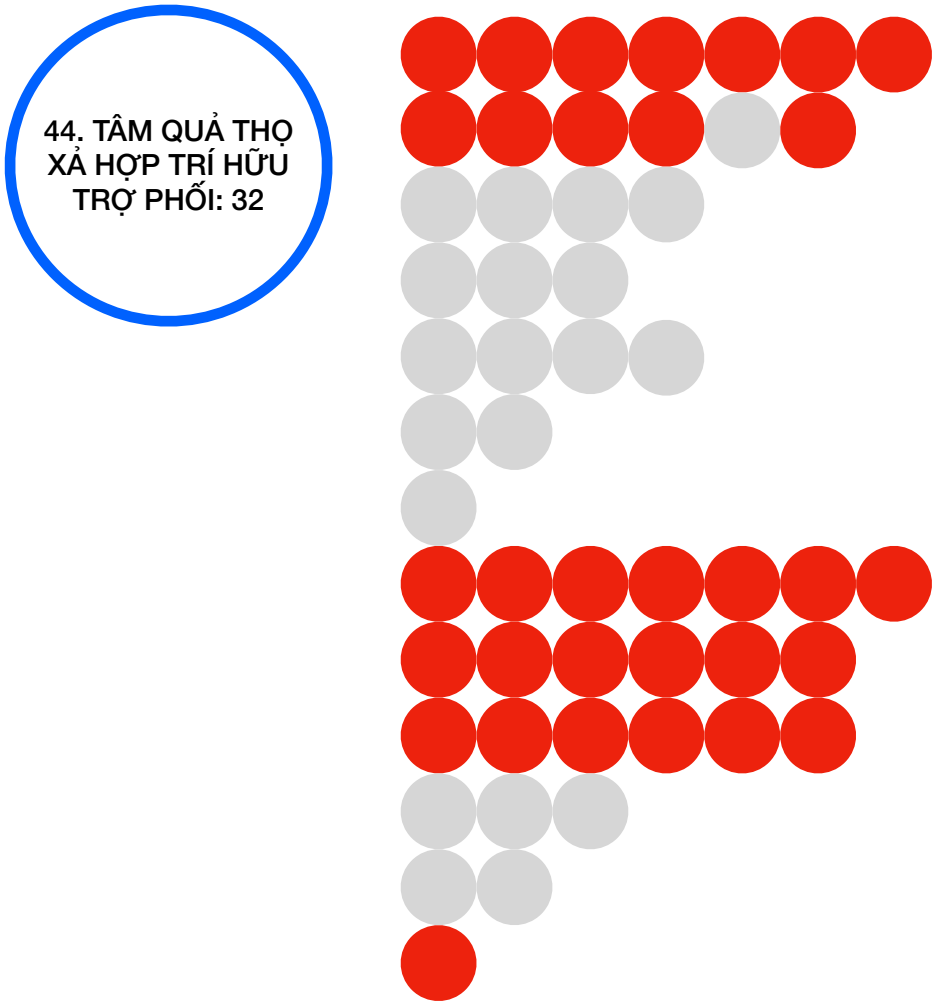

45. **Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ:**

Có 31 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ và trí tuệ vì là thọ xả và ly trí.

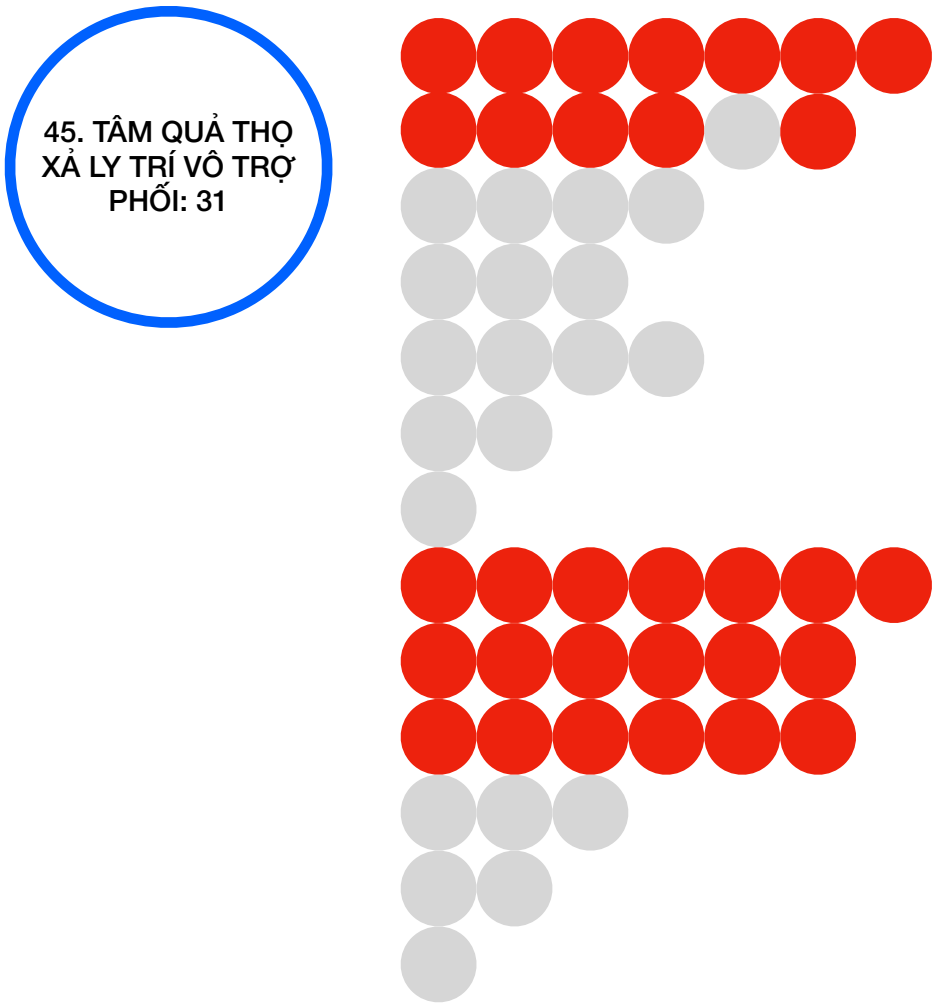

46. **Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ:**

Có 31 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm quả thọ xả ly trí vô trợ.

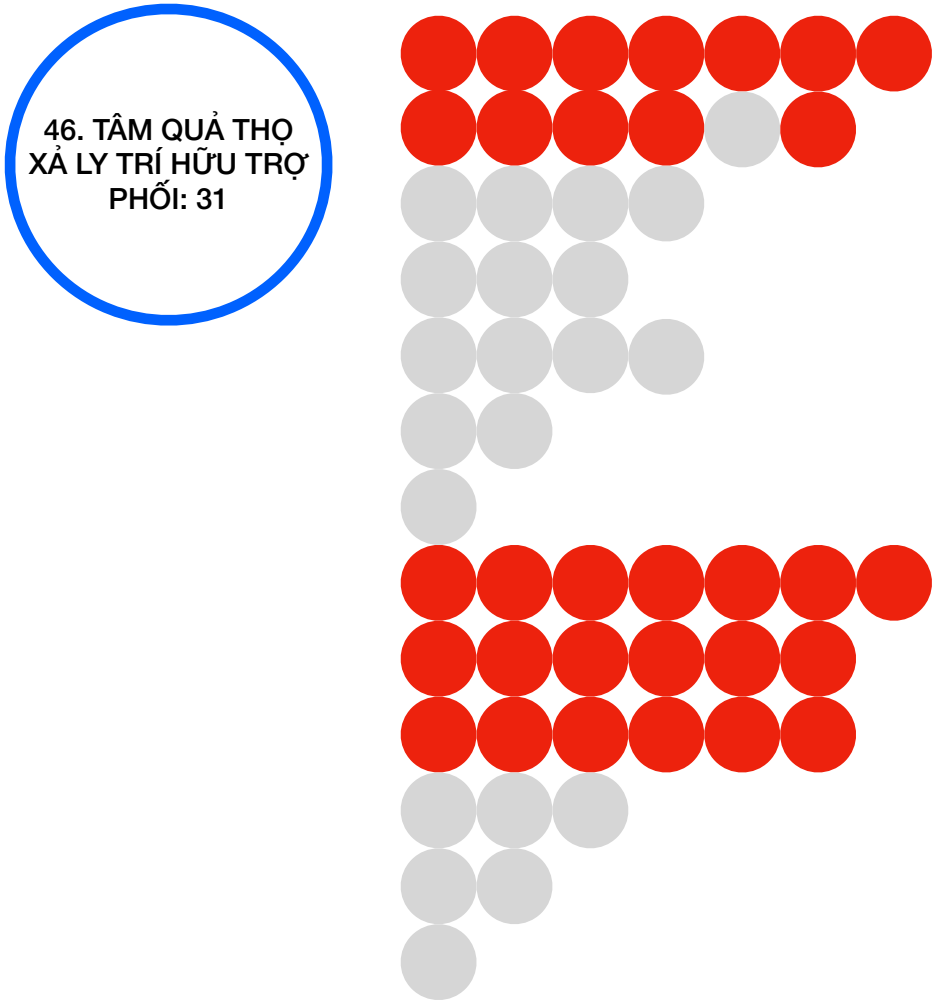

47. **Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, q uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm,

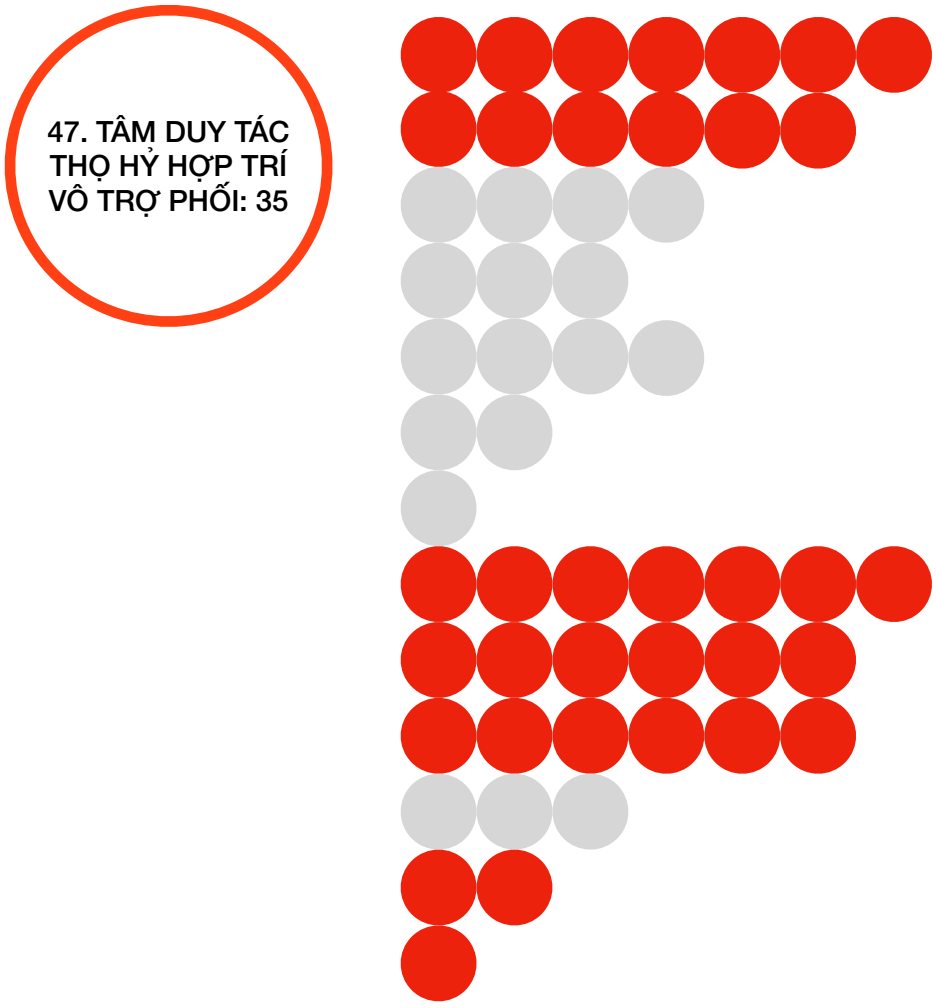

thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với sở hữu trí tuệ.

48. **Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ.

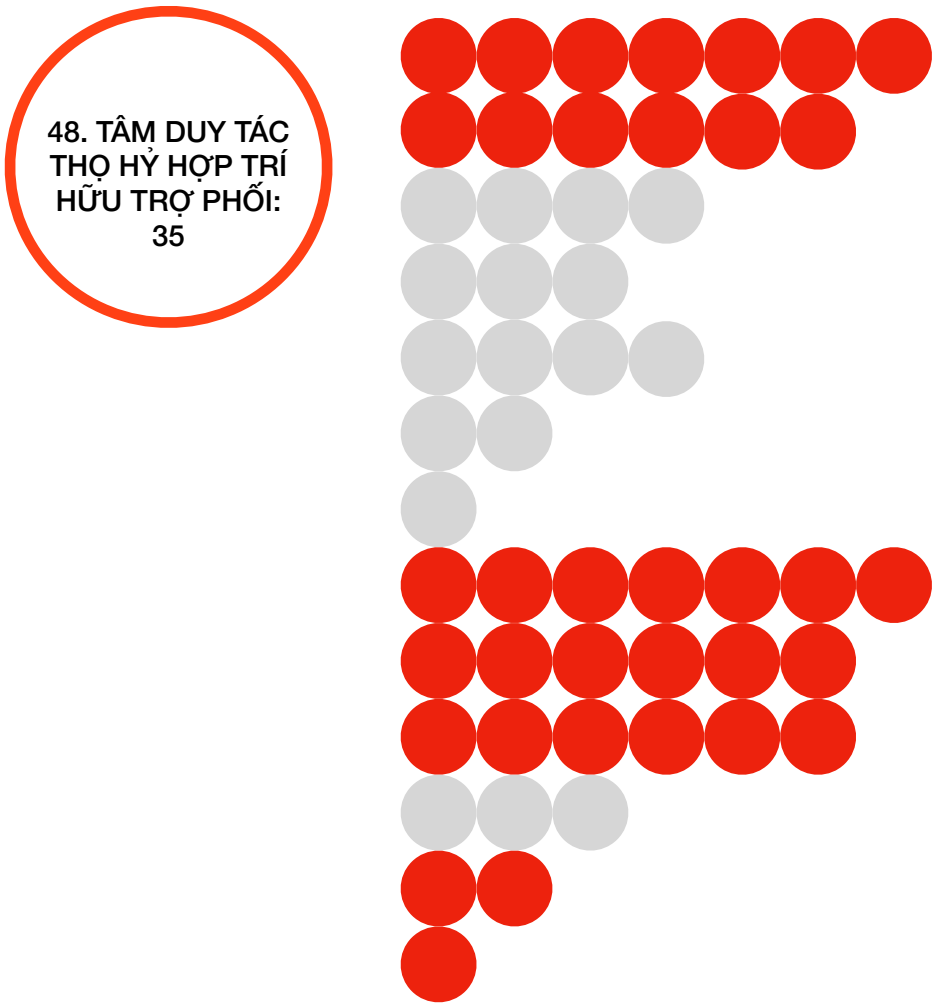

49. **Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu trí tuệ vì là tâm ly trí.

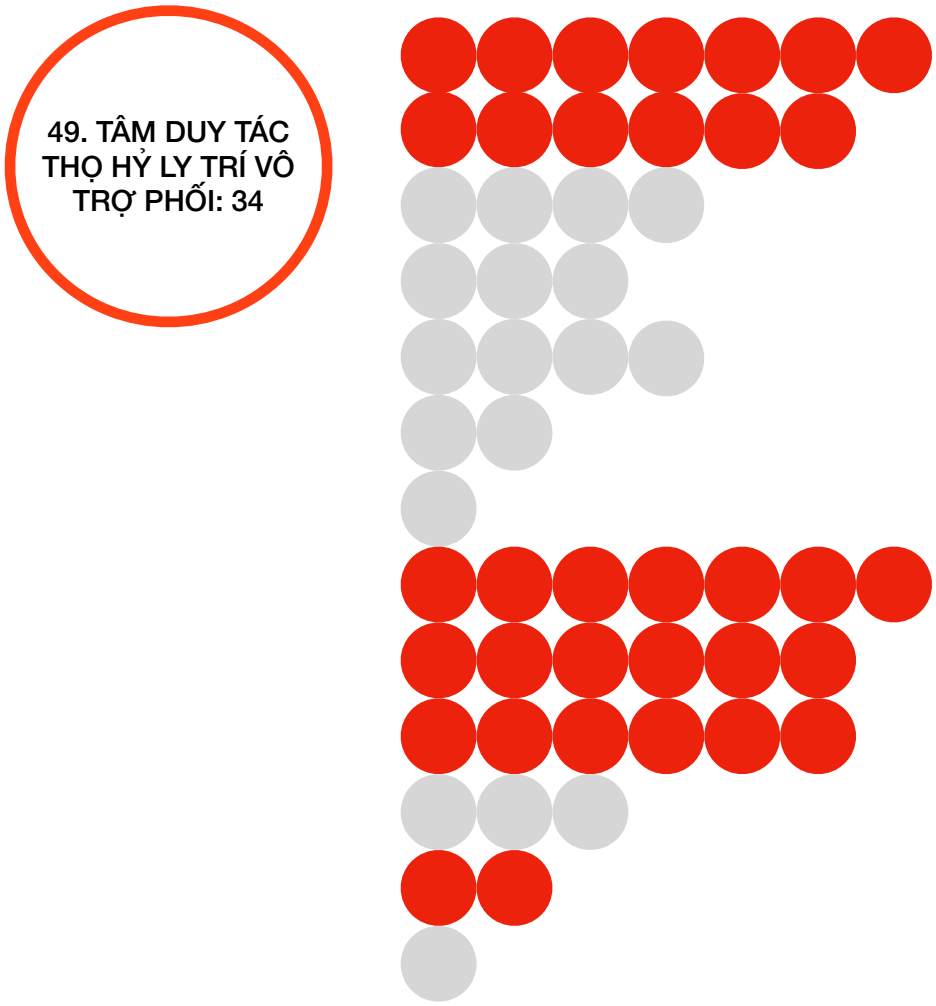

50. **Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ.

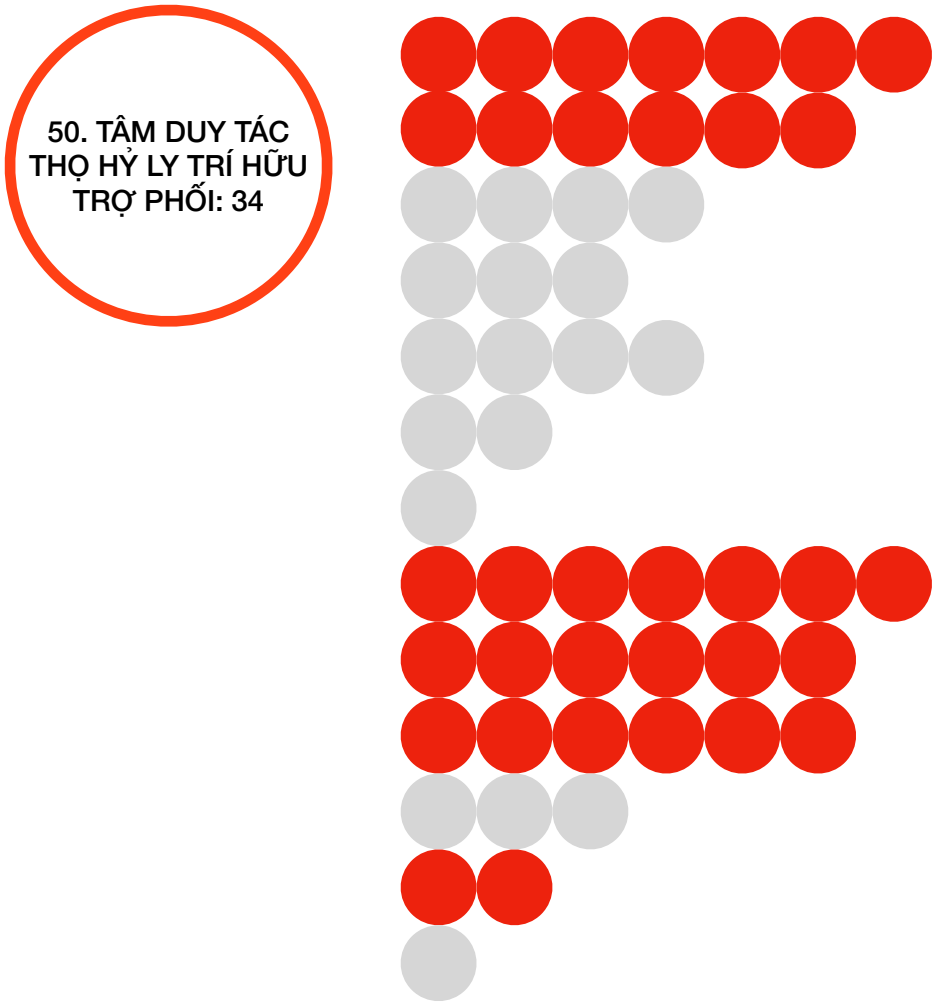

51. **Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ vì là tâm thọ xả.

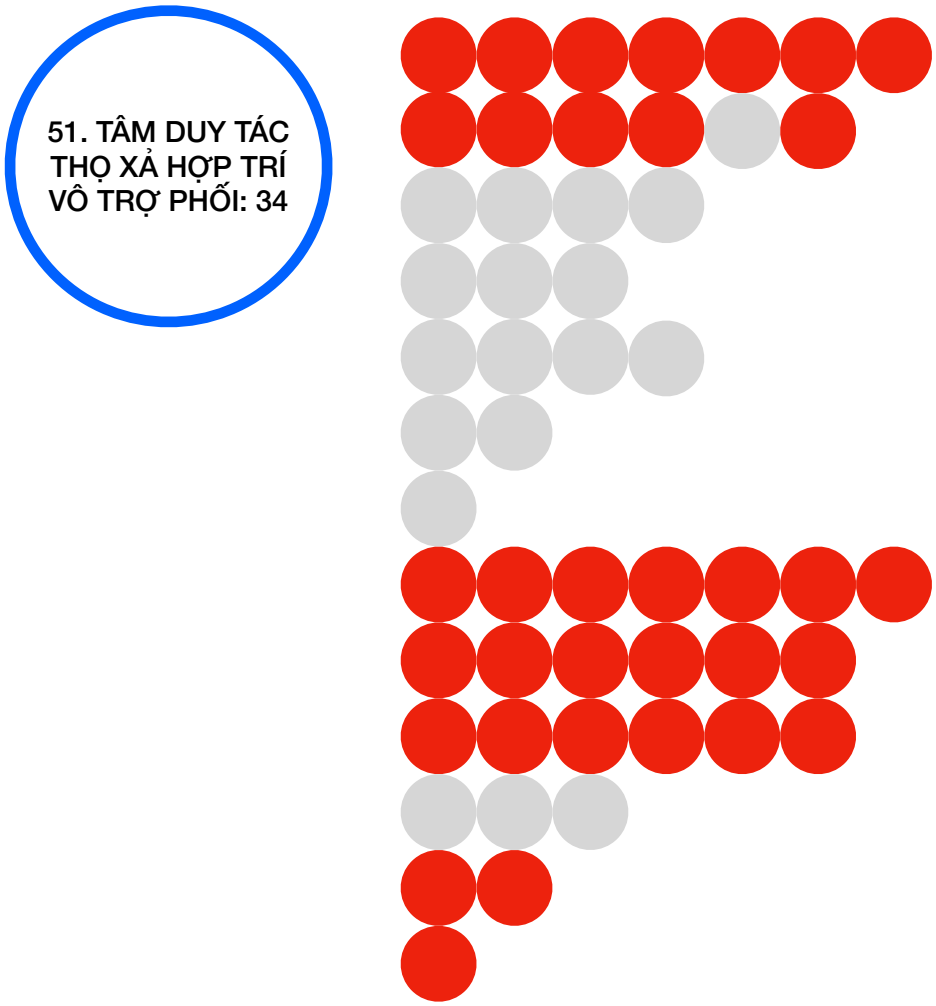

52. **Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ.

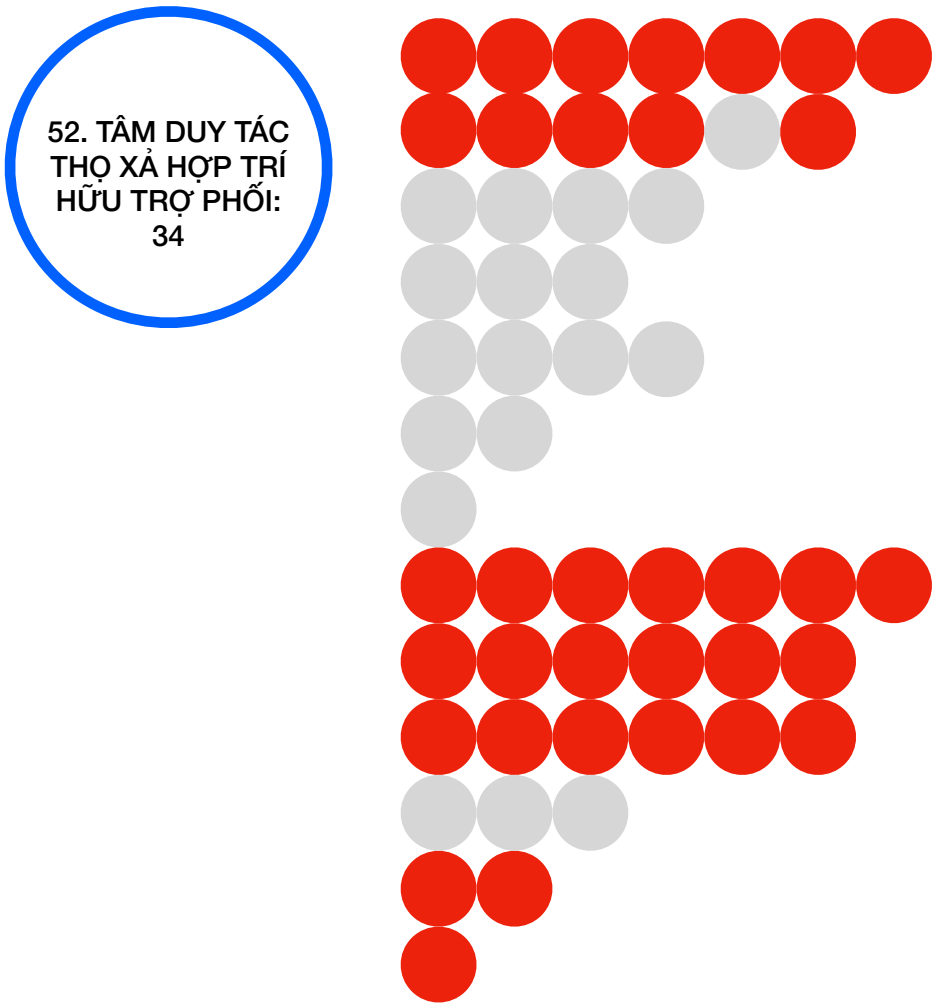

53. **Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ nhưng không có sở hữu hỷ và sở hữu trí tuệ vì là tâm thọ xả và ly trí.

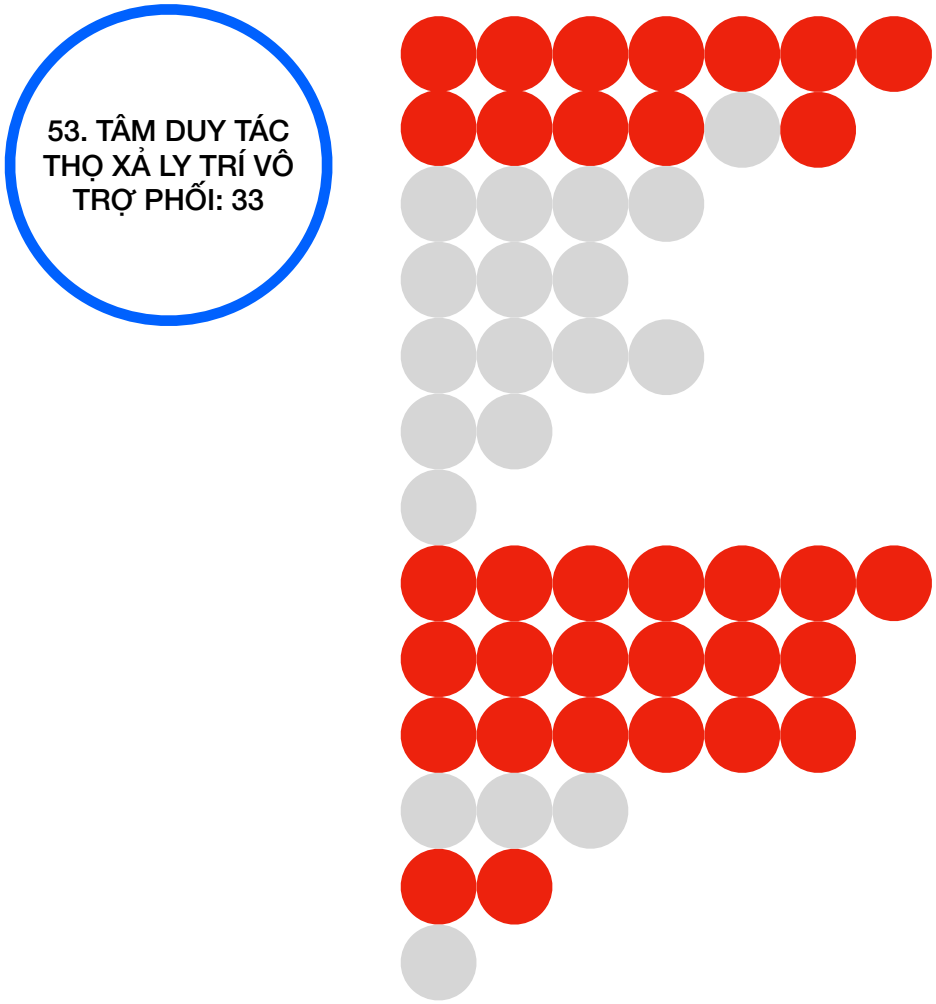

54. **Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ.

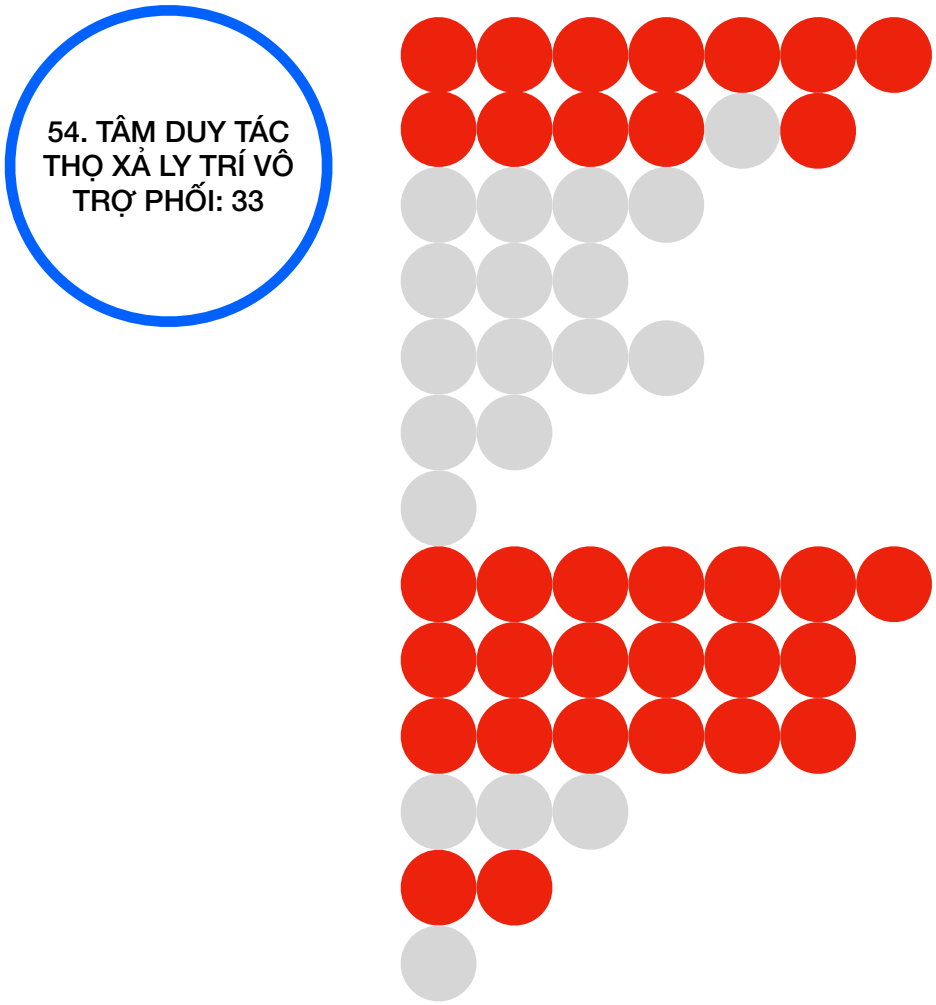

55. **Tâm thiện sơ thiền sắc giới:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cộng với 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm,

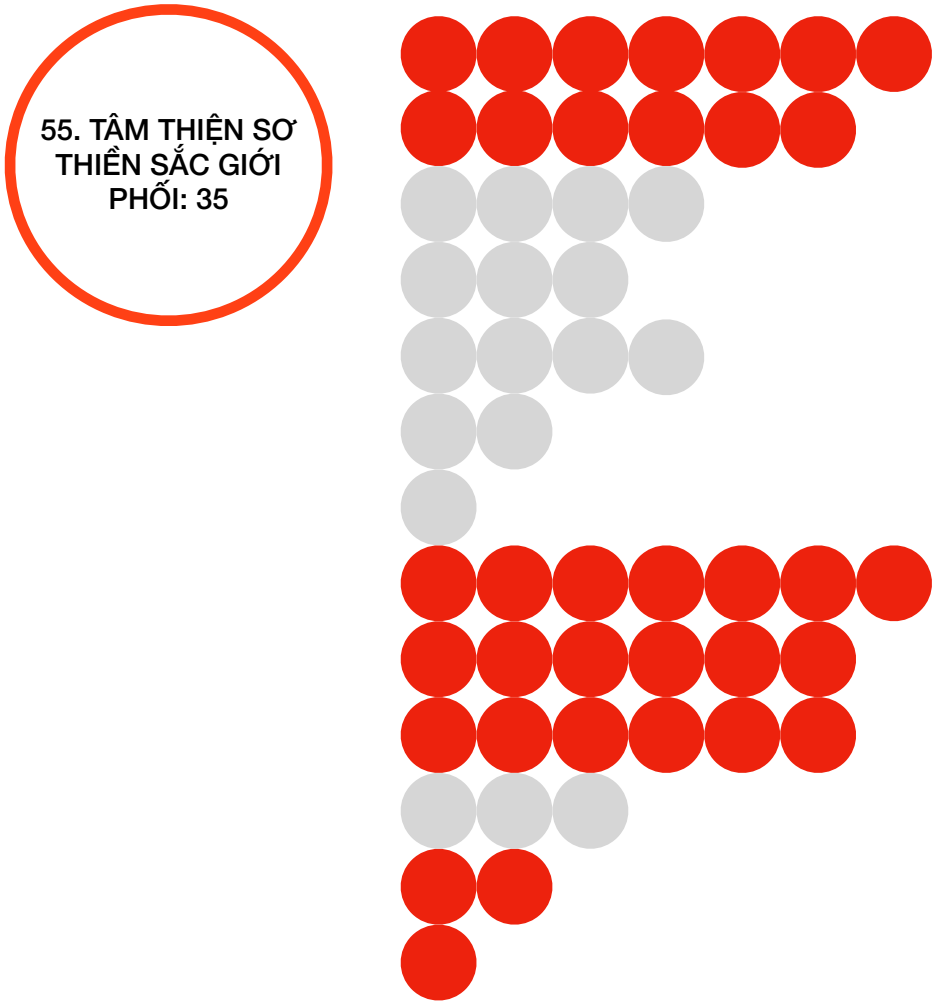

thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với sở hữu trí tuệ.

56. **Tâm thiện nhị thiền sắc giới:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm vì là tâm nhị thiền chỉ có 4 chi thiền là: tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.

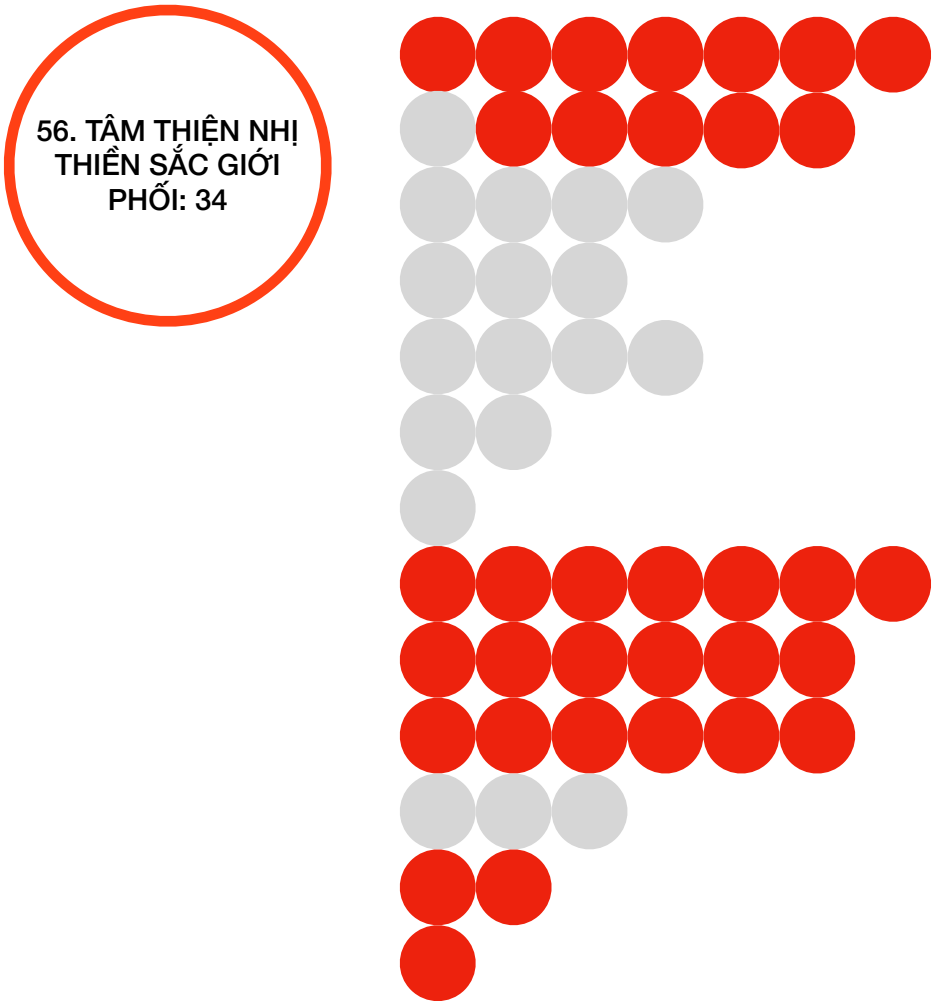

57. **Tâm thiện tam thiền sắc giới:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm và sở hữu tứ vì là tâm tam thiền chỉ có 3 chi thiền là: hỷ, lạc, nhất tâm.

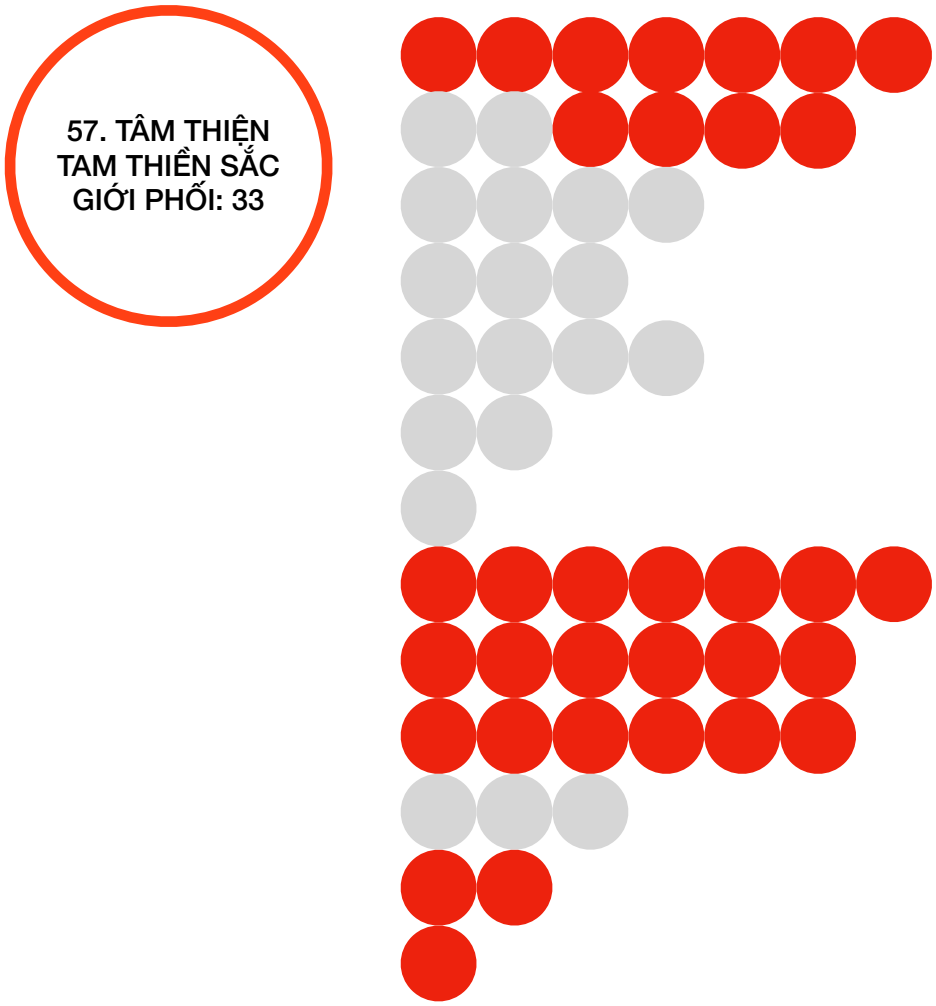

58. **Tâm thiện tứ thiền sắc giới**:

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ và sở hữu hỷ vì là tâm tứ thiền chỉ có 2 chi thiền là: lạc, nhất tâm.

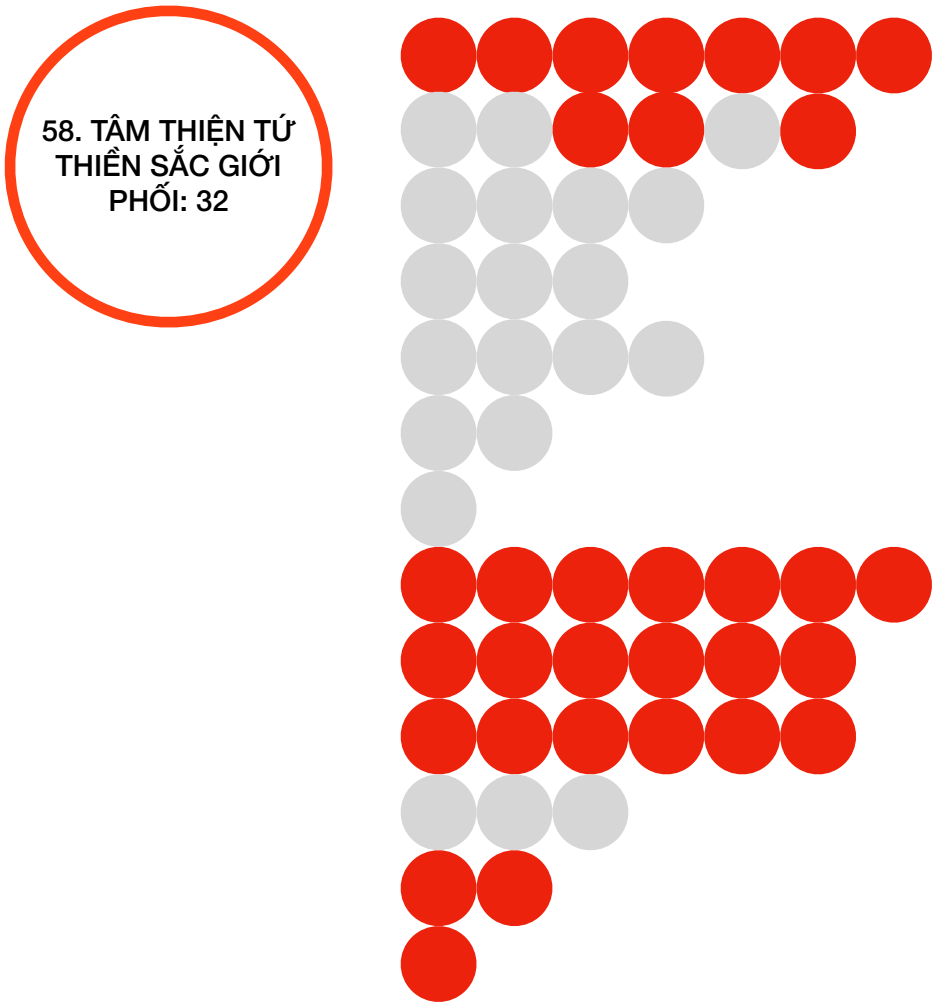

59. **Tâm thiện ngũ thiền sắc giới:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ, sở hữu hỷ và không có 2 sở hữu vô lượng phần tức là không có sở hữu bi và tùy hỷ vì là tâm ngũ thiền chỉ có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

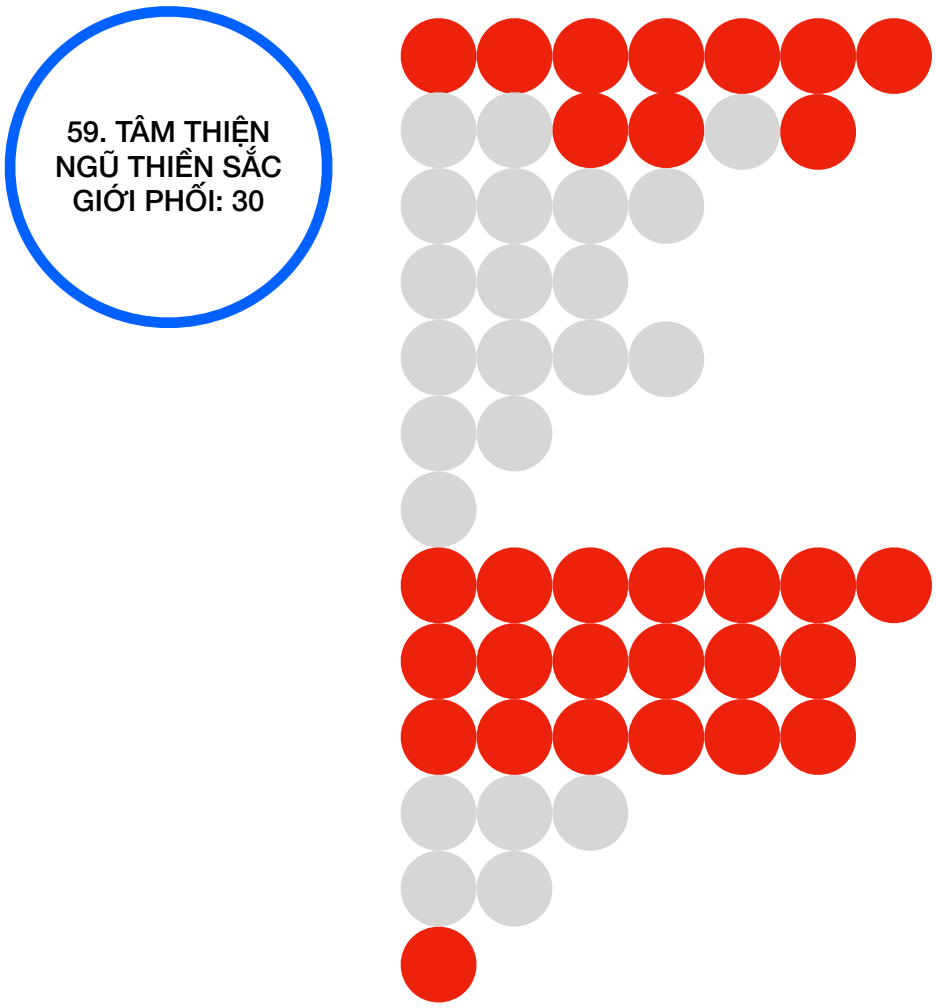

60. **Tâm quả sơ thiền sắc giới:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới.

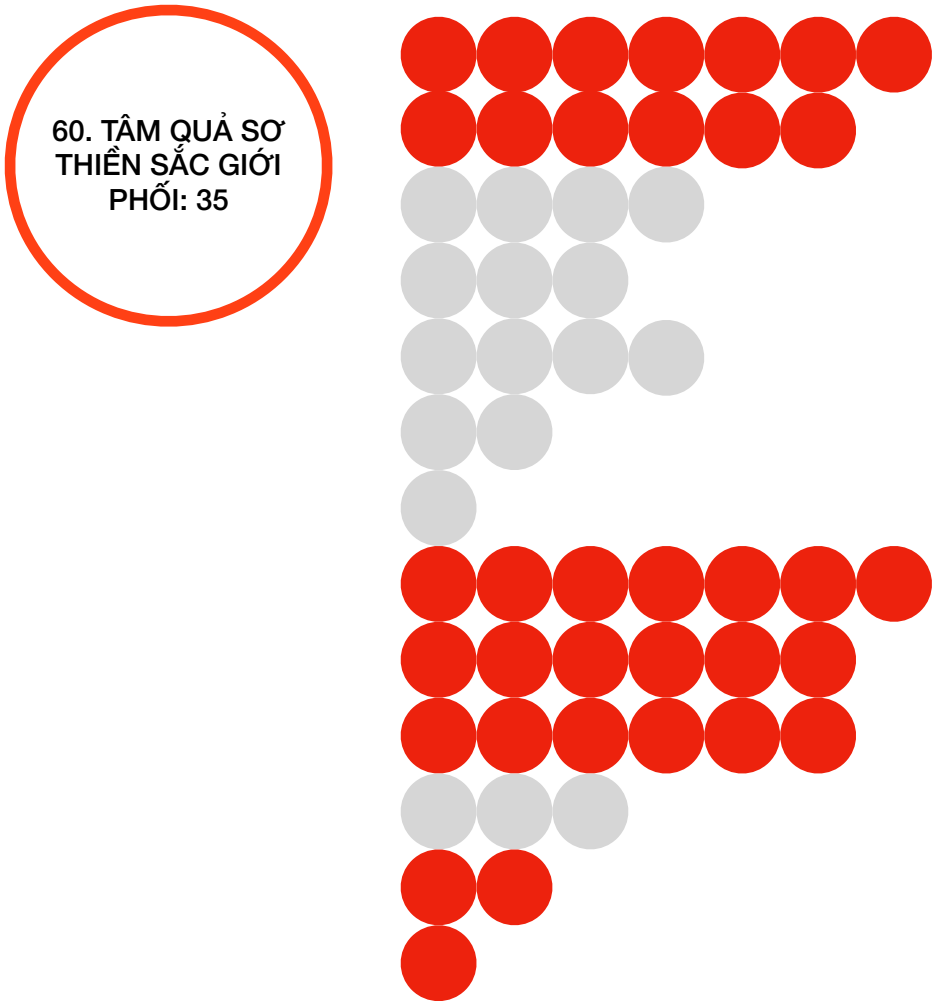

61. **Tâm quả nhị thiền sắc giới:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện nhị thiền sắc giới.

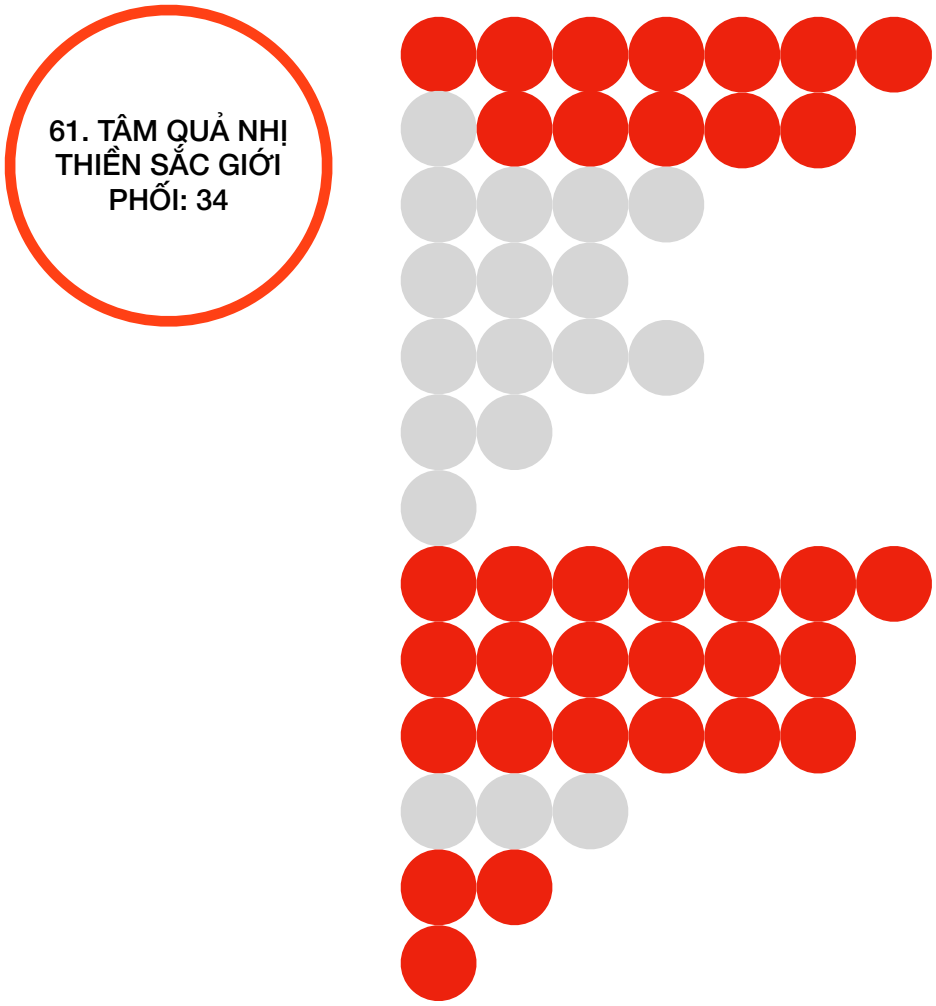

62. **Tâm quả tam thiền sắc giới:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tam thiền sắc giới.

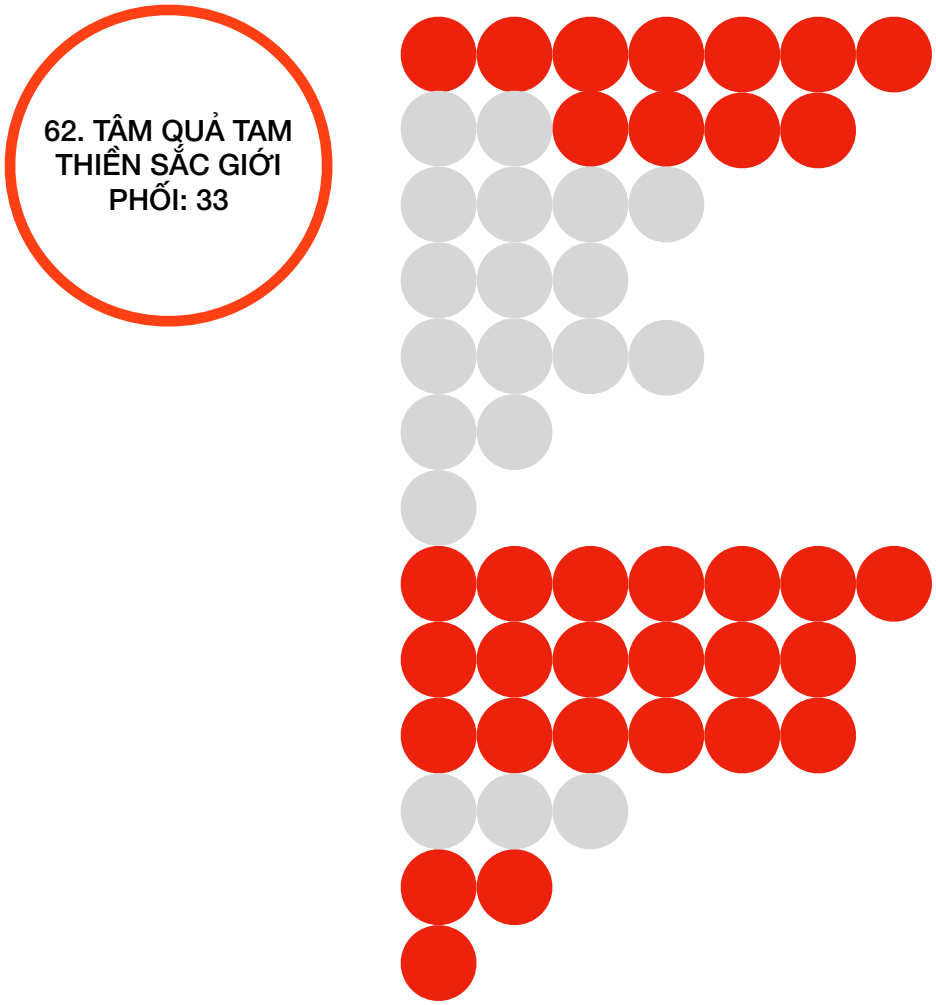

63. **Tâm quả tứ thiền sắc giới:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tứ thiền sắc giới.

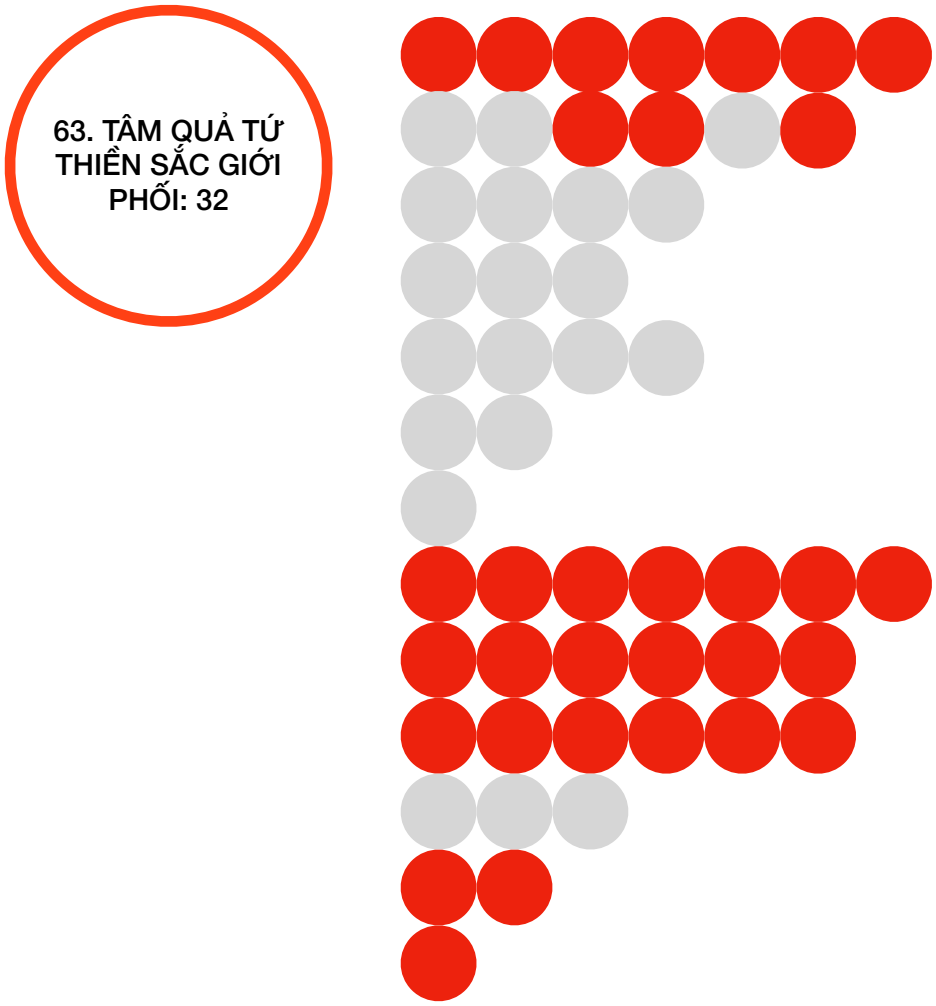

64. **Tâm quả ngũ thiền sắc giới:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

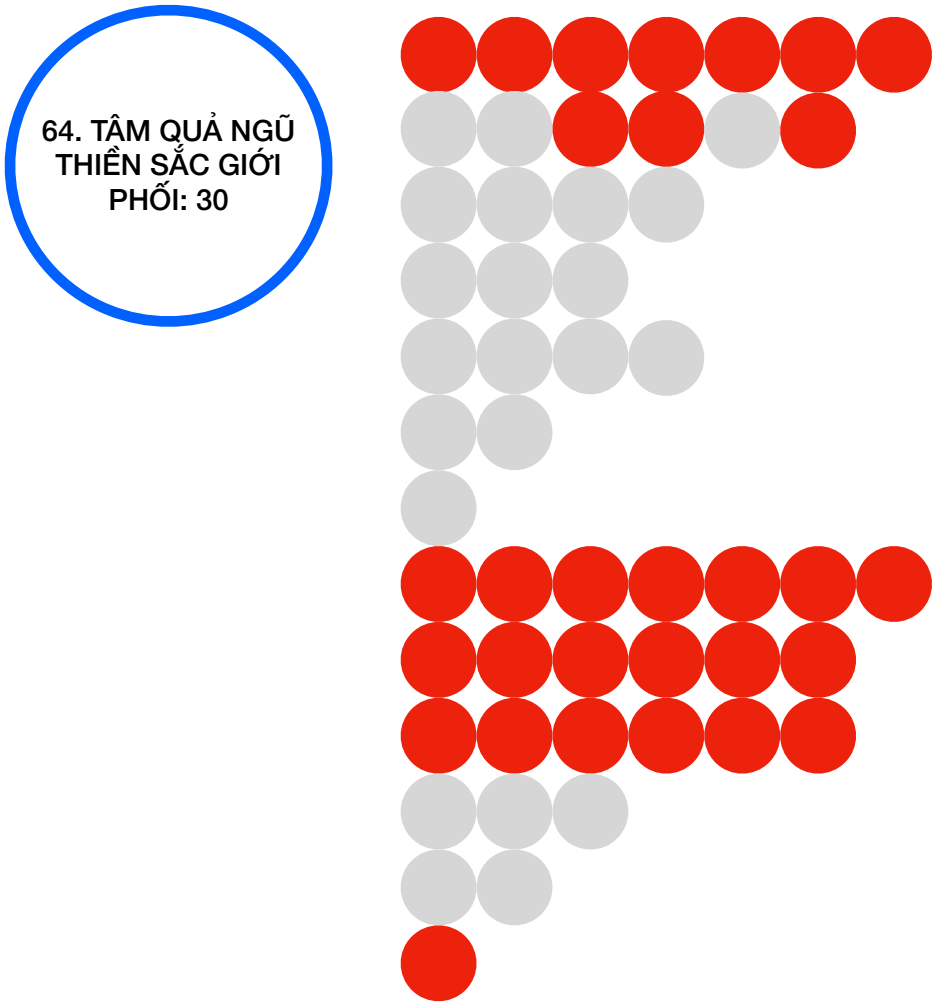

65. **Tâm duy tác sơ thiền sắc giới**:

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện sơ thiền sắc giới.

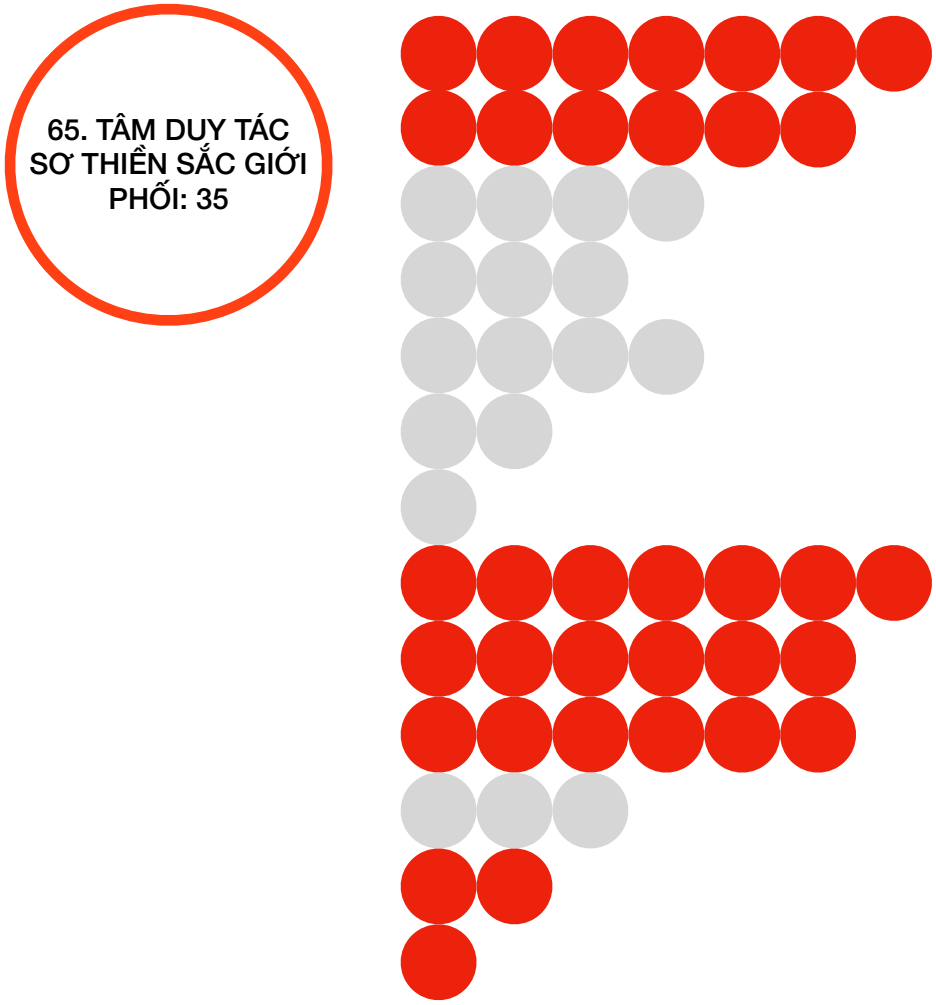

66. **Tâm duy tác nhị thiền sắc giới:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện nhị thiền sắc giới.

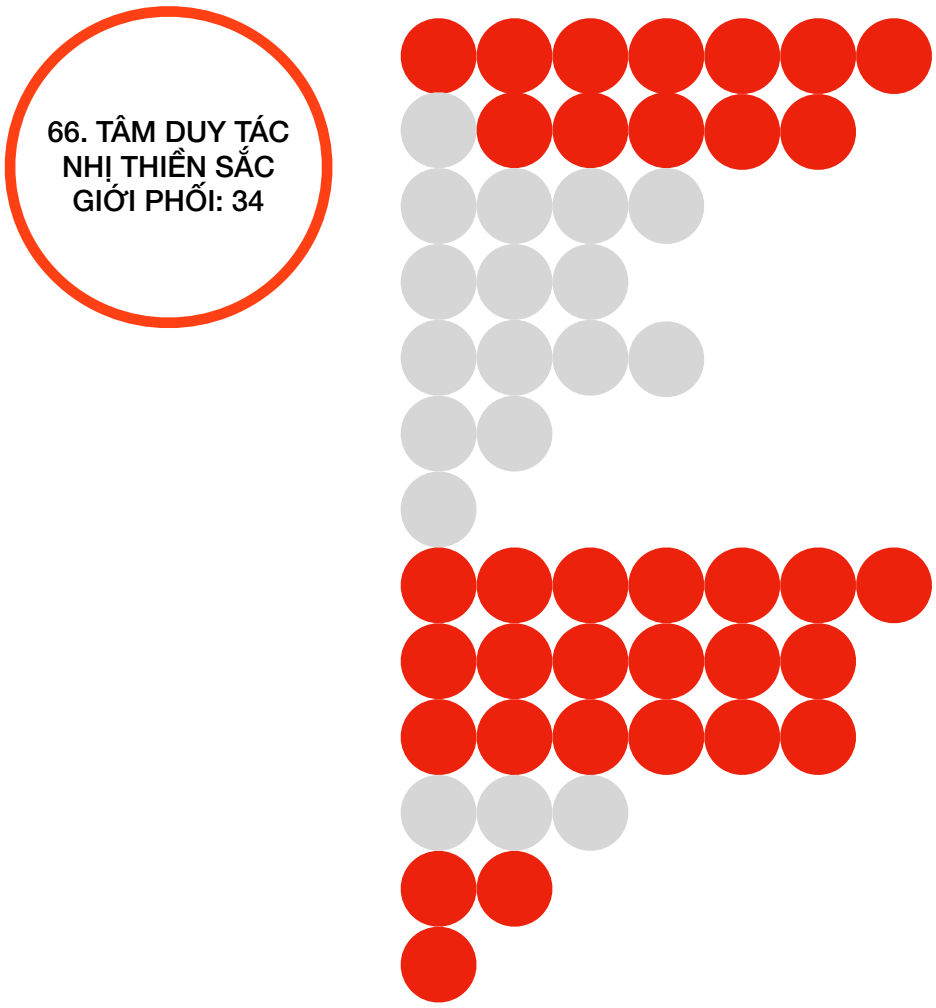

67. **Tâm duy tác tam thiền sắc giới:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tam thiền sắc giới.

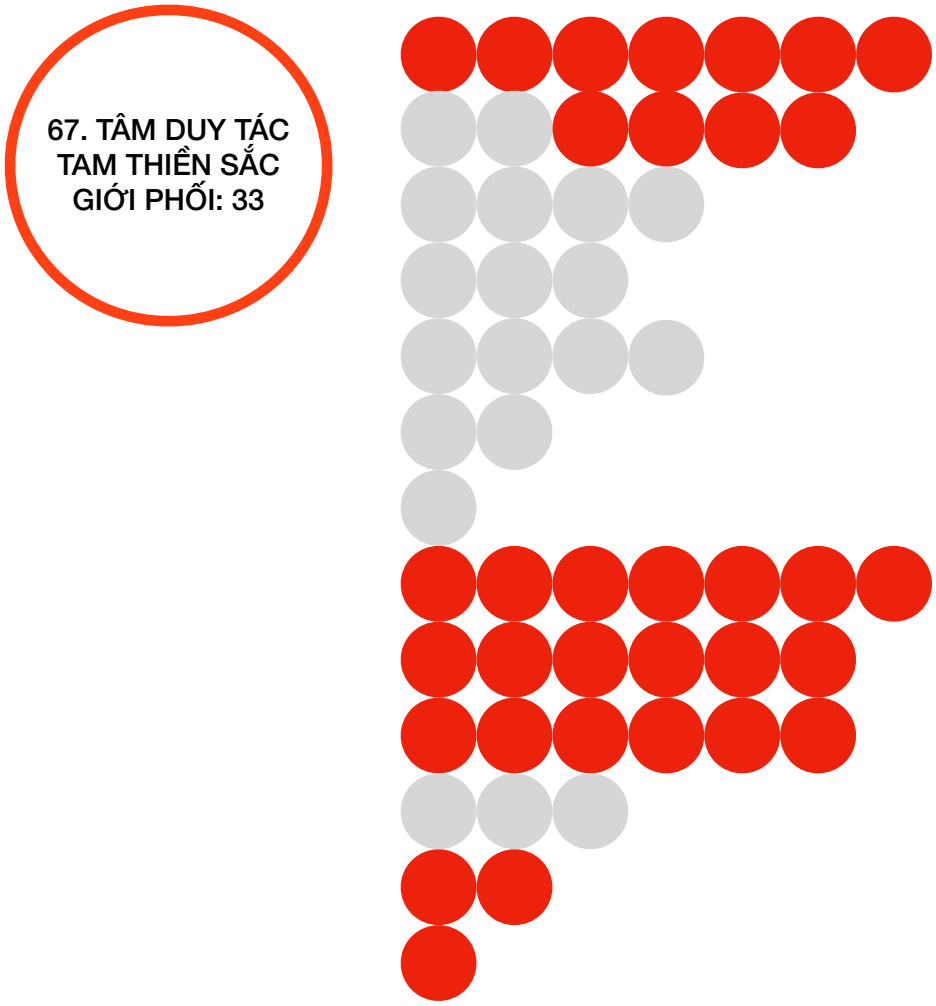

68. **Tâm duy tác tứ thiền sắc giới:**

Có 32 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện tứ thiền sắc giới.

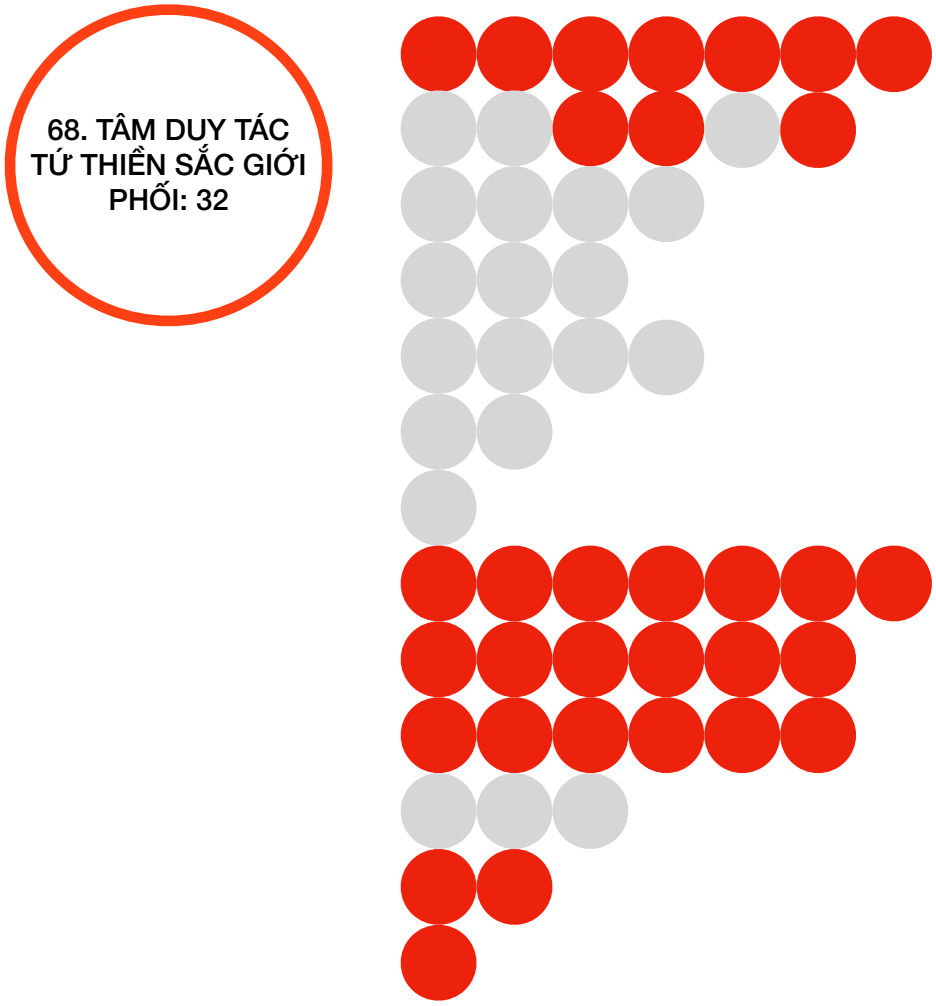

69. **Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

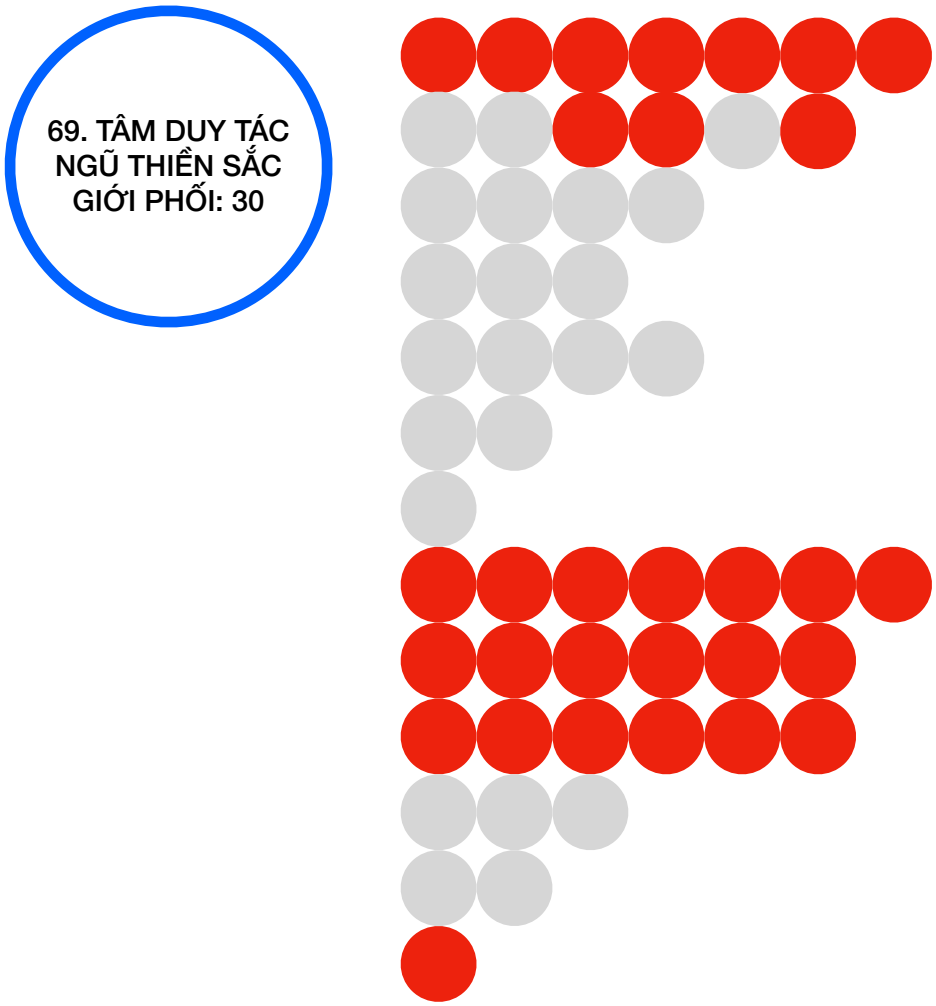

70. **Tâm thiện không vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

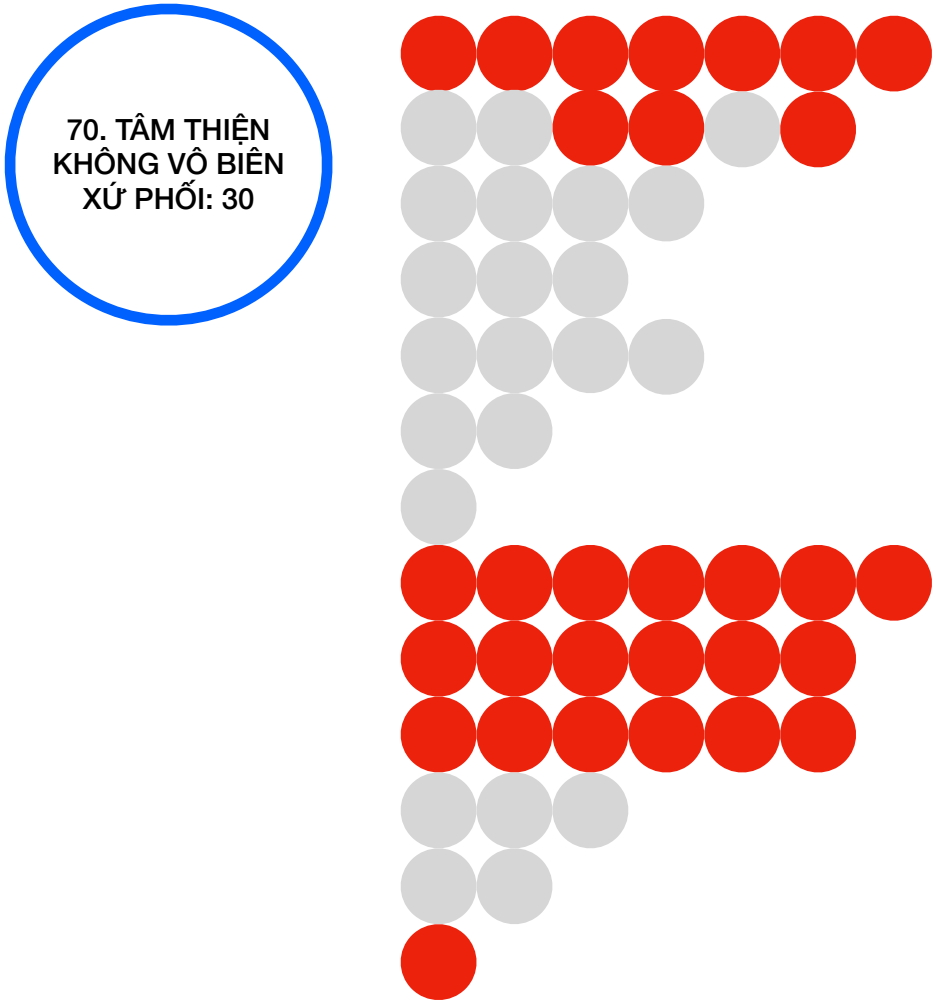

71. **Tâm thiện thức vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

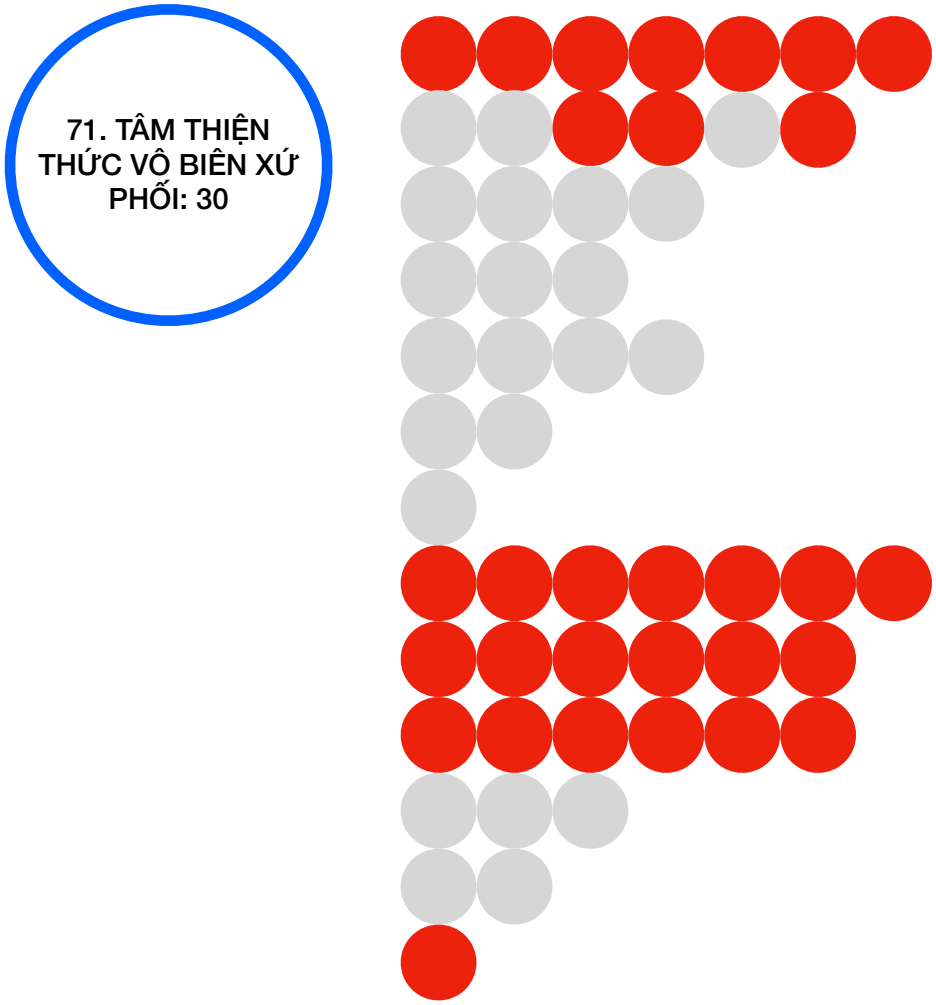

72. **Tâm thiện vô sở hữu xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

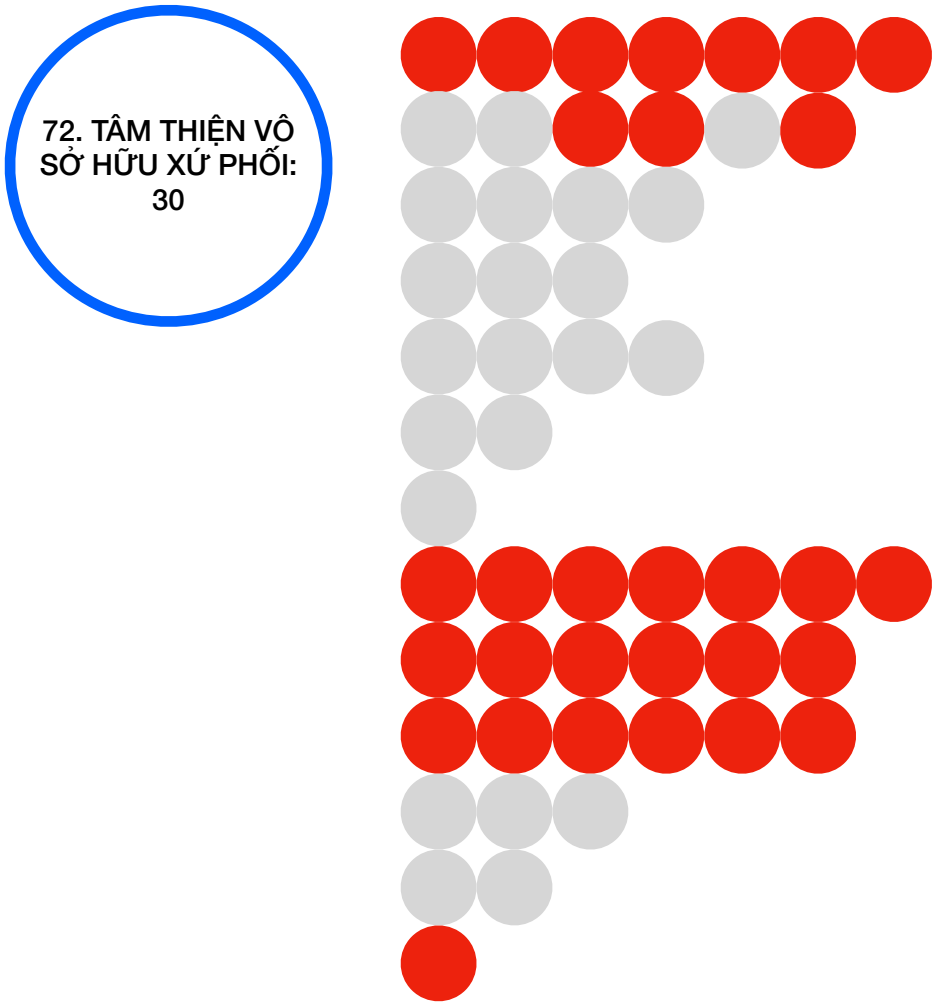

73. **Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

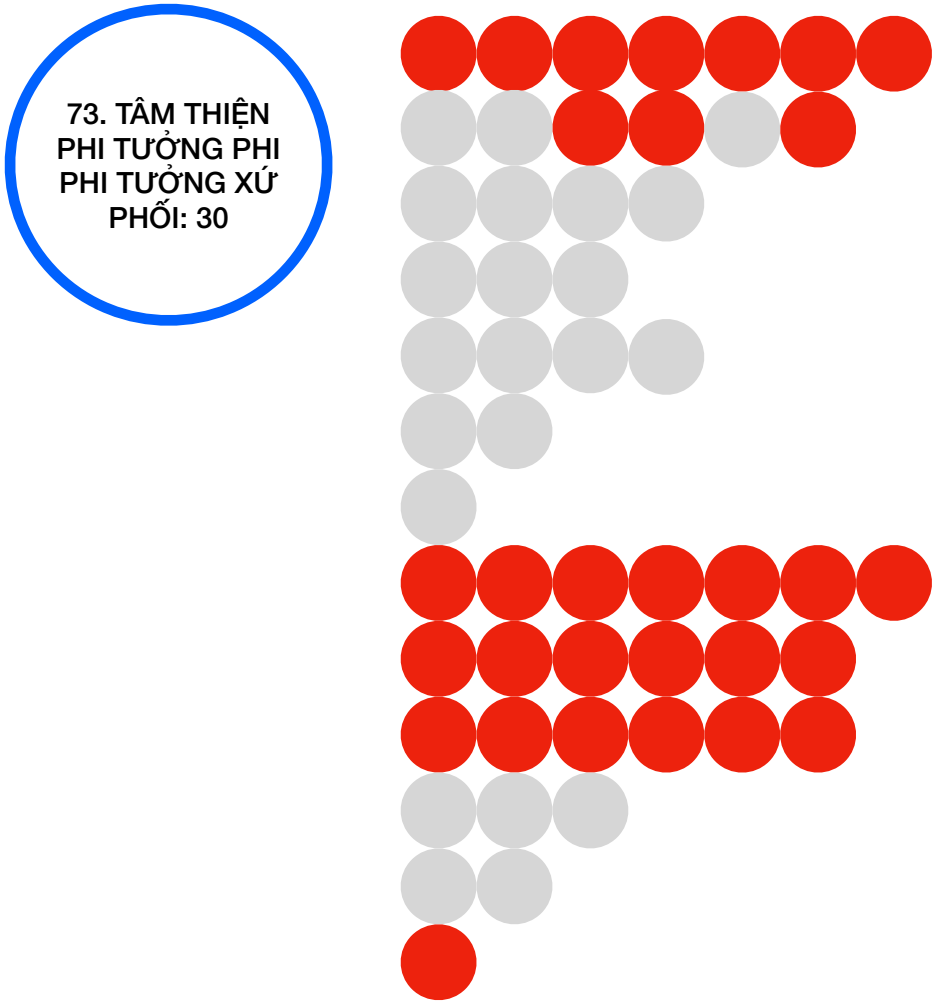

74. **Tâm quả không vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

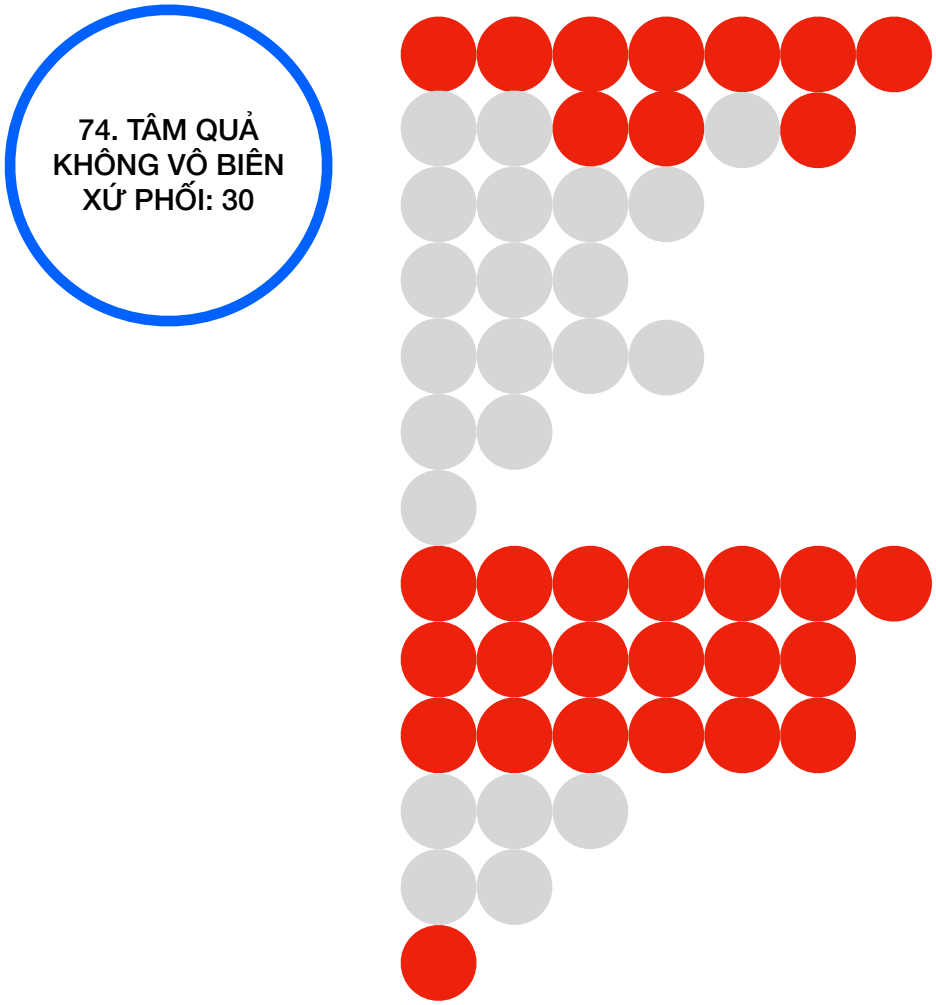

75. **Tâm quả thức vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

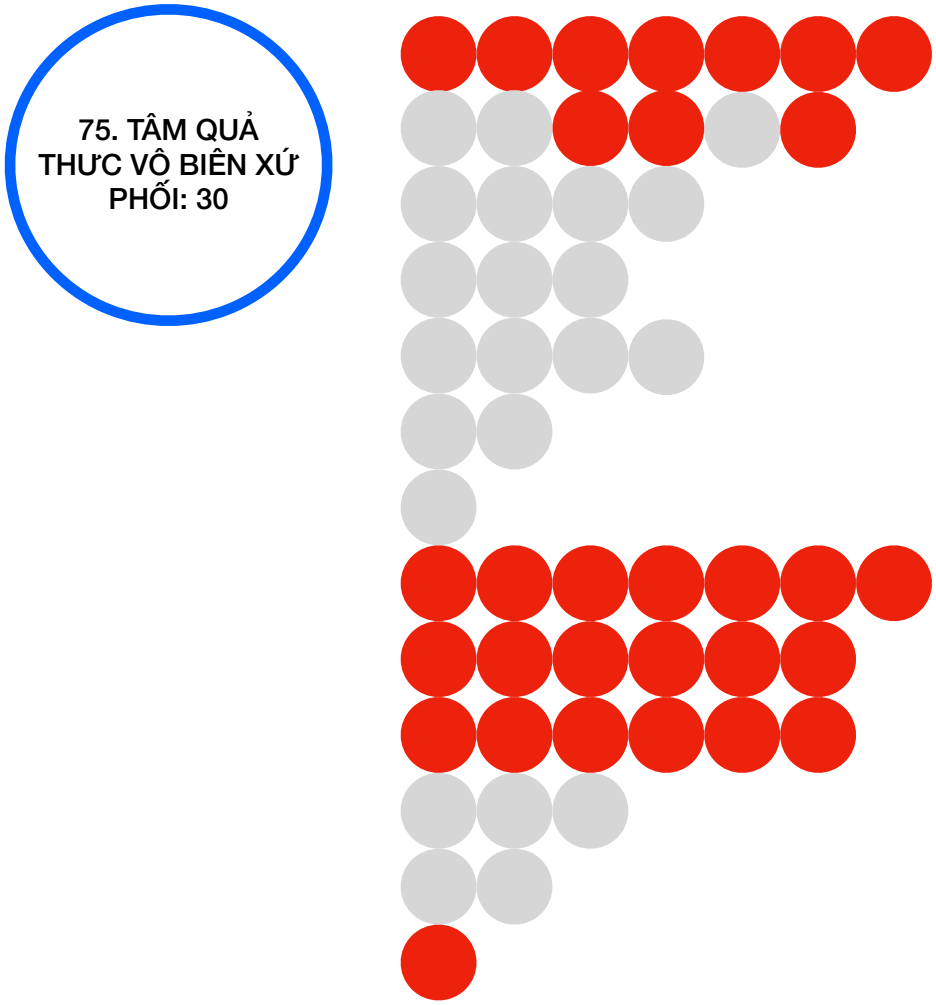

76. **Tâm quả vô sở hữu xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

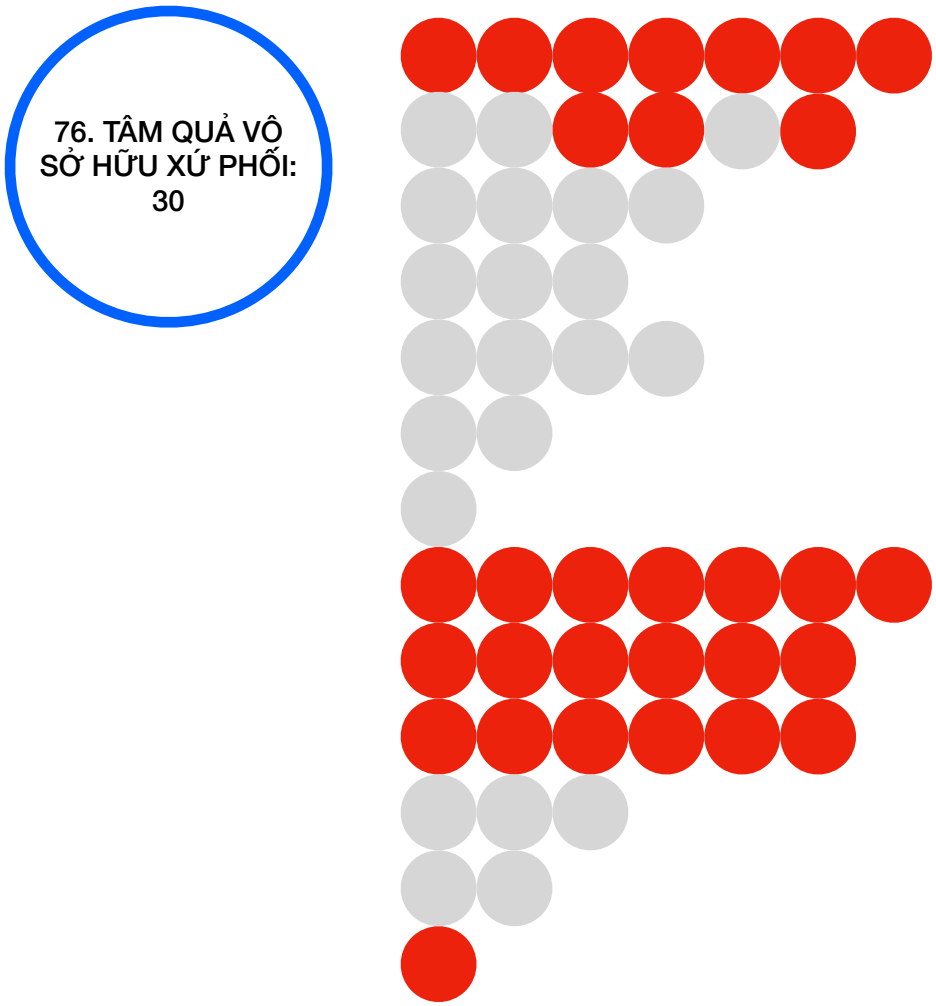

77. **Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ**:

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

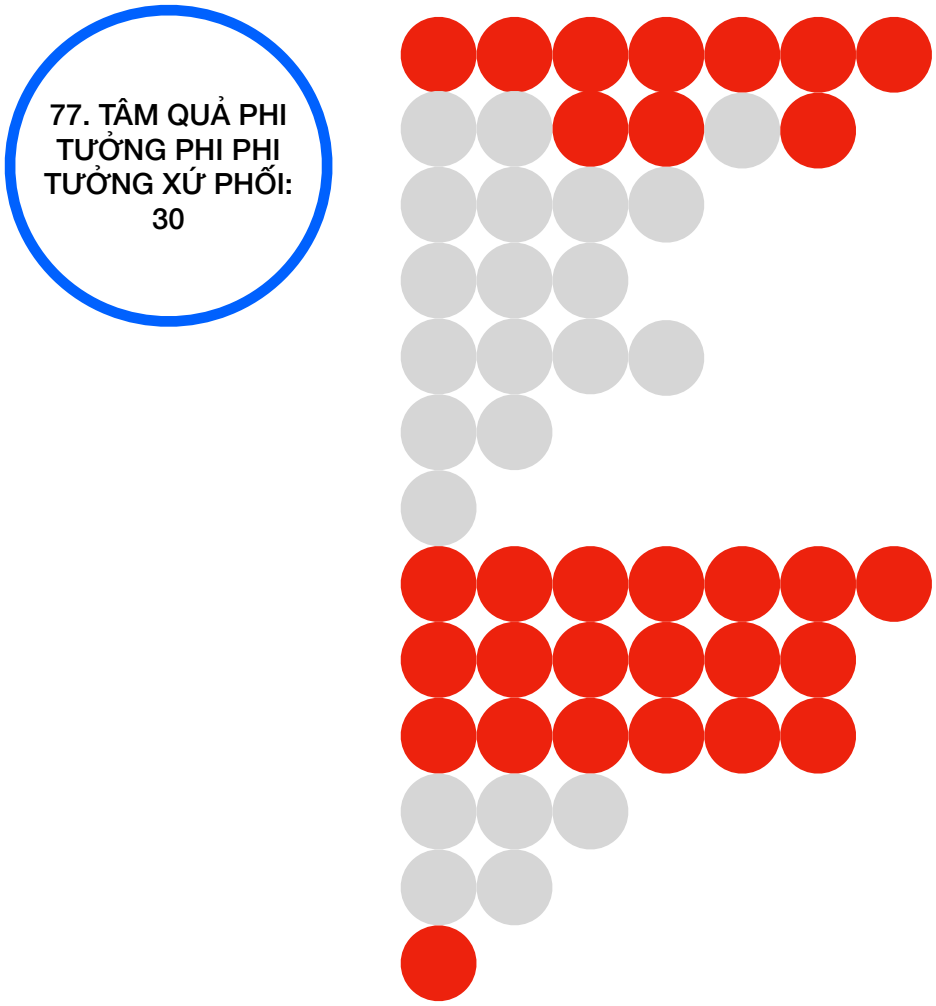

78. **Tâm duy tác không vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

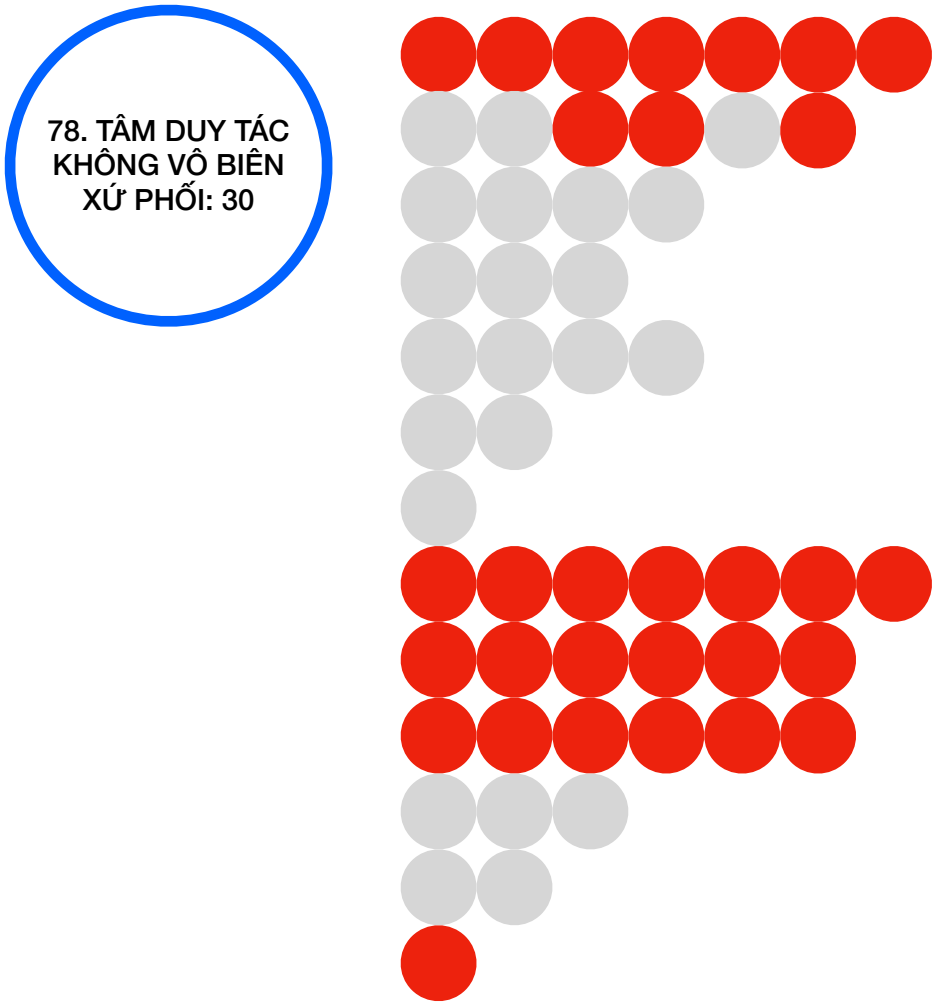

79. **Tâm duy tác thức vô biên xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

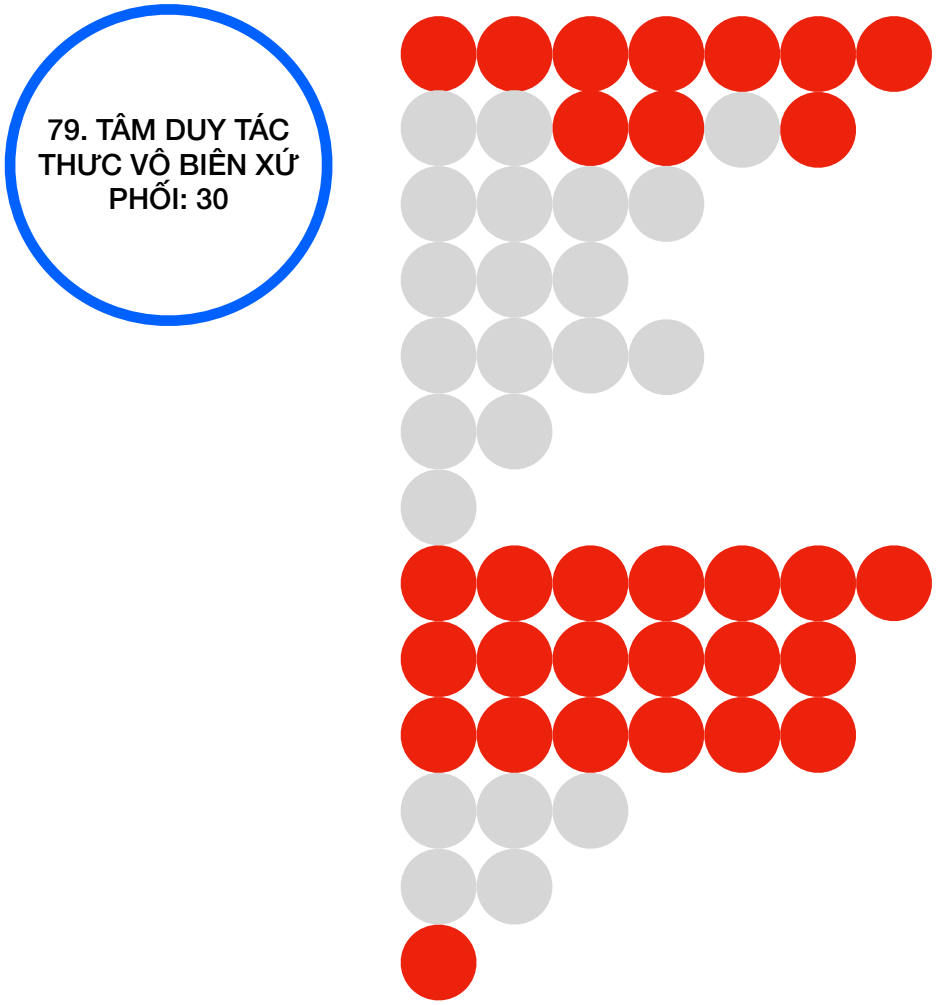

80. **Tâm duy tác vô sở hữu xứ:**

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

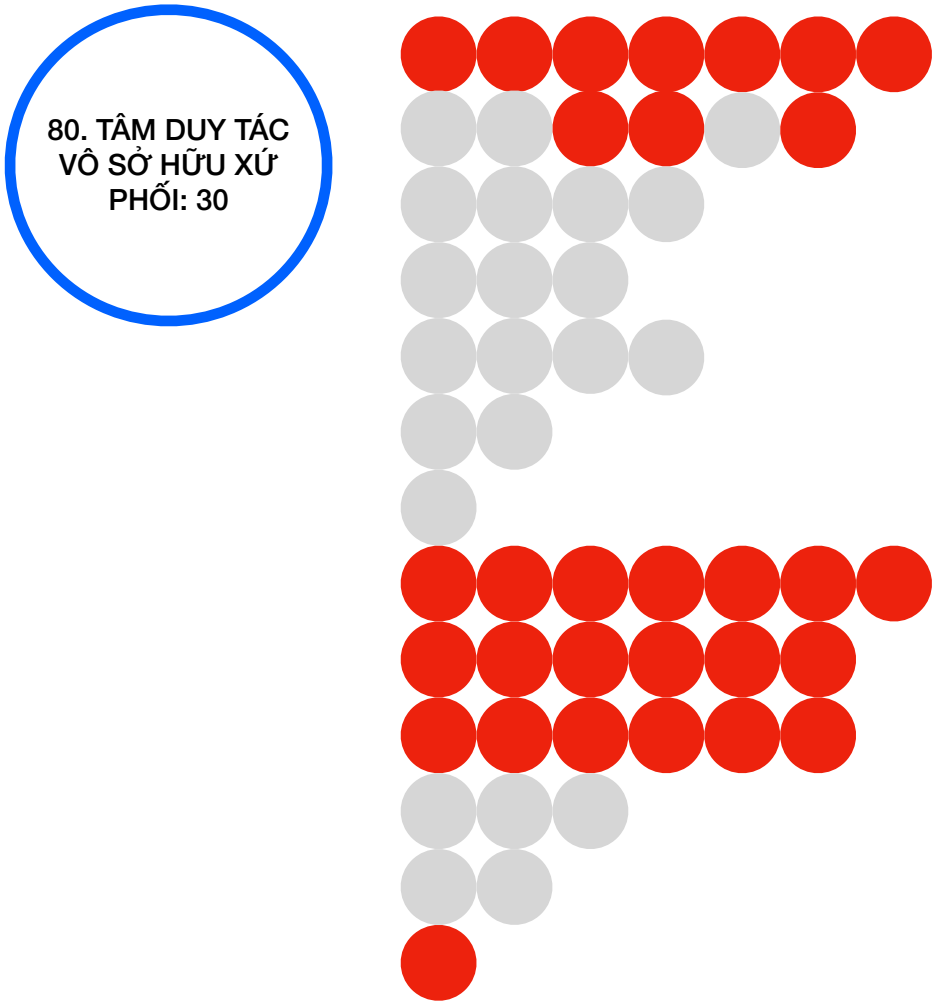

81. **Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ**:

Có 30 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm thiện ngũ thiền sắc giới.

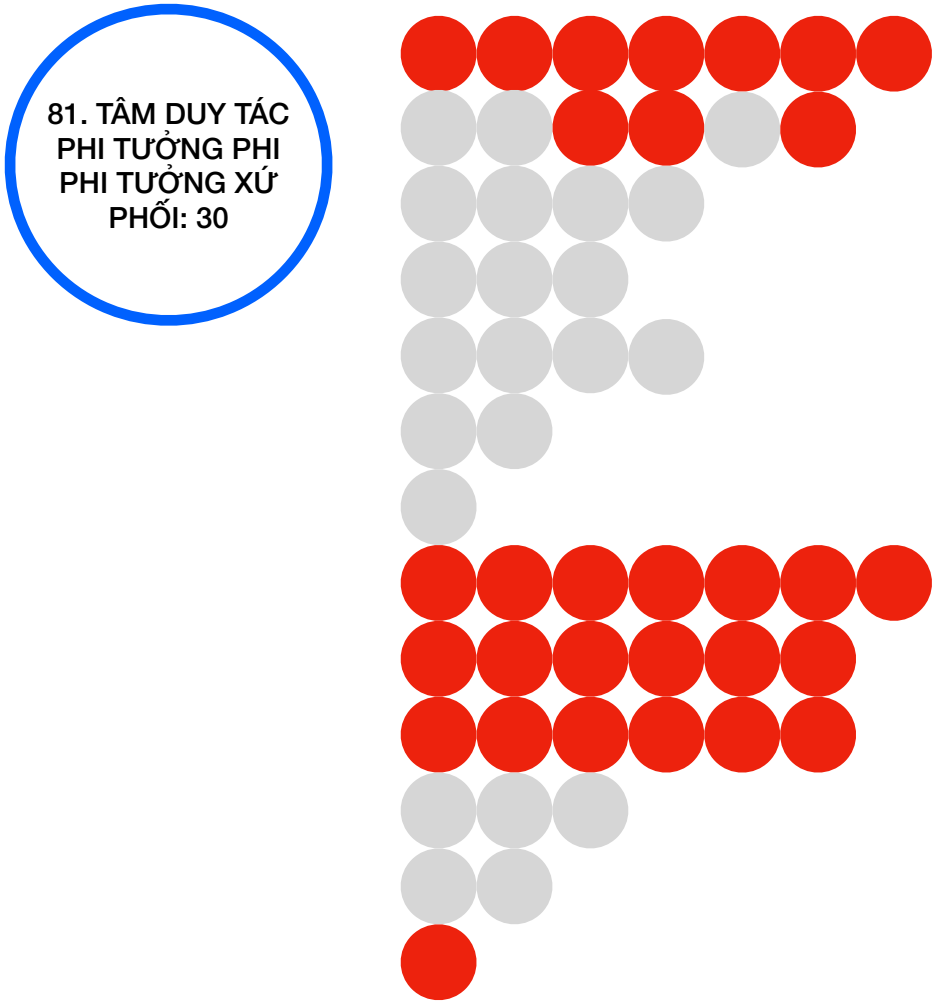

82. Tâm sơ đạo sơ thiền:

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh. Đó là 13 sở hữu tợ tha tức là 7 sở hữu biến hành gồm: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý và 6 sở hữu biệt cảnh gồm: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục, cùng với 23 sở hữu tịnh

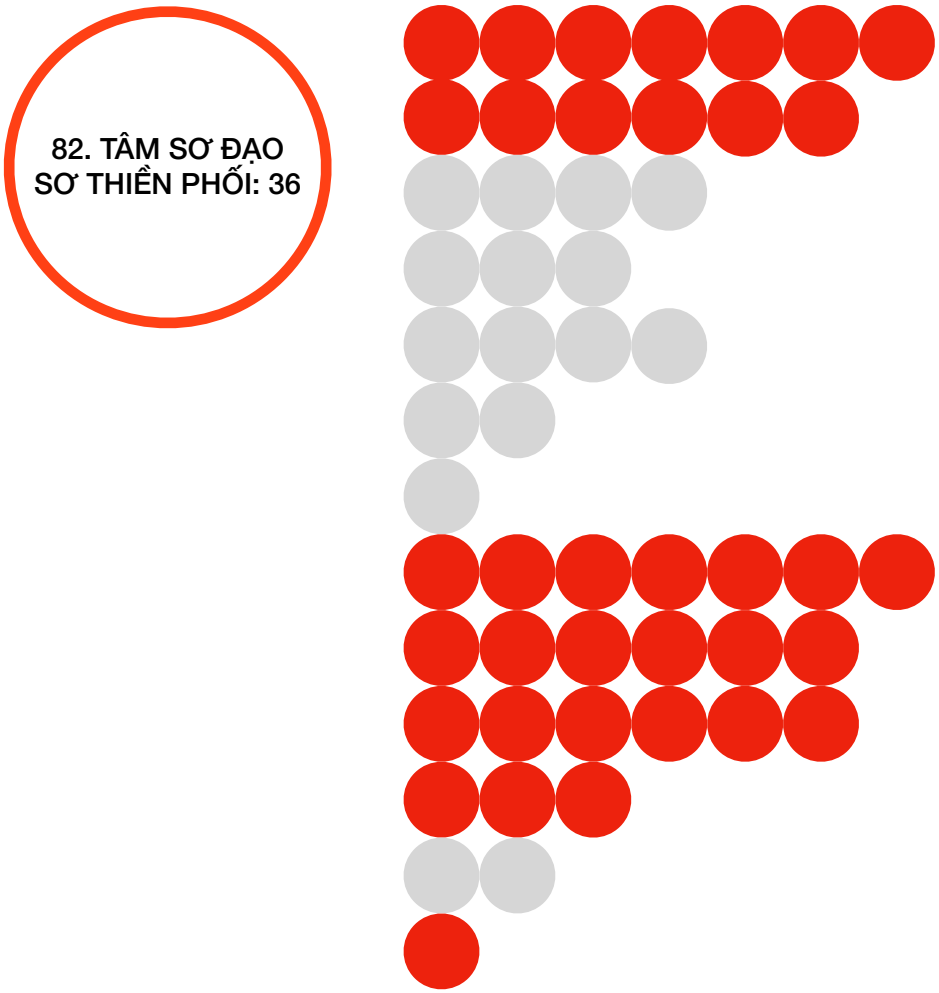

hảo tức là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành gồm: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, cộng với 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và sở hữu trí tuệ.

83. **Tâm sơ đạo nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm vì là tâm nhị thiền chỉ có 4 chi thiền là: tứ, hỷ, lạc, nhất tâm.

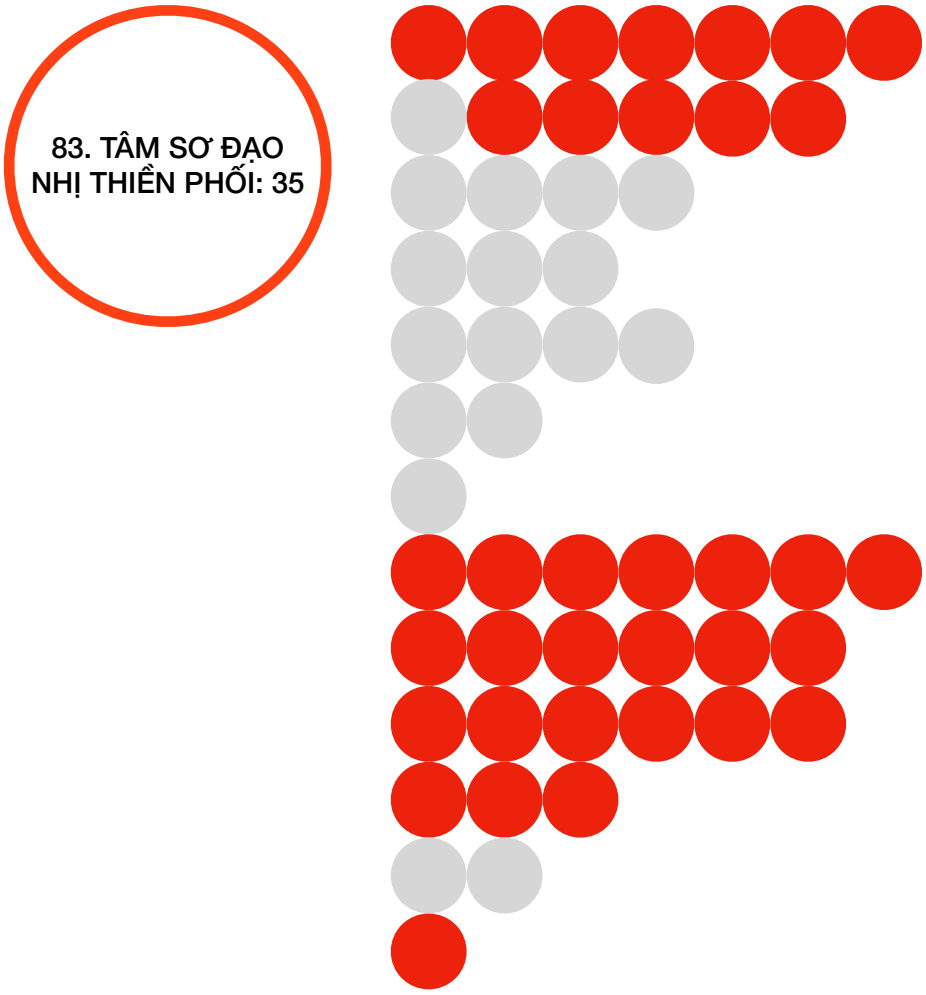

84. **Tâm sơ đạo tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm và sở hữu tứ vì là tâm tam thiền chỉ có 3 chi thiền là: hỷ, lạc, nhất tâm.

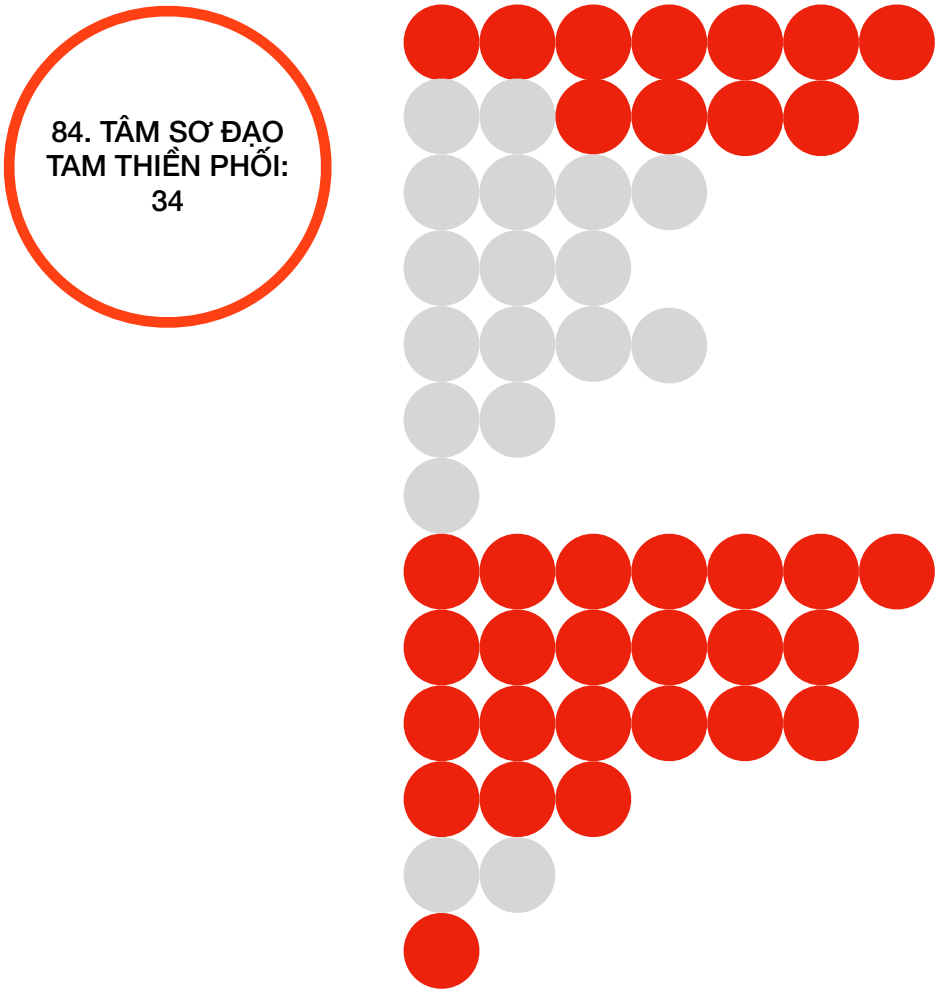

85. **Tâm sơ đạo tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ và sở hữu hỷ vì là tâm tứ thiền chỉ có 2 chi thiền là: lạc, nhất tâm.

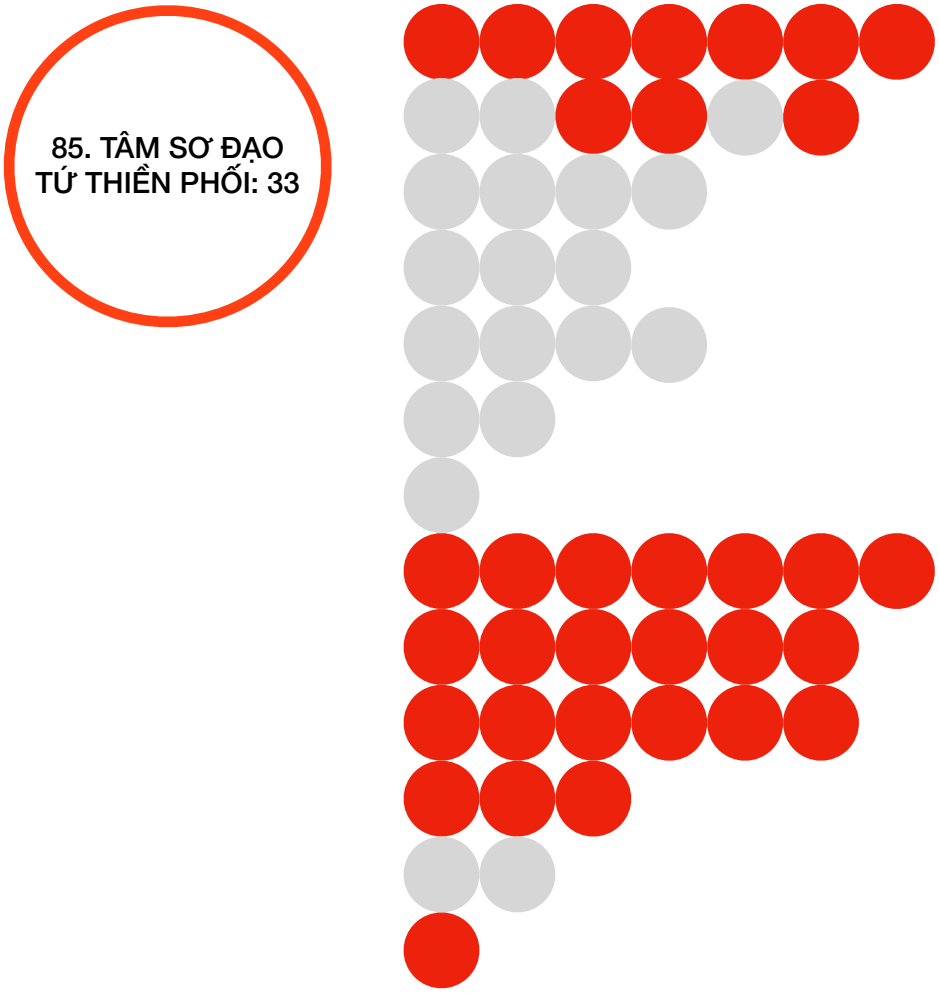

86. **Tâm sơ đạo ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền nhưng không có sở hữu tầm, sở hữu tứ, sở hữu hỷ vì là tâm ngũ thiền chỉ có 2 chi thiền là xả và nhất tâm.

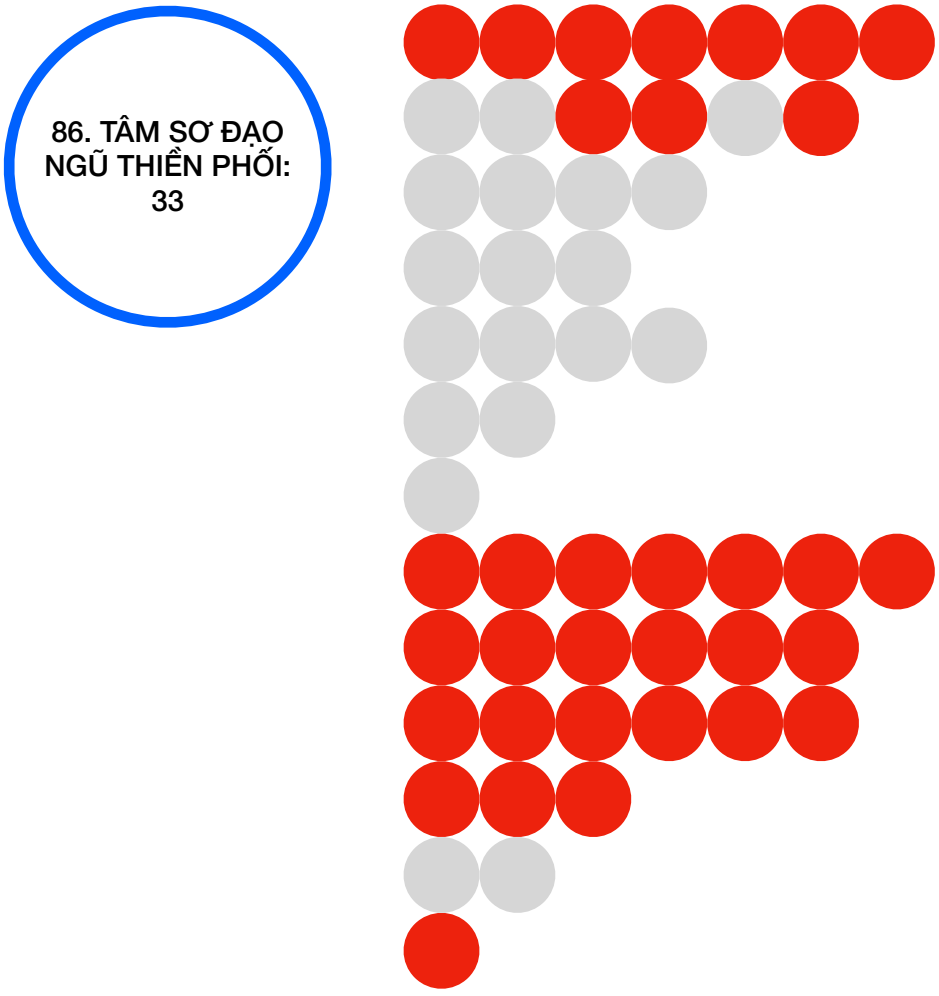

87. **Tâm nhị đạo sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

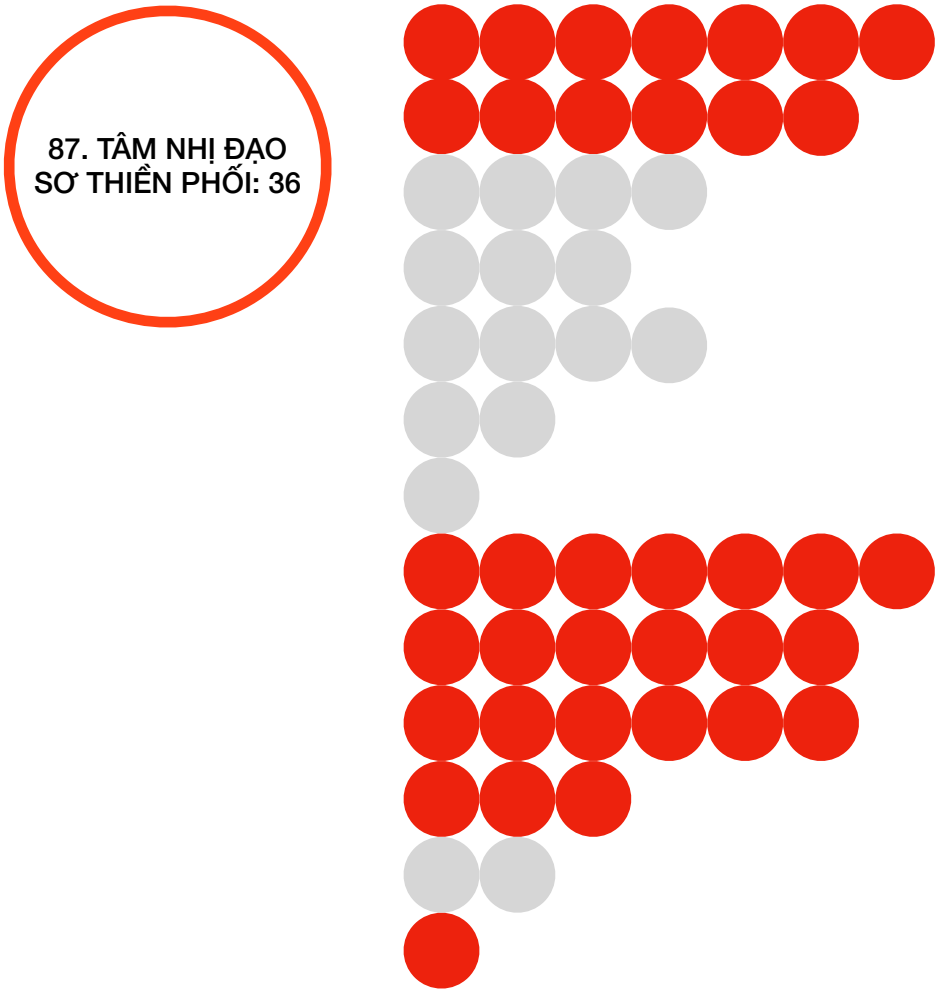

88. **Tâm nhị đạo nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

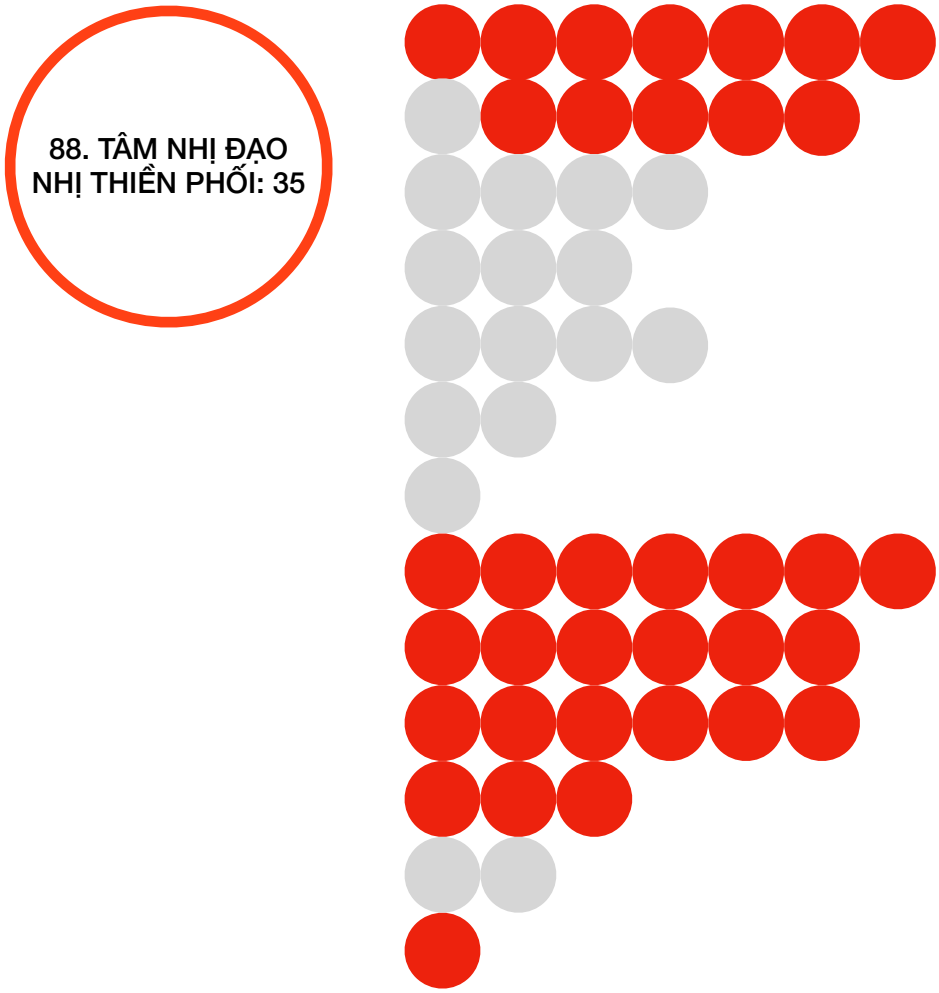

89. **Tâm nhị đạo tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

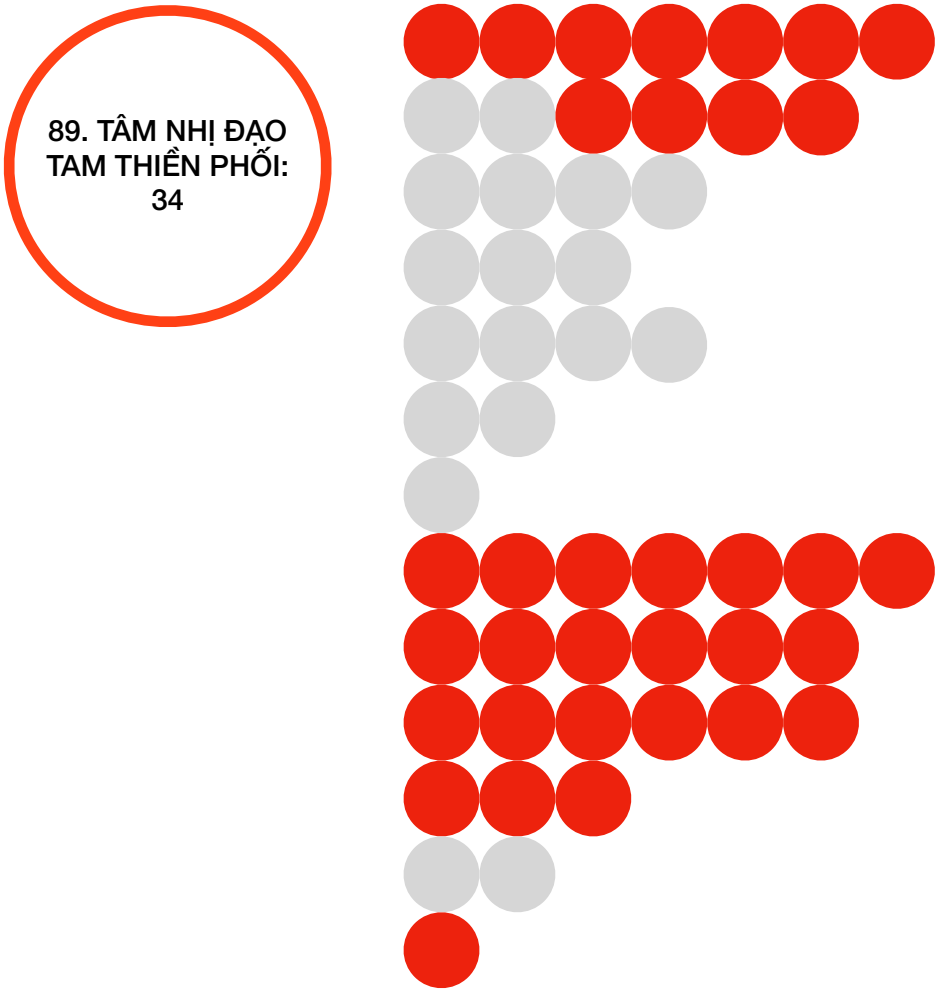

90. **Tâm nhị đạo tứ thiền**:

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

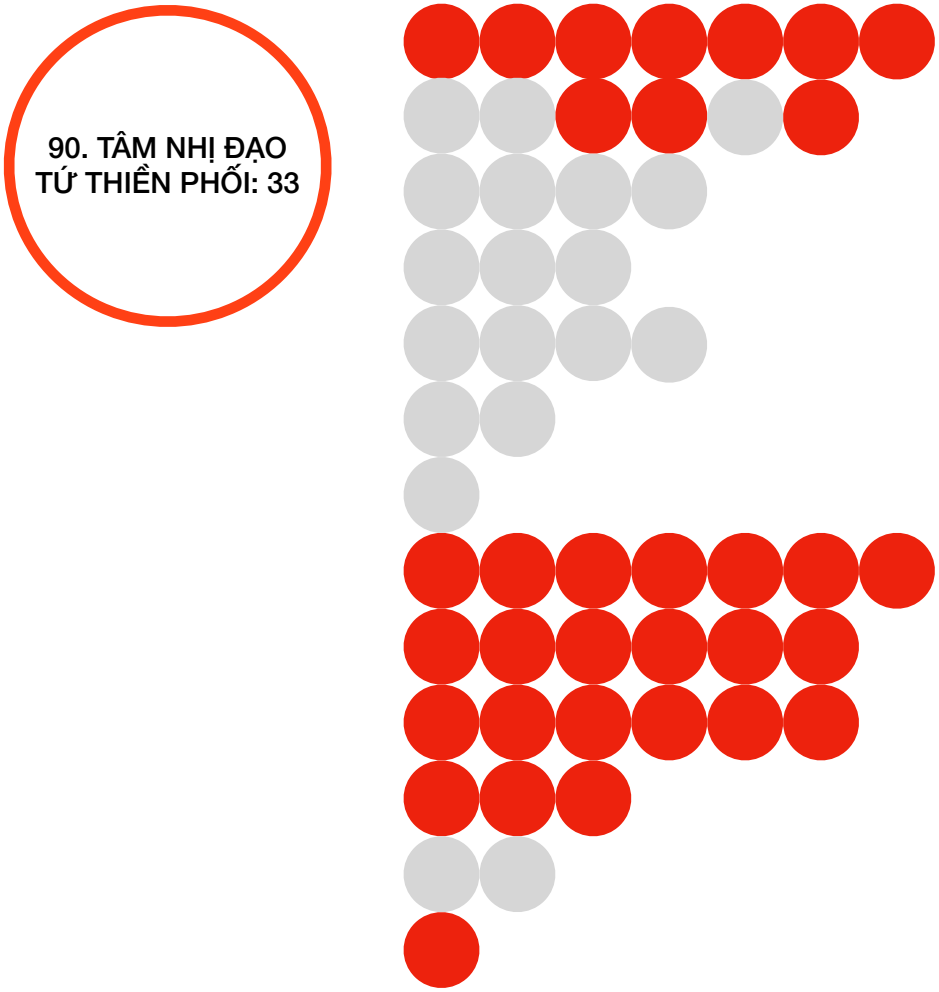

91. **Tâm nhị đạo ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

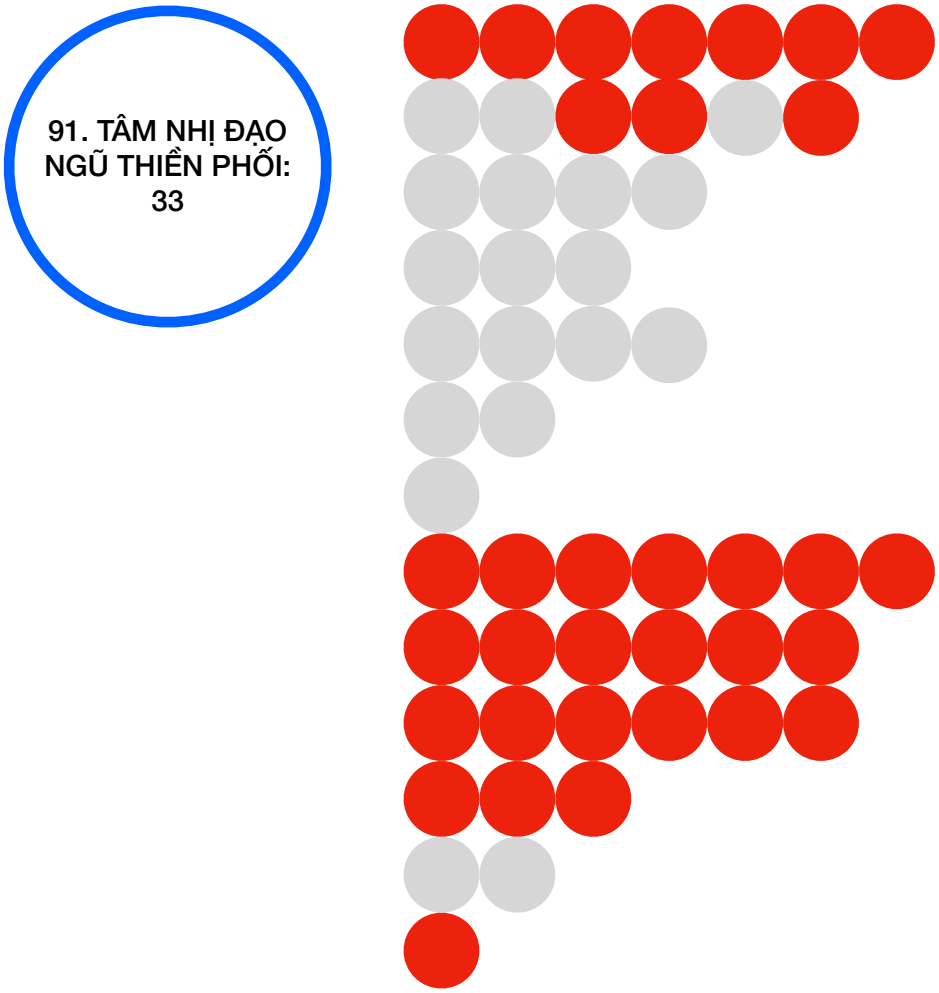

92. **Tâm tam đạo sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

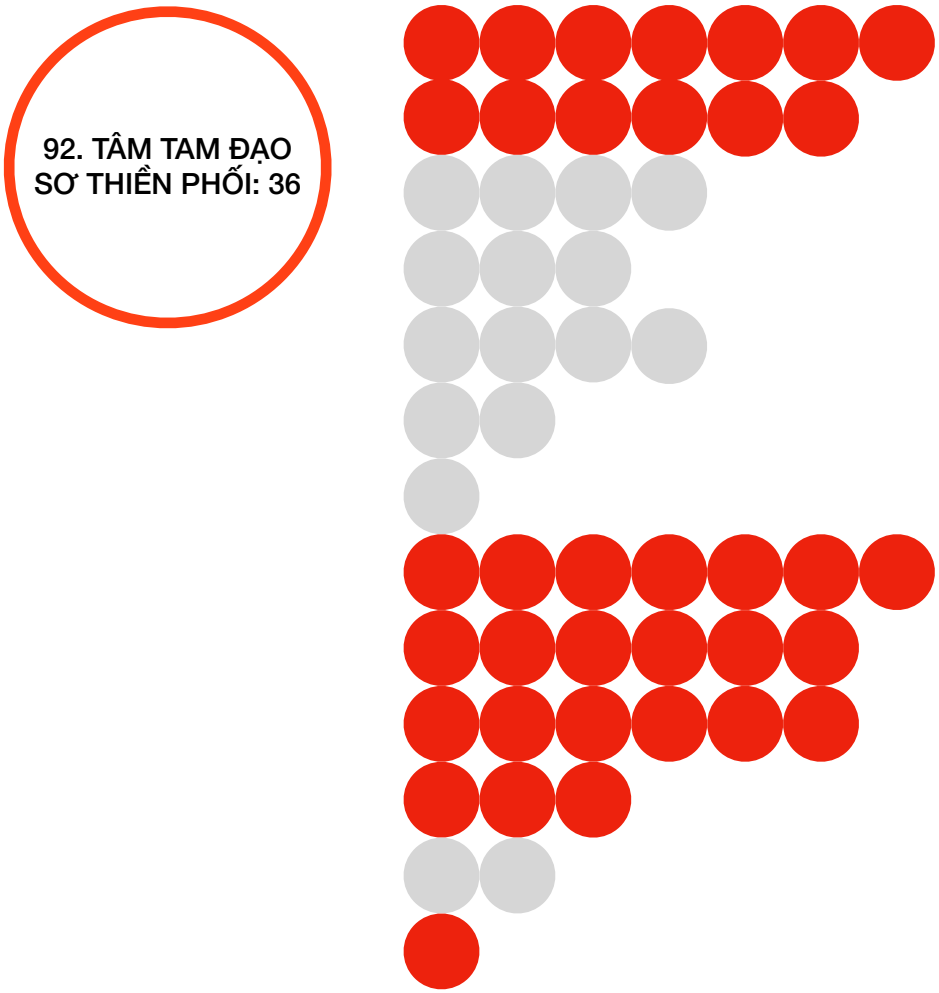

93. **Tâm tam đạo nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

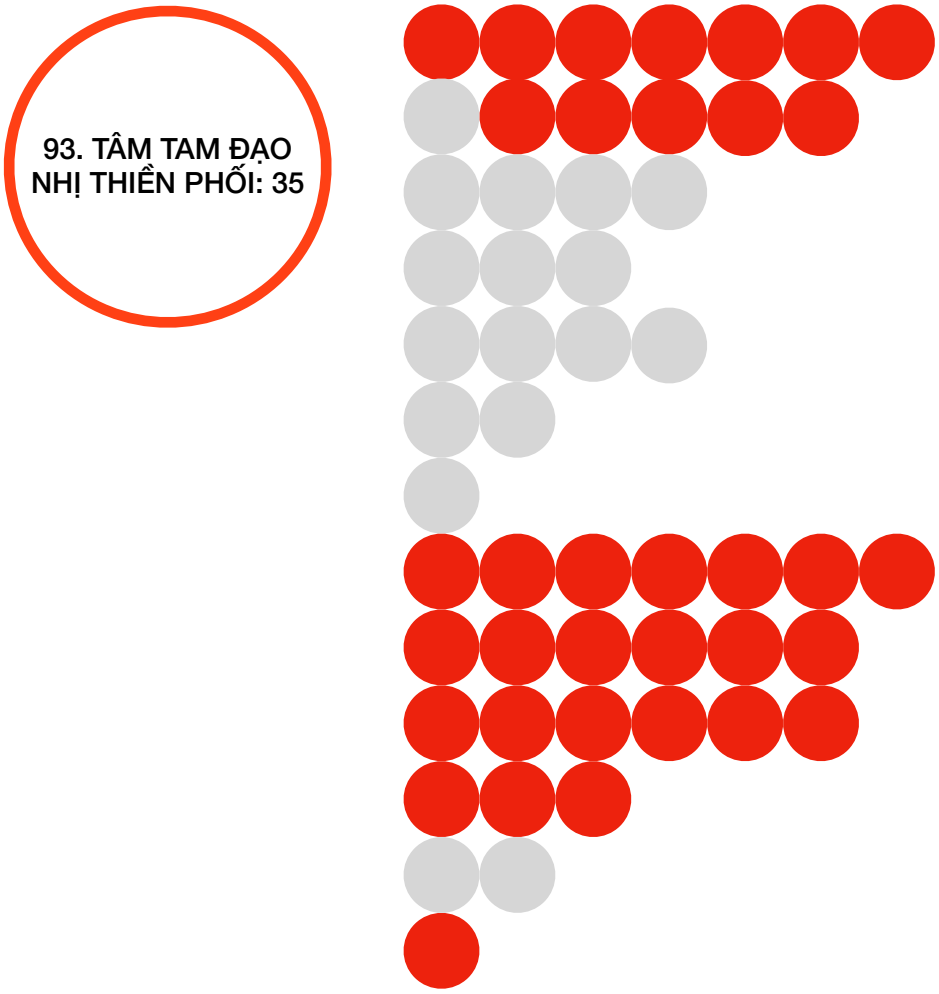

94. **Tâm tam đạo tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

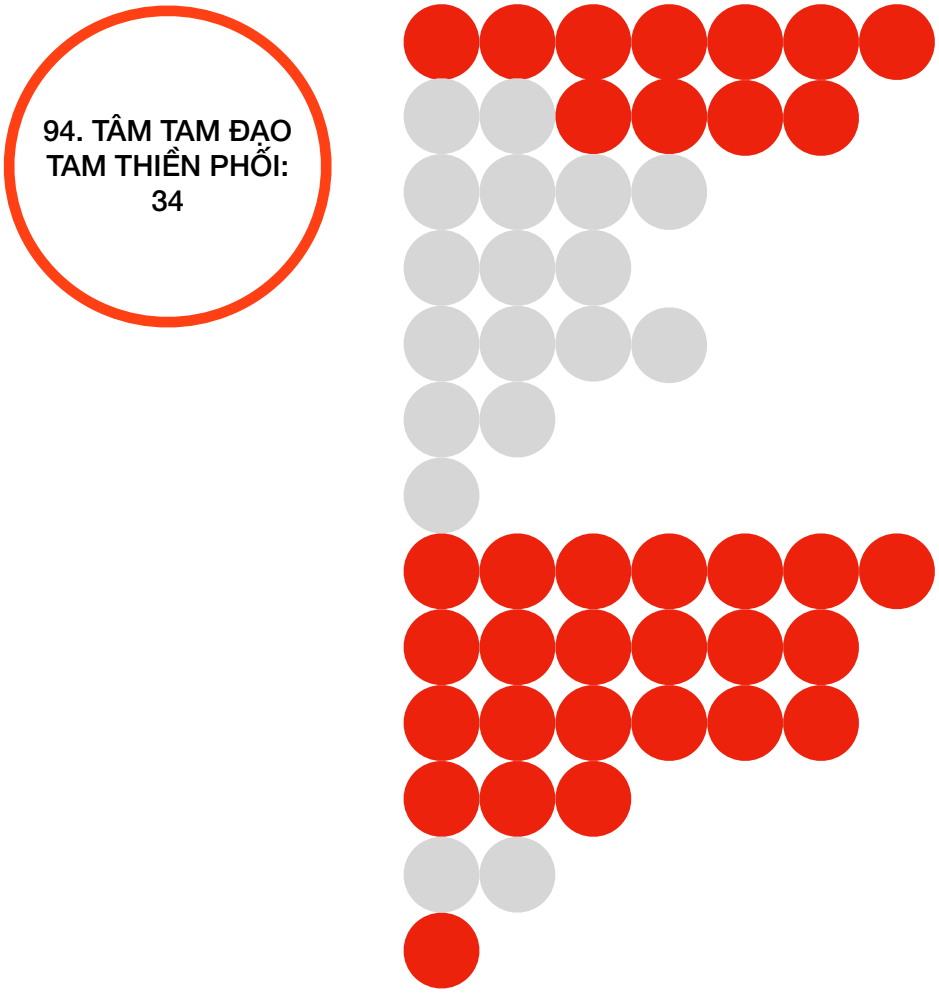

95. **Tâm tam đạo tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

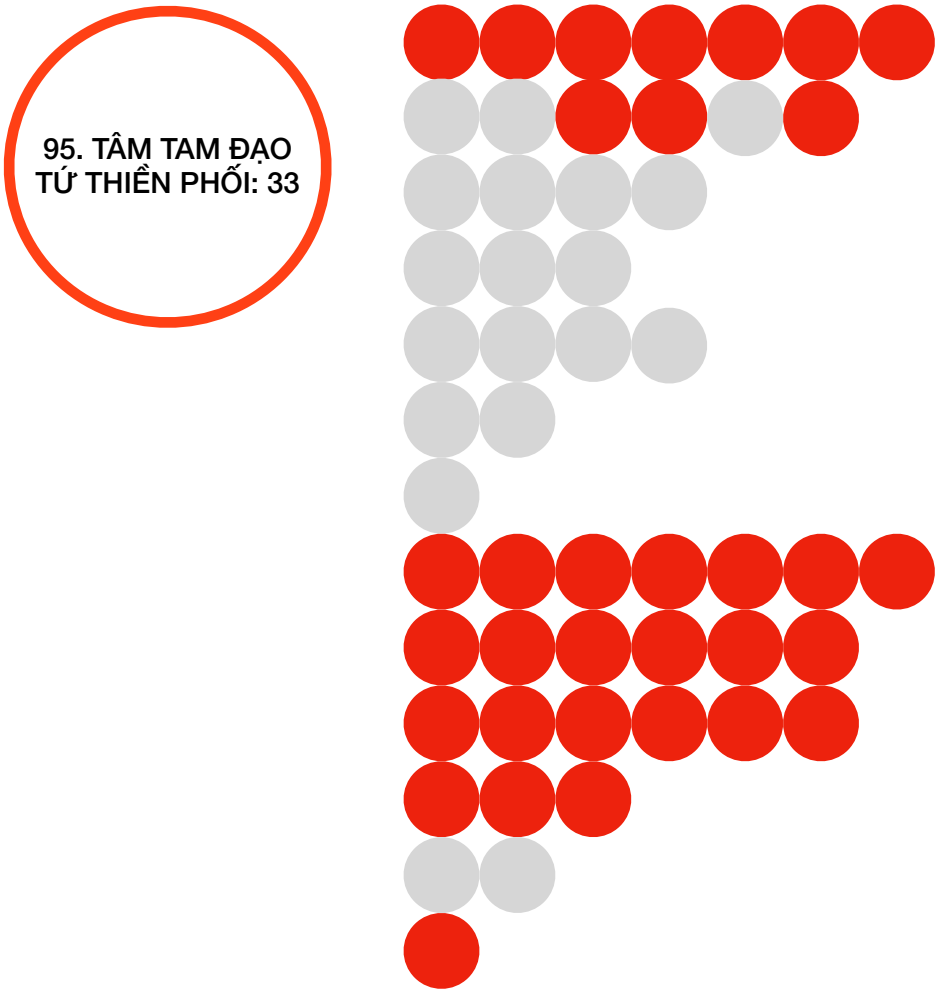

96. **Tâm tam đạo ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

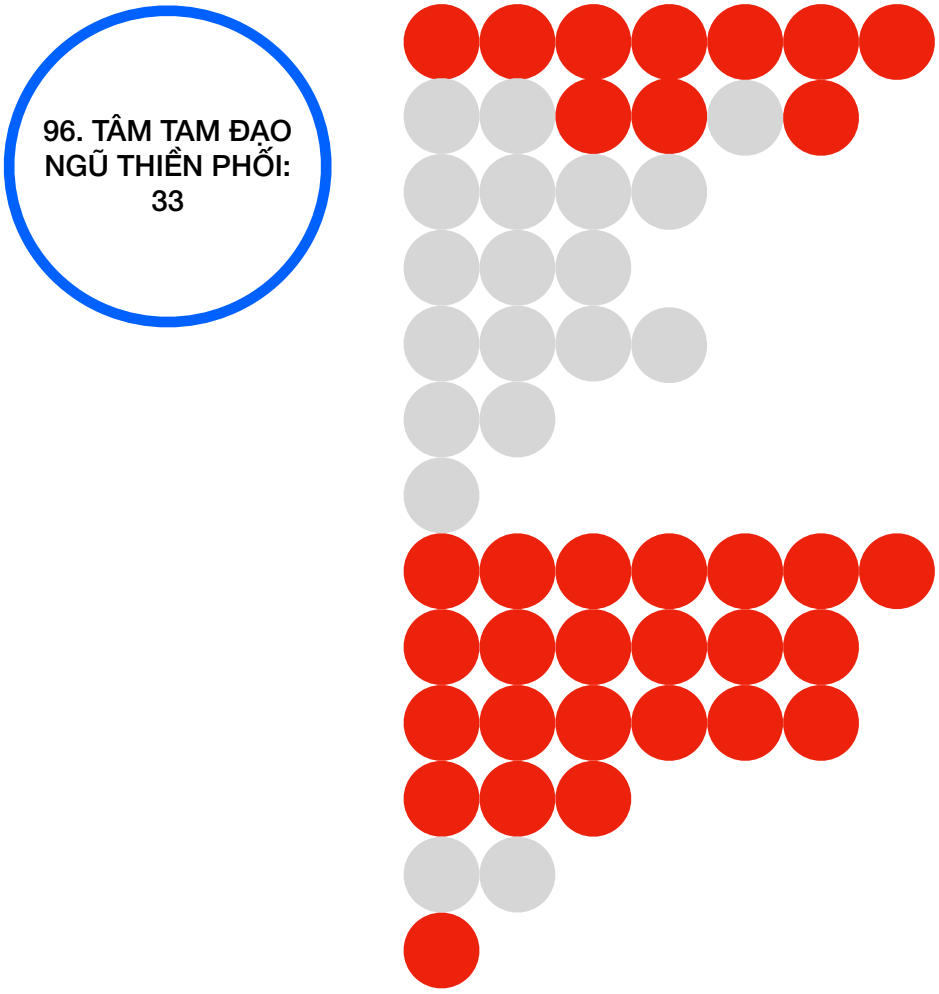

97. **Tâm tứ đạo sơ thiền**:

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

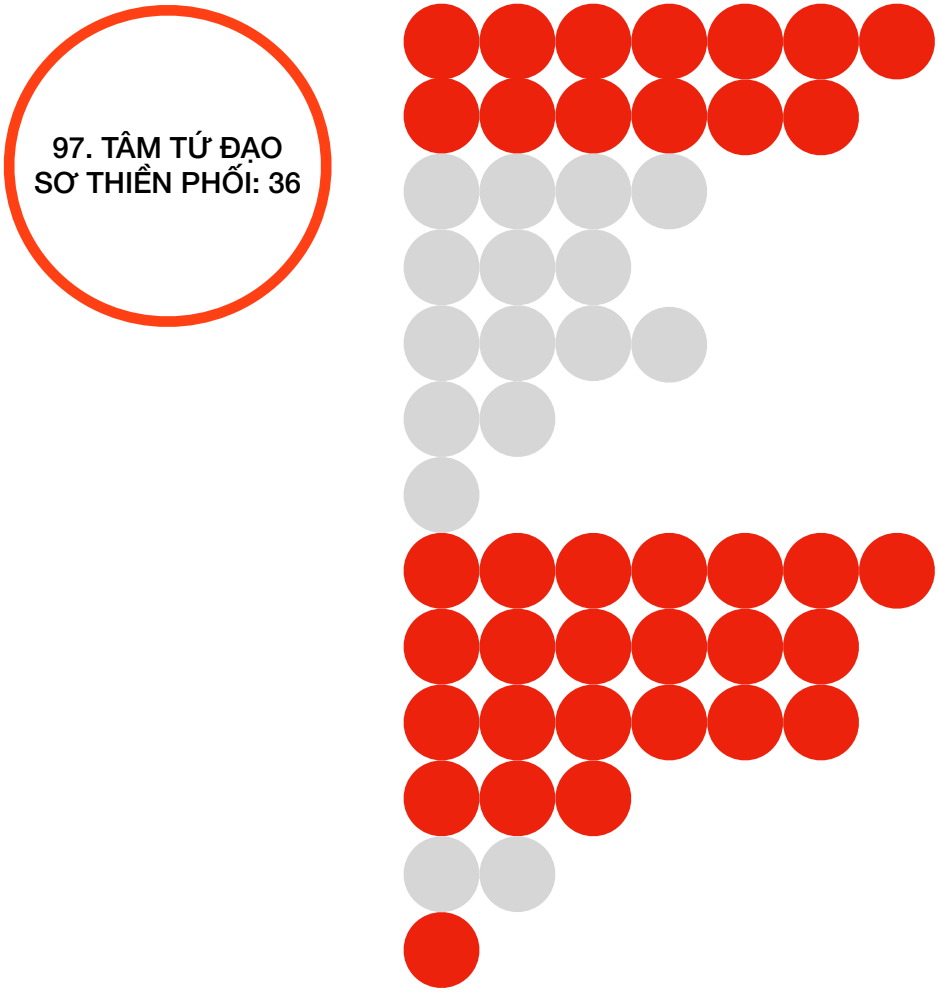

98. **Tâm tứ đạo nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

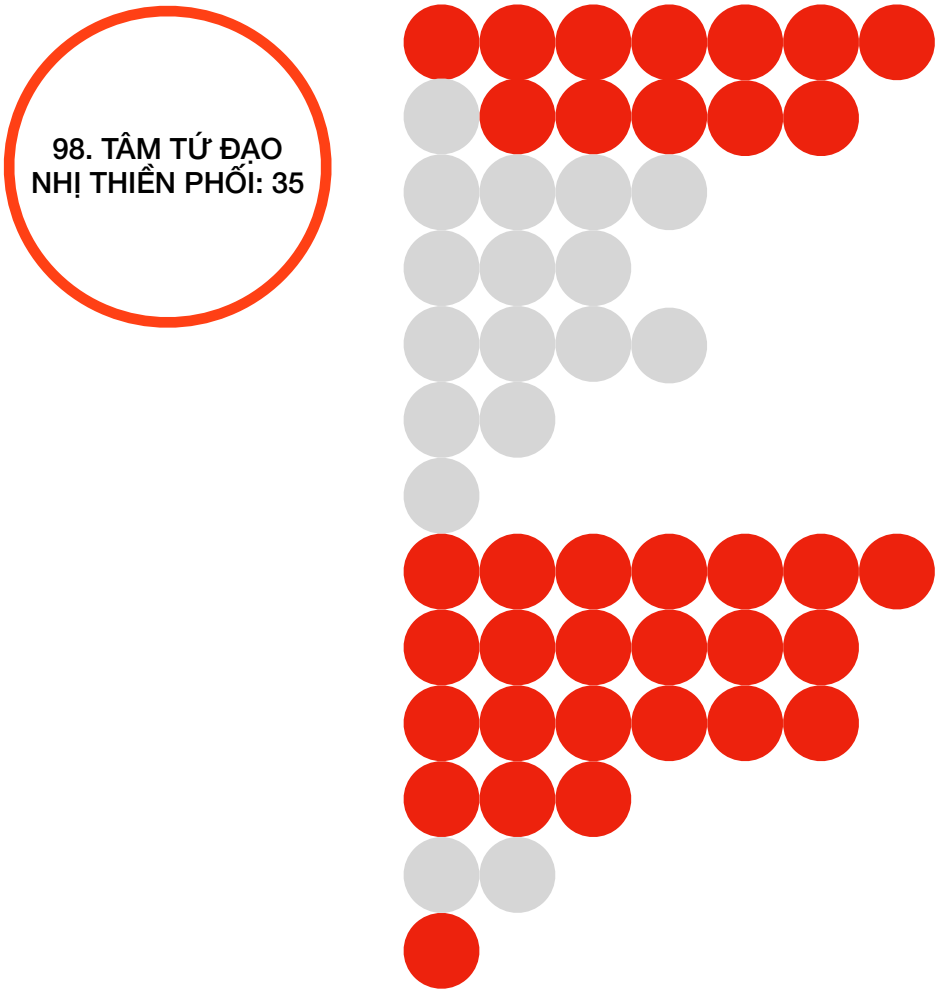

99. **Tâm tứ đạo tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

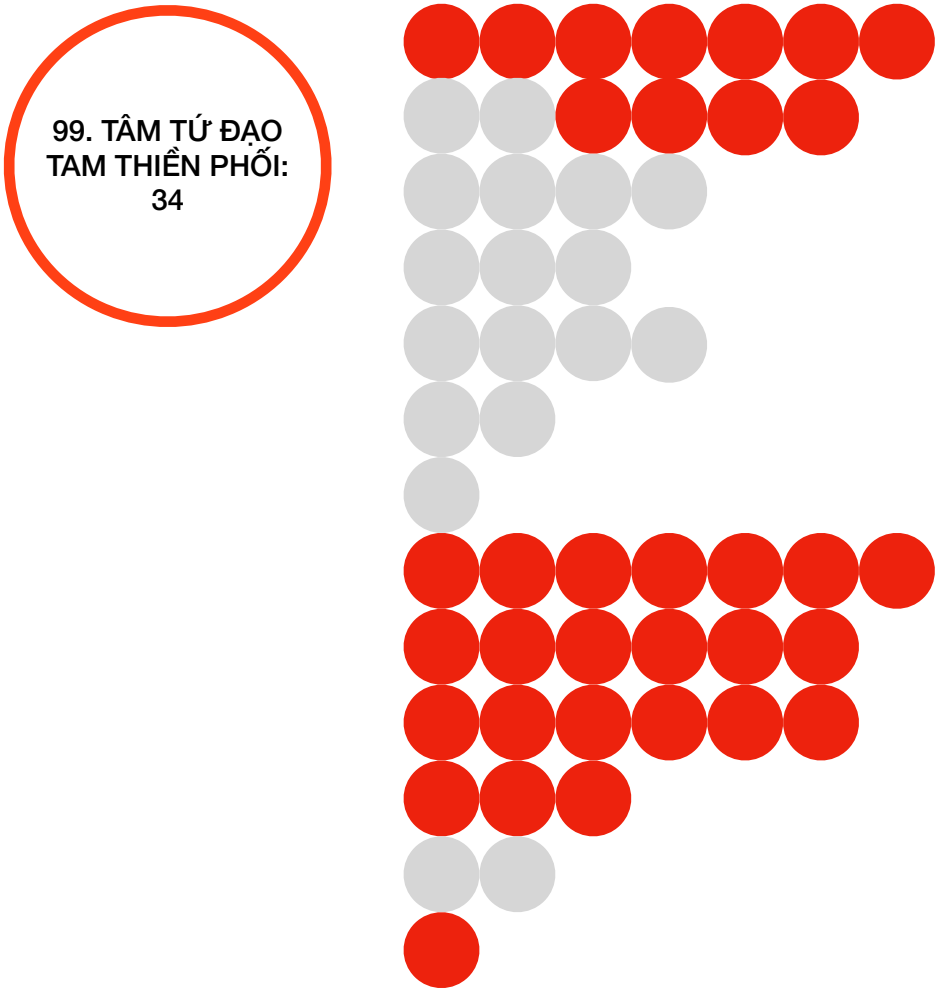

100.**Tâm tứ đạo tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

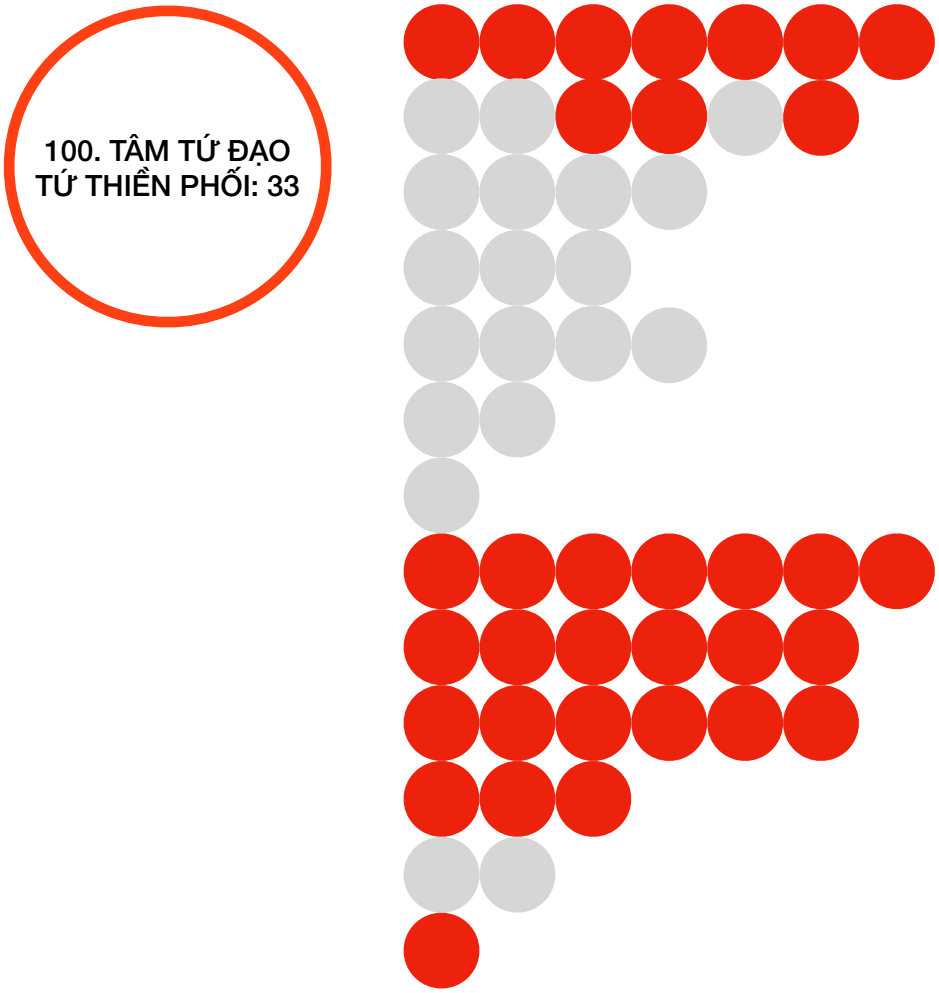

101.**Tâm tứ đạo ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

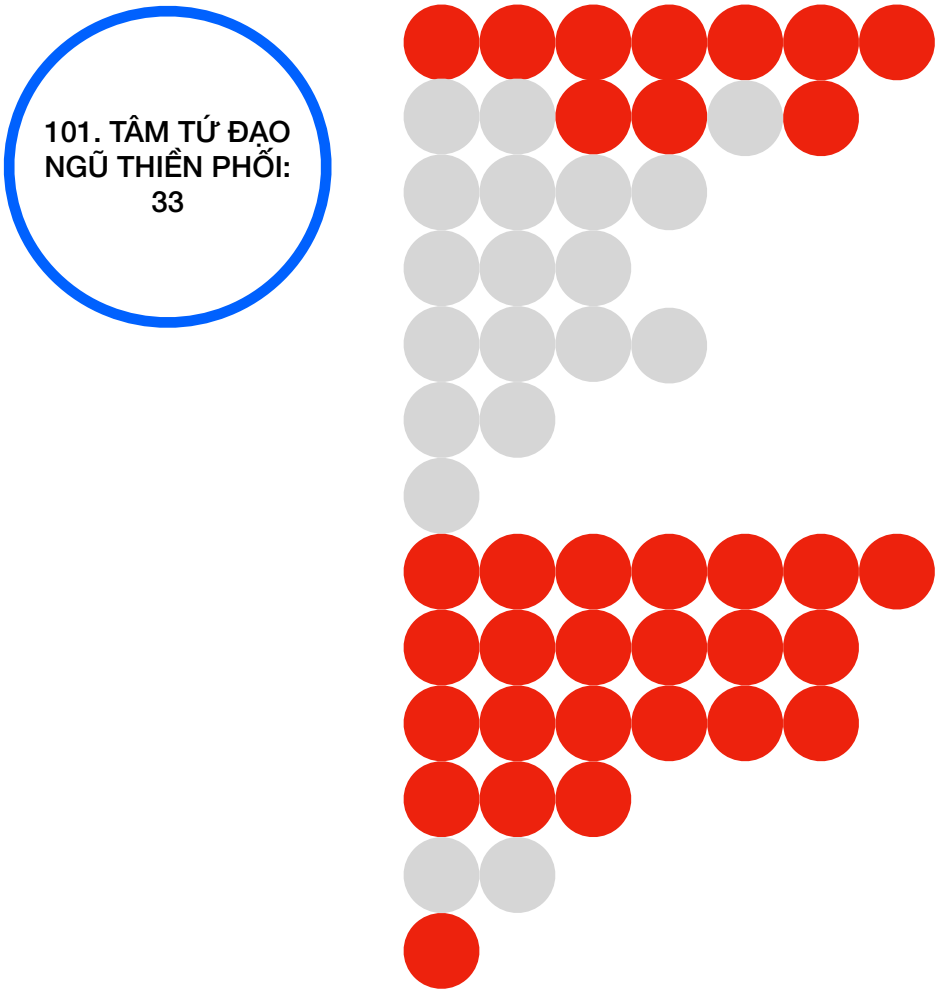

102.**Tâm sơ quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

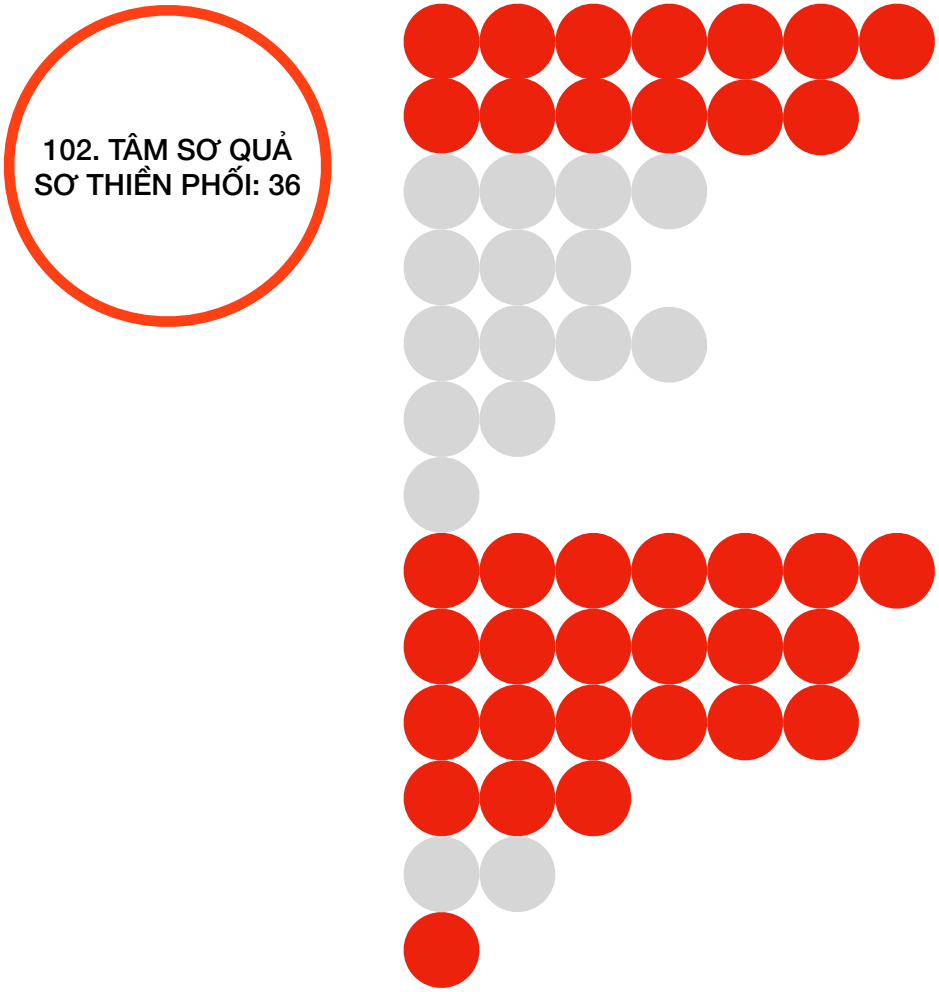

103.**Tâm sơ quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

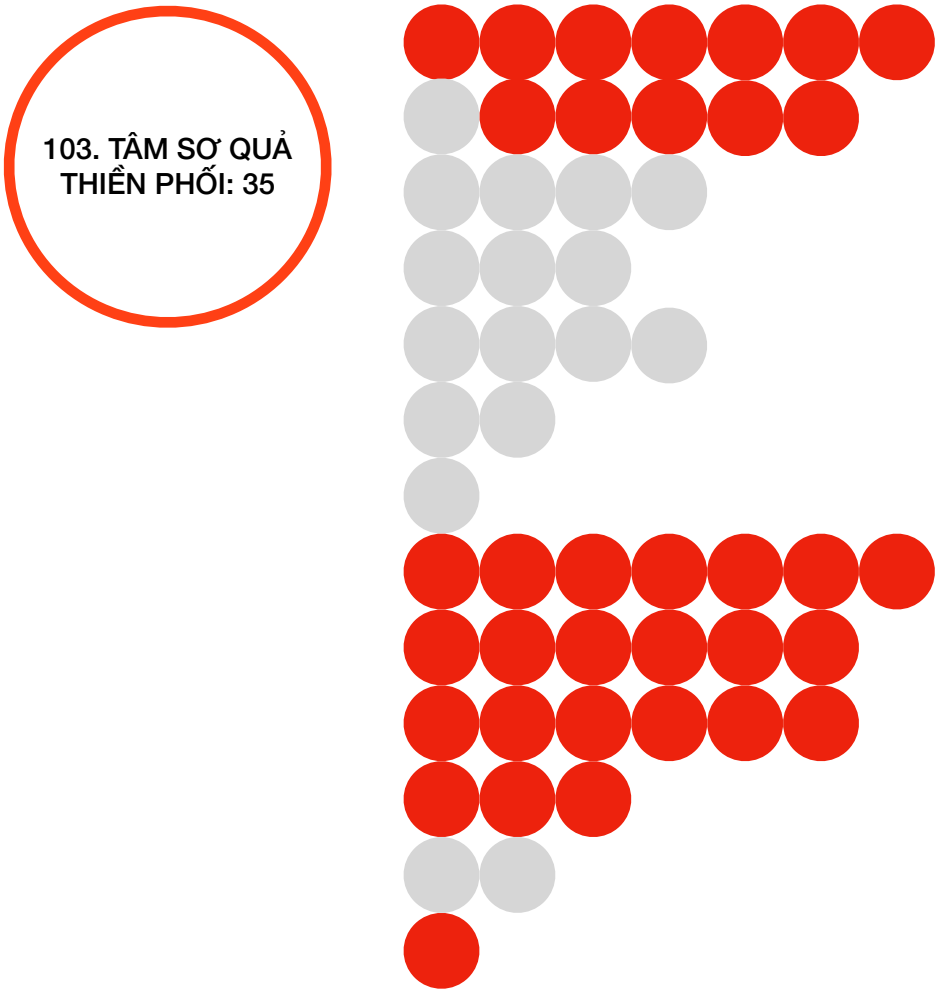

104.**Tâm sơ quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

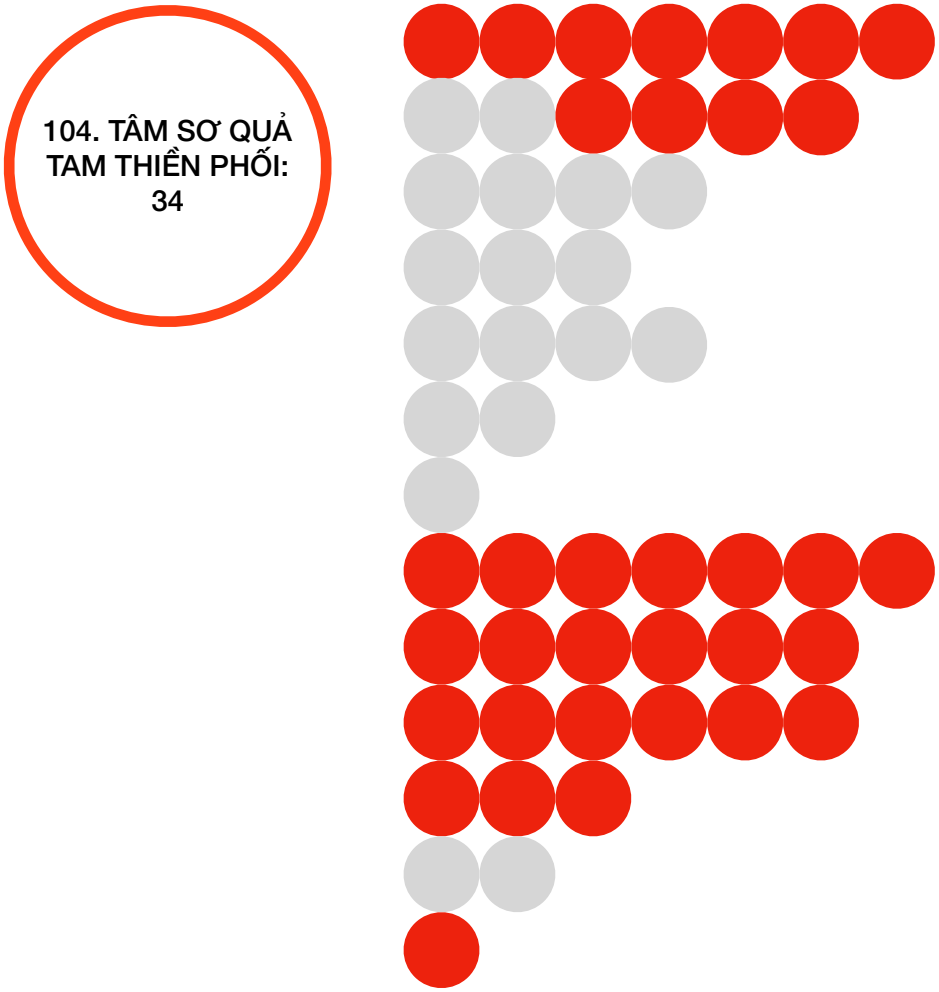

105.**Tâm sơ quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

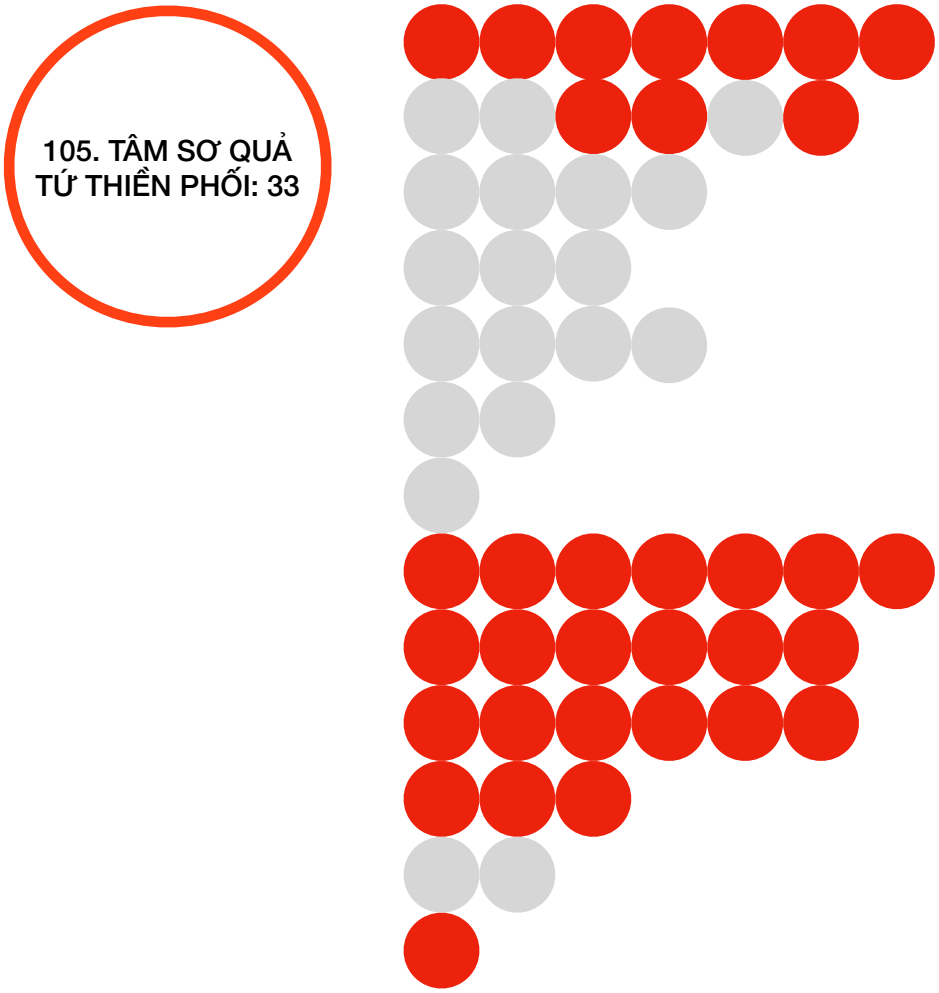

106.**Tâm sơ quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

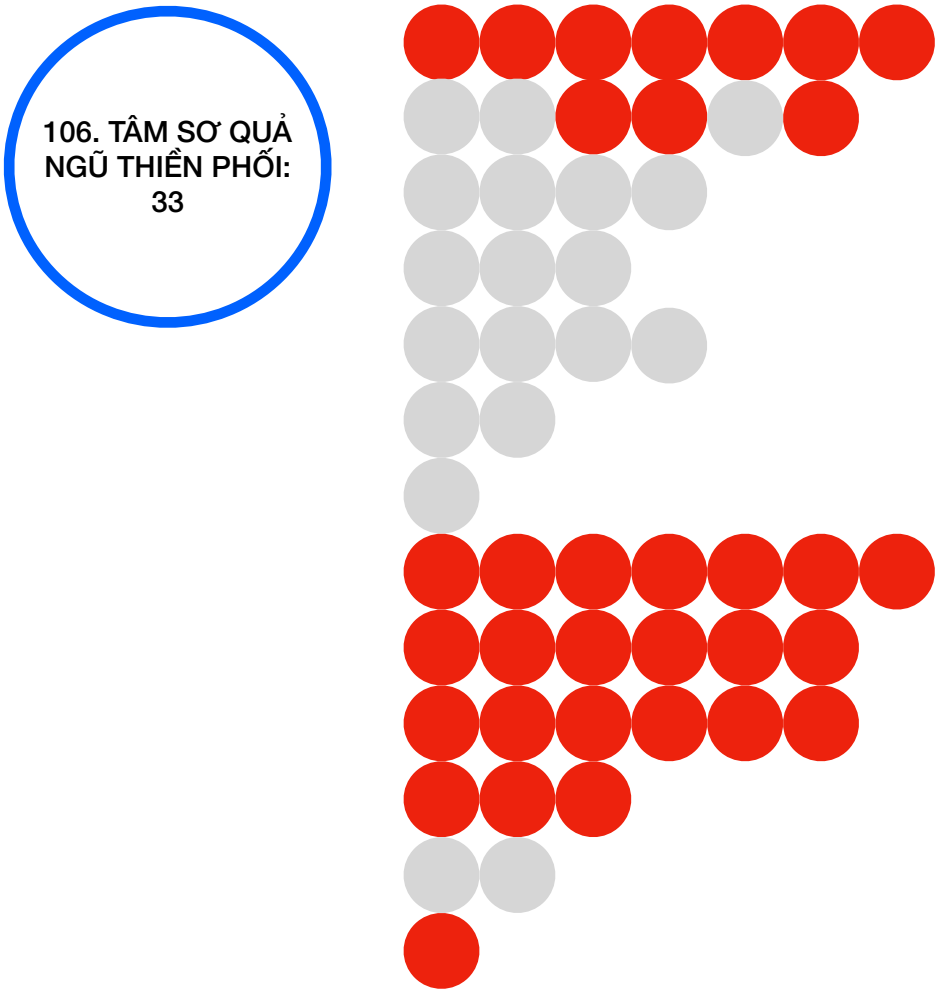

107.**Tâm nhị quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

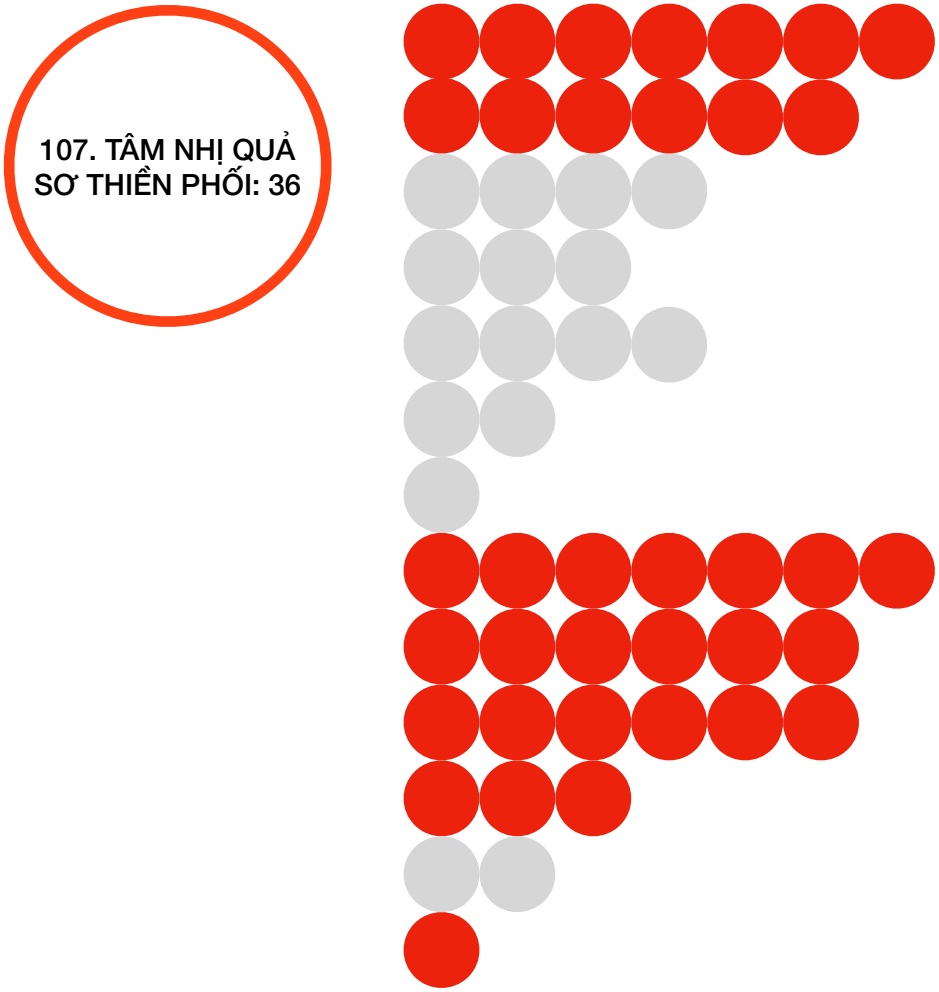

108.**Tâm nhị quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

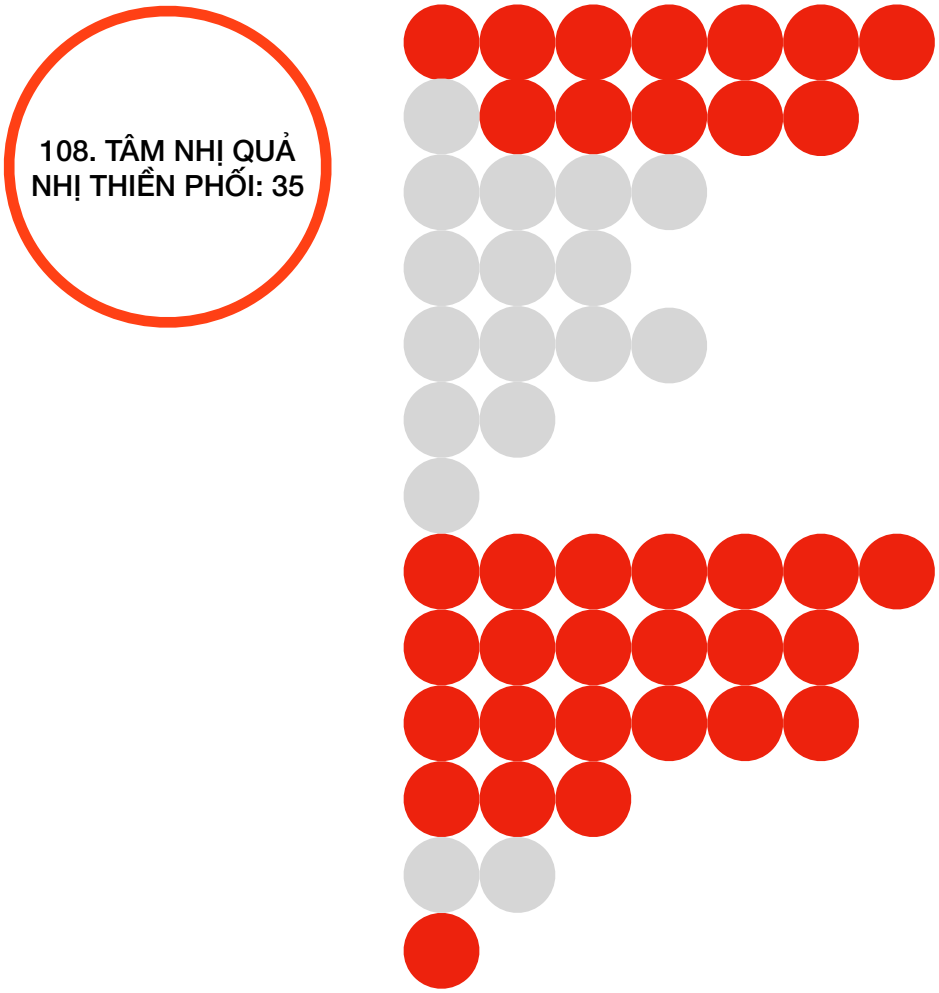

109.**Tâm nhị quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

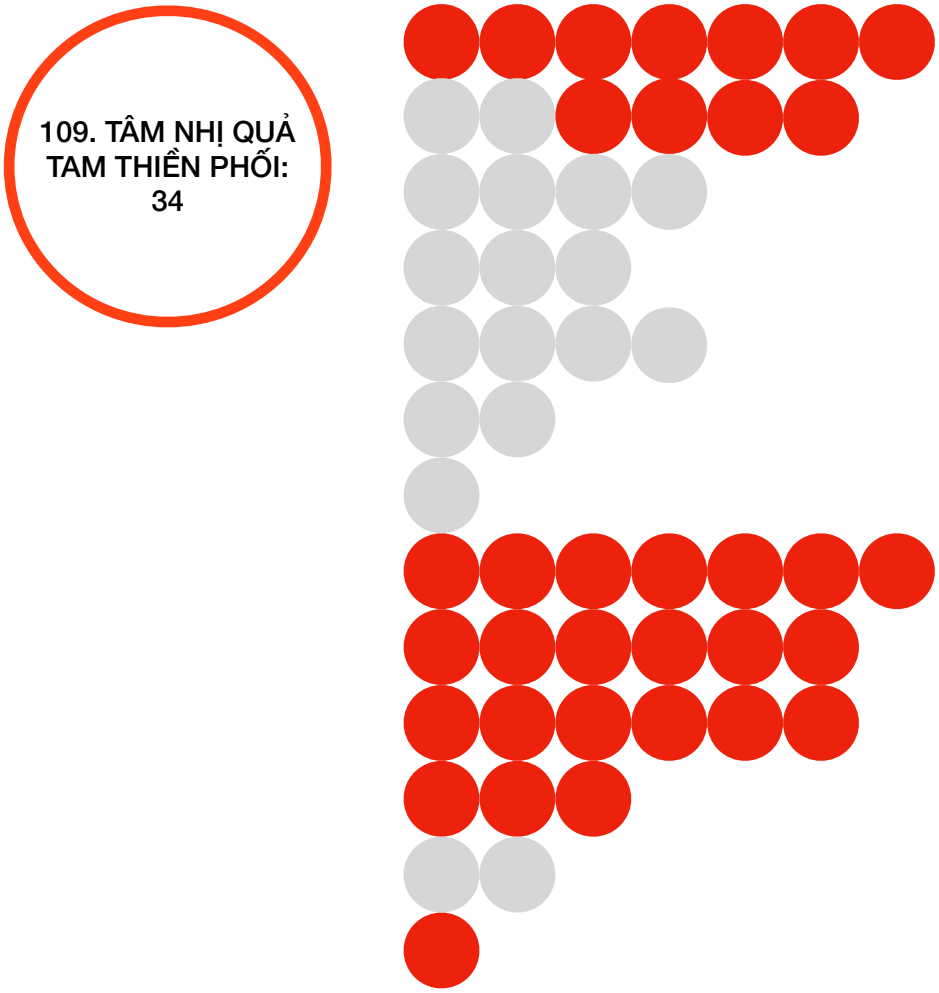

110.**Tâm nhị quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

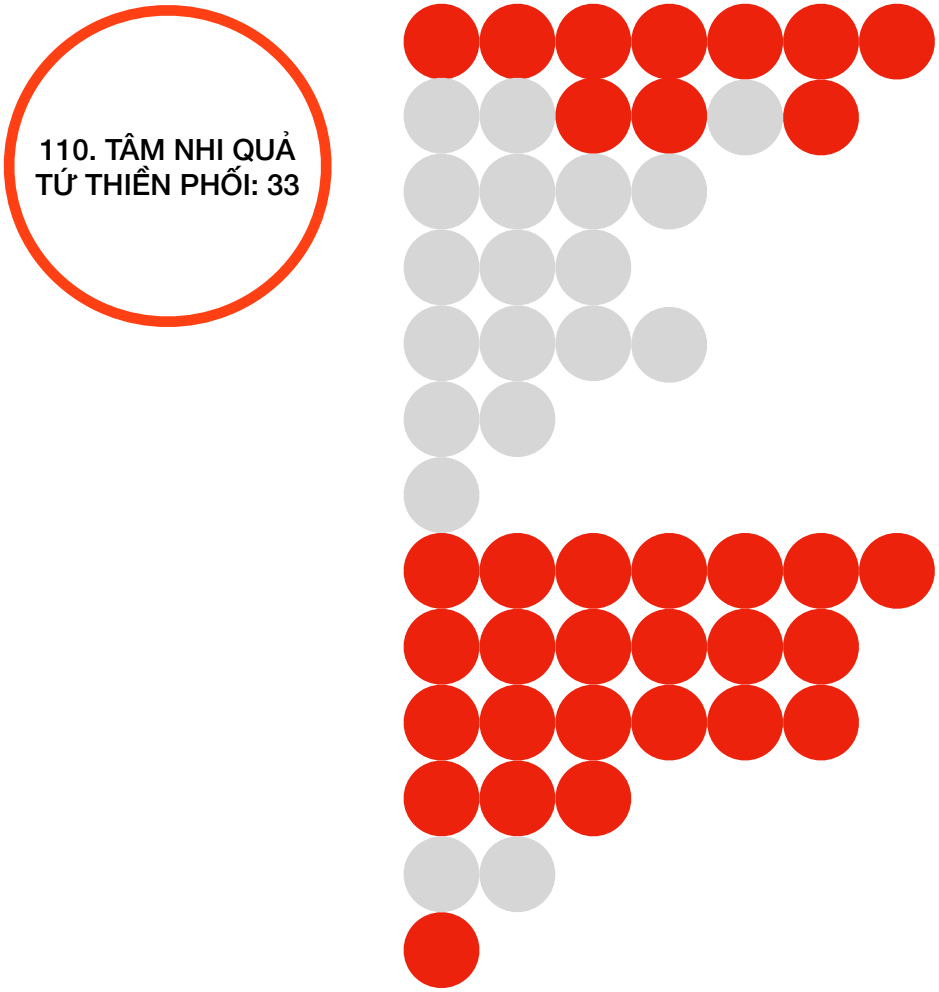

111.**Tâm nhị quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

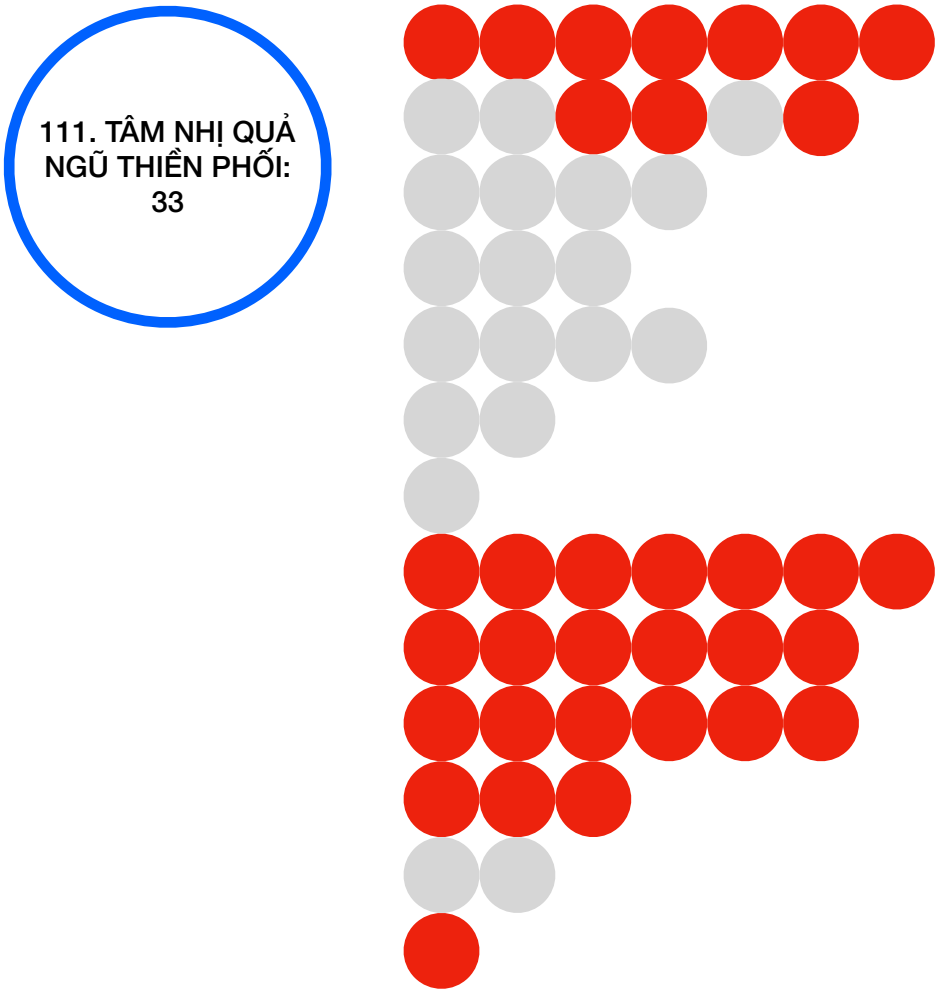

112.**Tâm tam quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

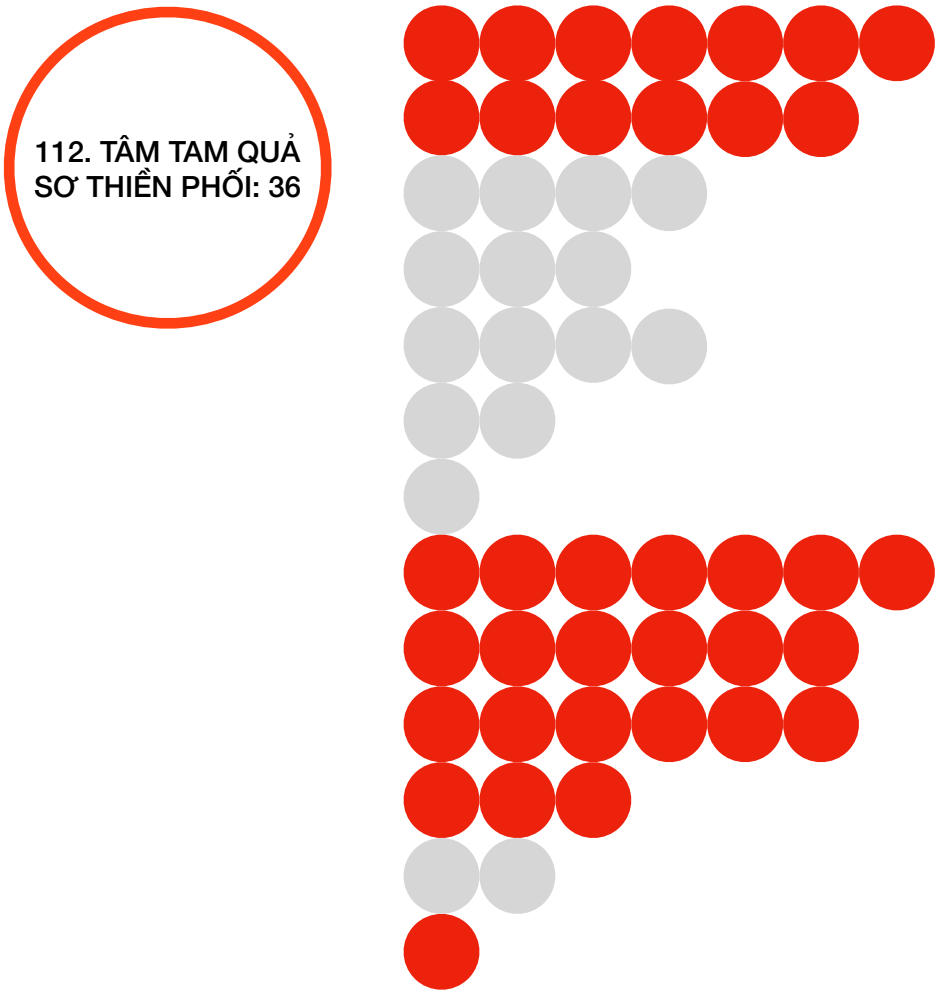

113.**Tâm tam quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

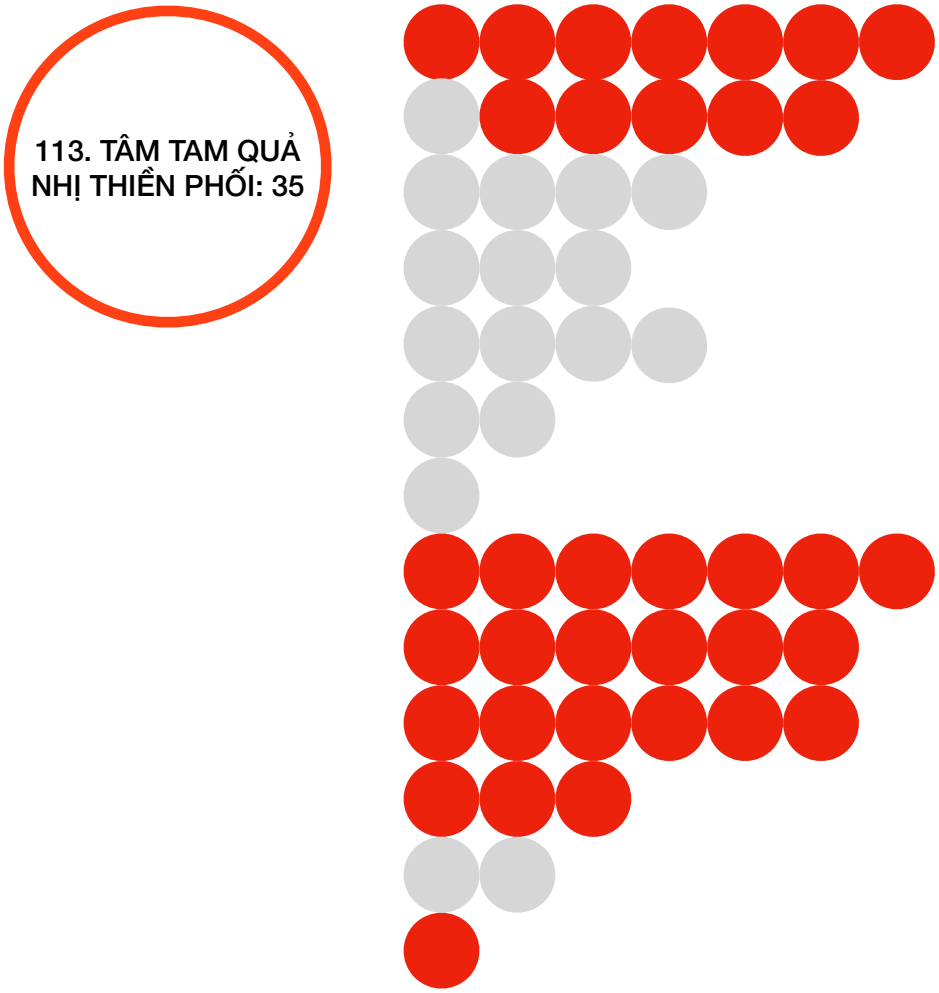

114.**Tâm tam quả tam thiền**:

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

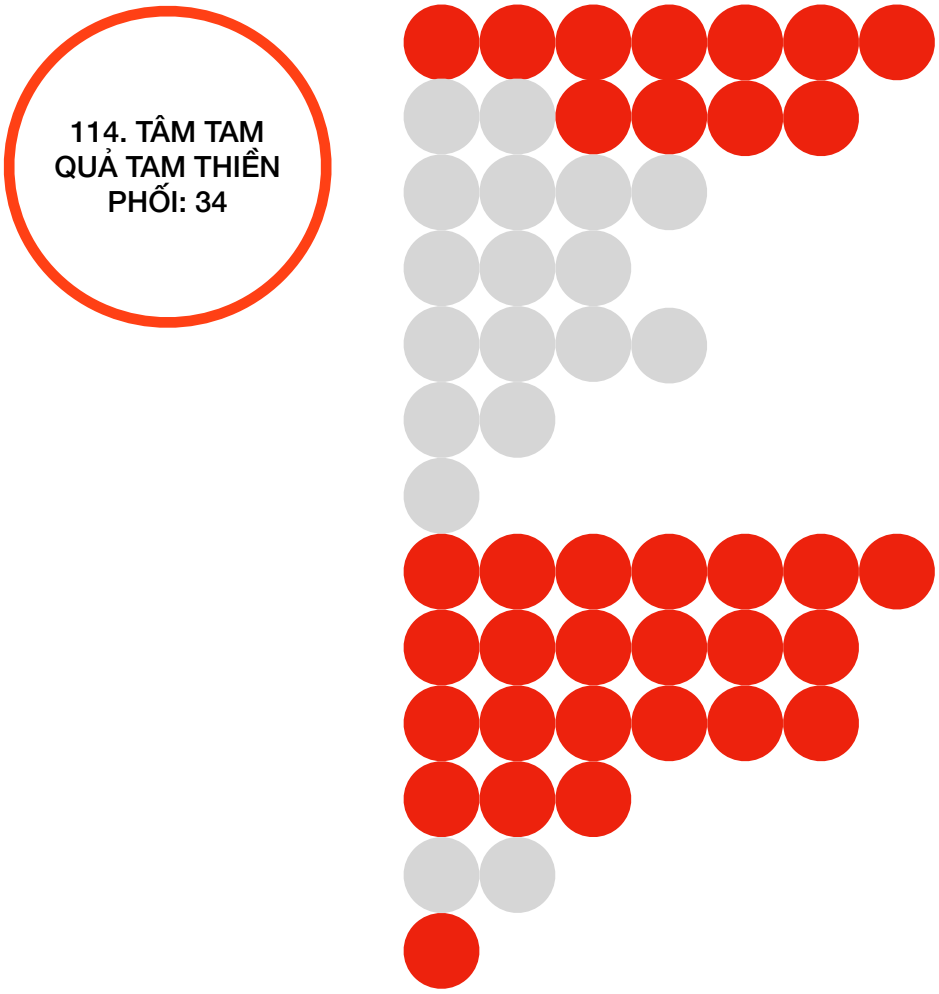

115.**Tâm tam quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

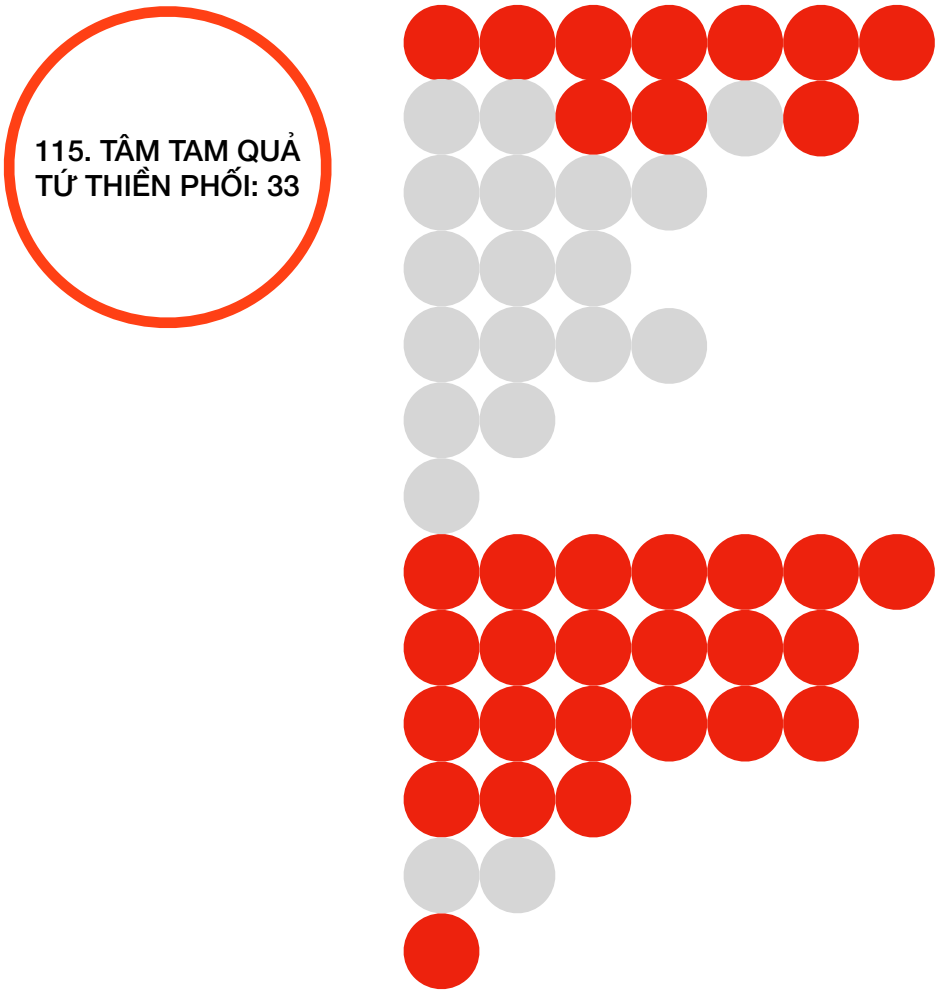

116.**Tâm tam quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

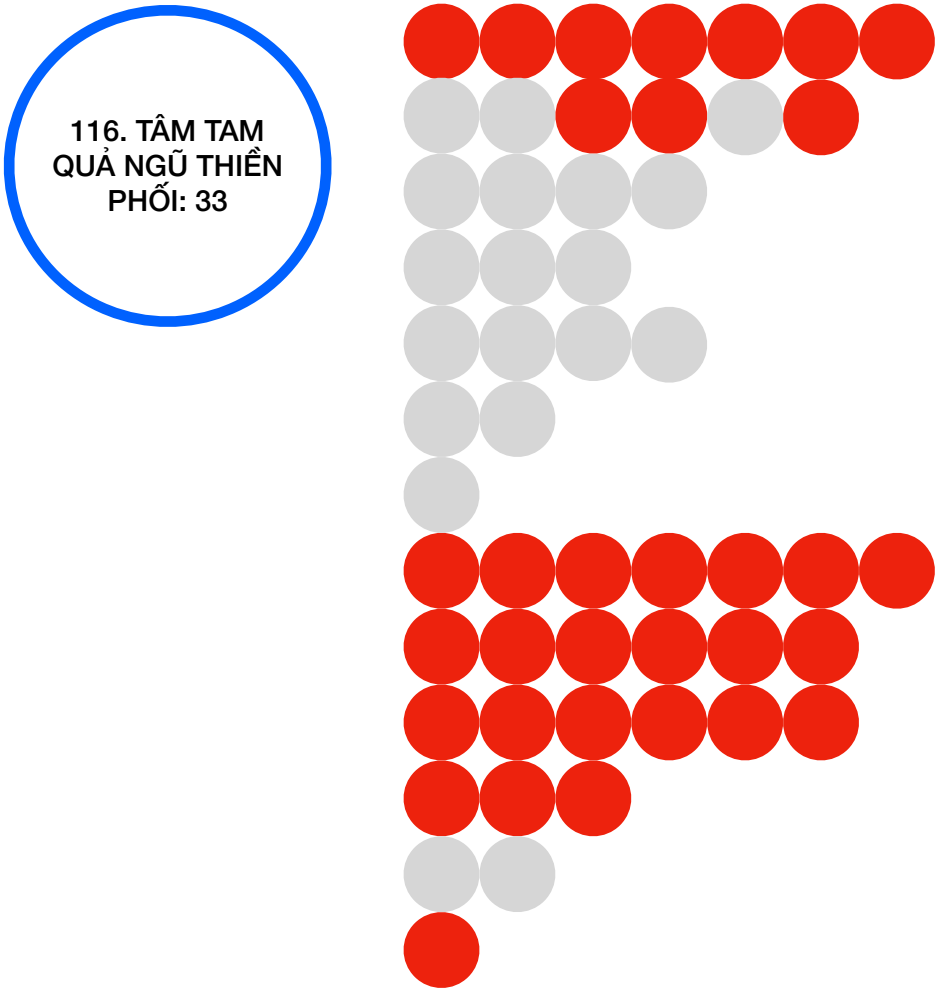

117.**Tâm tứ quả sơ thiền:**

Có 36 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo sơ thiền.

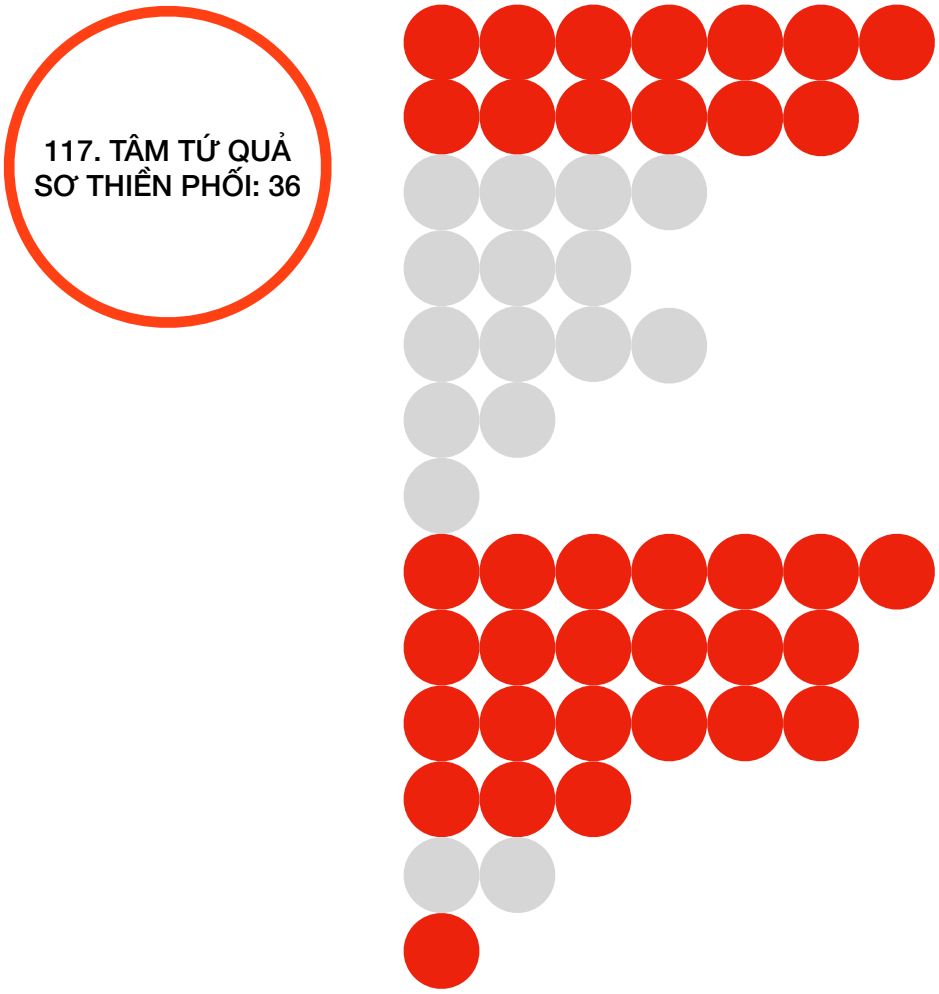

118.**Tâm tứ quả nhị thiền:**

Có 35 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo nhị thiền.

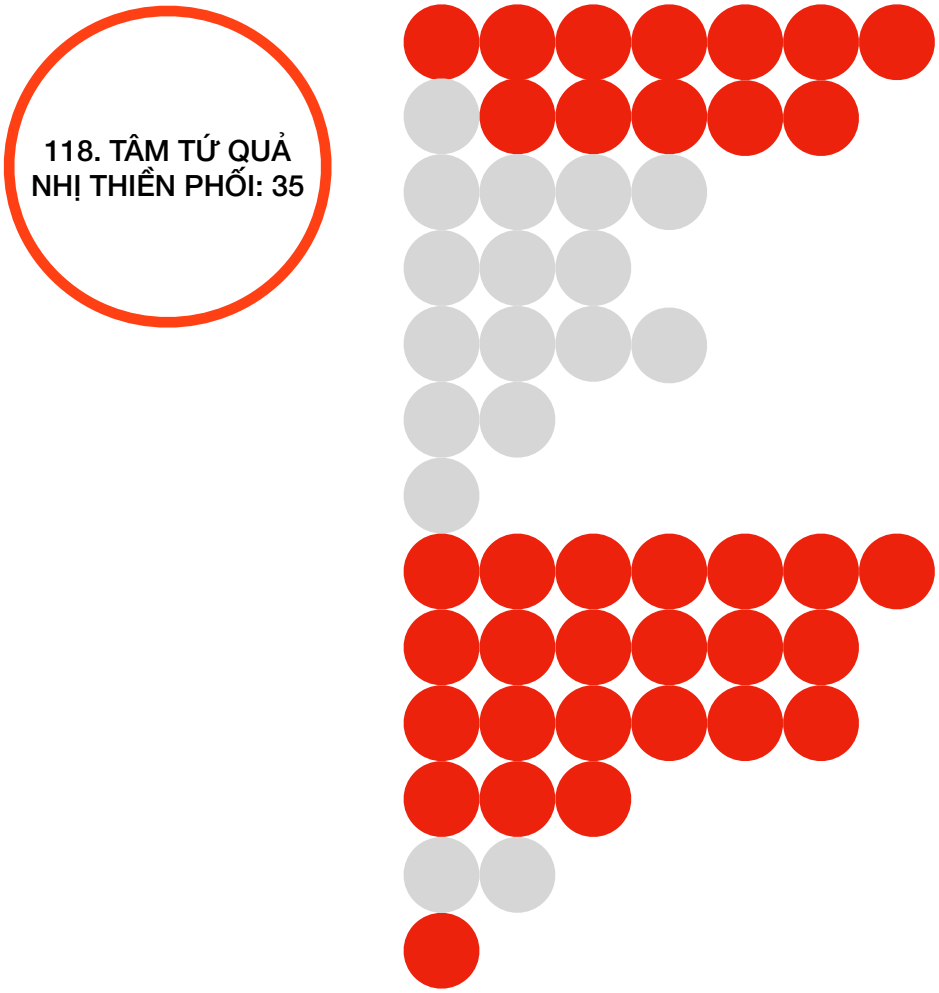

119.**Tâm tứ quả tam thiền:**

Có 34 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tam thiền.

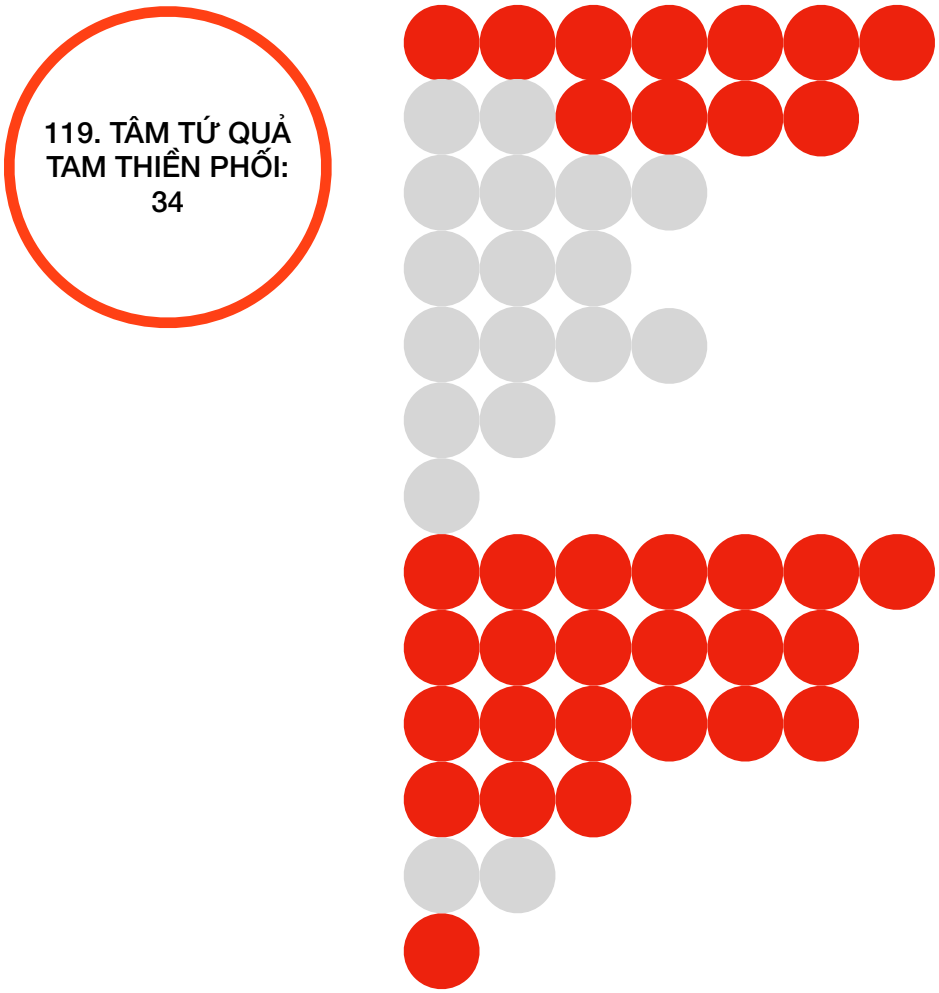

120.**Tâm tứ quả tứ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo tứ thiền.

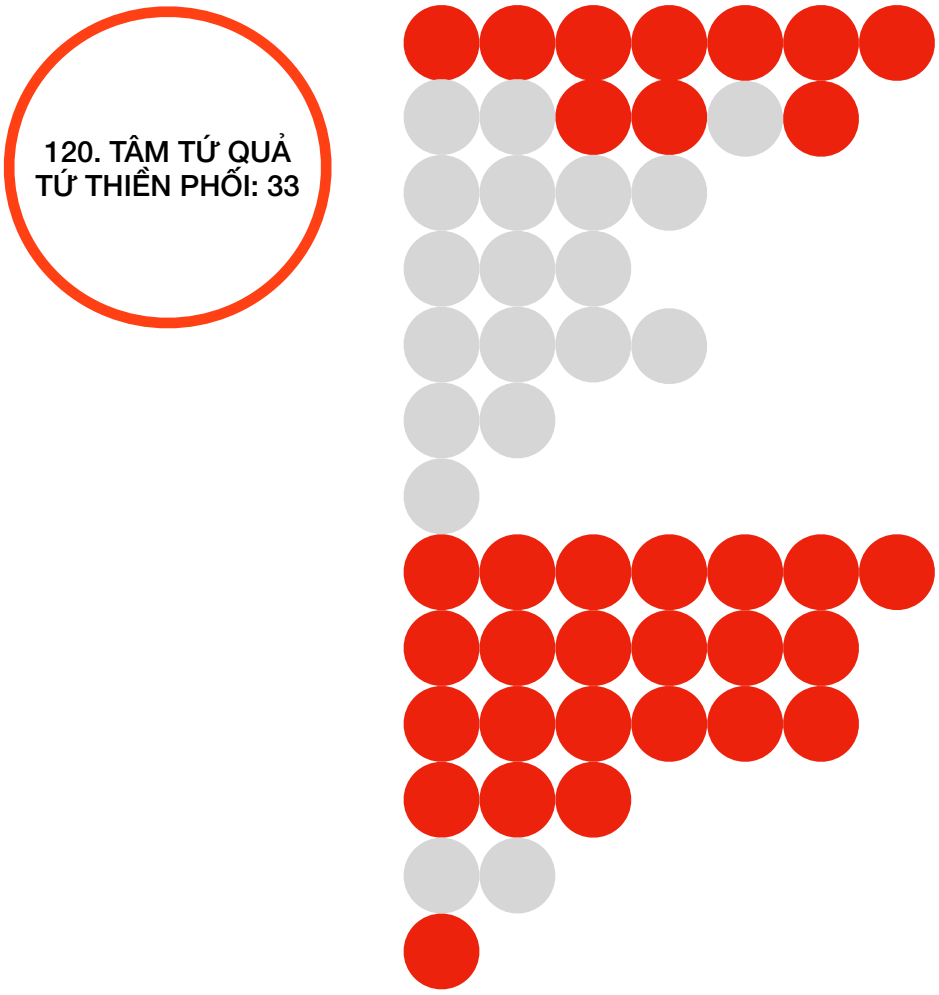

121.**Tâm tứ quả ngũ thiền:**

Có 33 sở hữu tâm cùng sanh giống như tâm sơ đạo ngũ thiền.

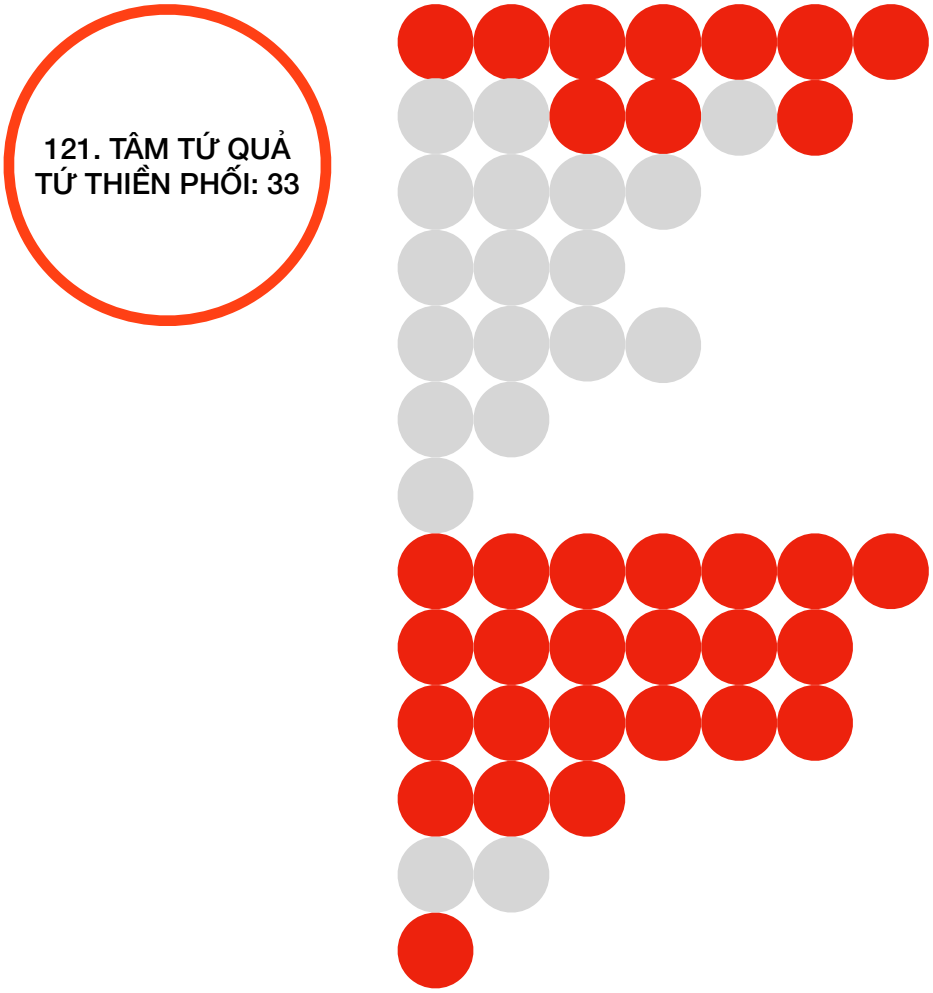

CHƯƠNG III

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TÂM - SỞ HỮU TÂM PHỐI HỢP

TÂM THAM THỌ HỶ PHỐI

1. TÂM THAM THỌ HỶ HỢP TÀ VÔ TRỢ PHỐI: 19

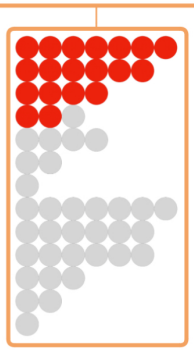

2. TÂM THAM THỌ HỶ HỢP TÀ HỮU TRỢ PHỐI: 21

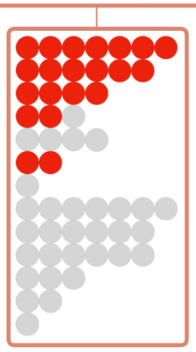

3. TÂM THAM THỌ HỶ LY TÀ VÔ TRỢ PHỐI: 19

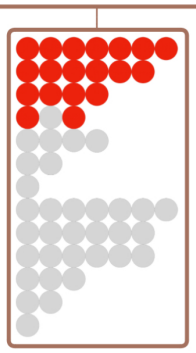

4. TÂM THAM THỌ HỶ LY TÀ HỮU TRỢ PHỐI: 21

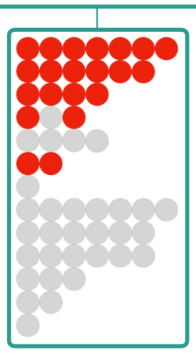

TÂM THAM THỌ XẢ PHỐI

5. TÂM THAM THỌ XẢ HỢP TÀ VÔ TRỢ PHỐI: 18

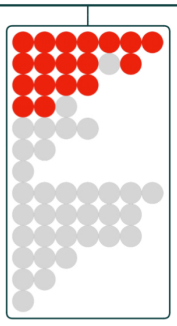

6. TÂM THAM THỌ XẢ HỢP TÀ HỮU TRỢ PHỐI: 20

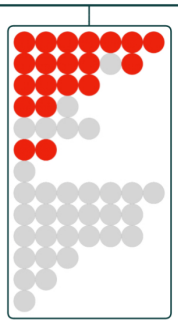

7. TÂM THAM THỌ XẢ LY TÀ VÔ TRỢ PHỐI: 18

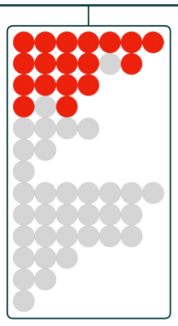

8. TÂM THAM THỌ XẢ LY TÀ HỮU TRỢ PHỐI: 20

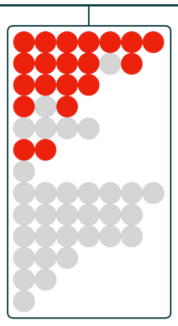

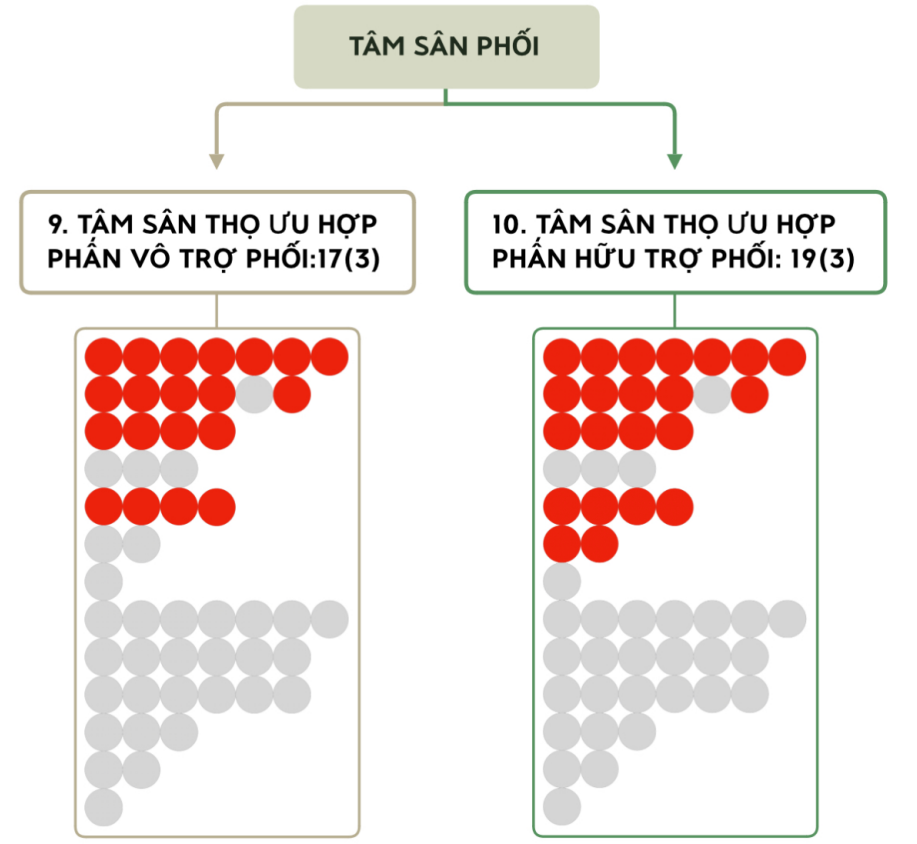
TÂM SÂN PHỐI
9. TÂM SÂN THỌ ƯU HỢP PHẦN VÔ TRỢ PHỐI:17(3)
10. TÂM SÂN THỌ ƯU HỢP PHẦN HỮU TRỢ PHỐI: 19(3)

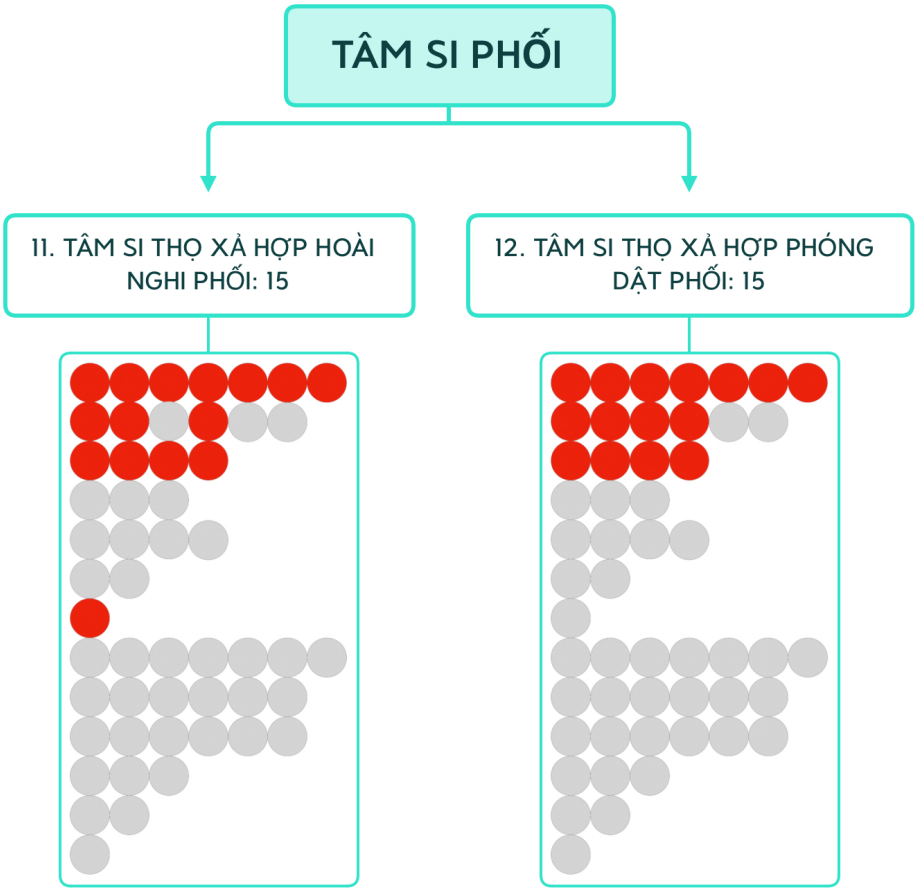
TÂM SI PHỐI
11. TÂM SI THỌ XẢ HỢP HOÀI NGHI PHỐI: 15
12. TÂM SI THỌ XẢ HỢP PHÓNG DẬT PHỐI: 15

TÂM QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI P1

13. TÂM NHÃN THỨC THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

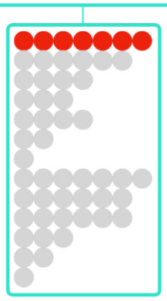

14. TÂM NHĨ THỨC THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

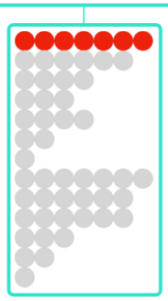

15. TÂM TỶ THỨC THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

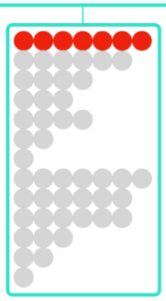

16. TÂM THIỆT THỨC THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

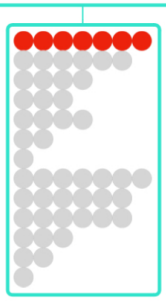

17. TÂM THÂN THỨC THỌ KHỔ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

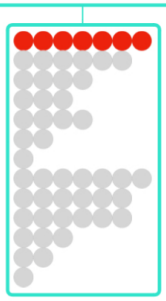

TÂM QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI P2

18. TÂM TIẾP THÂU THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 10

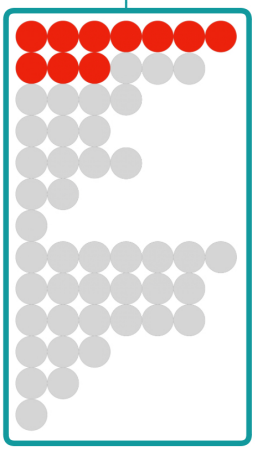

19. TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ QUẢ BẤT THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 10

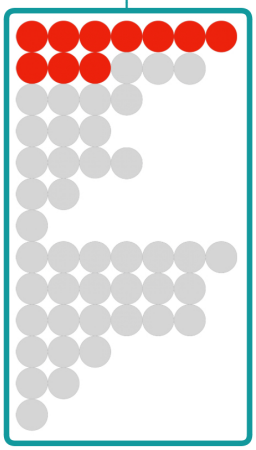

TÂM QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI P1

20. TÂM NHÃN THỨC THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

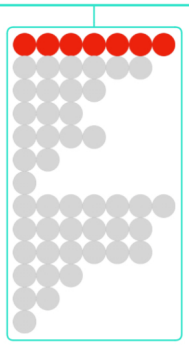

21. TÂM NHĨ THỨC THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

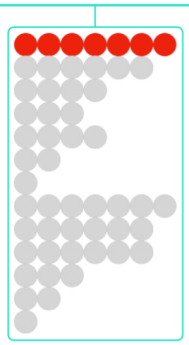

22. TÂM TỶ THỨC THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

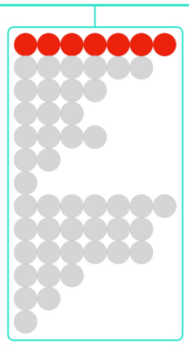

23. TÂM THIỆT THỨC THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

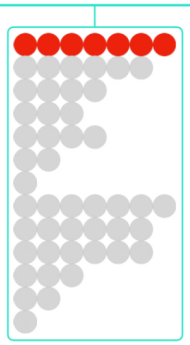

24. TÂM THÂN THỨC THỌ LẠC QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

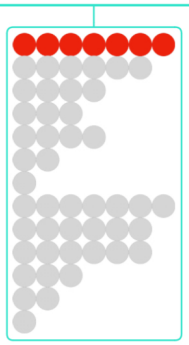

TÂM QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI P2

25. TÂM TIẾP THÂU THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

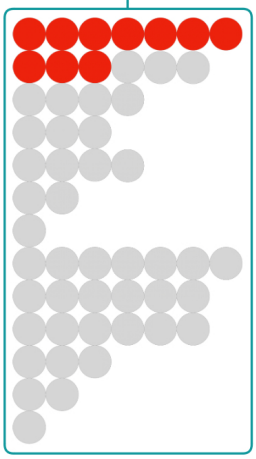

26. TÂM QUAN SÁT THỌ XẢ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

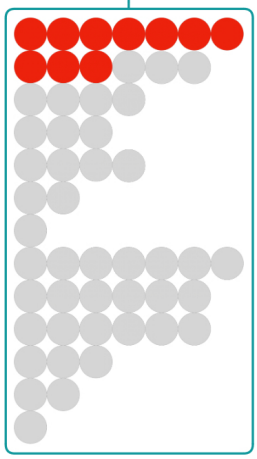

27. TÂM QUAN SÁT THỌ HỶ QUẢ THIỆN VÔ NHÂN PHỐI: 7

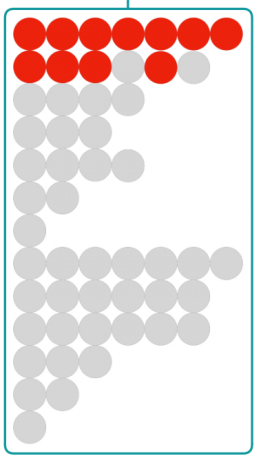

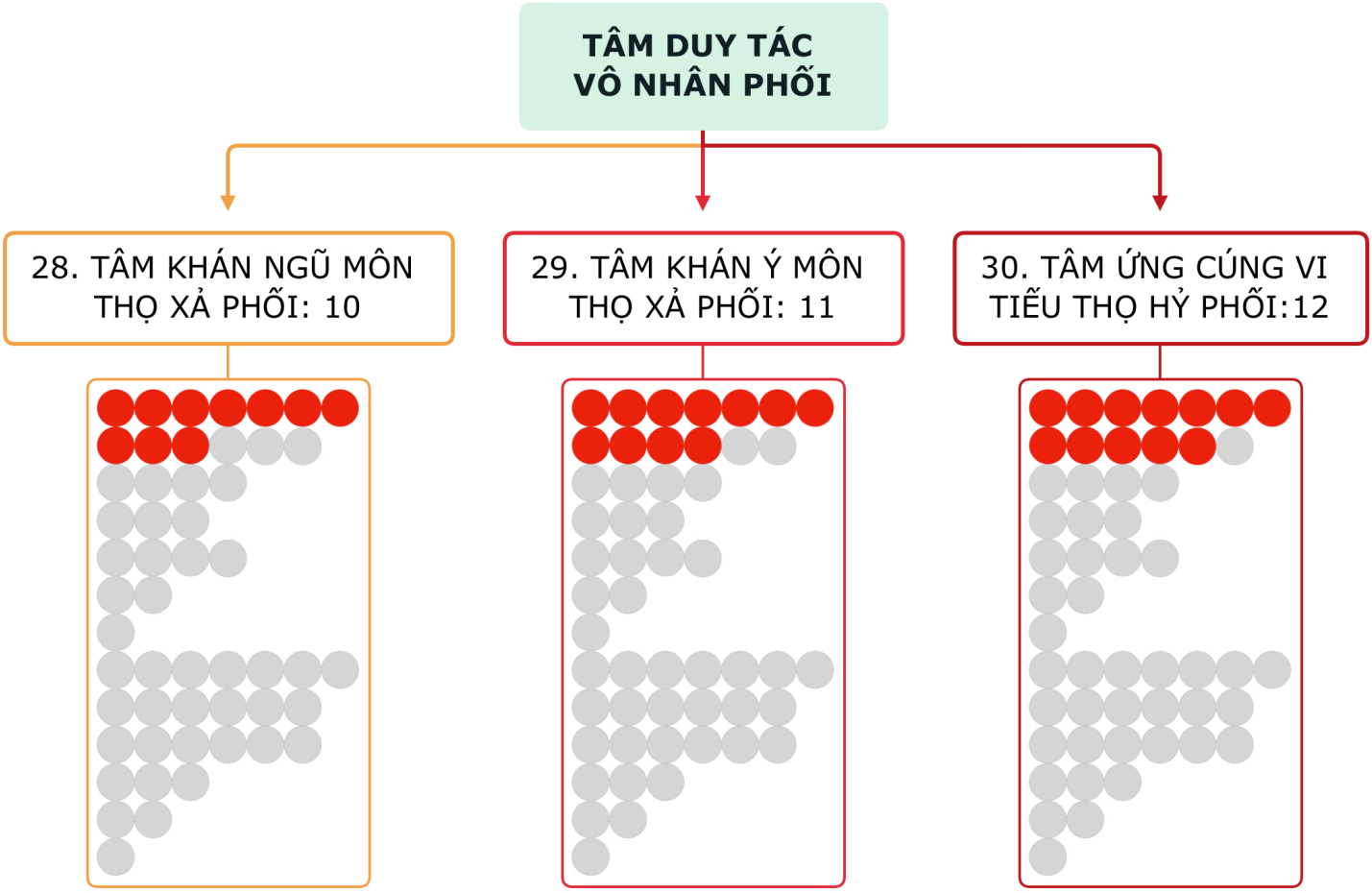
TÂM DUY TÁC
VÔ NHÂN PHỐI
28. TÂM KHÁN NGŨ MÔN THỌ XẢ PHỐI: 10
29. TÂM KHÁN Ý MÔN THỌ XẢ PHỐI: 11
30. TÂM ỨNG CÚNG VI TIẾU THỌ HỶ PHỐI:12

TÂM THIỆN THỌ HỶ PHỐI

31. TÂM THIỆN THỌ HỶ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 38

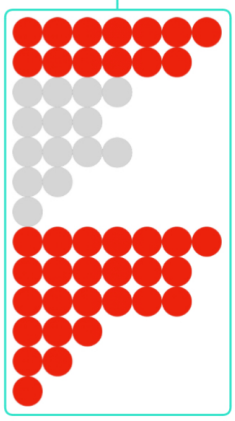

32. TÂM THIỆN THỌ HỶ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 38

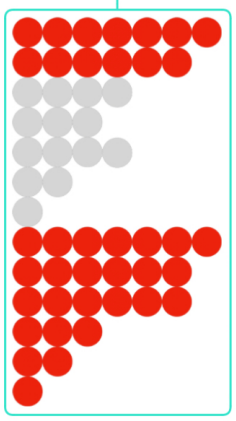

33. TÂM THIỆN THỌ HỶ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 37

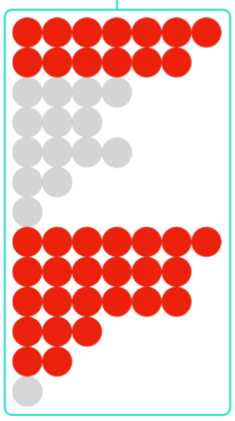

34. TÂM THIỆN THỌ HỶ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 37

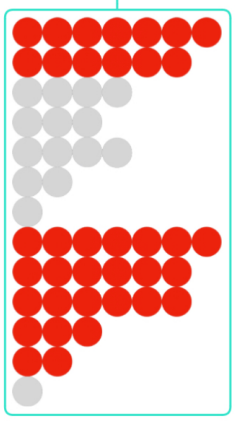

TÂM THIỆN THỌ XẢ PHỐI

35. TÂM THIỆN THỌ XẢ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 37

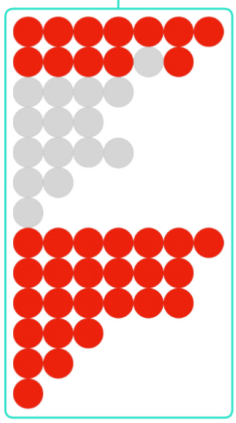

36. TÂM THIỆN THỌ XẢ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 37

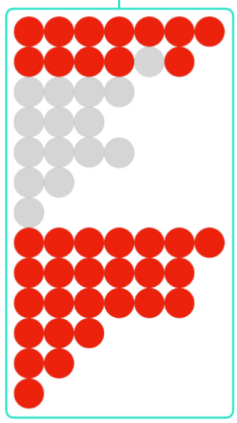

37. TÂM THIỆN THỌ XẢ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 36

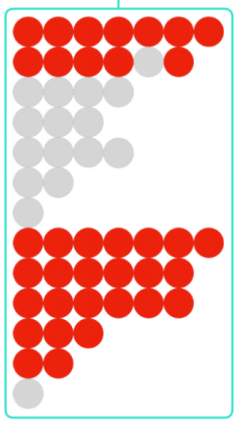

38. TÂM THIỆN THỌ XẢ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 36

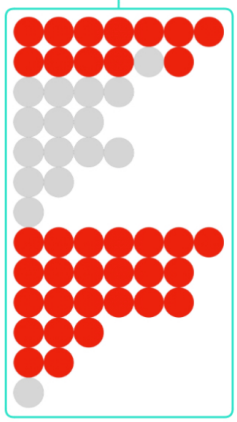

TÂM QUẢ THỌ HỶ PHỐI

- 39. TÂM QUẢ THỌ HỶ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 33

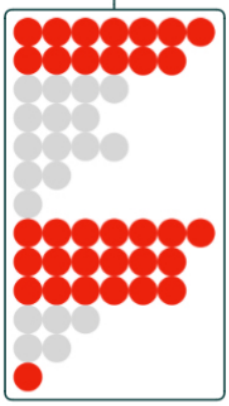

- 40. TÂM QUẢ THỌ HỶ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 33

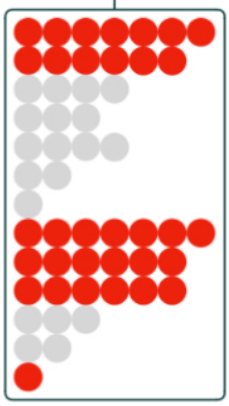

- 41. TÂM QUẢ THỌ HỶ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 32

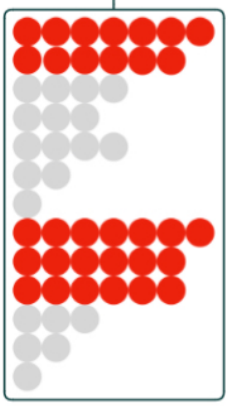

- 42. TÂM QUẢ THỌ HỶ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 32

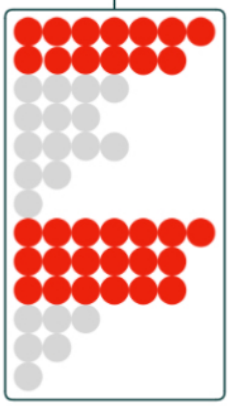

TÂM QUẢ THỌ XẢ PHỐI

- 43. TÂM QUẢ THỌ XẢ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 32

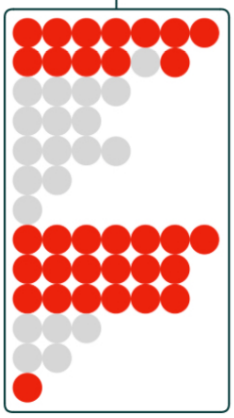

- 44. TÂM QUẢ THỌ XẢ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 32

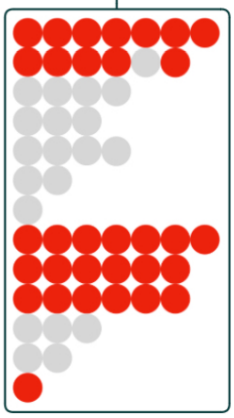

- 45. TÂM QUẢ THỌ XẢ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 31

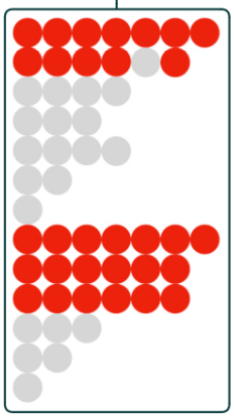

- 46. TÂM QUẢ THỌ XẢ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 31

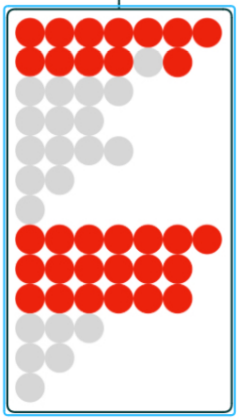

TÂM DUY TÁC THỌ HỶ PHỐI

47. TÂM DUY TÁC THỌ HỶ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 35

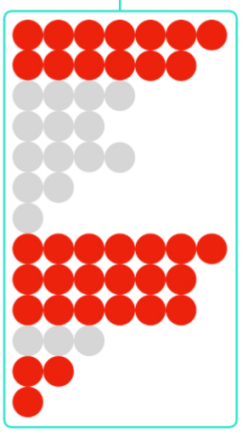

48. TÂM DUY TÁC THỌ HỶ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 35

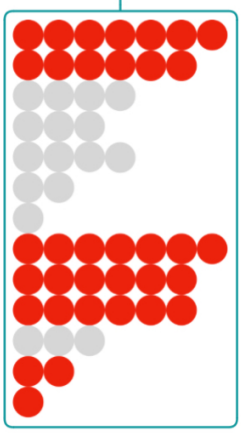

49. TÂM DUY TÁC THỌ HỶ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 34

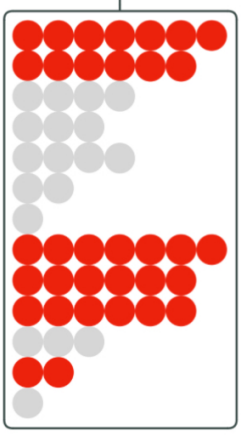

50. TÂM DUY TÁC THỌ HỶ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 34

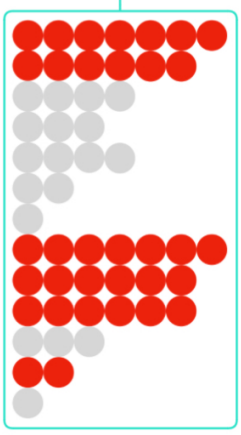

TÂM DUY TÁC THỌ XẢ PHỐI

51. TÂM DUY TÁC THỌ XẢ HỢP TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 34

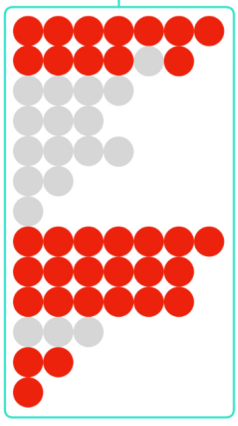

52. TÂM DUY TÁC THỌ XẢ HỢP TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 34

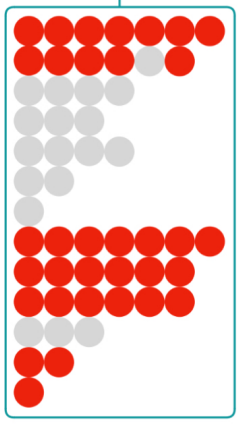

53. TÂM DUY TÁC THỌ XẢ LY TRÍ VÔ TRỢ PHỐI: 33

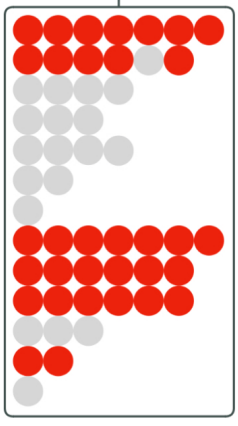

54. TÂM DUY TÁC THỌ XẢ LY TRÍ HỮU TRỢ PHỐI: 33

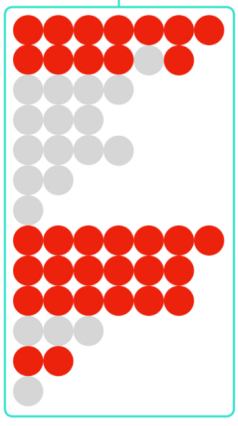

TÂM ĐÁO ĐẠI PHỐI:

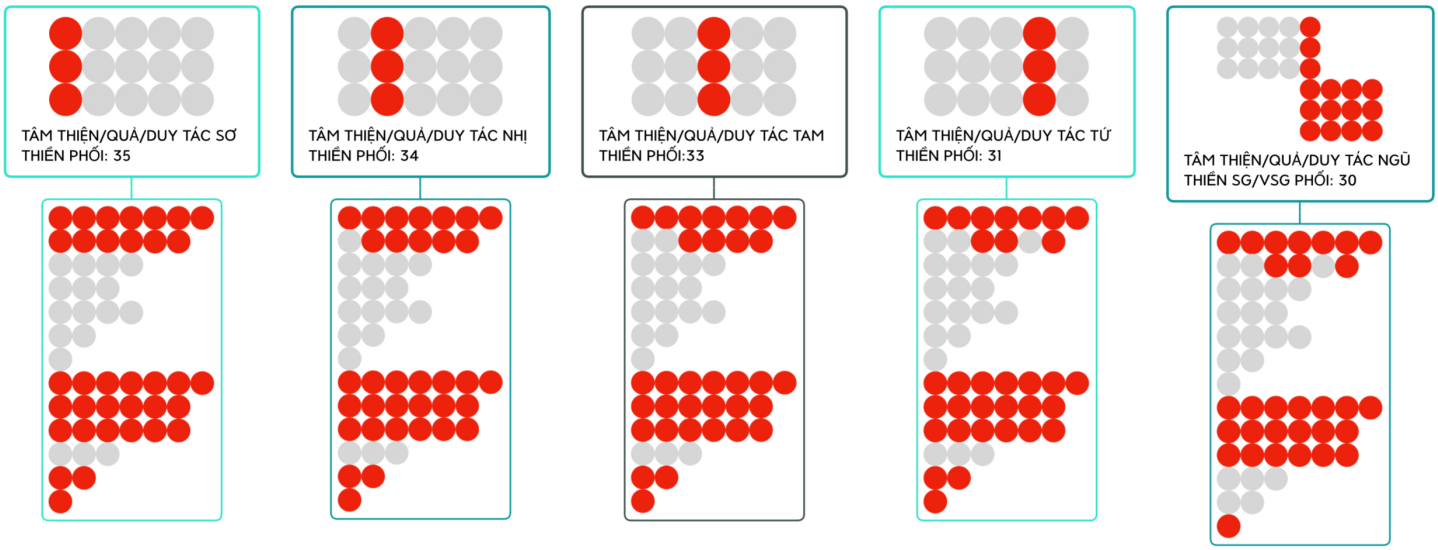

40 TÂM SIÊU THẾ PHỐI

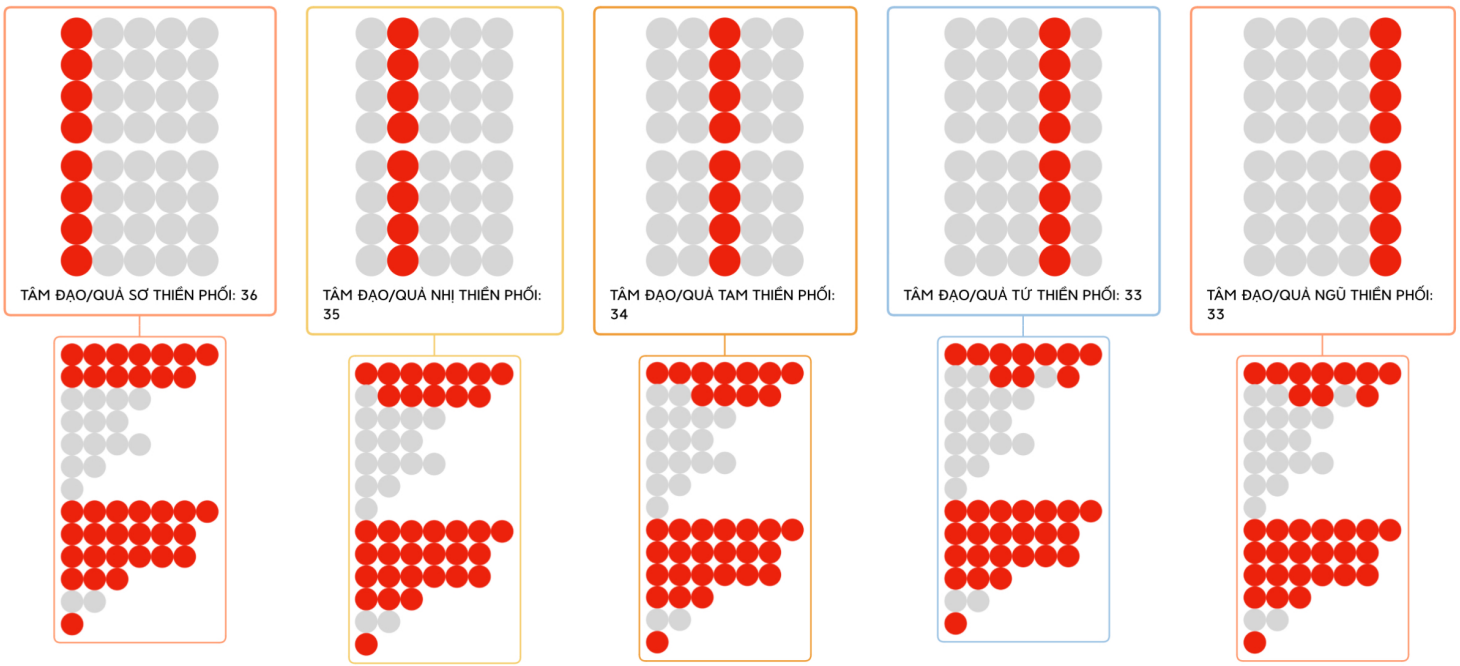

CHƯƠNG IV (BÀI 9)

SỞ HỮU TÂM – TÂM PHỐI HỢP

I. Định nghĩa:

Bài sở hữu Tâm – Tâm phối hợp trình bày những sở hữu tâm tức tâm sở (cetasika) nào có mặt, hiện hành sanh ra trong những tâm nào trong 121 tâm (citta).

II. Phân tích chi pháp:

1. **Sở hữu xúc**: có mặt trong 121 tâm
2. **Sở hữu thọ**: có mặt trong 121 tâm
3. **Sở hữu tưởng**: có mặt trong 121 tâm
4. **Sở hữu tư**: có mặt trong 121 tâm
5. **Sở hữu nhất hành**: có mặt trong 121 tâm
6. **Sở hữu mạng quyền**: có mặt trong 121 tâm
7. **Sở hữu tác ý**: có mặt trong 121 tâm
8. **Sở hữu tầm**: có mặt trong 55 tâm gồm có: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo, 11 tâm sơ

thiền (3 tâm sơ thiền sắc giới, 8 tâm sơ thiền siêu thế: 4 tâm đạo sơ thiền, 4 tâm quả sơ thiền).

9. **Sở hữu tứ**: có mặt trong 66 tâm gồm có: 55 tâm như sở hữu tầm, cộng thêm 11 tâm nhị thiền (3 tâm nhị thiền sắc giới và 8 tâm nhị thiền siêu thế tức là 4 tâm đạo nhị thiền và 4 tâm quả siêu thế nhị thiền).

10. **Sở hữu thắng giải**: có mặt trong 110 tâm gồm có: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 1 tâm si phóng dật, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo, 15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới, 40 tâm siêu thế (121 tâm trừ tâm si hoài nghi và trừ ngũ song thức đó là 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức).

11. **Sở hữu cần**: có mặt trong 105 tâm (trừ 15 tâm quả vô nhân đó là trừ 7 tâm quả bất thiện vô nhân, trừ 8 tâm quả thiện vô nhân và trừ tâm khán ngũ môn thọ xả).

12. **Sở hữu hỷ**: có mặt trong 51 tâm (4 tâm tham thọ hỷ, 2 tâm vô nhân thọ hỷ tức là tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân và tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ, cộng với 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ đó là 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm quả dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo thọ hỷ và 3 tâm sơ thiền sắc giới, 3 tâm nhị thiền sắc giới, 3 tâm tam thiền sắc giới, 8 tâm siêu thế sơ thiền, 8 tâm siêu thế nhị thiền, 8 tâm siêu thế tam thiền).

13. **Sở hữu dục**: có mặt trong 101 tâm đó là 121 tâm trừ 2 tâm si và 18 tâm vô nhân.

14. **Sở hữu si**: có mặt trong 12 tâm bất thiện gồm có 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

15. **Sở hữu vô tàm**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

16. **Sở hữu vô uý**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

17. **Sở hữu phóng dật**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

18. **Sở hữu tham**: có mặt trong 8 tâm tham.

19. **Sở hữu tà kiến**: có mặt trong 4 tâm tham hợp tà
20. **Sở hữu ngã mạn**: có mặt trong 4 tâm tham ly tà
21. **Sở hữu sân**: có mặt trong 2 tâm sân
22. **Sở hữu tật**: có mặt trong 2 tâm sân
23. **Sở hữu lận**: có mặt trong 2 tâm sân
24. **Sở hữu hối**: có mặt trong 2 tâm sân
25. **Sở hữu hôn trầm**: có mặt trong 4 tâm tham hữu trợ và 1 tâm sân hữu trợ.
26. **Sở hữu thụy miên**: có mặt trong 4 tam tham hữu trợ và 1 tâm sân hữu trợ.
27. **Sở hữu hoài nghi**: có mặt trong tâm si thọ xả hợp hoài nghi.
28. **Sở hữu tín**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo đó là:

- 24 tâm dục giới tịnh hảo
- 27 tâm đáo đại (15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới)

- 20 tâm đạo (5 tâm sơ đạo, 5 tâm nhị đạo, 5 tâm tam đạo, 5 tâm tứ đạo)
- 20 tâm quả siêu thế (5 tâm sơ quả, 5 tâm nhị quả, 5 tâm tam quả, 5 tâm tứ quả)

29. **Sở hữu niệm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
30. **Sở hữu tàm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
31. **Sở hữu uý**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
32. **Sở hữu vô tham**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
33. **Sở hữu vô sân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
34. **Sở hữu hành xả**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
35. **Sở hữu tịnh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.
36. **Sở hữu tịnh tâm** : có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

37. **Sở hữu khinh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

38. **Sở hữu khinh tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

39. **Sở hữu nhu thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

40. **Sở hữu nhu tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

41. **Sở hữu thích thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

42. **Sở hữu thích tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

43. **Sở hữu thuần thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

44. **Sở hữu thuần tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

45. **Sở hữu chánh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

46. **Sở hữu chánh tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

47. **Sở hữu chánh ngữ**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

48. **Sở hữu chánh nghiệp**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

49. **Sở hữu chánh mạng**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

50. **Sở hữu Bi**: có mặt trong 28 tâm đó là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo và 12 tâm sắc giới thọ hỷ (3 tâm sơ thiền sắc giới, 3 tâm nhị thiền sắc giới, 3 tâm tam thiền sắc giới, 3 tâm tứ thiền sắc giới).

51. **Sở hữu tùy hỷ**: có mặt trong 28 tâm giống như sở hữu Bi.

52. **Sở hữu trí tuệ**: có mặt trong 79 tâm tịnh hảo hợp trí đó là 12 tâm dục giới tịnh hảo hợp trí, 27 tâm đáo đại và 40 tâm siêu thế.

III.Kết luận:

Bài học cho thấy tầm quan trọng của 52 sở hữu tâm. Sở hữu tâm quyết định cho tính chất của tâm, nếu sở hữu bất thiện có mặt trong tâm thì tâm đó được gọi là tâm bất thiện, sở hữu tịnh hảo có mặt trong tâm thì gọi là tâm thiện, tâm tịnh hảo, v.v…

Bài học giúp hành giả tu thiền Tứ niệm xứ nhất là Niệm tâm, Niệm thọ, Niệm pháp dễ dàng thấy rõ đề mục hơn, dễ dàng quan sát, theo dõi đề mục tu tập của mình giúp hành giả nhanh chóng hưởng được hương vị giáo pháp.

==***==

Hết bài số 9
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 11/03/2020 (18-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG V

SƠ ĐỒ SỞ HỮU TÂM - TÂM PHỐI HỢP

Phân tích chi pháp:

1. **Sở hữu xúc**: có mặt trong 12 tâm
2. **Sở hữu thọ**: có mặt trong 121 tâm
3. **Sở hữu tưởng**: có mặt trong 121 tâm
4. **Sở hữu tư**: có mặt trong 121 tâm
5. **Sở hữu nhất hành**: có mặt trong 121 tâm
6. **Sở hữu mạng quyền**: có mặt trong 121 tâm
7. **Sở hữu tác ý**: có mặt trong 121 tâm

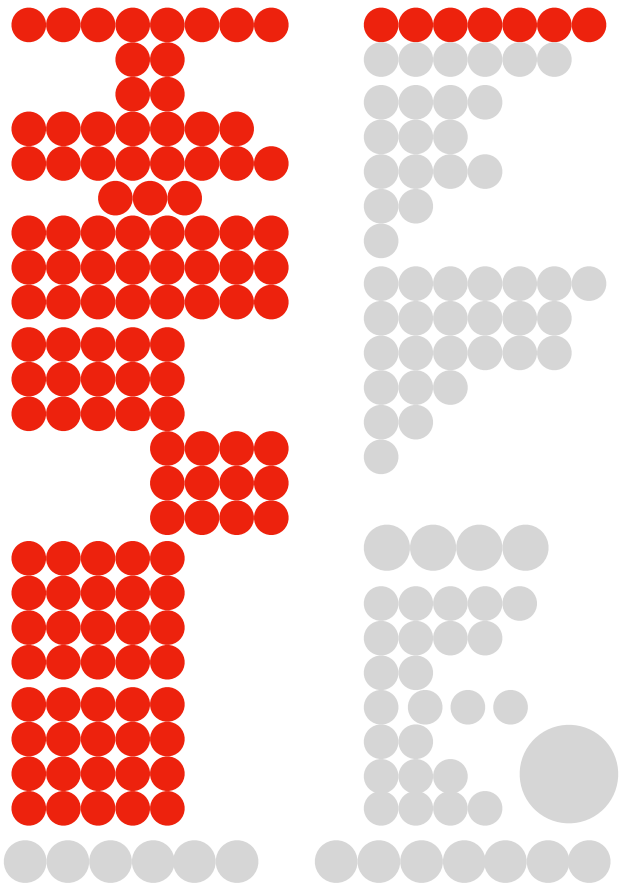

8. **Sở hữu tầm**: có mặt trong 55 tâm gồm có: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo, 11 tâm sơ thiền (3 tâm sơ thiền sắc giới, 8 tâm sơ thiền siêu thế: 4 tâm đạo sơ thiền, 4 tâm quả sơ thiền).

9. **Sở hữu tứ**: có mặt trong 66 tâm gồm có: 55 tâm như sở hữu tầm, cộng thêm 11 tâm nhị thiền (3 tâm nhị thiền sắc giới và 8 tâm nhị thiền siêu thế tức là 4 tâm đạo nhị thiền và 4 tâm quả siêu thế nhị thiền).

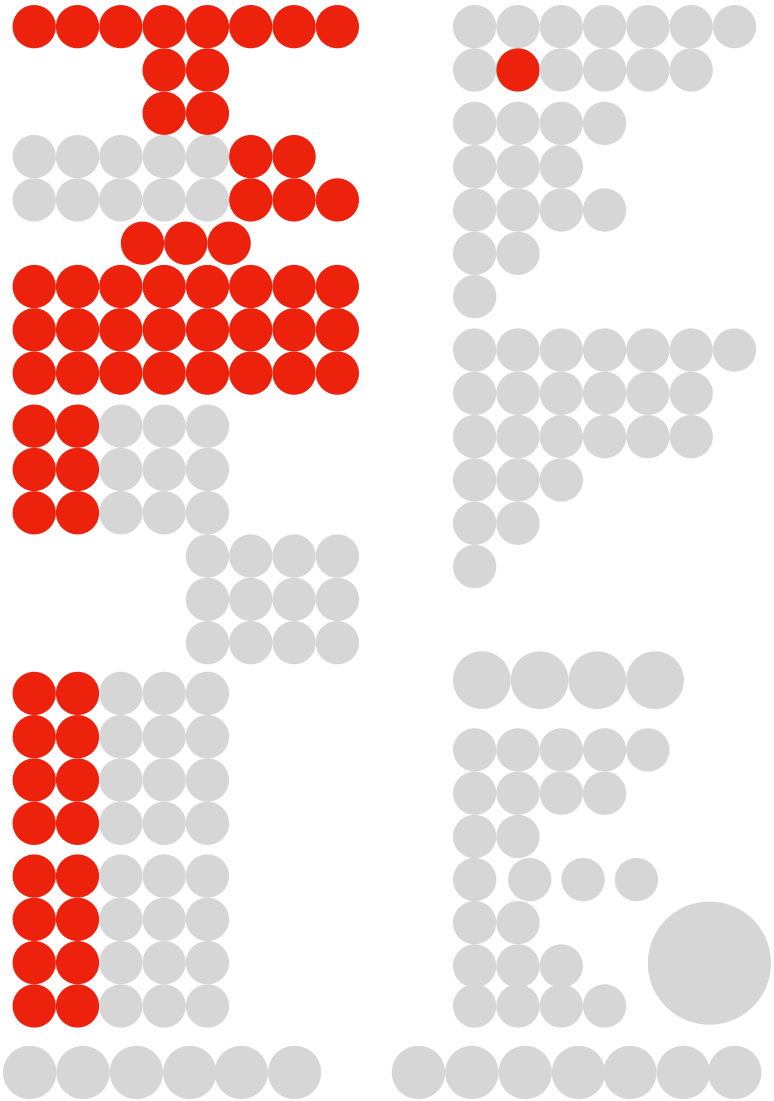

10. **Sở hữu thắng giải**: có mặt trong 110 tâm gồm có: 8 tâm tham, 2 tâm sân, 1 tâm si phóng dật, 2 tâm tiếp thâu, 3 tâm quan sát, 3 tâm duy tác vô nhân, 24 tâm dục giới tịnh hảo, 15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới, 40 tâm siêu thế (121 tâm trừ tâm si hoài nghi và trừ ngũ song thức đó là 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tỷ thức, 2 tâm thiệt thức, 2 tâm thân thức).

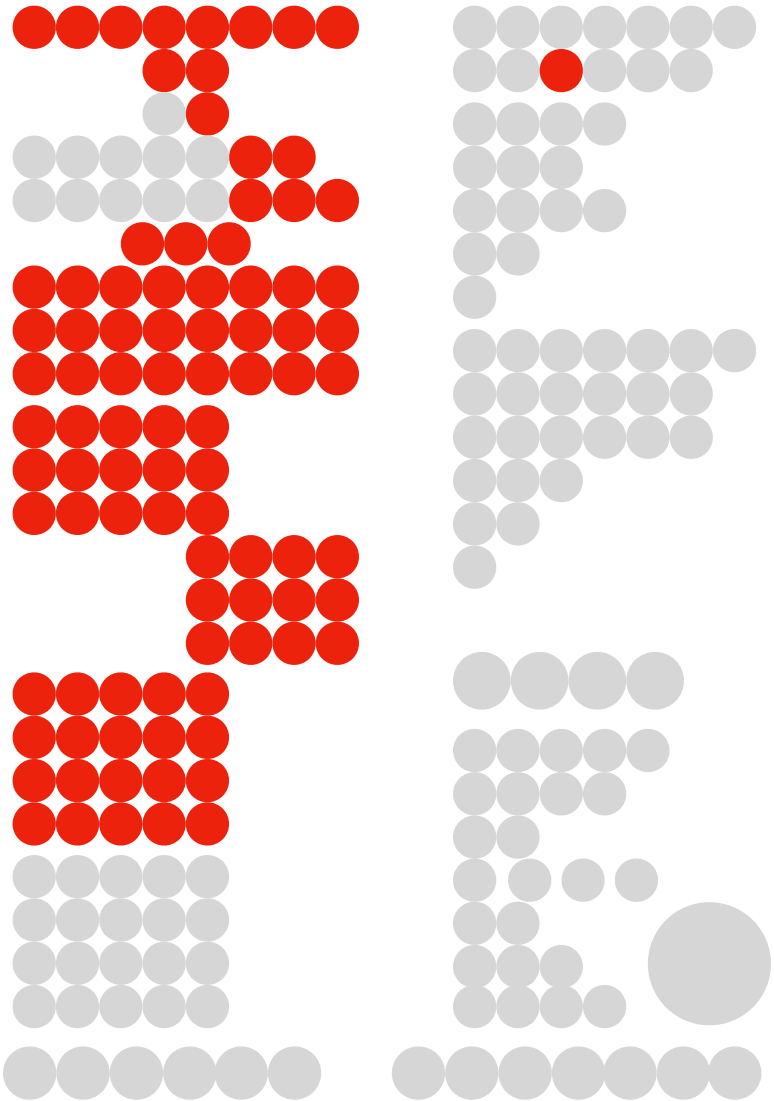

11. **Sở hữu cần**: có mặt trong 105 tâm (trừ 15 tâm quả vô nhân đó là trừ 7 tâm quả bất thiện vô nhân, trừ 8 tâm quả thiện vô nhân và trừ tâm khán ngũ môn thọ xả).

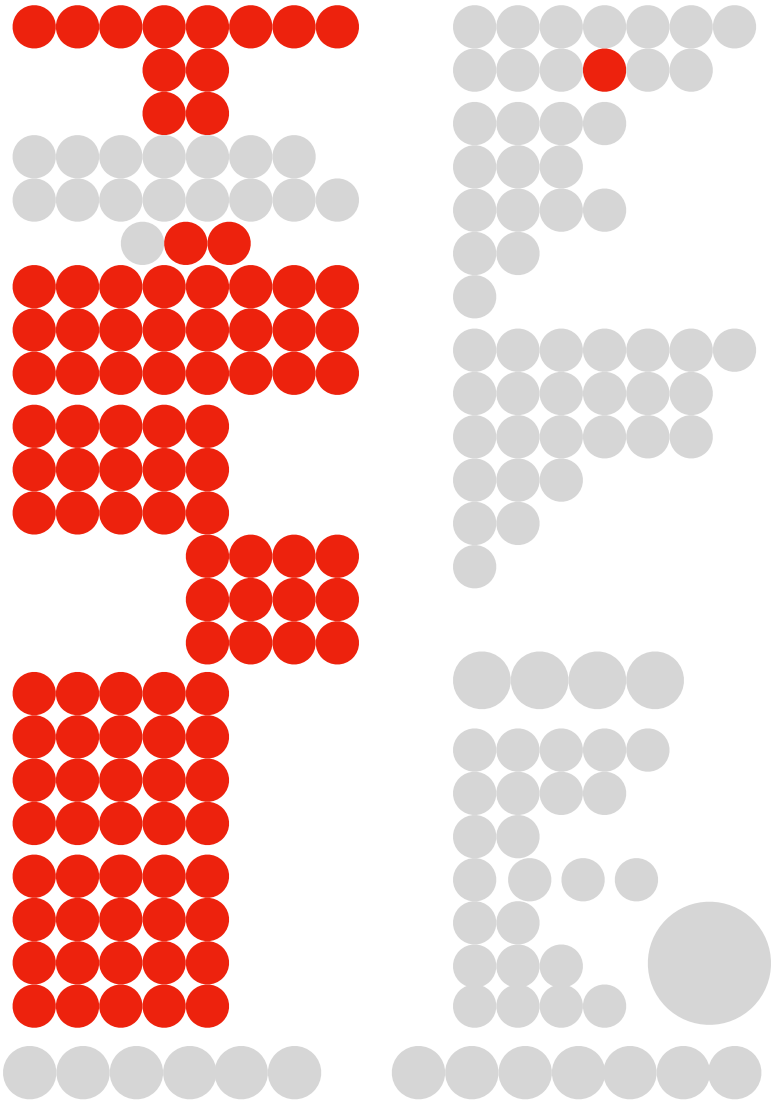

12. **Sở hữu hỷ**: có mặt trong 51 tâm (4 tâm tham thọ hỷ, 2 tâm vô nhân thọ hỷ tức là tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân và tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ, cộng với 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ đó là 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm quả dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo thọ hỷ và 3 tâm sơ thiền sắc giới, 3 tâm nhị thiền sắc giới, 3 tâm tam thiền sắc giới, 8 tâm siêu thế sơ thiền, 8 tâm siêu thế nhị thiền, 8 tâm siêu thế tam thiền).

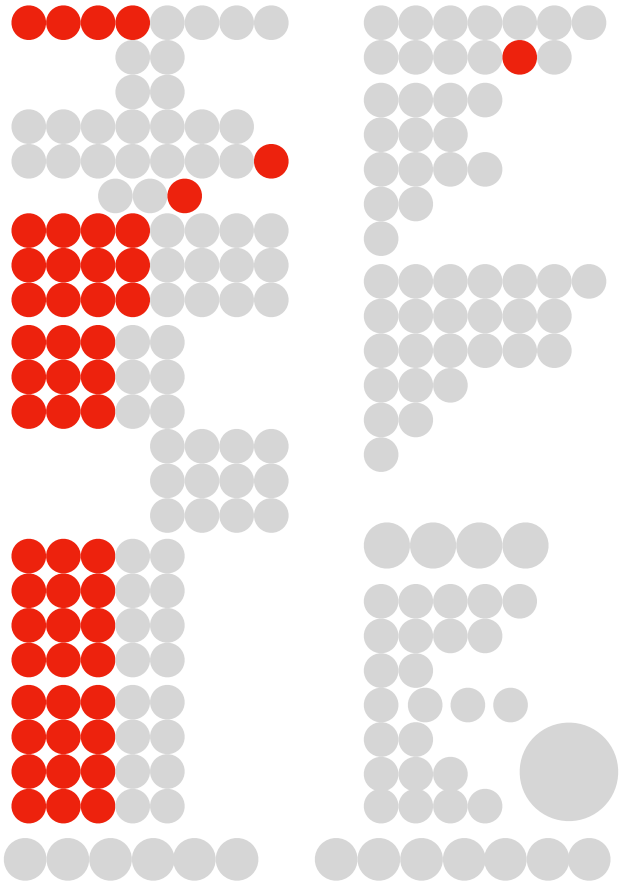

13. **Sở hữu dục**: có mặt trong 101 tâm đó là 121 tâm trừ 2 tâm si và 18 tâm vô nhân.

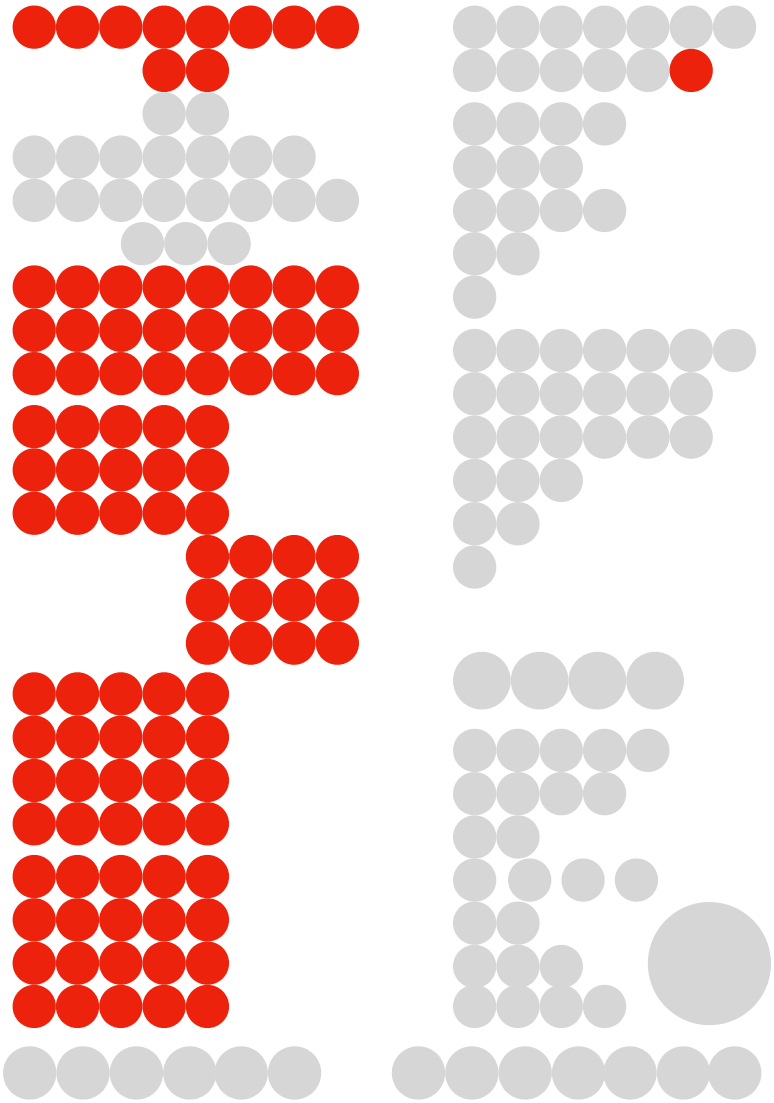

14. **Sở hữu si**: có mặt trong 12 tâm bất thiện gồm có 8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si.

15. **Sở hữu vô tàm**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

16. **Sở hữu vô uý**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

17. **Sở hữu phóng dật**: có mặt trong 12 tâm bất thiện giống như sở hữu si.

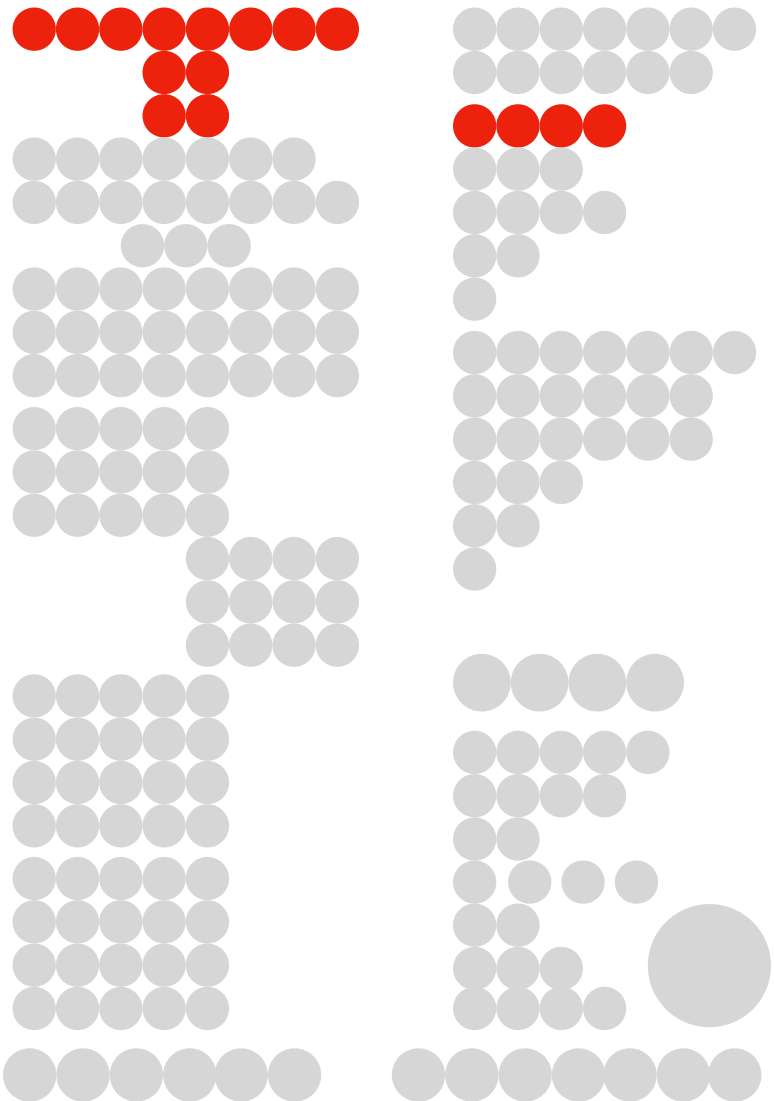

18. **Sở hữu tham**: có mặt trong 8 tâm tham.

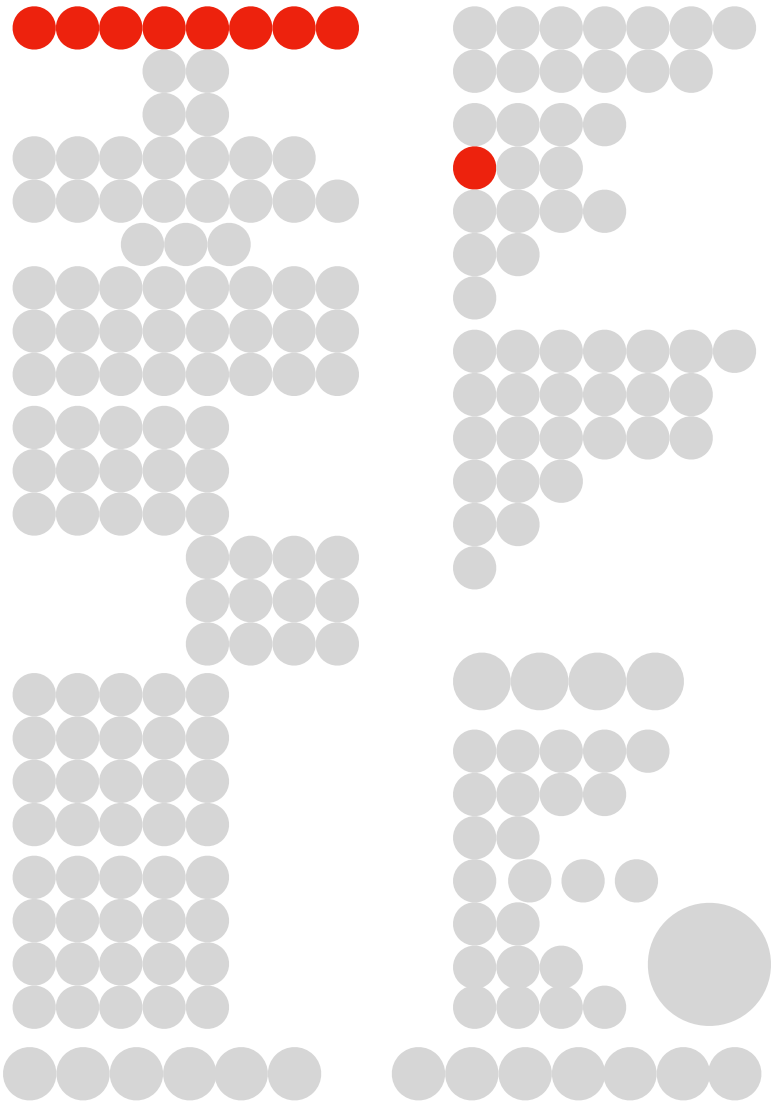

19. **Sở hữu tà kiến**: có mặt trong 4 tâm tham hợp tà

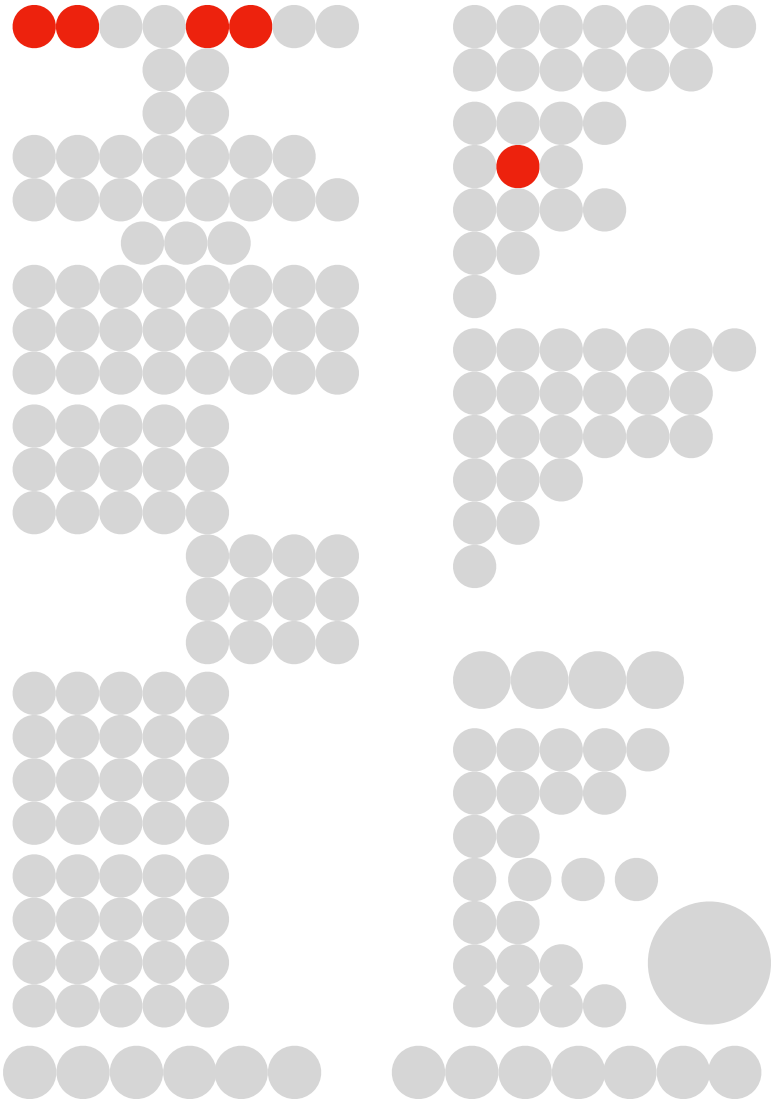

20. **Sở hữu ngã mạn**: có mặt trong 4 tâm tham ly tà

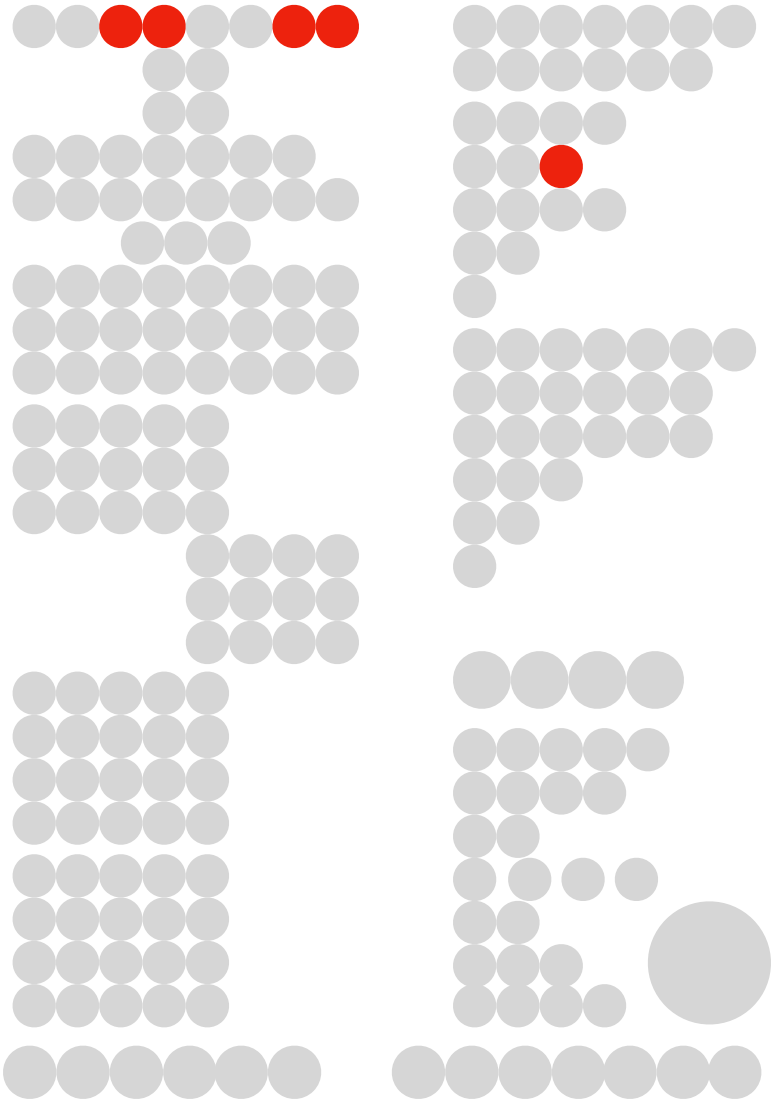

21. **Sở hữu sân**: có mặt trong 2 tâm sân
22. **Sở hữu tật**: có mặt trong 2 tâm sân
23. **Sở hữu lận**: có mặt trong 2 tâm sân
24. **Sở hữu hối**: có mặt trong 2 tâm sân

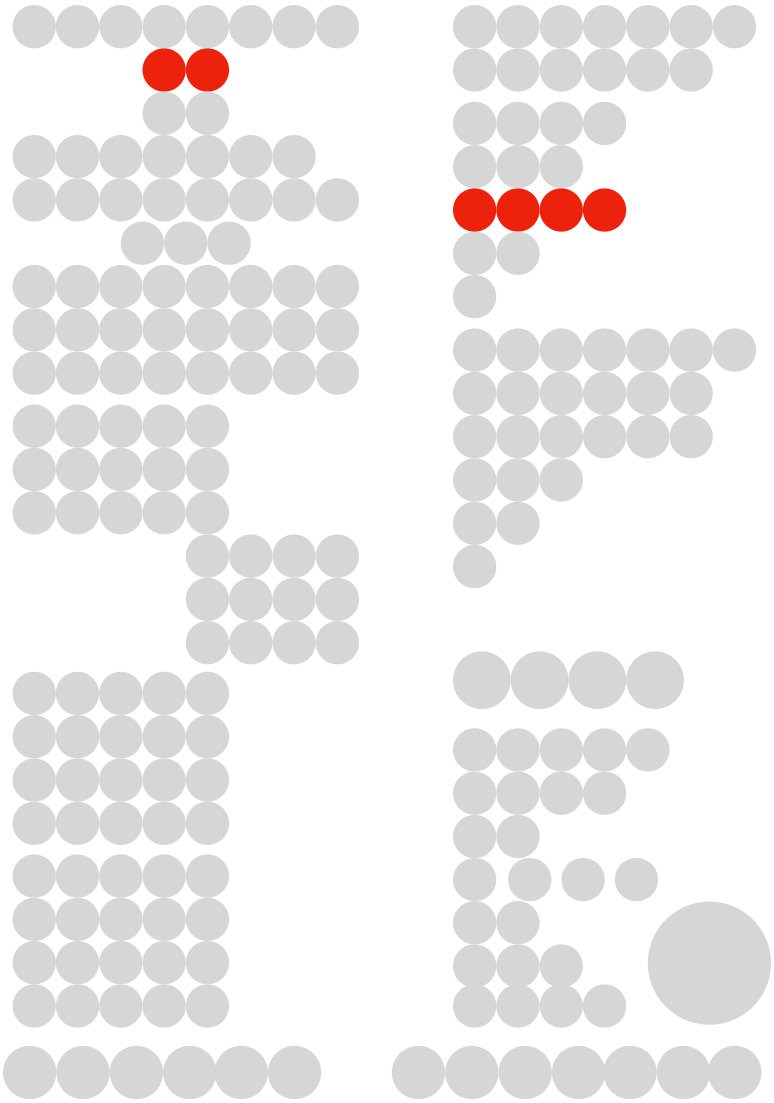

25. **Sở hữu hôn trầm**: có mặt trong 4 tâm tham hữu trợ và 1 tâm sân hữu trợ.

26. **Sở hữu thụy miên**: có mặt trong 4 tâm tham hữu trợ và 1 tâm sân hữu trợ.

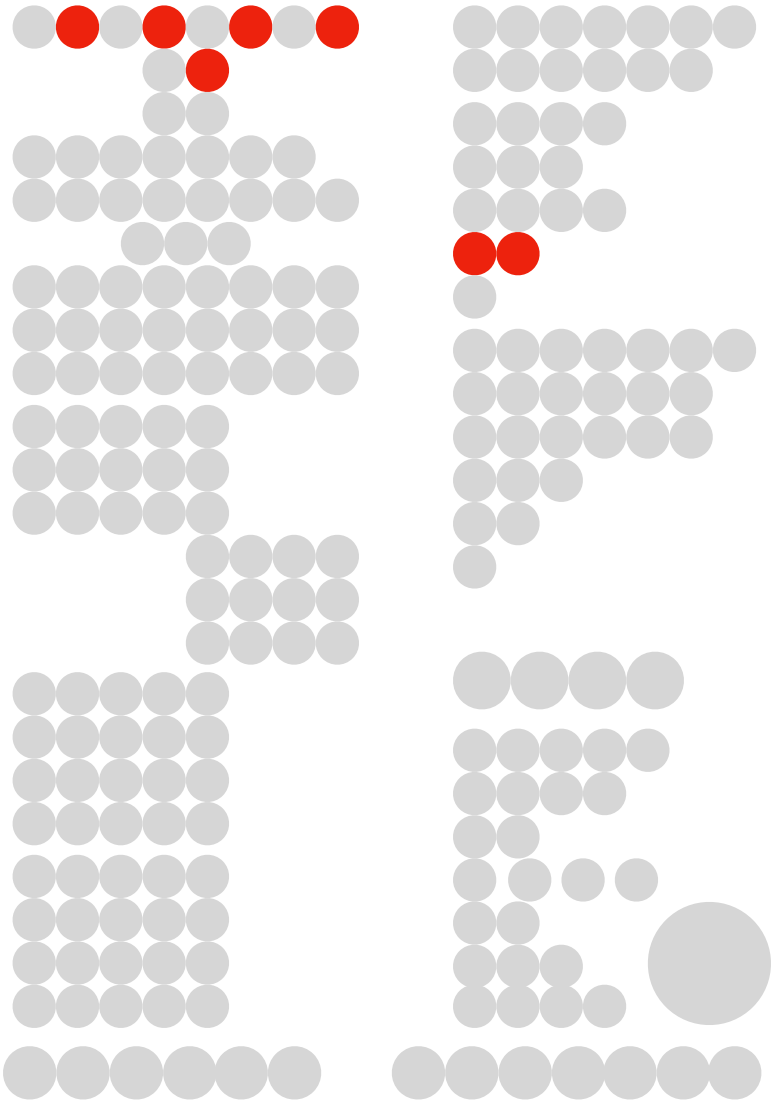

27. **Sở hữu hoài nghi**: có mặt trong tâm si thọ xả hợp hoài nghi.

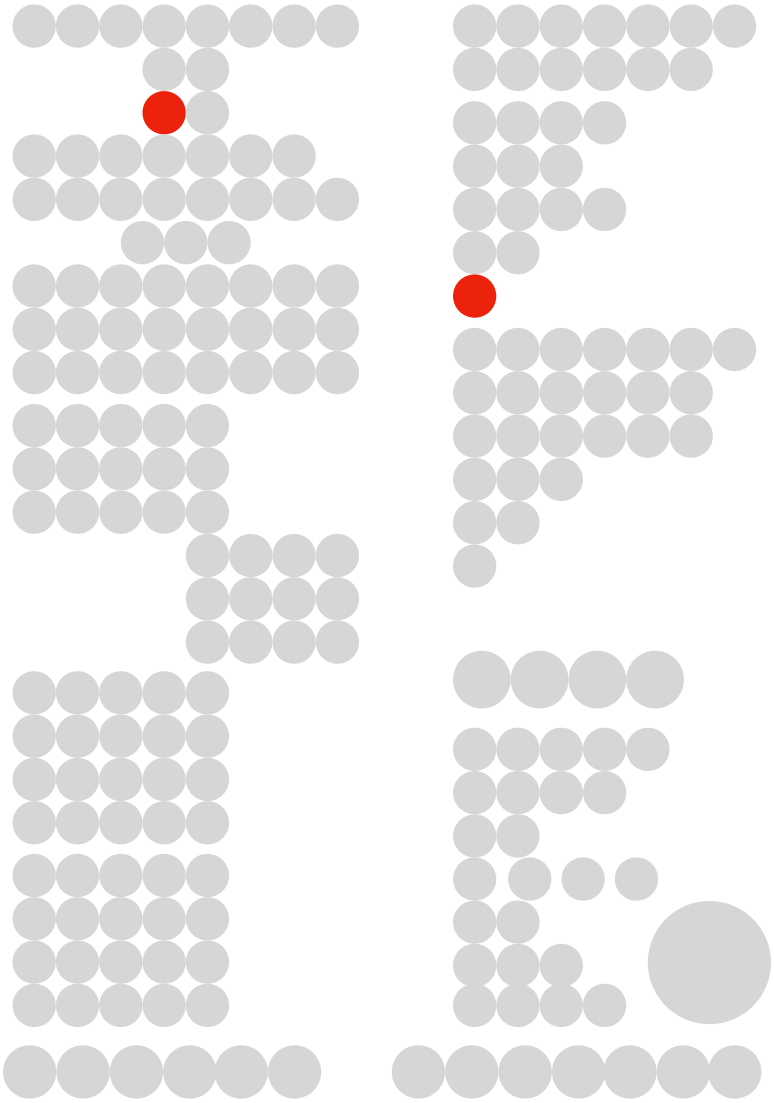

28. **Sở hữu tín**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo đó là:

- 24 tâm dục giới tịnh hảo
- 27 tâm đáo đại (15 tâm sắc giới, 12 tâm vô sắc giới)
- 20 tâm đạo (5 tâm sơ đạo, 5 tâm nhị đạo, 5 tâm tam đạo, 5 tâm tứ đạo)
- 20 tâm quả siêu thế (5 tâm sơ quả, 5 tâm nhị quả, 5 tâm tam quả, 5 tâm tứ quả)

29. **Sở hữu niệm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

30. **Sở hữu tàm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

31. **Sở hữu uý**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

32. **Sở hữu vô tham**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

33. **Sở hữu vô sân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

34. **Sở hữu hành xả**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

35. **Sở hữu tịnh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

36. **Sở hữu tịnh tâm** : có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

37. **Sở hữu khinh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

38. **Sở hữu khinh tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

39. **Sở hữu nhu thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

40. **Sở hữu nhu tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

41. **Sở hữu thích thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

42. **Sở hữu thích tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

43. **Sở hữu thuần thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

44. **Sở hữu thuần tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

45. **Sở hữu chánh thân**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

46. **Sở hữu chánh tâm**: có mặt trong 91 tâm tịnh hảo giống như sở hữu tín.

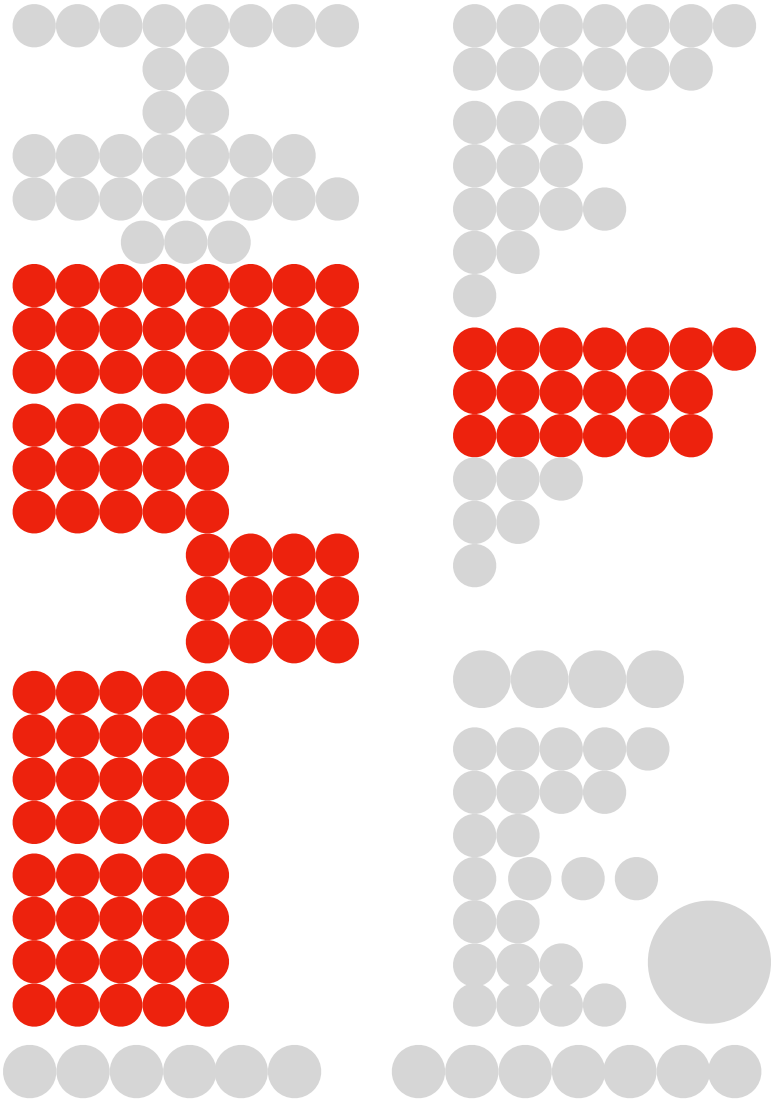

47. **Sở hữu chánh ngữ**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

48. **Sở hữu chánh nghiệp**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

49. **Sở hữu chánh mạng**: có mặt trong 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo và 40 tâm siêu thế.

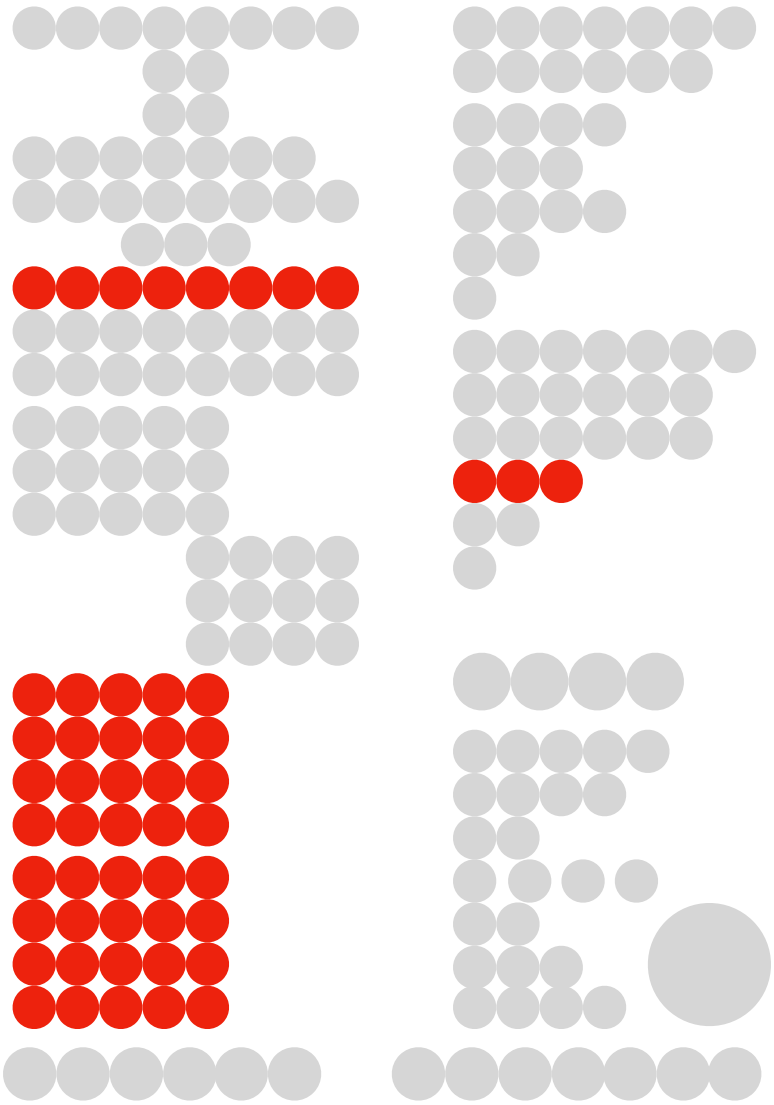

50. **Sở hữu Bi**: có mặt trong 28 tâm đó là 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo và 12 tâm sắc giới thọ hỷ (3 tâm sơ thiền sắc giới, 3 tâm nhị thiền sắc giới, 3 tâm tam thiền sắc giới, 3 tâm tứ thiền sắc giới).

51. **Sở hữu tùy hỷ**: có mặt trong 28 tâm giống như sở hữu Bi.

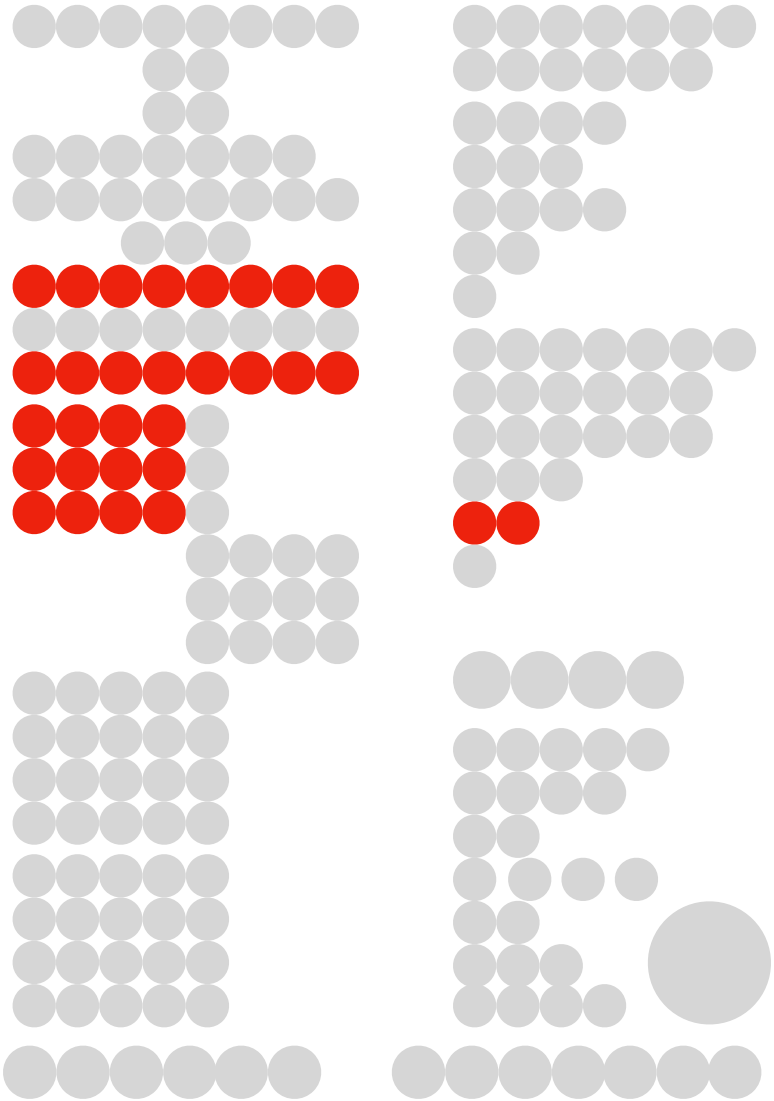

52. **Sở hữu trí tuệ**: có mặt trong 79 tâm tịnh hảo hợp trí đó là 12 tâm dục giới tịnh hảo hợp trí, 27 tâm đáo đại và 40 tâm siêu thế.

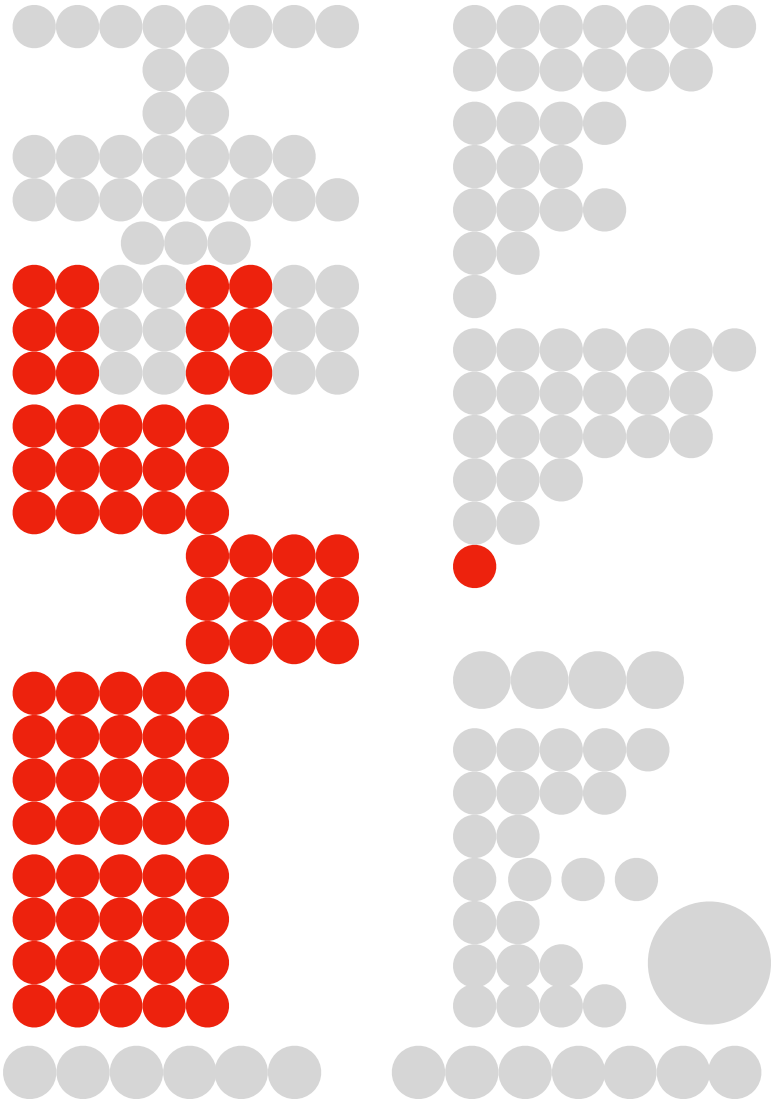

CHƯƠNG VI
(BÀI 10)

3 TÁNH

I. Định nghĩa:

Bài này nói về 3 Tánh của 202 pháp chơn đế. Tánh là tính chất, đặc tánh. 3 Tánh là Tánh thiện, Tánh bất thiện, Tánh vô ký.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Tánh thiện**: Là những pháp chơn đế có tánh chất thiện lành, tốt đẹp, nhân lành cho quả vui.
   Tánh thiện gồm có các pháp chơn đế như sau:

   a. Tâm:

   - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo
   - 9 tâm thiện đáo đại (5 tâm thiện Sắc Giới, 4 tâm thiện Vô Sắc Giới)
   - 20 tâm thiện Siêu Thế (20 tâm đạo: 5 tâm sơ đạo, 5 tâm nhị đạo, 5 tâm tam đạo, 5 tâm tứ đạo)

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục

- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; - 3 sở hữu giới phần: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; 2 sở hữu vô lượng phần: bi, tùy hỷ; 1 sở hữu trí tuệ)

c. Sắc Pháp: Không

d. Niết Bàn: Không

TÁNH THIỆN

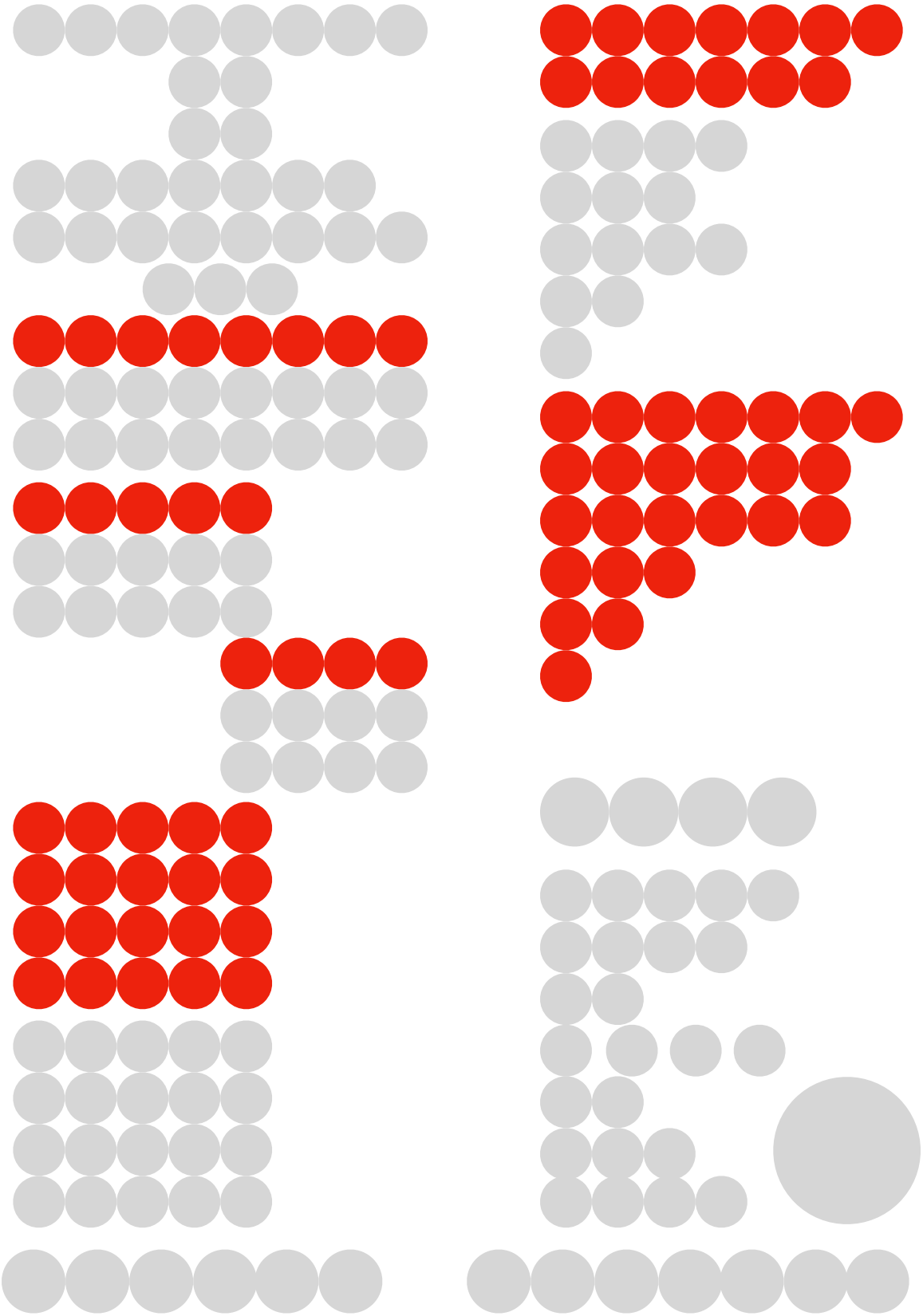

2. **Tánh bất thiện**:

Là những pháp có tánh chất không lành, không thiện, không tốt đẹp, nhân ác cho quả khổ.

Tánh bất thiện gồm có những pháp chơn đế như sau:

a.**Tâm:** 12 tâm bất thiện:

- 8 tâm tham,
- 2 tâm sân,
- 2 tâm si

b.Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)
- 14 sở hữu bất thiện (4 sở hữu bất thiện biến hành: si, vô tàm, vô uý, phóng dật; 3 sở hữu tham phần: tham, tà kiến, ngã mạn; 4 sở hữu sân phần: sân, tật, lận, hối; 2 sở hữu hôn phần: hôn trầm, thụy miên; 1 sở hữu hoài nghi)

c. Sắc Pháp: Không

d. Niết Bàn: Không

TÁNH BẤT THIỆN

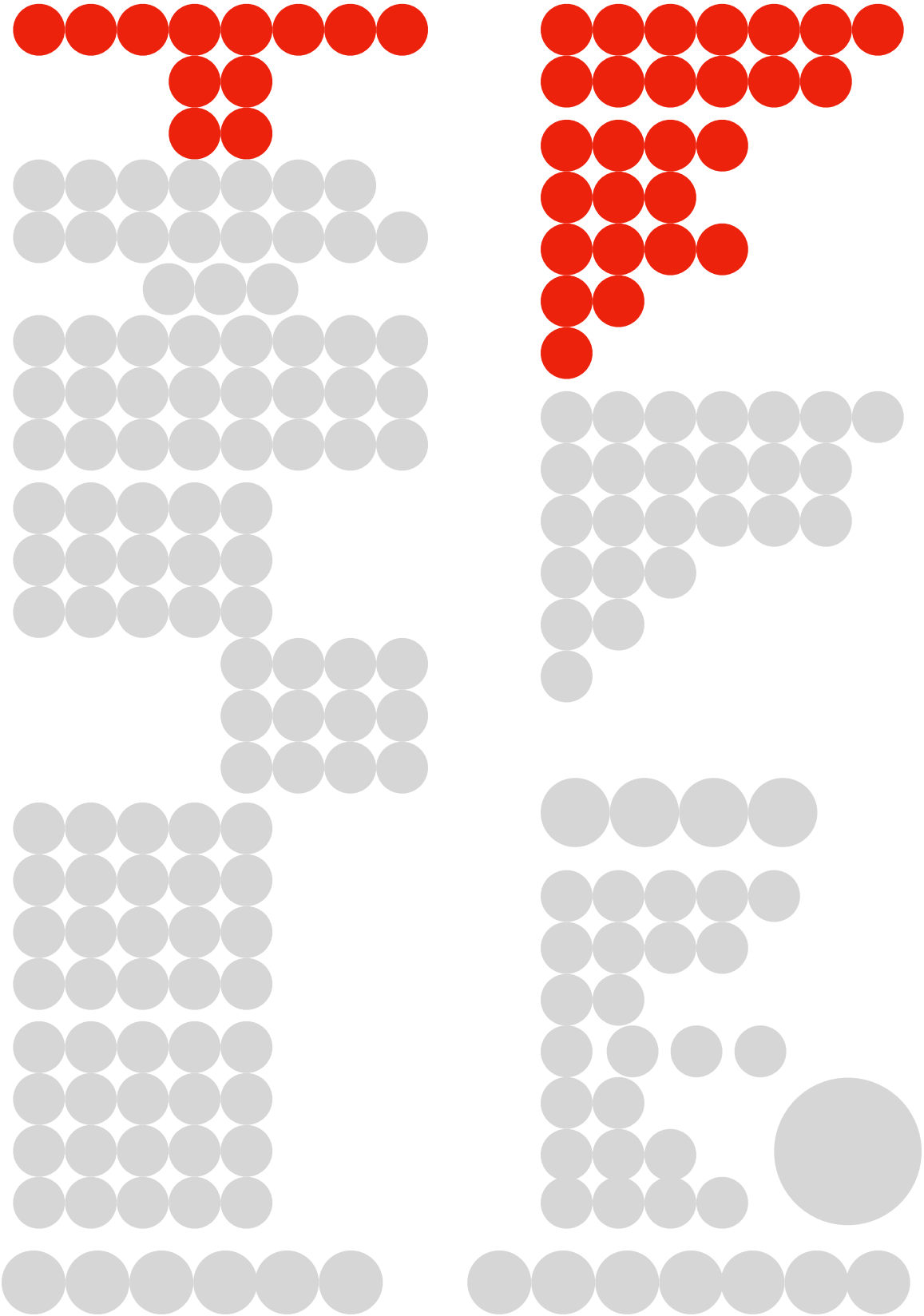

3. **Tánh vô ký**:

Là những pháp không thiện, không bất thiện. Tánh vô ký gồm có những pháp chơn đế như sau:

a. Tâm:

- 18 tâm vô nhân (7 tâm quả bất thiện vô nhân, 8 tâm quả thiện vô nhân, 3 tâm duy tác vô nhân)
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 9 tâm quả đáo đại (5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới)
- 9 tâm duy tác đáo đại (5 tâm duy tác sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới)
- 20 tâm quả siêu thế (5 tâm sơ quả, 5 tâm nhị quả, 5 tâm tam quả, 5 tâm tứ quả)

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh)

- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành, 3 sở hữu giới phần, 2 sở hữu vô lượng phần, 1 sở hữu trí tuệ)

c. **Sắc Pháp**: 28 sắc pháp đó là:

- 4 sắc tứ đại (Sắc đất, Sắc nước, Sắc lửa, Sắc gió)
- 24 sắc y đại sinh (5 sắc thần kinh: sắc thần kinh nhãn, sắc thần kinh nhĩ, sắc thần kinh tỷ, sắc thần kinh thiệt, sắc thần kinh thân; 4 sắc cảnh giới: sắc cảnh sắc, sắc cảnh thinh, sắc cảnh khí, sắc cảnh vị; 2 sắc tính: sắc nam tính, sắc nữ tính; 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền, 1 sắc vật thực, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri: sắc thân biểu tri, sắc khẩu biểu tri; 3 sắc đặc biệt: sắc khinh, sắc nhu, sắc thích nghiệp; 4 sắc tứ tướng: sắc sinh, sắc tiến, sắc dị, sắc diệt).

d. **Niết Bàn**: Niết Bàn.

TÁNH VÔ KÝ

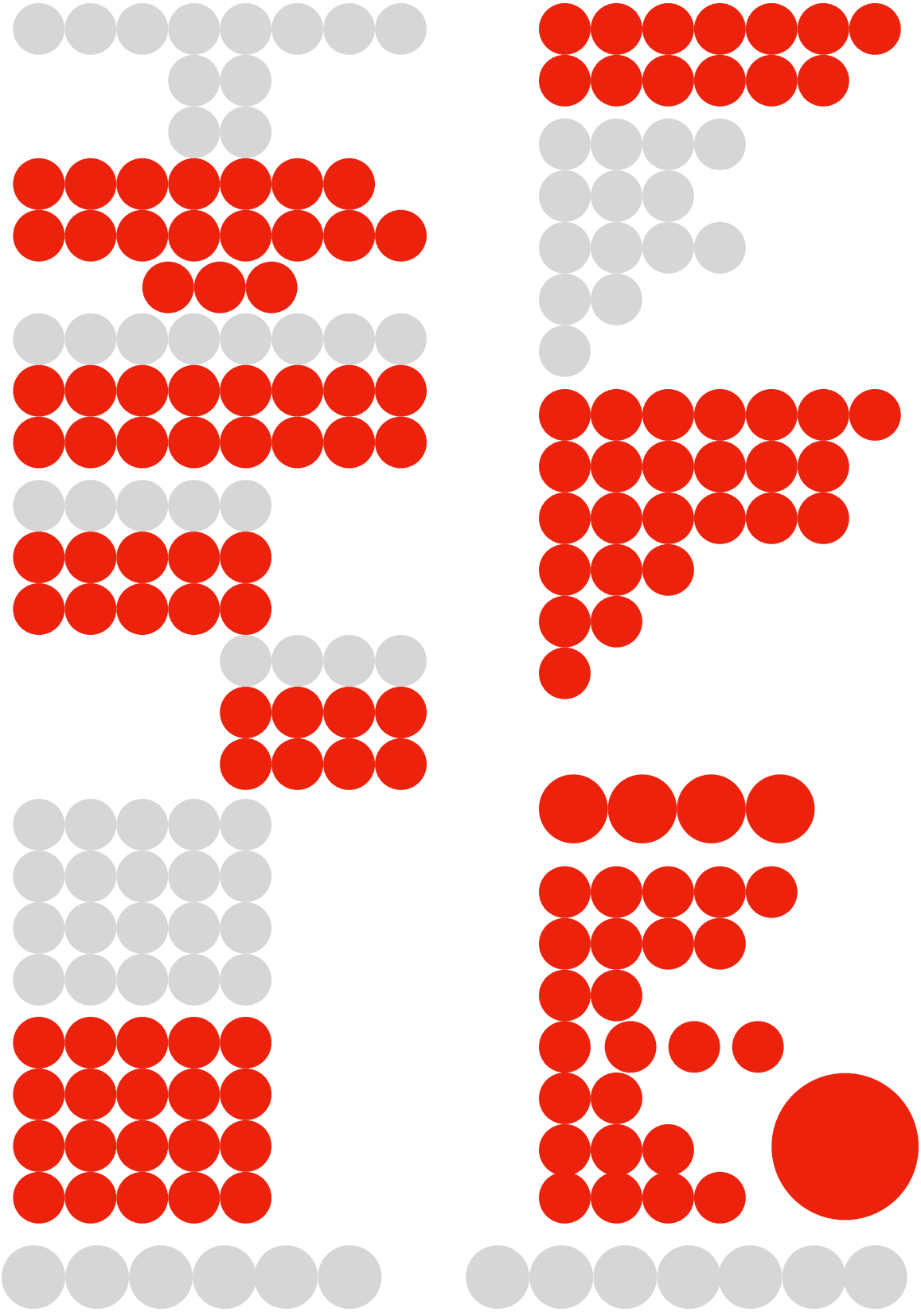

III. Kết luận:

Bài học này nhằm mục đích giúp hành giả thấy rõ pháp chơn đế nhất là pháp nào thuộc tánh thiện, thuộc tánh bất thiện, thuộc tánh vô ký, để ngăn ngừa và diệt trừ các pháp thuộc tánh bất thiện và vun bồi các pháp thuộc tánh thiện.

Quan trọng hơn bài học giúp hành giả tu thiền thấy rõ một cách chi tiết về các pháp thiện, bất thiện, vô ký, khi sanh lên trong tâm dễ dàng quan sát, theo dõi đúng đề mục thân thọ tâm pháp.

==***==

Hết bài số 10
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 11/03/2020 (18-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VII
(BÀI 11)

BỐN GIỐNG

I. Định nghĩa:

Bài này nói về bốn giống tức là hạt giống, dòng giống của các pháp chơn đế. Bốn giống là: Giống thiện, Giống bất thiện, Giống quả, Giống duy tác.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Giống thiện**: là những pháp chơn đế thiện lành, tốt đẹp, có hạt giống tốt cho quả hạnh phúc, an vui. Giống thiện gồm có các pháp chơn đế như sau:

   a) Tâm:

   - 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.
   - 9 tâm thiện đáo đại (5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới).
   - 20 tâm thiện siêu thế (20 tâm đạo: 5 tâm sơ đạo, 5 tâm nhị đạo, 5 tâm tam đạo, 5 tâm tứ đạo).

b) **Sở hữu tâm:**

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục).

- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; 2 sở hữu vô lượng phần: bi, tùy hỷ; 1 sở hữu trí tuệ).

c) **Sắc Pháp:** không.

d) **Niết Bàn:** không.

GIỐNG THIỆN

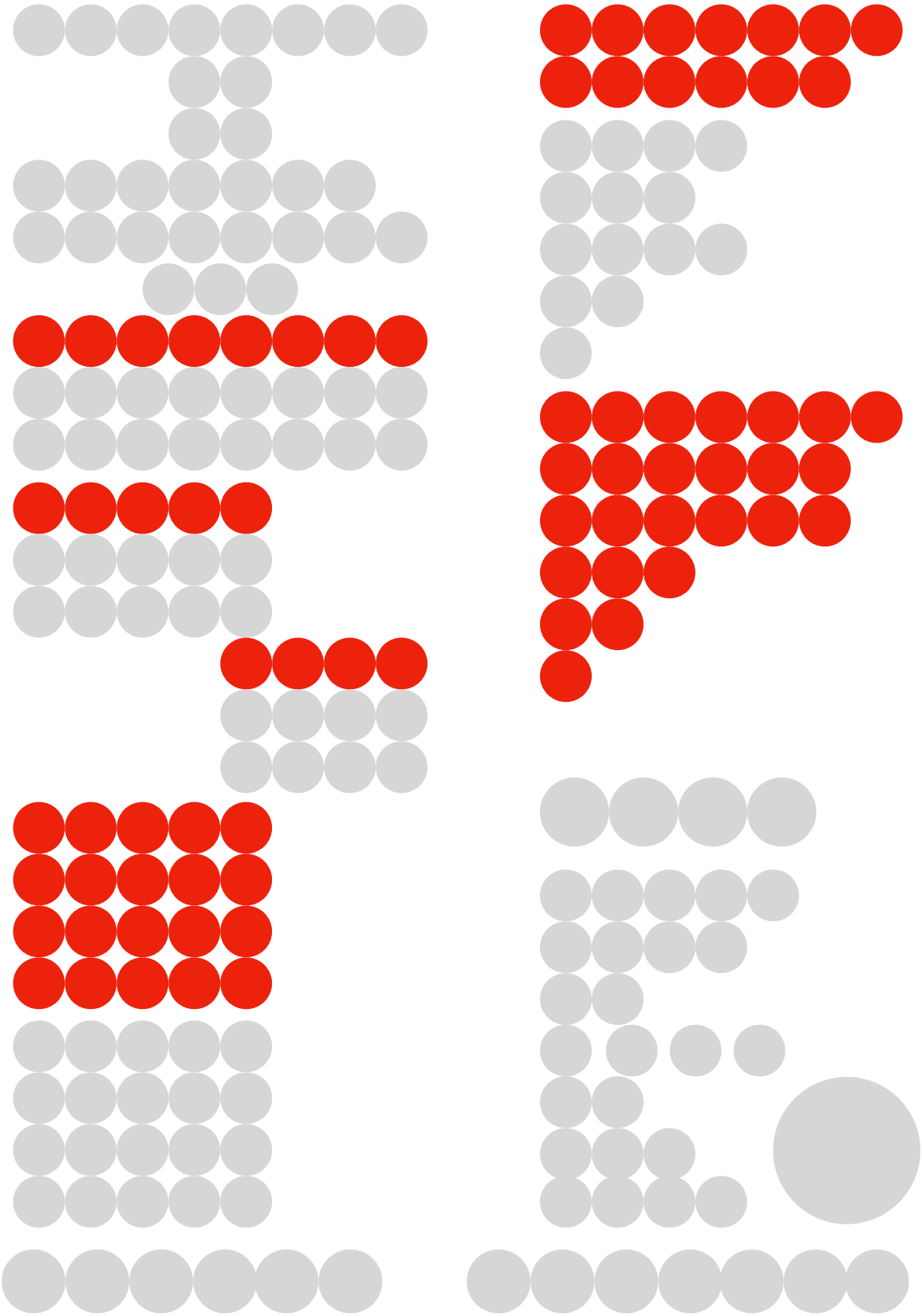

2. **Giống bất thiện**: là những pháp có giống ác, xấu, không lành, cho quả khổ đau. Giống bất thiện gồm có những pháp chơn đế như sau:

a. **Tâm:** 12 tâm bất thiện
8 tâm tham,
2 tâm sân,
2 tâm si.

b. **Sở hữu tâm:**

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh).
- 14 sở hữu bất thiện (4 sở hữu bất thiện biến hành: si, vô tàm, vô uý, phóng dật; 3 sở hữu tham phần: tham, tà kiến, ngã mạn; 4 sở hữu sân phần: sân, tật, lận, hối; 2 sở hữu hôn phần: hôn trầm, thụy miên; 1 sở hữu hoài nghi)

c. **Sắc Pháp:** không.

d. **Niết Bàn:** không.

GIỐNG BẤT THIỆN

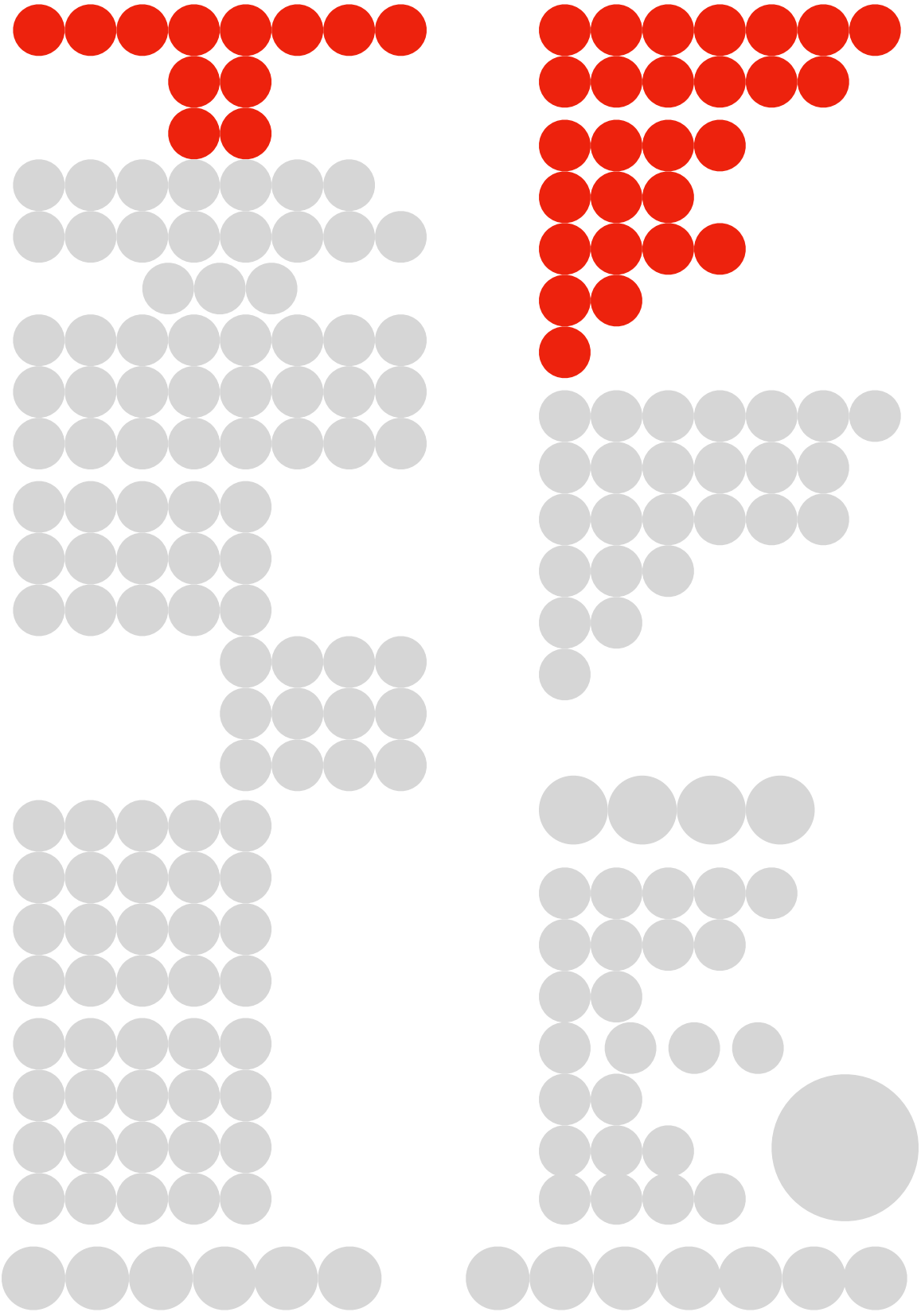

3. **Giống quả:** Là những pháp thuộc giống quả, không thiện, không bất thiện. Giống quả gồm những pháp chơn đế như sau:

a. **Tâm:**

- 15 tâm quả vô nhân (7 tâm quả bất thiện vô nhân, 8 tâm quả thiện vô nhân).
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.
- 9 tâm quả đáo đại (5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới).
- 20 tâm quả siêu thế (20 tâm quả: 5 tâm sơ quả, 5 tâm nhị quả, 5 tâm tam quả, 5 tâm tứ quả).

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh).
- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành, 3 sở hữu giới phần, 2 sở hữu vô lượng phần, 1 sở hữu trí tuệ).

c. **Sắc Pháp:** không.

d. **Niết Bàn:** không.

GIỐNG QUẢ

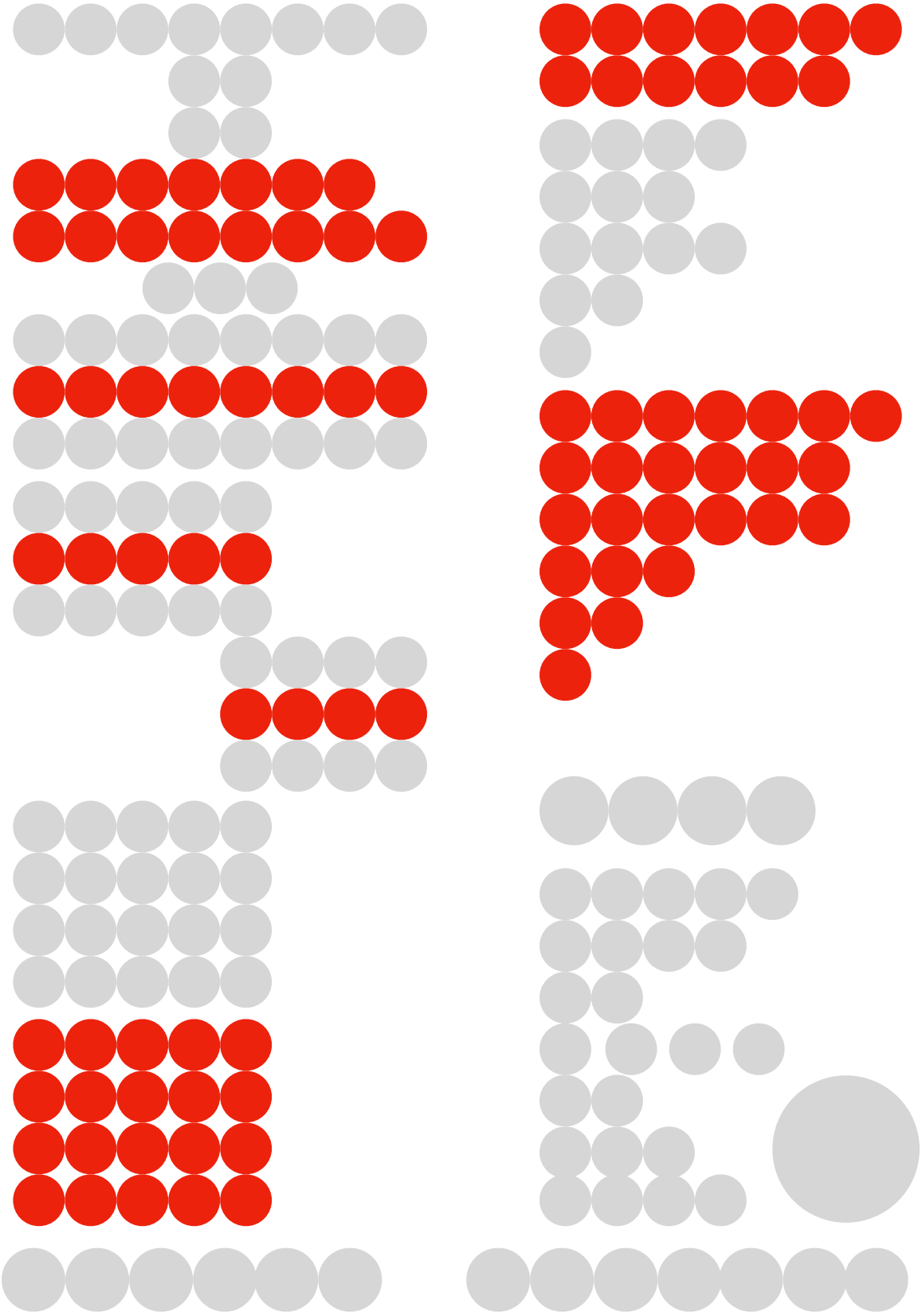

4. **Giống duy tác:** Là những pháp thuộc giống chỉ duy nhất có hành động mà không có kết quả. Giống duy tác gồm có những pháp chơn đế như sau:

a. Tâm:

- 3 tâm duy tác vô nhân.
- 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo
- 9 tâm duy tác đáo đại (5 tâm duy tác sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới).

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành, 6 sở hữu biệt cảnh).
- 22 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành, 2 sở hữu vô lượng phần, 1 sở hữu trí tuệ).

c. **Sắc Pháp:** không.

d. **Niết Bàn:** không.

GIỐNG DUY TÁC

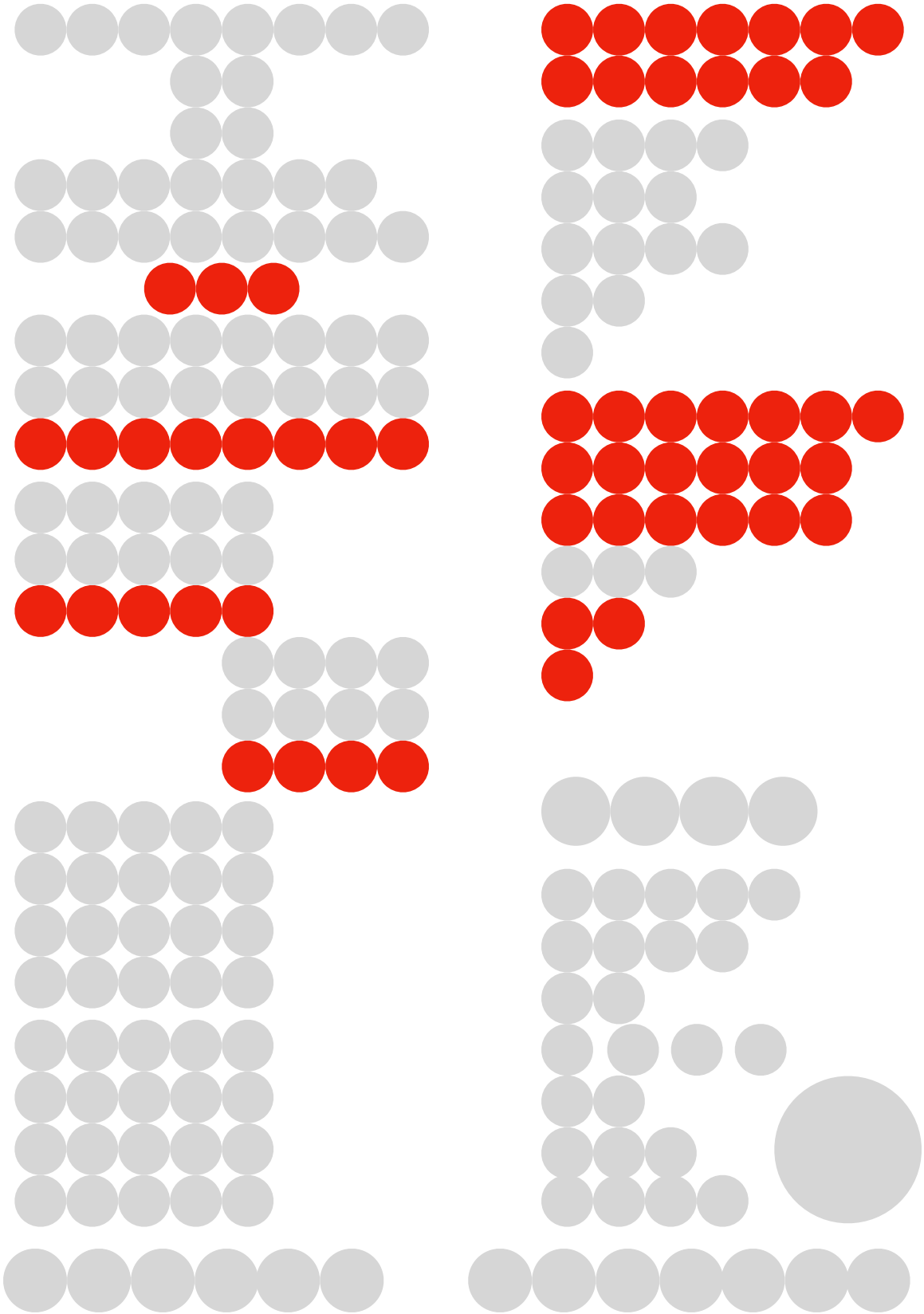

III.Kết Luận:

Bài học này để giúp hành giả nhận thức một cách rõ ràng về 4 giống, nhất là phân biệt giống thiện, giống bất thiện, giống quả, giống duy tác nhằm mục đích ngăn chặn và diệt trừ các pháp thuộc giống bất thiện và phát huy các pháp thuộc giống thiện. Đặc biệt thấy rõ ràng các tâm và sở hữu tâm thuộc giống thiện, giống bất thiện, giống quả khi hành thiền Tứ Niệm Xứ, nhất là Niệm Tâm.

==***==

Hết bài số 11
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 11/03/2020 (18-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VIII
(BÀI 12)

BA THỜI

I. Định nghĩa:

Bài này nói về ba thời điểm, ba thời kỳ, ba thời gian liên quan đến chúng sanh đó là: Thời tục sinh, Thời bình nhật, Thời tử.

- Thời tục sinh là thời điểm tái sinh, sát na tục sinh.
- Thời tử là sát na tử, là thời điểm chết.
- Thời bình nhật là thời kỳ giữa tục sinh và tử.

II. Phân tích chi pháp:

1. Thời tục sinh:

Những pháp chơn đế trong thời tục sinh là:

a. Tâm:

- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân.
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân.
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.
- 5 tâm quả sắc giới.
- 4 tâm quả vô sắc giới.

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục).

- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm.
- 2 sở hữu vô lượng phần: bi, tùy hỷ.
- 1 sở hữu trí tuệ.

c. **Sắc pháp:** Sắc nghiệp tục sinh.

d. **Niết Bàn:** không.

2. Thời bình nhật:

a. Những pháp chơn đế trong thời bình nhật là:

b. Tâm: 121 tâm. (54 tâm dục giới, 27 tâm đáo đại, 40 tâm siêu thế)

c. Sở hữu tâm: 52 sở hữu tâm (13 sở hữu tợ tha, 14 sở hữu bất thiện, 25 sở hữu tịnh hảo).

d. Sắc pháp: 28 sắc pháp (4 sắc tứ đại, 24 sắc y đại sinh: 5 sắc thần kinh, 4 sắc cảnh giới, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền, 1 sắc vật thực, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tứ tướng).

e. Niết Bàn: không hoặc có

3. **Thời tử:**

Những pháp chơn đế trong thời tử là:

a. Tâm: 19 tâm quả như thời tục sinh.
b. Sở hữu tâm: Những sở hữu cùng sanh chung với 19 tâm quả.
c. Sắc pháp: các sắc pháp trong thời tử.
d. Niết Bàn: không.

III.Kết luận:

Bài học này giúp hành giả thấy rõ những pháp sinh ra trong thời tục sinh, bình nhật và tử một cách chi tiết, giúp hành giả thấy rõ do đâu mà tái sinh vào những cõi khác nhau, từ đó nỗ lực thực hành thiện pháp cũng như tu tập Bát Chánh Đạo để thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

==***==

Hết bài số 12
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 11/03/2020 (18-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IX

SƠ ĐỒ 3 THỜI

I. Định nghĩa:

Bài này nói về ba thời điểm, ba thời kỳ, ba thời gian liên quan đến chúng sanh đó là: Thời tục sinh, Thời bình nhật, Thời tử.

- Thời tục sinh là thời điểm tái sinh, sát na tục sinh.
- Thời tử là sát na tử, là thời điểm chết.
- Thời bình nhật là thời kỳ giữa tục sinh và tử.

II. Phân tích chi pháp:

1. Thời tục sinh:

Những pháp chơn đế trong thời tục sinh là:

a. Tâm:

- 1 tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân.
- 1 tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân.
- 8 tâm quả dục giới tịnh hảo.

- 5 tâm quả sắc giới.
- 4 tâm quả vô sắc giới.

b. Sở hữu tâm:

- 13 sở hữu tợ tha (7 sở hữu biến hành: xúc, thọ, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 6 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, hỷ, dục).
- 19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm.
- 2 sở hữu vô lượng phần: bi, tùy hỷ.
- 1 sở hữu trí tuệ.

c. **Sắc pháp:** Sắc nghiệp tục sinh.

d. **Niết Bàn:** không.

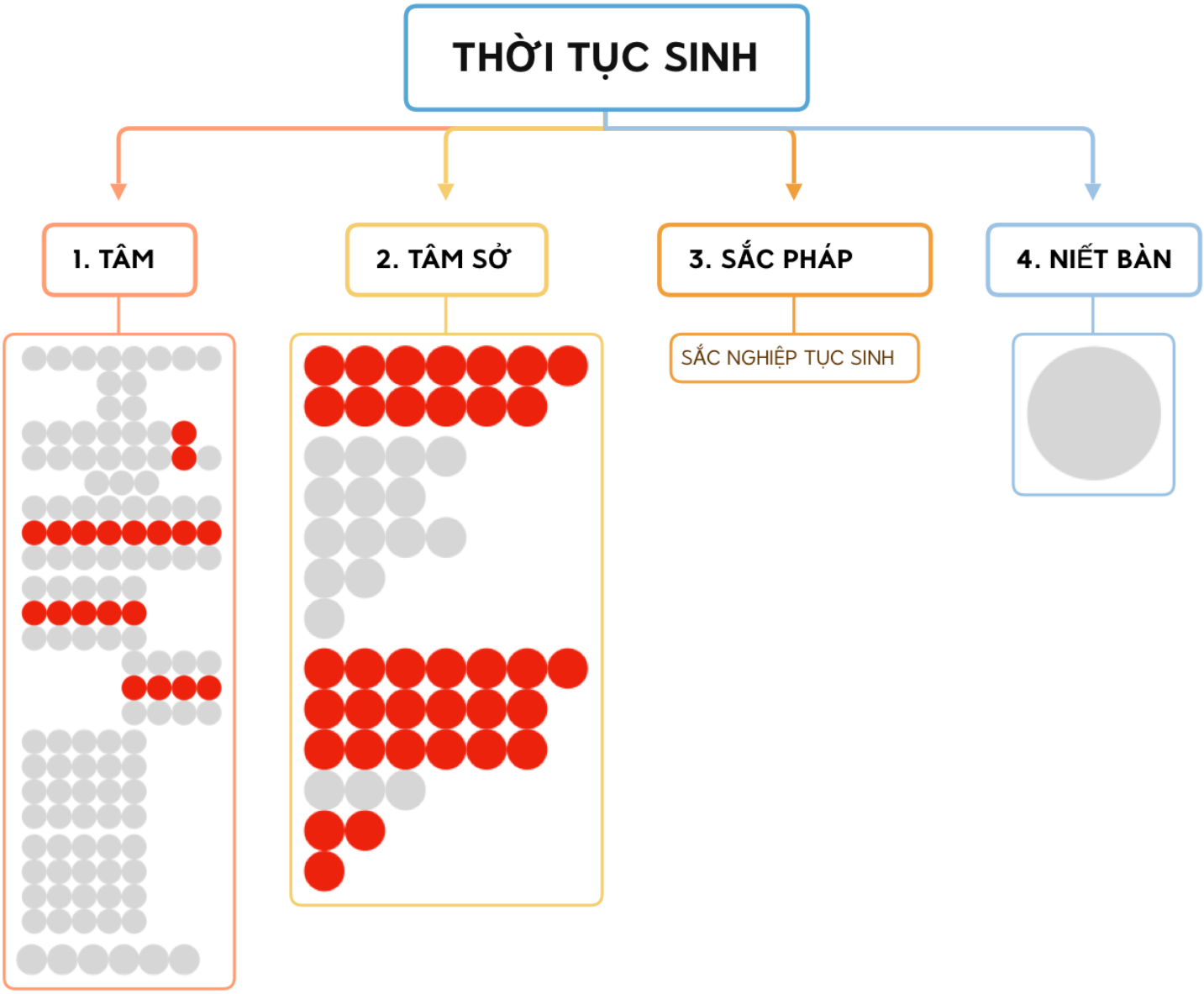
THỜI TỤC SINH
1. TÂM
2. TÂM SỞ
3. SẮC PHÁP
4. NIẾT BÀN
SẮC NGHIỆP TỤC SINH

2. Thời bình nhật:

Những pháp chơn đế trong thời bình nhật là:

a. **Tâm:** 121 tâm. (54 tâm dục giới, 27 tâm đáo đại, 40 tâm siêu thế)

b. **Sở hữu tâm:** 52 sở hữu tâm (13 sở hữu tợ tha, 14 sở hữu bất thiện, 25 sở hữu tịnh hảo).

c. **Sắc pháp:** 28 sắc pháp (4 sắc tứ đại, 24 sắc y đại sinh: 5 sắc thần kinh, 4 sắc cảnh giới, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền, 1 sắc vật thực, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tứ tướng).

d. **Niết Bàn:** không hoặc có

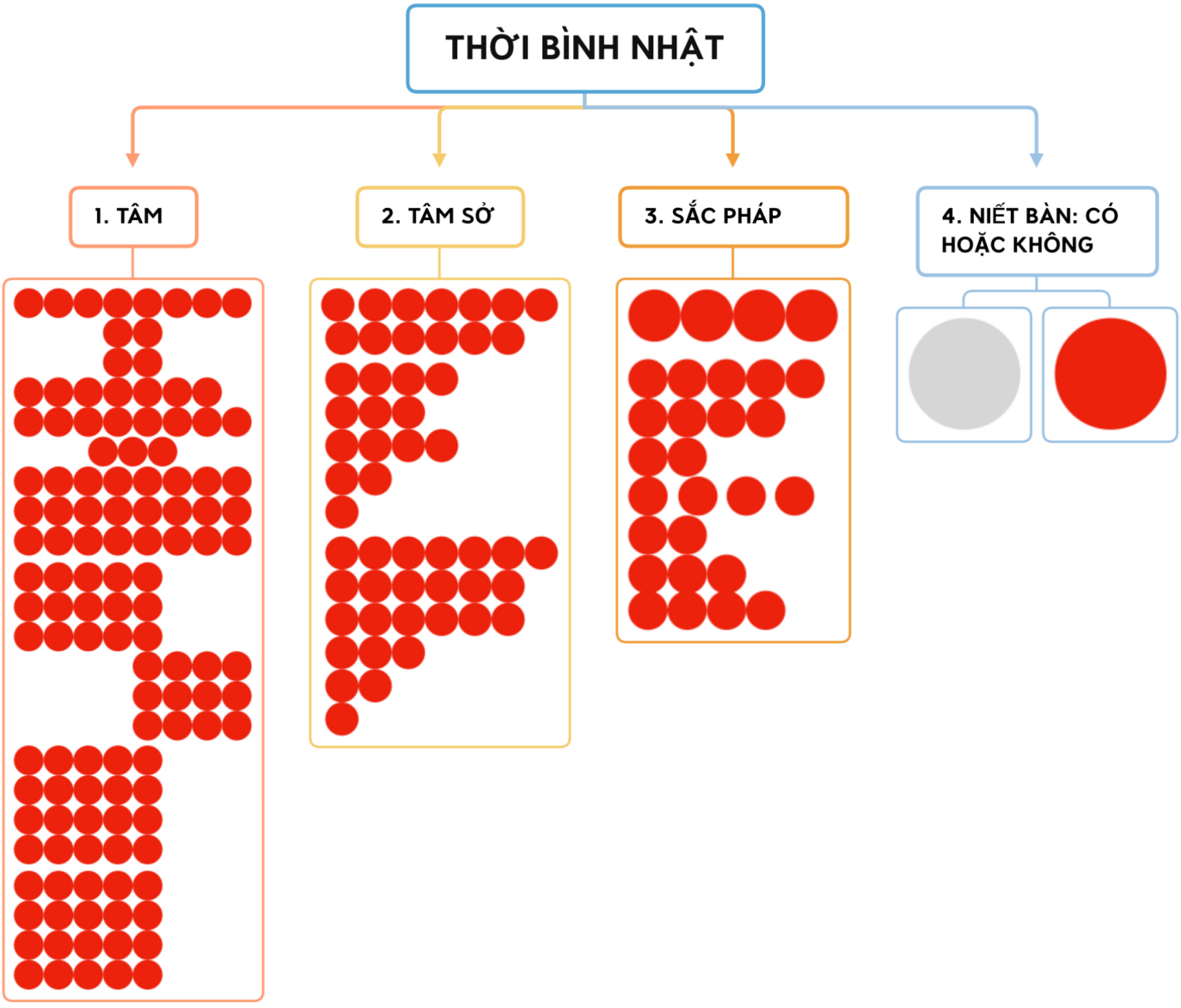
THỜI BÌNH NHẬT
1. TÂM
2. TÂM SỞ
3. SẮC PHÁP
4. NIẾT BÀN: CÓ HOẶC KHÔNG

3. **Thời tử:**

Những pháp chơn đế trong thời tử là:

a. **Tâm:** 19 tâm quả như thời tục sinh.

b. **Sở hữu tâm:** Những sở hữu cùng sanh chung với 19 tâm quả.

c. **Sắc pháp:** các sắc pháp trong thời tử.

d. **Niết Bàn:** không.

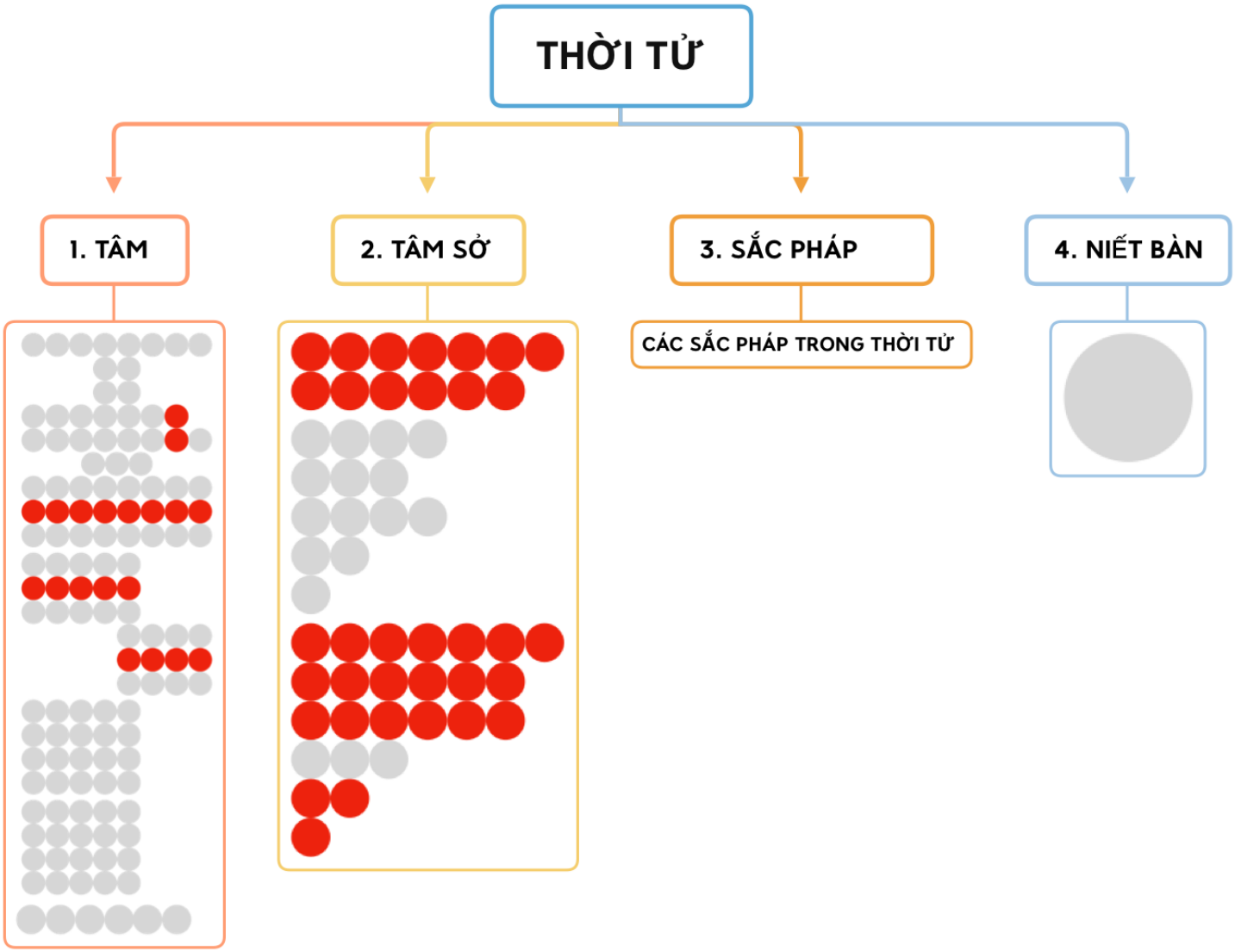

CHƯƠNG X
(BÀI 13)

12 HẠNG NGƯỜI

I. Định nghĩa:

Bài này nói về 12 hạng người được phân tích dựa theo các pháp chơn đế. Người ở đây là chúng sanh, loài hữu tình, ám chỉ chúng sanh có thức tánh, kể cả súc sanh, chư thiên, loài người,. v.v…

Người có 12 hạng:

1. Người khổ.
2. Người lạc vô nhân.
3. Người nhị nhân.
4. Người tam nhân.
5. Người sơ đạo.
6. Người nhị đạo.
7. Người tam đạo.
8. Người tứ đạo.
9. Người sơ quả.
10. Người nhị quả.
11. Người tam quả.
12. Người tứ quả.

II. Phân tích chi pháp:

1. Người Khổ:

Là chúng sanh đau khổ. Người khổ có 4: người ở địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh (súc sanh), a tu la.

a) Người khổ bị tái sinh bằng tâm nào?

Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân là kết quả của 12 tâm bất thiện.

b) Người khổ có thể khởi lên những tâm nào trong đời sống hằng ngày?

37 tâm dục giới:

- 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si).
- 15 tâm quả vô nhân (7 tâm quả bất thiện vô nhân, 8 tâm quả thiện vô nhân).
- 2 tâm duy tác vô nhân (tâm khán ngũ môn thọ xả, tâm khán ý môn thọ xả).

- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.

2. Người Lạc Vô Nhân:

Là chúng sanh có ít hạnh phúc. Khi tái tục không có 3 nhân vô tham, vô sân, vô si. Người này có tật bệnh từ trong bụng mẹ như câm điếc, mù bẩm sinh (tính từ thời điểm tái sinh tới tuần lễ thứ 11). Hạng người này dù có tu thiền hay tu bát chánh đạo cũng không đắc thiền, đắc đạo. Người này do tiền kiếp làm việc lành nhưng thiếu trí tuệ (ly trí), đồng thời thiếu tam tư (tư tiền, tư hiện, tư hậu) trong quá trình làm việc lành.

a. Người lạc vô nhân được tái sanh bằng tâm nào?

Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân (là kết quả của tâm thiện dục giới tịnh hảo ly trí và thiếu tam tư (tức là tư tiền, tư hiện, tư hậu).

b. Người lạc vô nhân có thể khởi lên những tâm nào trong đời sống hằng ngày?

41 tâm Dục giới:

- 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si).
- 15 tâm quả vô nhân (7 tâm quả bất thiện vô nhân, 8 tâm quả thiện vô nhân).
- 2 tâm duy tác vô nhân (tâm khán ngũ môn thọ xả, tâm khán ý môn thọ xả).
- 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo.
- 4 tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí (2 tâm quả dục giới thọ hỷ ly trí, 2 tâm quả dục giới thọ xả ly trí).

3. Người Nhị Nhân:

Là chúng sanh tái tục bằng tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí, tức là không có nhân trí tuệ bẩm sinh, do đó trong kiếp làm người nhị nhân dù có tu thiền cũng không đắc thiền, tu bát chánh đạo cũng không đắc đạo quả. Người nhị nhân sanh được trong 7 cõi đó là cõi người và 6 cõi trời dục giới: tứ đại thiên vương, đao lợi, dạ ma, đâu suất, hóa lạc, tha hóa tự tại. Gọi là người nhị nhân vì tâm tái sinh của họ

chỉ có 2 nhân tốt là vô tham và vô sân, chứ không có nhân vô si (trí tuệ), do người này tiền kiếp làm việc lành có trí tuệ mà thiếu tam tư (tư tiền, tư hiện, tư hậu) hoặc làm việc lành bằng tâm thiện dục giới ly trí.

a. Người nhị nhân được tái sanh bằng tâm nào?

4 tâm quả dục giới tịnh hảo ly trí thọ hỷ, thọ xả vô trợ và hữu trợ (tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ, tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ, tâm quả thọ xả ly trí vô trợ, tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ).

b. Người nhị nhân có thể khởi lên những tâm nào trong đời sống hằng ngày?

Có 41 tâm dục giới khởi lên như Người lạc vô nhân.

4. Người Tam Nhân:

Là người có trí tuệ bẩm sinh tức là có 3 nhân tốt vô tham, vô sân, vô si trong lúc tái sinh, tức 4 tâm quả dục giới tịnh hảo hợp trí, 5 tâm quả sắc giới, 4 tâm quả vô sắc giới; là hạng người tái sanh ở cõi người, cõi trời dục giới,

cõi trời sắc giới, cõi trời vô sắc giới. Hạng người này nếu có tu thiền thì có thể đắc thiền, tu Bát chánh đạo thì có thể đắc đạo quả siêu thế.

a. Người tam nhân được tái sanh bằng tâm nào?

Người tam nhân được tái sanh bằng tâm quả dục giới tịnh hảo hợp trí, tâm quả sắc giới, tâm quả vô sắc giới. Gọi là người tam nhân vì khi tái sanh có đầy đủ 3 nhân: vô tham, vô sân, vô si (trí tuệ).

b. Người tam nhân có thể khởi lên những tâm nào trong đời sống hằng ngày?

* Người tam nhân ở cõi dục giới có 45 tâm, có thể khởi lên 41 tâm như người nhị nhân, cộng thêm 4 tâm quả dục giới tịnh hảo hợp trí.

* Người tam nhân ở cõi sắc giới có thể khởi lên 39 tâm, đó là: 8 tâm tham, 2 tâm si, 2 tâm nhãn thức, 2 tâm nhĩ thức, 2 tâm tiếp thâu, tâm khán ngũ môn, 3 tâm quan sát, tâm khán ý môn, 8 tâm thiện dục giới

tịnh hảo, 9 tâm thiện đáo đại (5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới), 1 tâm quả Sắc giới làm việc tái sinh.

* Người tam nhân cõi vô sắc có thể khởi lên 24 tâm sau đây: 8 tâm tham, 2 tâm si, 1 tâm khán ý môn, 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 4 tâm thiện vô sắc giới và 1 tâm quả vô sắc giới làm việc tái sinh.

5. Người Sơ Đạo:

Là người đắc đạo lần thứ nhất, là người đang sát trừ phiền não lần thứ nhất, là người đang thấy rõ Niết bàn lần thứ nhất, người sơ đạo sát trừ được ba kiết sử phiền não là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Người sơ đạo chỉ có 1 sát na tâm sơ đạo.

Người sơ đạo có thể có mặt trong 17 cõi là:

- 1 cõi nhân loại.
- 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đao lợi, dạ ma, đâu suất, hóa lạc, tha hóa tự tại).

- 3 cõi sơ thiền (phạm chúng thiên, phạm phụ thiên, đại phạm thiên).
- 3 cõi nhị thiền (thiểu quang thiên, vô lượng quang thiên, quang âm thiên).
- 3 cõi tam thiền (thiểu tịnh thiên, vô lượng tịnh thiên, biến tịnh thiên).
- Cõi Quảng Quả (Tứ Thiền).

6. Người Nhị Đạo:

Là người đang đắc đạo lần thứ 2, là người đang sát trừ phiền não lần thứ 2, là người đang thấy rõ Niết Bàn lần thứ 2, người nhị đạo đang làm giảm nhẹ dục ái và sân, người nhị đạo chỉ có một sát na tâm nhị đạo.

Người nhị đạo có thể có mặt trong 21 cõi, đó là 4 cõi vô sắc và 17 cõi như người sơ đạo (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 3 cõi sơ thiền, 3 cõi nhị thiền, 3 cõi tam thiền và cõi quảng quả tứ thiền).

7. Người Tam Đạo:

Là người đang đắc đạo lần thứ 3, đang sát trừ phiền não lần thứ 3, là người đang thấy rõ

Niết bàn lần thứ 3, người tam đạo đang diệt trừ dục ái và sân, người tam đạo chỉ có một sát na tâm tam đạo.

Người tam đạo có thể có mặt trong 21 cõi giống như người nhị đạo.

8. Người Tứ Đạo:

Là người đang đắc đạo lần thứ 4, đang sát trừ phiền não lần thứ 4, là người đang thấy rõ Niết bàn lần thứ 4, người tứ đạo đang diệt trừ 5 phiền não kiết sử còn lại đó là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Người tứ đạo có thể có mặt trong 26 cõi trong số 31 cõi (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 15 cõi trời sắc giới trừ cõi vô tưởng, 4 cõi trời vô sắc giới).

9. Người Sơ Quả:

Là người đã đắc Sơ đạo, là người đắc quả lần thứ nhất, đã sát trừ phiền não lần thứ nhất, đã sát trừ 3 phiền não kiết sử đó là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, người Sơ quả đang thấy rõ Niết bàn lần thứ nhất, còn gọi là người Thất lai quả, tức là chỉ trở lại cõi vui dục giới

không quá 7 kiếp, người Sơ quả còn gọi là bậc quả Nhập lưu tức nhập vào dòng chảy (lưu) thánh vức hay còn gọi là bậc quả Dự Lưu, nghĩa là tham dự vào dòng thánh vức. Người sơ quả còn gọi là tu đà hườn quả, người sơ quả không bao giờ sa đọa vào 4 cõi khổ (súc sanh, ngạ quỷ, a tu la, địa ngục).

Người sơ quả có thể tái sinh 21 cõi trong số 31 cõi (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 3 cõi sơ thiền sắc giới, 3 cõi nhị thiền sắc giới, 3 cõi tam thiền sắc giới, 1 cõi tứ thiền quảng quả và 4 cõi vô sắc giới: cõi không vô biên xứ, cõi thức vô biên xứ, cõi vô sở hữu xứ, cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ. Người sơ quả tính từ khi tâm quả siêu thế phát sanh lần thứ nhất cho đến khi tâm nhị đạo xuất hiện trong lộ trình tâm đắc nhị đạo.

Người Sơ Quả có thể khởi lên 51 tâm sau đây: 1 tâm quả Tam nhân tái sanh, 1 tâm Sơ Quả, 4 tâm Tham ly tà thọ hỷ, thọ xả, vô trợ, hữu trợ, 1 tâm Si phóng dật, 2 tâm Sân, 8 tâm thiện Dục giới tịnh hảo, 8 tâm quả Dục giới tịnh hảo, 9 tâm Thiện đáo đại (5 tâm thiện Sắc

Giới, 4 tâm thiện Vô Sắc Giới), 17 tâm Vô nhân (trừ tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ).

Ghi chú: 1 tâm Sơ Quả hoặc 5 tâm Sơ Quả (51 hoặc 55)

10.Người Nhị Quả:

Là người đã đắc nhị đạo, là người đắc quả lần thứ 2, đã làm giảm nhẹ 2 kiết sử phiền não dục ái và sân.

Người nhị quả đang thấy rõ niết bàn lần thứ 2, còn gọi là người nhất lai quả, tức là chỉ trở lại cõi dục giới 1 kiếp. Người nhị quả còn gọi là tư đà hàm quả. Người nhị quả có thể tái sinh trong 21 cõi như người sơ quả. Người nhị quả tính từ khi đắc quả lần thứ 2 cho đến khi đắc đạo lần thứ 3. Trong đời sống hàng ngày người nhị quả cũng có 51 tâm như người sơ quả.

Ghi chú: 1 hoặc 5 tâm nhị quả (51 hoặc 55)

11.Người Tam Quả:

Là người đã đắc tam đạo, là người đắc quả lần thứ 3, đã diệt trừ dục ái và sân. người tam quả

thấy rõ niết bàn lần thứ 3. Người tam quả còn gọi là bất lai quả, tức là không trở lại cõi dục giới nữa, nếu chưa đắc a la hán thì sẽ sanh vào cõi ngũ tịnh cư. Tùy theo ngũ quyền (tín, tấn, niệm, định, tuệ) mà sanh vào cõi ngũ tịnh cư (cõi vô phiền, cõi vô nhiệt, cõi thiện hiện, cõi thiện kiến, cõi sắc cứu cánh).

Người tam quả còn gọi là A Na hàm quả. Người tam quả tính từ sát na tâm tam quả đến khi đắc đạo lần thứ 4. Người tam quả có thể có mặt trong 26 cõi vui hữu tâm trong 31 cõi (trừ 4 cõi khổ và cõi vô tưởng). Trong đời sống bình thường người tam quả có thể sinh lên 49 thứ tâm đó là 1 tâm quả tam nhân tái sinh, 1 tâm tam quả, 4 tâm tham ly tà thọ hỷ, thọ xả, vô trợ, hữu trợ, 1 tâm si phóng dật, 8 tâm thiện dục giới tịnh hảo, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo, 9 tâm thiện đáo đại (5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới), 17 tâm vô nhân (trừ tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ).

Ghi chú: 1 hoặc 5 tâm tam quả (49 hoặc 53)

12.Người Tứ Quả:

Là người đã đắc tứ đạo, là người đắc quả lần thứ 4, đã diệt trừ 5 phiền não kiết sử còn lại: ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật và vô minh.

Người tứ quả tính từ khi đắc quả lần thứ 4 đến khi viên tịch niết bàn. người tứ quả còn gọi là bậc vô sanh, hay gọi là bậc a la hán quả.

Người tứ quả còn gọi là sát tặc, vì giết trừ phiền não, còn gọi là bậc ứng cúng, vì là bậc xứng đáng được cúng dường. Người tứ quả có mặt trong các cõi như người tam quả.

Người tứ quả có thể khởi lên 45 tâm đó là 1 tâm quả tam nhân, 1 tâm tứ quả, 18 tâm vô nhân, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo, 8 tâm quả dục giới tịnh hảo, 9 tâm duy tác đáo đại.

ghi chú: 1 hoặc 5 tâm tứ quả (45 hoặc 49)

III.Kết luận:

Bài học này giúp cho hành giả thấy rõ 12 hạng người phân tích theo pháp chơn đế, thấy rõ người nào còn tâm tham, sân, si. người nào có tâm vô tham, vô sân, vô si. giúp hành giả có cái nhìn khách quan, nhìn rõ các pháp chơn đế, tu tập chánh niệm và phát triển tâm từ.

Hiểu được người lạc vô nhân, người nhị nhân, người tam nhân giúp hành giả thấy rõ nguồn gốc tái sanh của từng hạng người, để có sự chấp nhận thực tế những người đang ở trong nhà, trong chùa cùng với mình có thể là người lạc vô nhân, người nhị nhân nhưng họ có thể khởi lên tâm thiện và đời sau họ có thể sanh làm người tam nhân có thể tu hành tinh tấn và thành tựu đạo quả.

Bài học giúp hành giả thấy rõ mình và người khác. Bài học giúp hành giả có tâm bao dung, thông cảm và tha thứ vì tất cả vẫn còn là phàm phu, có đầy đủ 12 tâm bất thiện, cũng như có sự kính trọng, hoan hỷ với những người đã thành tựu đạo quả./.

==***==

Hết bài số 13
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 12/03/2020 (19-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XI

SƠ ĐỒ 12 HẠNG NGƯỜI

1. **Người khổ.**
2. **Người lạc vô nhân.**
3. **Người nhị nhân.**
4. **Người tam nhân.**
5. **Người sơ đạo.**
6. **Người nhị đạo.**
7. **Người tam đạo.**
8. **Người tứ đạo.**
9. **Người sơ quả.**
10. **Người nhị quả.**
11. **Người tam quả.**
12. **Người tứ quả.**

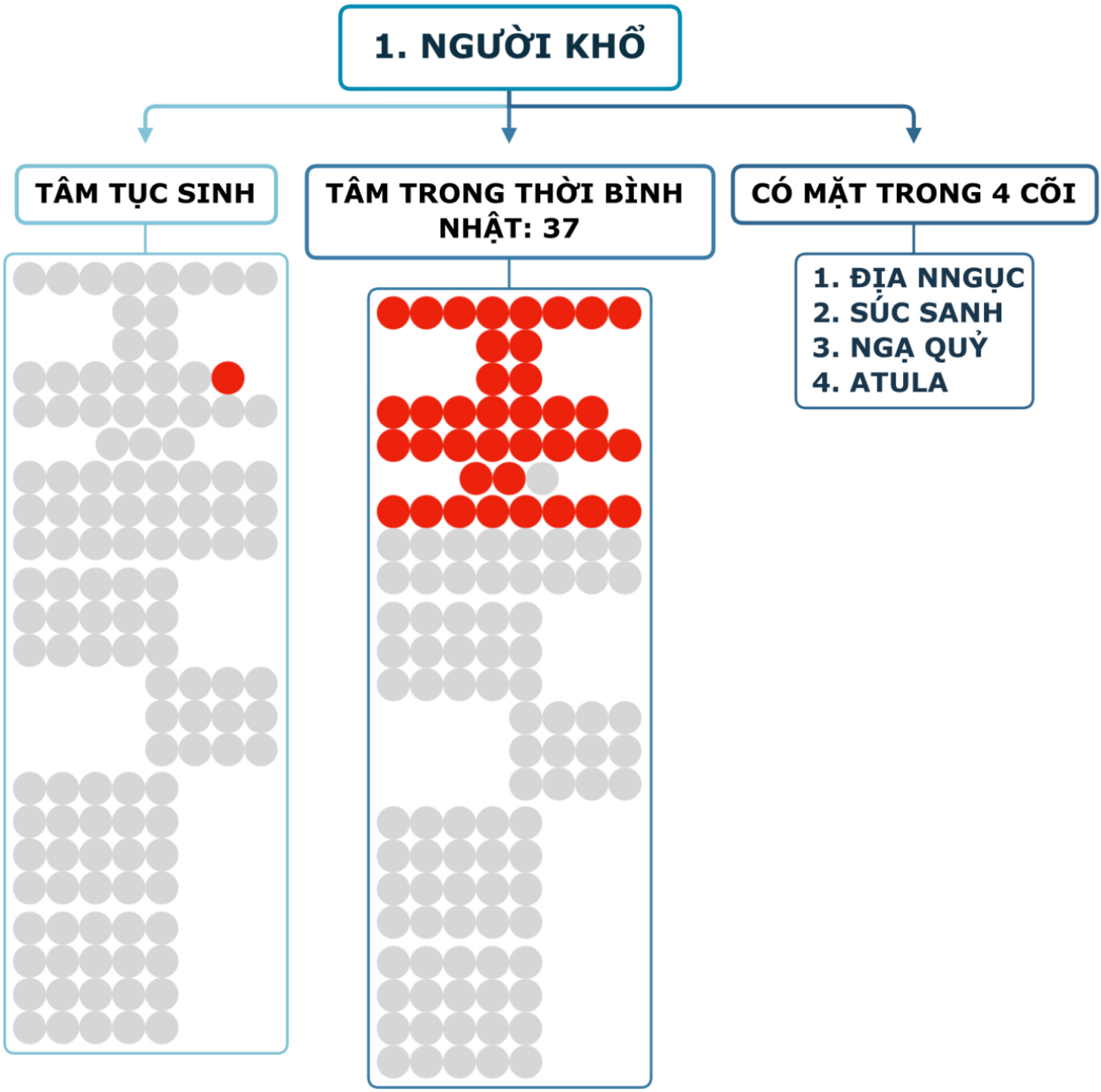
1. NGƯỜI KHỔ
TÂM TỤC SINH
TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 37
CÓ MẶT TRONG 4 CÕI
1. ĐỊA NNGỤC
2. SÚC SANH
3. NGẠ QUỶ
4. ATULA

2. NGƯỜI LẠC VÔ NHÂN

TÂM TỤC SINH

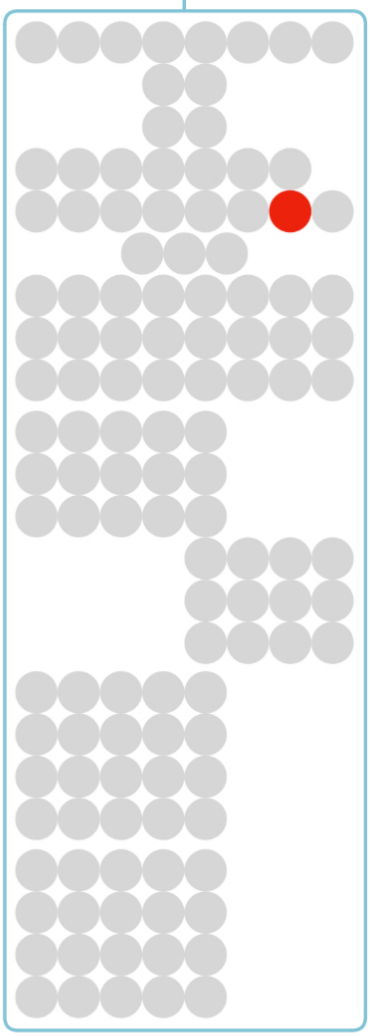

TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 41

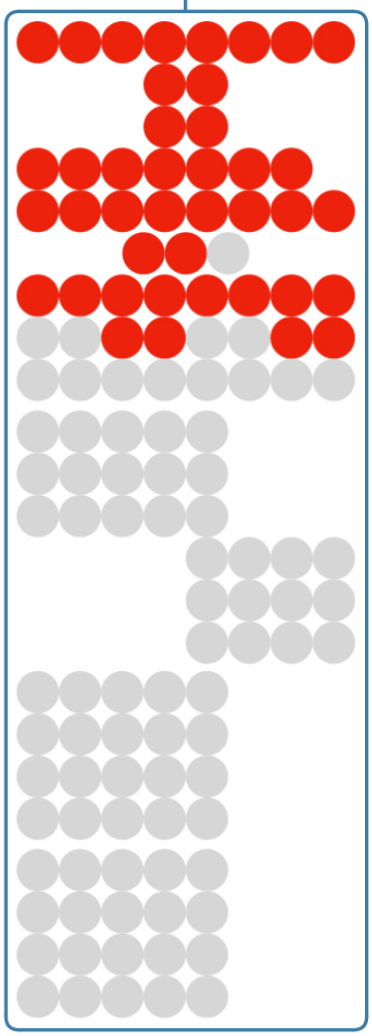

CÓ MẶT TRONG 2 CÕI

1. CÕI NHÂN LOẠI
2. CÕI TỨ THIÊN VƯƠNG BẬC THẤP

3. NGƯỜI NHỊ NHÂN

TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 4

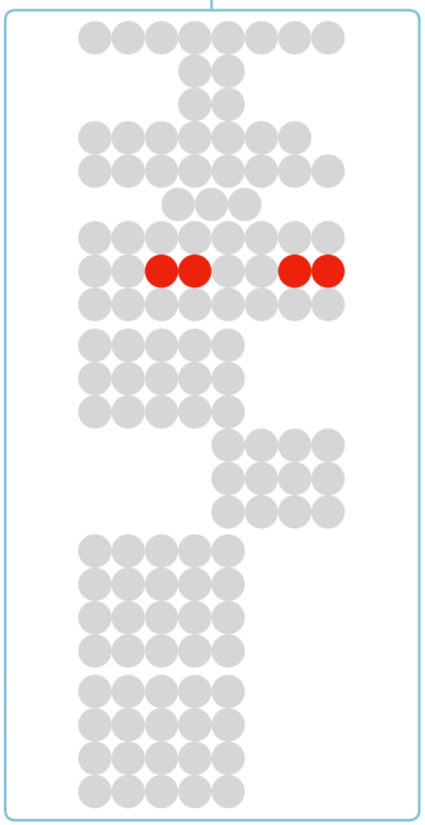

TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 41

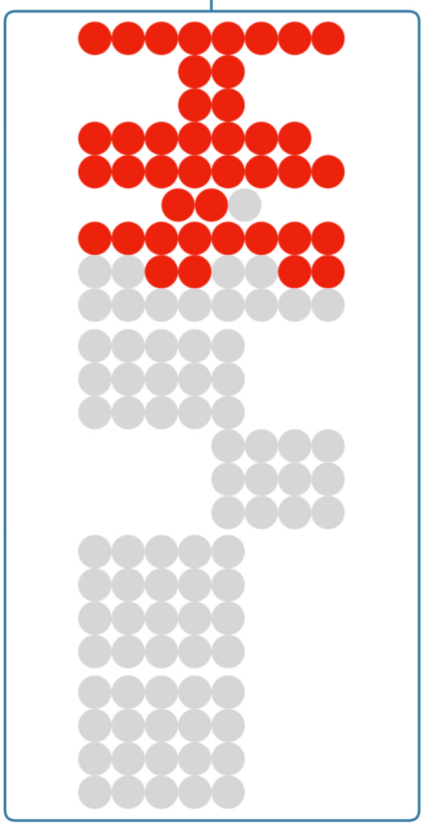

CÓ MẶT TRONG 7 CÕI

1 CÕI NHÂN LLOẠI
6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI
* TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
* ĐAO LỢI
* DẠ MA
* ĐÂU SUẤT
* HOÁ LẠC
* THA HOÁ TỰ TẠI

TAM NHÂN DỤC GIỚI

TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 4

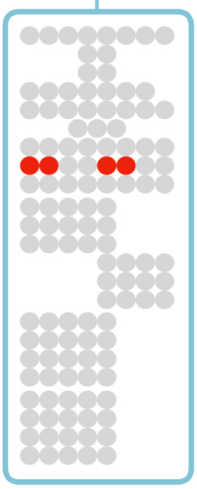

TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 45

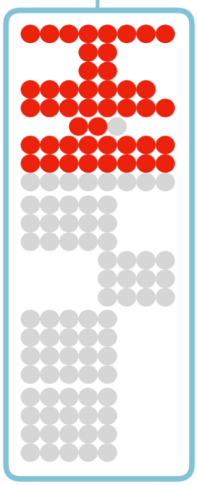

CÓ MẶT TRONG 7 CÕI VUI DỤC GIỚI

1 CÕI NHÂN LOẠI
6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
* TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
* ĐAO LỢI
* DẠ MA
* ĐÂU SUẤT
* HOÁ LẠC
* THA HOÁ TỰ TẠI

TAM NHÂN SẮC GIỚI

TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 5

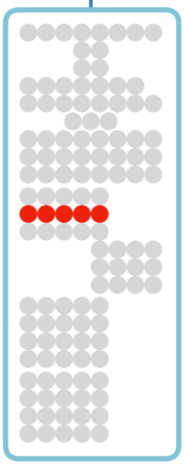

TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 39

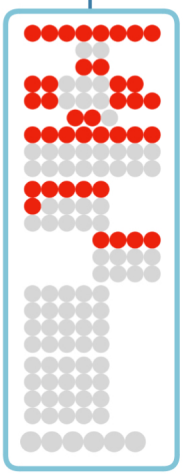

CÓ MẶT TRONG 10 CÕI

3 CÕI SƠ THIỀN:
* PHẠM CHÚNG THIÊN
* PHẠM PHỤ THIÊN
* ĐẠI PHẠM THIÊN

3 CÕI NHỊ THIỀN:
* THIỂU QUANG THIÊN
* VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
* QUANG ÂM THIÊN

3 CÕI TAM THIỀN
* THIỂU TỊNH THIÊN
* VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
* BIẾN TỊNH THIÊN

1 CÕI TỨ THIỀN:
* QUẢNG QUẢ THIÊN

TAM NHÂN VÔ SẮC GIỚI

TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 4

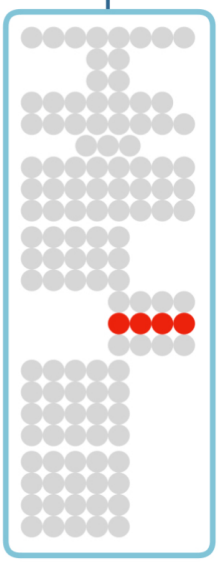

TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 24

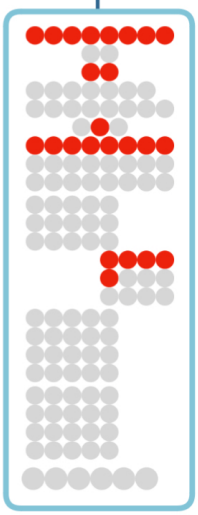

CÓ MẶT TRONG 4 CÕI

4 CÕI VÔ SẮC:

* **KHÔNG VÔ BIÊN XỨ**
* **THỨC VÔ BIÊN XỨ**
* **VÔ SỞ HỮU XỨ**
* **PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ**

4. NGƯỜI TAM NHÂN

TAM NHÂN DỤC GIỚI

- TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 4

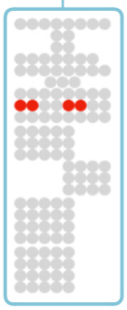

- TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 45

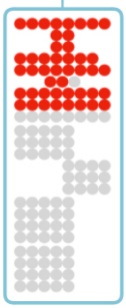

- CÓ MẶT TRONG 7 CÕI VUI DỤC GIỚI
  - 1 CÕI NHÂN LOẠI
  - 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
    - * TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
    - * ĐAO LỢI
    - * DẠ MA
    - * ĐÂU SUẤT
    - * HOÁ LẠC
    - * THA HOÁ TỰ TẠI

TAM NHÂN SẮC GIỚI

- TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 5

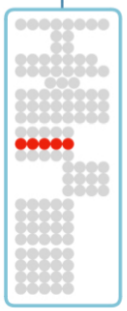

- TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 39

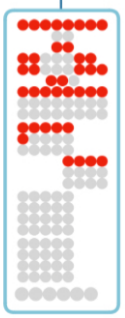

- CÓ MẶT TRONG 10 CÕI
  - 3 CÕI SƠ THIỀN:
    - * PHẠM CHÚNG THIÊN
    - * PHẠM PHỤ THIÊN
    - * ĐẠI PHẠM THIÊN
  - 3 CÕI NHỊ THIỀN:
    - * THIỂU QUANG THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
    - * QUANG ÂM THIÊN
  - 3 CÕI TAM THIỀN
    - * THIỂU TỊNH THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
    - * BIẾN TỊNH THIÊN
  - 1 CÕI TỨ THIỀN:
    - * QUẢNG QUẢ THIÊN

TAM NHÂN VÔ SẮC GIỚI

- TÂM TỤC SINH: 1 TRONG 4

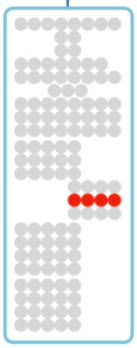

- TÂM TRONG THỜI BÌNH NHẬT: 24

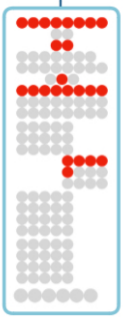

- CÓ MẶT TRONG 4 CÕI
  - 4 CÕI VÔ SẮC:
    - * KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
    - * THỨC VÔ BIÊN XỨ
    - * VÔ SỞ HỮU XỨ
    - * PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

5. NGƯỜI SƠ ĐẠO

- TÂM: 1 TRONG 5

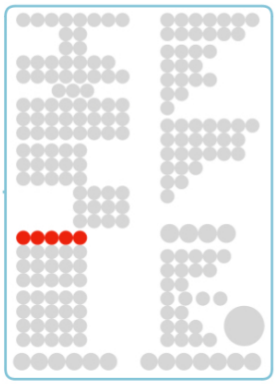

- * ĐANG SÁT TRỪ PHIỀN NÃO LẦN THỨ NHẤT
  * CÓ 8 CHI ĐẠO

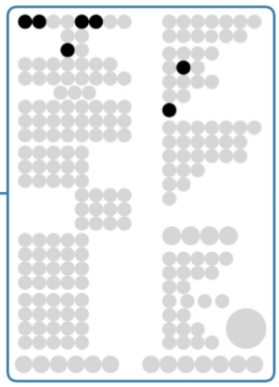

- ĐANG DIỆT TRỪ:
  * THÂN KIẾN
  * HOÀI NGHI
  * GIỚI CẤM THỦ
- CÓ MẶT TRONG 17 CÕI
  - 1 CÕI NHÂN LOẠI
  - 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
    - * TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
    - * ĐAO LỢI
    - * DẠ MA
    - * ĐÂU SUẤT
    - * HOÁ LẠC
    - * THA HOÁ TỰ TẠI
  - 3 CÕI SƠ THIỀN:
    - * PHẠM CHÚNG THIÊN
    - * PHẠM PHỤ THIÊN
    - * ĐẠI PHẠM THIÊN
  - 3 CÕI NHỊ THIỀN:
    - * THIỂU QUANG THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
    - * QUANG ÂM THIÊN
  - 3 CÕI TAM THIỀN
    - * THIỂU TỊNH THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
    - * BIẾN TỊNH THIÊN
  - 1 CÕI TỨ THIỀN:
    - * QUẢNG QUẢ THIÊN

6. NGƯỜI NHỊ ĐẠO

- TÂM: 1 TRONG 5

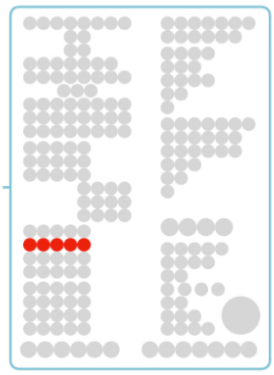

- * ĐANG SÁT TRỪ PHIỀN NÃO LẦN THỨ HAI
  * CÓ 8 CHI ĐẠO

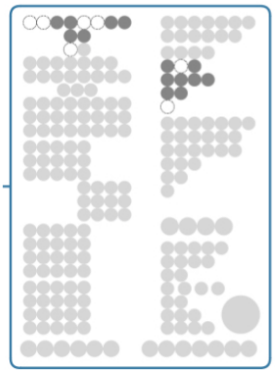

- ĐANG LÀM YẾU ĐI
  * DỤC ÁI
  * SÂN

- CÓ MẶT TRONG 21 CÕI
  - 1 CÕI NHÂN LOẠI
  - 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
    - * TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
    - * ĐAO LỢI
    - * DẠ MA
    - * ĐÂU SUẤT
    - * HOÁ LẠC
    - * THA HOÁ TỰ TẠI
  - 3 CÕI SƠ THIỀN:
    - * PHẠM CHÚNG THIÊN
    - * PHẠM PHỤ THIÊN
    - * ĐẠI PHẠM THIÊN
  - 3 CÕI NHỊ THIỀN:
    - * THIỂU QUANG THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
    - * QUANG ÂM THIÊN
  - 3 CÕI TAM THIỀN
    - * THIỂU TỊNH THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
    - * BIẾN TỊNH THIÊN
  - 1 CÕI TỨ THIỀN:
    - * QUẢNG QUẢ THIÊN
  - 4 CÕI VÔ SẮC:
    - * KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
    - * THỨC VÔ BIÊN XỨ
    - * VÔ SỞ HỮU XỨ
    - * PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

7. NGƯỜI TAM ĐẠO

- TÂM: 1 TRONG 5

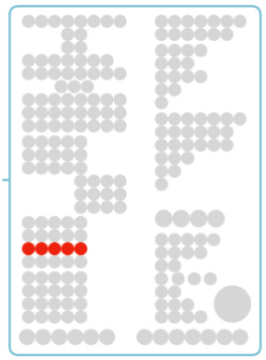

- * ĐANG SÁT TRỪ PHIỀN NÃO LẦN THỨ BA
  * CÓ 8 CHI ĐẠO

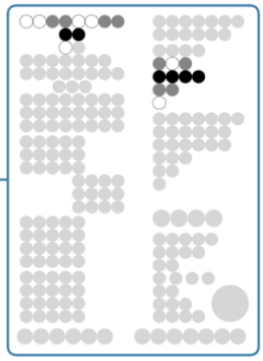

- ĐANG DIỆT TRỪ:
  * DỤC ÁI
  * SÂN

- CÓ MẶT TRONG 21 CÕI
  - 1 CÕI NHÂN LOẠI
  - 6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
    - * TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
    - * ĐAO LỢI
    - * DẠ MA
    - * ĐÂU SUẤT
    - * HOÁ LẠC
    - * THA HOÁ TỰ TẠI
  - 3 CÕI SƠ THIỀN:
    - * PHẠM CHÚNG THIÊN
    - * PHẠM PHỤ THIÊN
    - * ĐẠI PHẠM THIÊN
  - 3 CÕI NHỊ THIỀN:
    - * THIỂU QUANG THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
    - * QUANG ÂM THIÊN
  - 3 CÕI TAM THIỀN
    - * THIỂU TỊNH THIÊN
    - * VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
    - * BIẾN TỊNH THIÊN
  - 1 CÕI TỨ THIỀN:
    - * QUẢNG QUẢ THIÊN
  - 4 CÕI VÔ SẮC:
    - * KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
    - * THỨC VÔ BIÊN XỨ
    - * VÔ SỞ HỮU XỨ
    - * PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

8. NGƯỜI TỨ ĐẠO

- TÂM: 1 TRONG 5

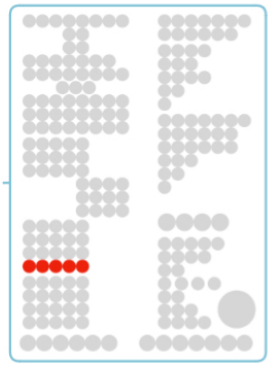

- * ĐANG SÁT TRỪ PHIỀN NÃO LẦN THỨ 4
  * CÓ 8 CHI ĐẠO

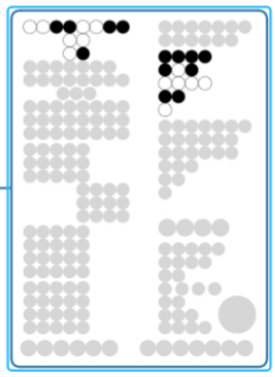

ĐANG DIỆT TRỪ:
* ÁI SẮC
* ÁI VÔ SẮC
* NGÃ MẠN
* PHÓNG DẬT
* VÔ MINH

- CÓ MẶT TRONG 26 CÕI

1 CÕI NHÂN LOẠI
6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
* TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
* ĐAO LỢI
* DẠ MA
* ĐÂU SUẤT
* HOÁ LẠC
* THA HOÁ TỰ TẠI
3 CÕI SƠ THIỀN:
* PHẠM CHÚNG THIÊN
* PHẠM PHỤ THIÊN
* ĐẠI PHẠM THIÊN
3 CÕI NHỊ THIỀN:
* THIỂU QUANG THIÊN
* VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
* QUANG ÂM THIÊN
3 CÕI TAM THIỀN:
* THIỂU TỊNH THIÊN
* VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
* BIẾN TỊNH THIÊN
1 CÕI TỨ THIỀN:
* QUẢNG QUẢ THIÊXỨ
5 CÕI TỊNH CƯ:
* VÔ PHIỀN
* VÔ NHIỆT
* THIỆN KIẾN
* THIỆN HIỆN
* SẮC CỨU CÁNH
4 CÕI VÔ SẮC:
* KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
* THỨC VÔ BIÊN XỨ
* VÔ SỞ HỮU XỨ
* PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

9. NGƯỜI SƠ QUẢ

ĐÃ SÁT TRỪ PHIỀN NÃO LẦN THỨ NHẤT

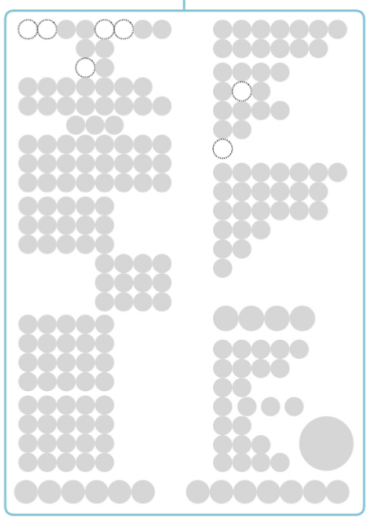

ĐÃ DIỆT TRỪ ĐƯỢC:
* THÂN KIẾN
* HOÀI NGHI
* GIỚI CẤM THỦ

* CHỈ TRỞ LẠI CÕI DỤC GIỚI KHÔNG QUÁ 7 LẦN
* KHÔNG CÒN TÁI SANH VÀO 4 CÕI KHỔ

CÒN GỌI LÀ:
* BẬC NHẬP LƯU QUẢ
* BẬC DỰ LƯU QUẢ
* TU ĐÀ HƯỜN QUẢ
* SOTĀPANNA

CÓ THỂ KHỞI LÊN 55 TÂM GỒM:

1 TÂM QUẢ TAM NHÂN TÁI SANH

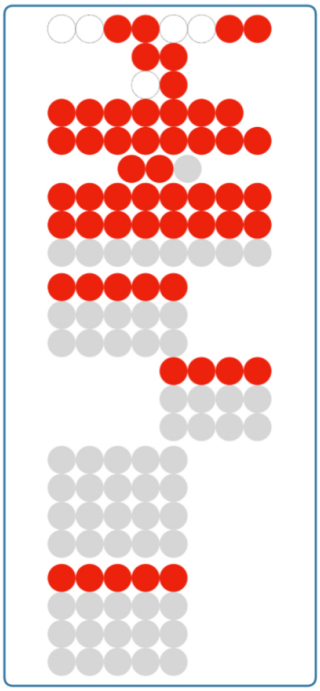

CÓ THỂ TÁI SINH VÀO 21 CÕI

1 CÕI NHÂN LOẠI
6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
* TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
* ĐAO LỢI
* DẠ MA
* ĐẨU SUẤT
* HOÁ LẠC
* THA HOÁ TỰ TẠI

3 CÕI SƠ THIỀN:
* PHẠM CHÚNG THIÊN
* PHẠM PHỤ THIÊN
* ĐẠI PHẠM THIÊN

3 CÕI NHỊ THIỀN:
* THIỂU QUANG THIÊN
* VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
* QUANG ÂM THIÊN

3 CÕI TAM THIỀN
* THIỂU TỊNH THIÊN
* VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
* BIẾN TỊNH THIÊN

1 CÕI TỨ THIỀN:
* QUẢNG QUẢ THIÊN

4 CÕI VÔ SẮC:
* KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
* THỨC VÔ BIÊN XỨ
* VÔ SỞ HỮU XỨ
* PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

10. NGƯỜI NHỊ QUẢ

ĐÃ ĐẮC NHỊ ĐẠO

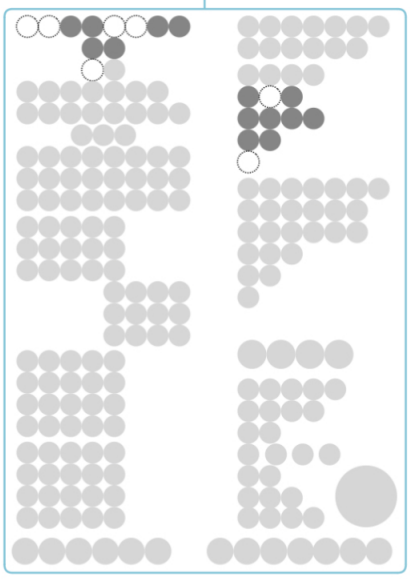

ĐÃ LÀM GIẢM NHẸ:
* DỤC ÁI
* SÂN

CHỈ TRỞ LẠI CÕI DỤC GIỚI 1 KIẾP

CÒN GỌI LÀ:
* BẬC NHẤT LAI QUẢ
* TƯ ĐÀ HÀM QUẢ
* SAKADĀGĀMI

CÓ THỂ KHỞI LÊN 55 TÂM GỒM:

1 TÂM QUẢ TAM NHÂN TÁI SANH

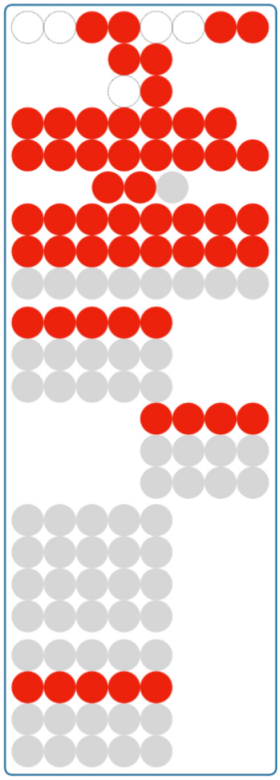

CÓ THỂ TÁI SINH VÀO 21 CÕI

1 CÕI NHÂN LOẠI
6 CÕI TRỜI DỤC GIỚI:
* TỨ ĐẠI THIÊN VƯƠNG
* ĐAO LỢI
* DẠ MA
* ĐÂU SUẤT
* HOÁ LẠC
* THA HOÁ TỰ TẠI
3 CÕI SƠ THIỀN:
* PHẠM CHÚNG THIÊN
* PHẠM PHỤ THIÊN
* ĐẠI PHẠM THIÊN
3 CÕI NHỊ THIỀN:
* THIỂU QUANG THIÊN
* VÔ LƯỢNG QUANG THIÊN
* QUANG ÂM THIÊN
3 CÕI TAM THIỀN
* THIỂU TỊNH THIÊN
* VÔ LƯỢNG TỊNH THIÊN
* BIẾN TỊNH THIÊN
1 CÕI TỨ THIỀN:
* QUẢNG QUẢ THIÊN
4 CÕI VÔ SẮC:
* KHÔNG VÔ BIÊN XỨ
* THỨC VÔ BIÊN XỨ
* VÔ SỞ HỮU XỨ
* PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ

11. NGƯỜI TAM QUẢ

ĐÃ ĐẮC TAM ĐẠO

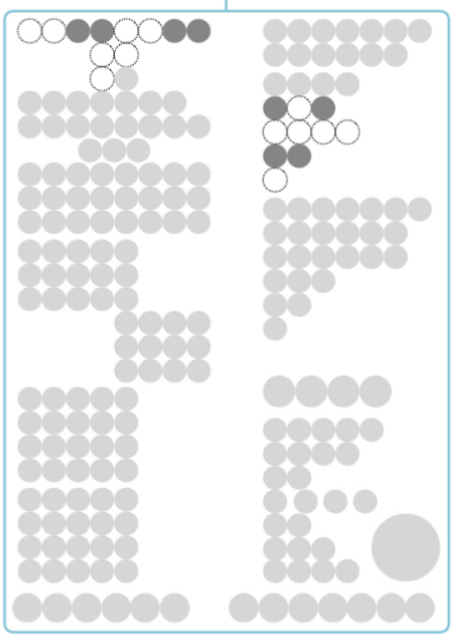

ĐÃ DIỆT TRỪ:
* DỤC ÁI
* SÂN

KHÔNG CÒN TRỞ LẠI CÕI DỤC GIỚI. NẾU CHƯA CHỨNG ALAHAN THÌ SẼ SANH VỀ CÕI NGŨ TỊNH CƯ

CÒN GỌI LÀ:
* BẬC BẤT LAI QUẢ
* A NA HÀM QUẢ
* ANĀGĀMĪ

CÓ THỂ KHỞI LÊN 53 TÂM GỒM:

1 TÂM QUẢ TAM NHÂN TÁI SANH

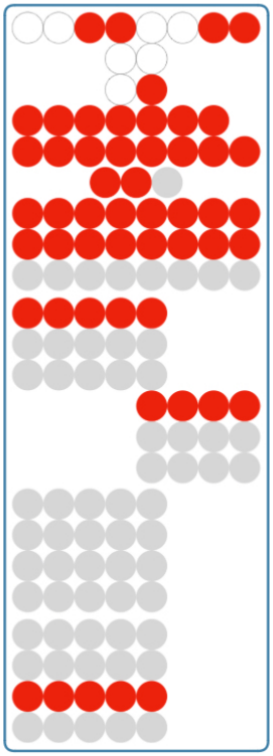

CÓ THỂ TÁI SINH VÀO 5 CÕI TỊNH CƯ

5 CÕI TỊNH CƯ:
* VÔ PHIỀN
* VÔ NHIỆT
* THIỆN KIẾN
* THIỆN HIỆN
* SẮC CỨU CÁNH

12. NGƯỜI TỨ QUẢ

ĐÃ ĐẮC TỨ ĐẠO

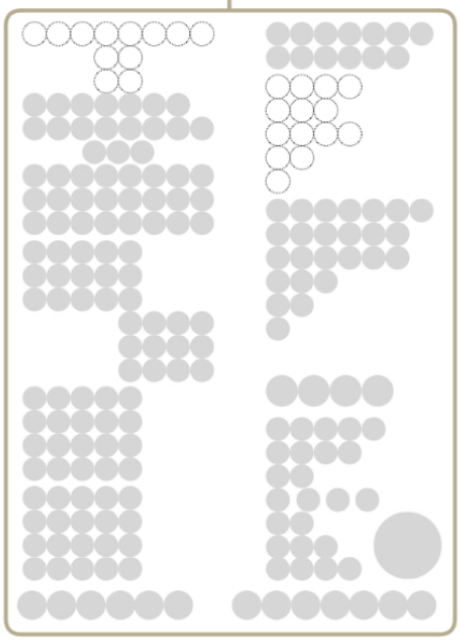

ĐÃ DIỆT TRỪ 5 THƯỢNG PHẦN KIẾT SỬ CÒN LẠI:
* ÁI SẮC
* ÁI VÔ SẮC
* NGÃ MẠN
* PHÓNG DẬT
* VÔ MINH

CÒN GỌI LÀ:
* BẬC VÔ SANH QUẢ
* BẬC SÁT TẶC
* BẬC ỨNG CÚNG
* BẬC XỨNG ĐÁNG ĐƯỢC CÚNG DƯỜNG
* ARAHANT

CÓ THỂ KHỞI LÊN 49 TÂM GỒM:

1 TÂM QUẢ TAM NHÂN TÁI SANH

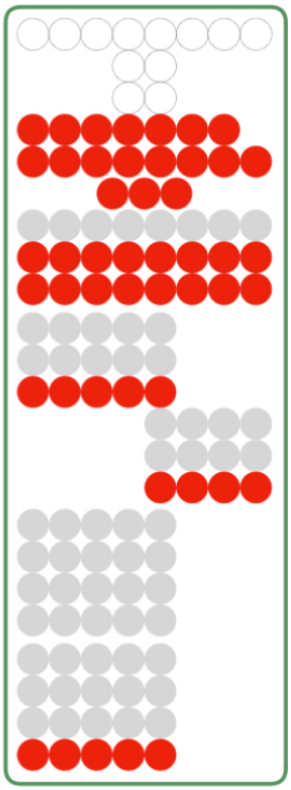

CHƯƠNG XII
(BÀI 14)

THỌ

I. Định nghĩa:

Thọ là sự thọ nhận, cảm nhận, cảm thọ, lãnh thọ, cảm giác. Thọ là sở hữu thọ có mặt trong 121 tâm. Thọ có 5 loại: thọ khổ, thọ lạc, thọ ưu, thọ hỷ, thọ xả. Thọ cũng được xem là thọ uẩn.

II. Phân tích chi pháp:

1. **Thọ khổ:** là cảm giác, cảm thọ đau nhức, đau đớn của thân.
   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp, đồng sanh với thọ khổ:

   a. **Tâm:** tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân.

   b. **Sở hữu tâm:** 6 sở hữu biến hành (trừ sở hữu thọ) khi sanh lên với tâm thân thức thọ khổ đó là: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

2. **Thọ lạc:** là cảm giác, cảm thọ êm ái, mềm mại, khoái lạc của thân. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ lạc?

    a. **Tâm:** tâm thân thức thọ lạc quả bất thiện vô nhân.

    b. **Sở hữu tâm:** 6 sở hữu biến hành (trừ sở hữu thọ) khi sanh lên với tâm thân thức thọ lạc đó là: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

3. **Thọ ưu:** là cảm giác, cảm thọ buồn rầu, khó chịu, đau khổ, lo lắng, bực bội của tâm. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ ưu?

    a. **Tâm:** 2 tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ, hữu trợ.

    b. **Sở hữu tâm:** 21 sở hữu tâm là 11 sở hữu tợ tha đó là 6 sở hữu biến hành trừ thọ tức là xúc, tưởng, tư, nhất hành,

mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh trừ hỷ đó là tầm, tứ, thắng giải, cần, dục; 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là 4 si phần là si, vô tàm, vô uý, phóng dật; 4 sở hữu sân phần là sân, tật, lận, hối; 2 sở hữu hôn phần là hôn trầm, thụy miên.

4. **Thọ hỷ:** là cảm giác, cảm thọ vui mừng, hoan hỷ cảm giác sung sướng của tâm. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ hỷ?

   a. **Tâm:** 62 tâm thọ hỷ gồm có:

   - 4 tâm tham thọ hỷ hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ
   - 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân.
   - 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ.
   - 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ: thiện, quả, duy tác, hợp trí, ly trí, vô trợ, hữu trợ.
   - 12 tâm sắc giới thọ hỷ:

- 4 tâm thiện sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
- 4 tâm quả sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
- 4 tâm duy tác sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.

- 32 tâm siêu thế thọ hỷ:

a. **Tâm đạo:**

- 4 tâm sơ đạo sơ thiền.
- 4 tâm sơ đạo nhị thiền.
- 4 tâm sơ đạo tam thiền.
- 4 tâm sơ đạo tứ thiền.
- 4 tâm nhị đạo sơ thiền.
- 4 tâm nhị đạo nhị thiền.
- 4 tâm nhị đạo tam thiền.
- 4 tâm nhị đạo tứ thiền.
- 4 tâm tam đạo sơ thiền.
- 4 tâm tam đạo nhị thiền.
- 4 tâm tam đạo tam thiền.
- 4 tâm tam đạo tứ thiền.
- 4 tâm tứ đạo sơ thiền.
- 4 tâm tứ đạo nhị thiền.
- 4 tâm tứ đạo tam thiền.

- 4 tâm tứ đạo tứ thiền.

b. **Tâm quả siêu thế:**

- 4 tâm sơ quả sơ thiền.
- 4 tâm sơ quả nhị thiền.
- 4 tâm sơ quả tam thiền.
- 4 tâm sơ quả tứ thiền.
- 4 tâm nhị quả sơ thiền.
- 4 tâm nhị quả nhị thiền.
- 4 tâm nhị quả tam thiền.
- 4 tâm nhị quả tứ thiền.
- 4 tâm tam quả sơ thiền.
- 4 tâm tam quả nhị thiền.
- 4 tâm tam quả tam thiền.
- 4 tâm tam quả tứ thiền.
- 4 tâm tứ quả sơ thiền.
- 4 tâm tứ quả nhị thiền.
- 4 tâm tứ quả tam thiền.
- 4 tâm tứ quả tứ thiền.

b. **Sở hữu tâm:** có 46 sở hữu

- 12 sở hữu tợ tha (trừ thọ)
- 4 sở hữu bất thiện biến hành
- 3 sở hữu tham phần

- 2 sở hữu hôn phần
- 25 sở hữu tịnh hảo đó là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ.

5. **Thọ xả:** là cảm thọ, cảm giác, cảm nhận, thọ nhận trạng thái không vui, không buồn, không khổ, không lạc, cảm giác bình thường. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ xả?

   a. **Tâm:** 55 tâm
   - 4 tâm tham thọ xả hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ.
   - 2 tâm si thọ xả (hợp hoài nghi, hợp phóng dật)

- 14 tâm vô nhân thọ xả (trừ 4 tâm: thân thức thọ khổ, tâm thân thức thọ lạc, tâm quan sát thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ)
- 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ xả hợp trí, ly trí, vô trợ, hữu trợ.
- 3 tâm sắc giới ngũ thiền thọ xả (tâm thiện, tâm quả, tâm duy tác sắc giới).
- 12 tâm vô sắc giới thọ xả (tâm thiện, tâm quả, tâm duy tác vô sắc giới)
- 8 tâm siêu thế ngũ thiền thọ xả (4 tâm đạo ngũ thiền, 4 tâm quả ngũ thiền).

b. **Sở hữu tâm:** có 46 sở hữu tâm

- 11 sở hữu tợ tha trừ thọ và hỷ (6 sở hữu biến hành: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục).
- 4 sở hữu bất thiện biến hành (si, vô tàm, vô uý, phóng dật).
- 3 sở hữu tham phần (tham, tà kiến, ngã mạn).

- 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên).
- 1 sở hữu hoài nghi
- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ).

III. Kết luận:

Bài học giúp hành giả niệm thọ được chi tiết, rõ ràng, sắc nét. Cũng giúp cho hành giả thấy rõ thọ uẩn trong 5 uẩn. Thọ uẩn có mặt đồng sanh trong thức uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn, thấy rõ chỉ có thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn mà không có cái ta cái tôi. Bài học giúp thấy rõ sự tạm bợ, sợ vô thường, sự sinh diệt của các pháp chơn đế hữu vi. Thấy rõ thọ uẩn của 5 trạng thái: khổ, lạc,

ưu, hỷ, xả lúc có mặt trong tâm này, lúc có mặt trong tâm khác. Bản thân của thọ uẩn là "sự phản bội" vì nó không trung thành với "ai". Không quá hạnh phúc khi thọ lạc đến, không quá đau đớn khi thọ khổ đến, không quá hy vọng khi thọ hỷ đến, không ngạc nhiên khi thọ xả đến./.

==***==

Hết bài số 14
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 13/03/2020 (20a-2ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG XIII

SƠ ĐỒ THỌ

Phân tích chi pháp

1. **Thọ khổ:** là cảm giác, cảm thọ đau nhức, đau đớn của thân.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp, đồng sanh với thọ khổ:

   a. Tâm: tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân.

   b. Sở hữu tâm: 6 sở hữu biến hành (trừ sở hữu thọ) khi sanh lên với tâm thân thức thọ khổ đó là: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

THỌ KHỔ PHỐI TÂM/TÂM SỞ

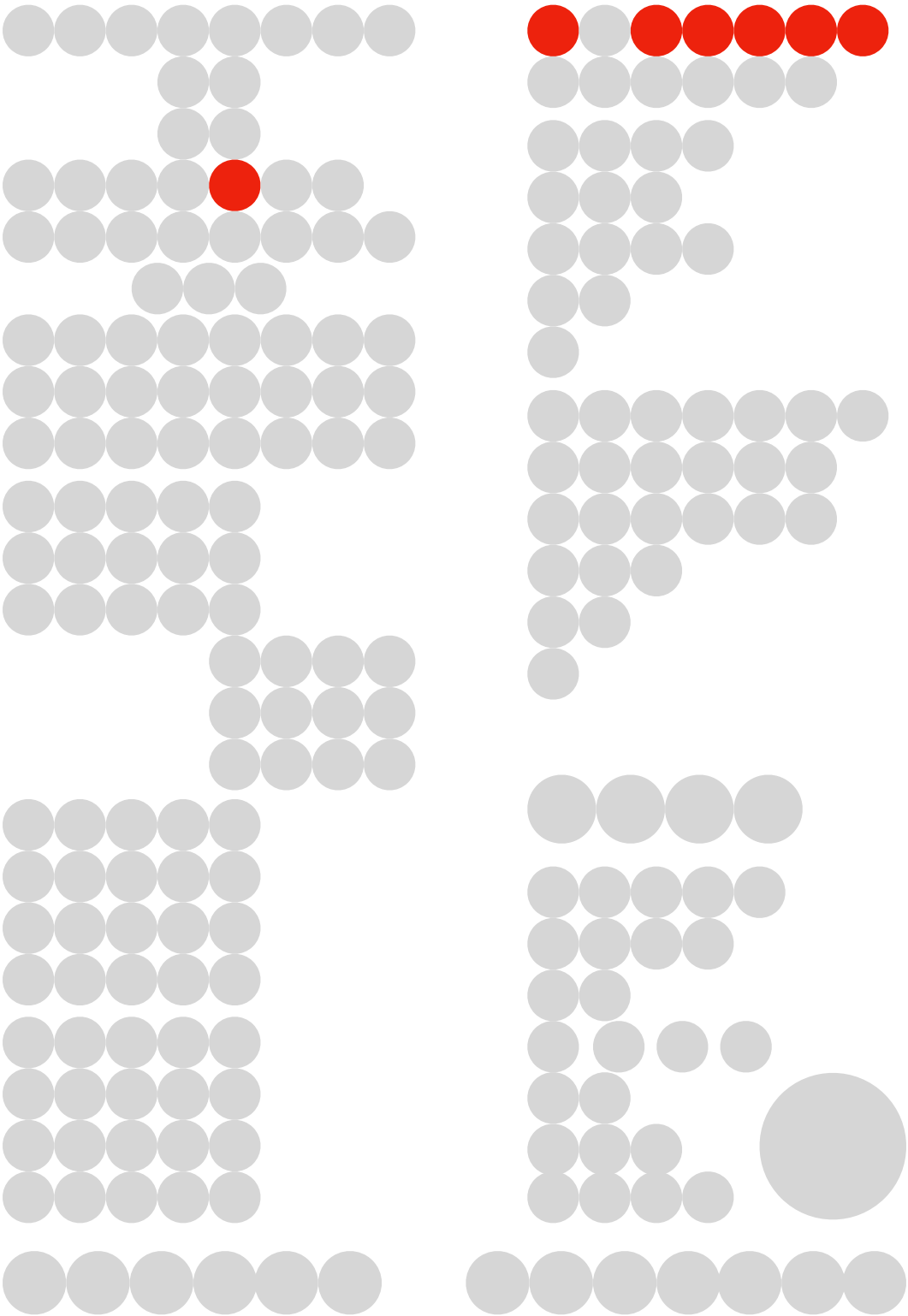

2. **Thọ lạc:** là cảm giác, cảm thọ êm ái, mềm mại, khoái lạc của thân.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ lạc?

   a. Tâm: tâm thân thức thọ lạc quả bất thiện vô nhân.

   b. Sở hữu tâm: 6 sở hữu biến hành (trừ sở hữu thọ) khi sanh lên với tâm thân thức thọ lạc đó là: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý.

THỌ LẠC PHỐI TÂM/TÂM SỞ

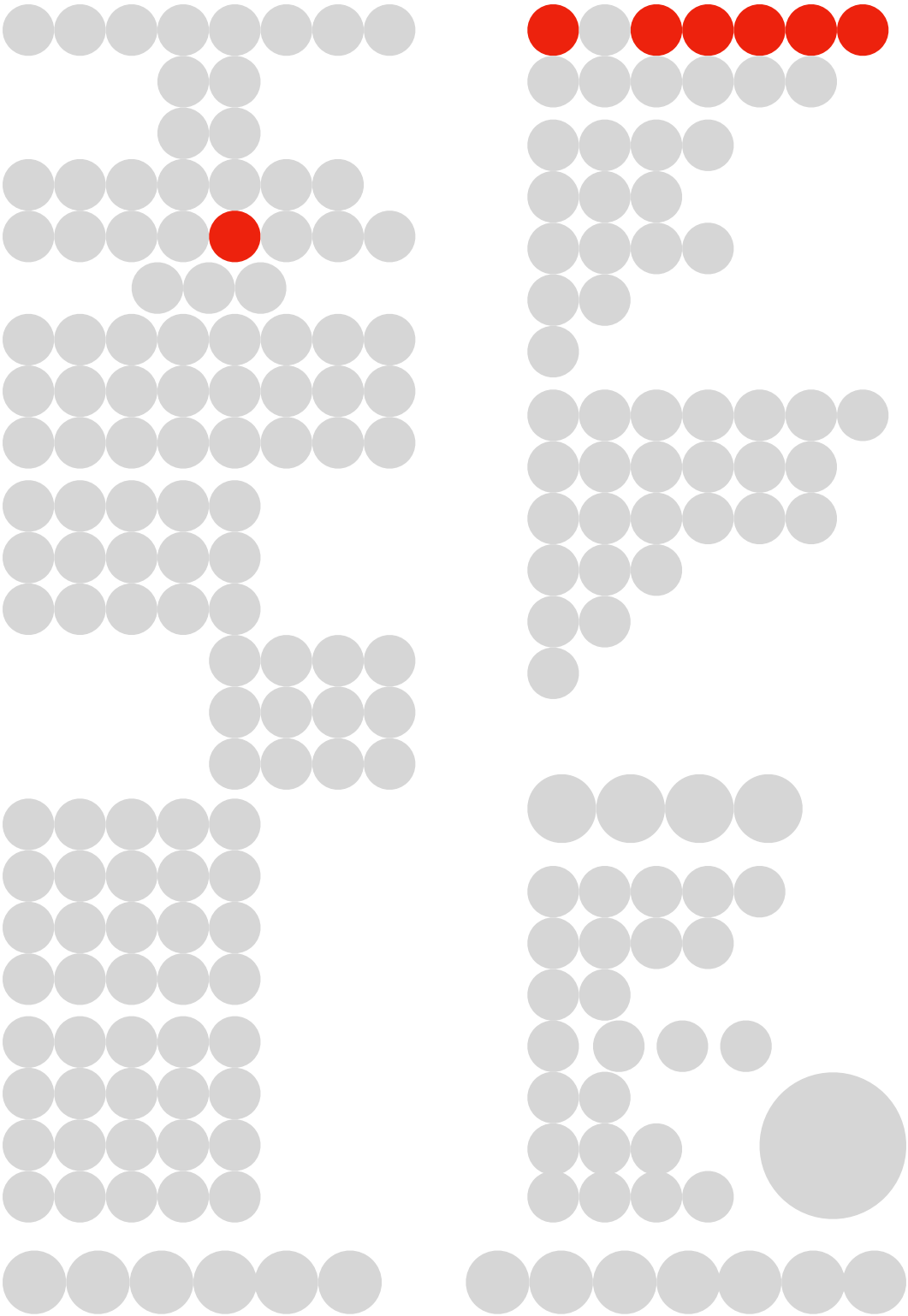

3. **Thọ ưu:** là cảm giác, cảm thọ buồn rầu, khó chịu, đau khổ, lo lắng, bực bội của tâm. Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ ưu?
   a. Tâm: 2 tâm sân thọ ưu hợp phấn vô trợ, hữu trợ.
   b. Sở hữu tâm: 21 sở hữu tâm là 11 sở hữu tợ tha đó là 6 sở hữu biến hành trừ thọ tức là xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh trừ hỷ đó là tầm, tứ, thắng giải, cần, dục; 4 sở hữu bất thiện biến hành còn gọi là 4 si phần là si, vô tàm, vô uý, phóng dật; 4 sở hữu sân phần là sân, tật, lận, hối; 2 sở hữu hôn phần là hôn trầm, thụy miên.

THỌ ƯU PHỐI TÂM/TÂM SỞ

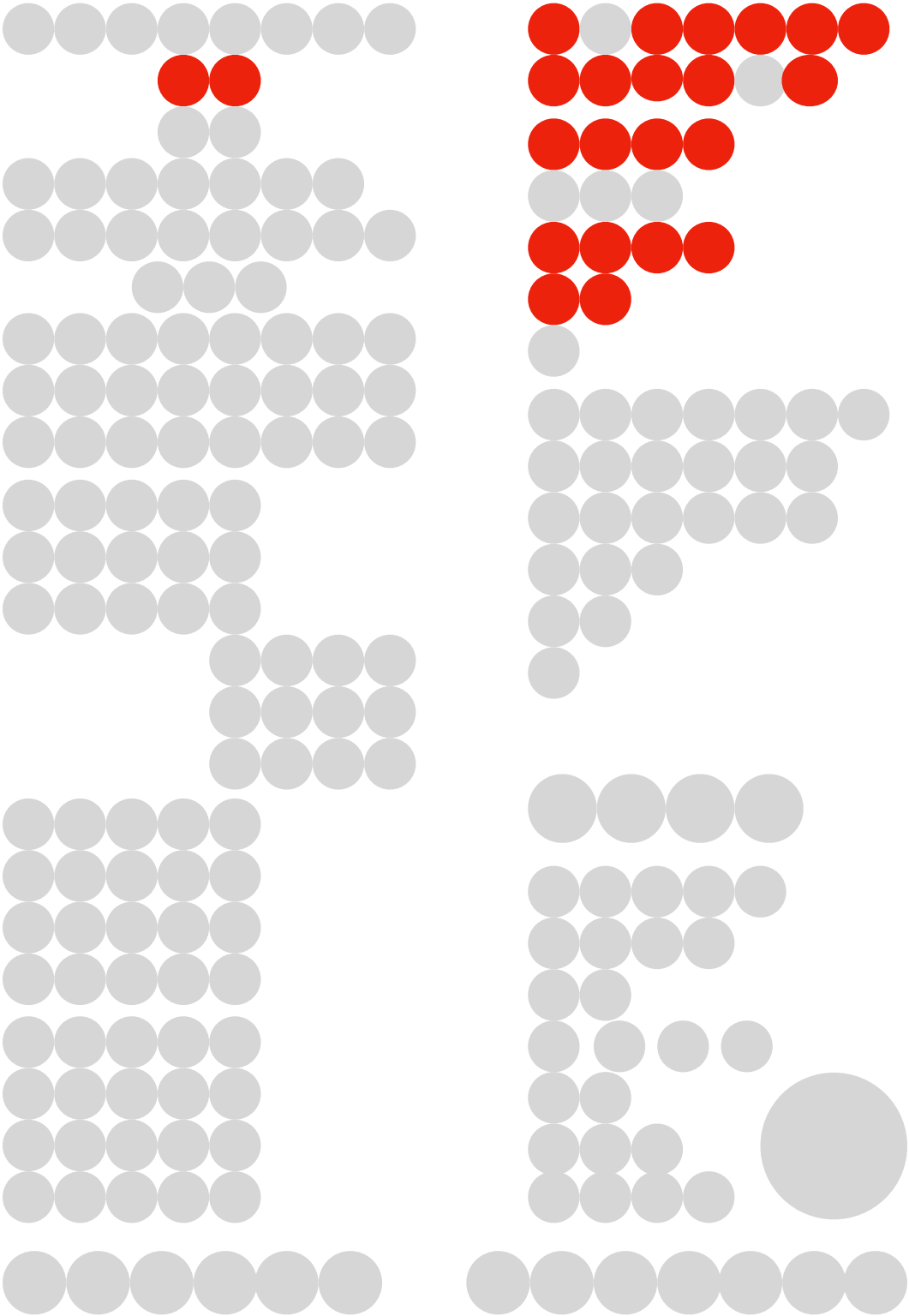

4. **Thọ hỷ:** là cảm giác, cảm thọ vui mừng, hoan hỷ cảm giác sung sướng của tâm.
   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ hỷ?
   a. Tâm: 62 tâm thọ hỷ gồm có:
      - 4 tâm tham thọ hỷ hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ
      - 1 tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân
      - 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ.
      - 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ hỷ: thiện, quả, duy tác, hợp trí, ly trí, vô trợ, hữu trợ.
      - 12 tâm sắc giới thọ hỷ:
        - 4 tâm thiện sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
        - 4 tâm quả sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
        - 4 tâm duy tác sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền.
      - 32 tâm siêu thế thọ hỷ:
        - Tâm đạo:
          - 4 tâm sơ đạo sơ thiền.
          - 4 tâm sơ đạo nhị thiền.

- 4 tâm sơ đạo tam thiền.
- 4 tâm sơ đạo tứ thiền.
- 4 tâm nhị đạo sơ thiền.
- 4 tâm nhị đạo nhị thiền.
- 4 tâm nhị đạo tam thiền.
- 4 tâm nhị đạo tứ thiền.
- 4 tâm tam đạo sơ thiền.
- 4 tâm tam đạo nhị thiền.
- 4 tâm tam đạo tam thiền.
- 4 tâm tam đạo tứ thiền.
- 4 tâm tứ đạo sơ thiền.
- 4 tâm tứ đạo nhị thiền.
- 4 tâm tứ đạo tam thiền.
- 4 tâm tứ đạo tứ thiền.

- Tâm quả siêu thế:
  - 4 tâm sơ quả sơ thiền.
  - 4 tâm sơ quả nhị thiền.
  - 4 tâm sơ quả tam thiền.
  - 4 tâm sơ quả tứ thiền.
  - 4 tâm nhị quả sơ thiền.
  - 4 tâm nhị quả nhị thiền.
  - 4 tâm nhị quả tam thiền.
  - 4 tâm nhị quả tứ thiền.
  - 4 tâm tam quả sơ thiền.

- 4 tâm tam quả nhị thiền.
- 4 tâm tam quả tam thiền.
- 4 tâm tam quả tứ thiền.
- 4 tâm tứ quả sơ thiền.
- 4 tâm tứ quả nhị thiền.
- 4 tâm tứ quả tam thiền.
- 4 tâm tứ quả tứ thiền.

b. Sở hữu tâm: có 46 sở hữu

- 12 sở hữu tợ tha (trừ thọ)
- 4 sở hữu bất thiện biến hành
- 3 sở hữu tham phần
- 2 sở hữu hôn phần
- 25 sở hữu tịnh hảo đó là 19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ.

THỌ HỶ PHỐI TÂM/TÂM SỞ

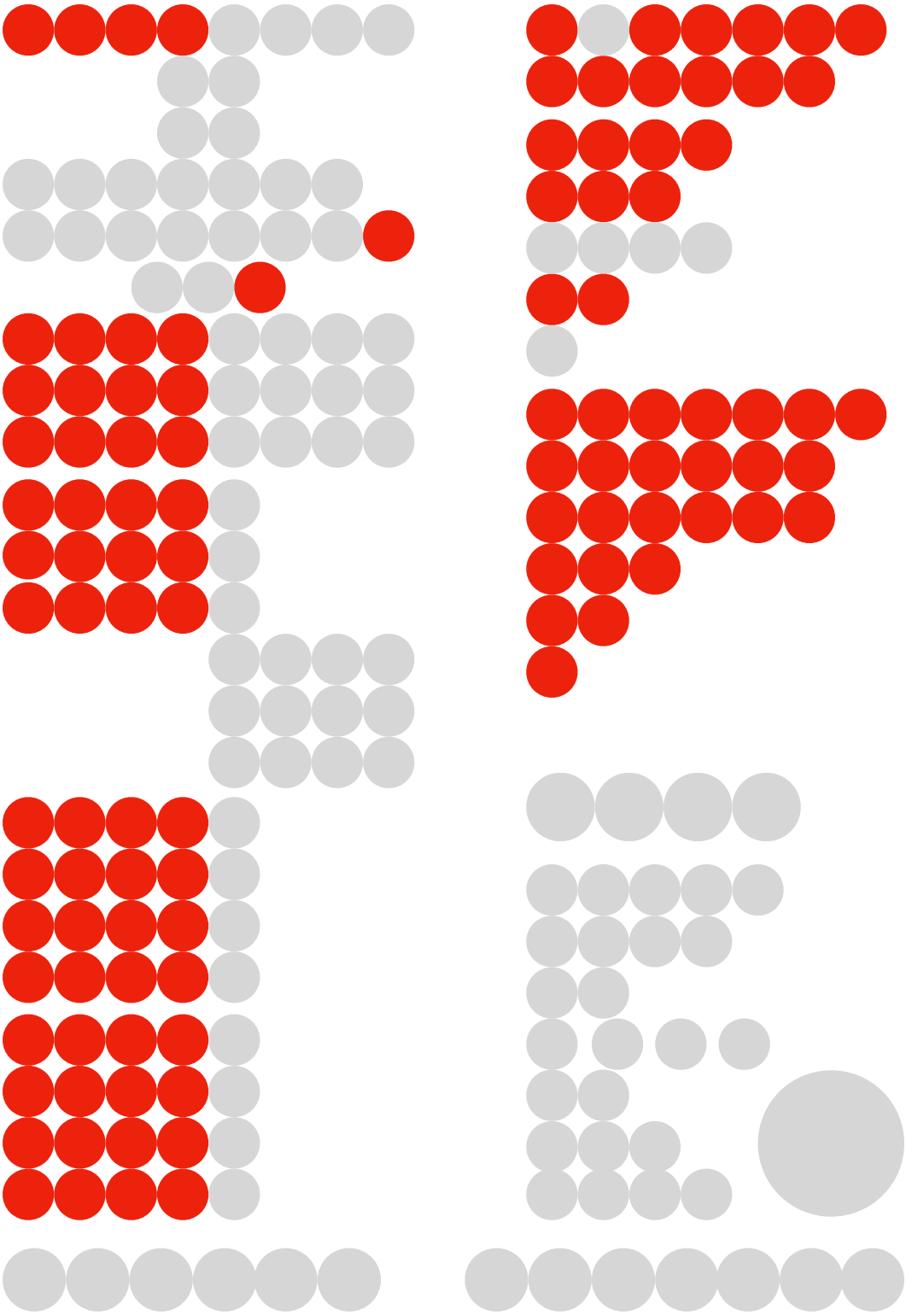

5. **Thọ xả:** là cảm thọ, cảm giác, cảm nhận, thọ nhận trạng thái không vui, không buồn, không khổ, không lạc, cảm giác bình thường.

   Có bao nhiêu tâm và sở hữu tâm phối hợp đồng sanh với thọ xả?

   a. Tâm: 55 tâm
      - 4 tâm tham thọ xả hợp tà, ly tà, vô trợ, hữu trợ.
      - 2 tâm si thọ xả (hợp hoài nghi, hợp phóng dật)
      - 14 tâm vô nhân thọ xả (trừ 4 tâm: thân thức thọ khổ, tâm thân thức thọ lạc, tâm quan sát thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ)
      - 12 tâm dục giới tịnh hảo thọ xả hợp trí, ly trí, vô trợ, hữu trợ.
      - 3 tâm sắc giới ngũ thiền thọ xả (tâm thiện, tâm quả, tâm duy tác sắc giới).
      - 12 tâm vô sắc giới thọ xả (tâm thiện, tâm quả, tâm duy tác vô sắc giới)
      - 8 tâm siêu thế ngũ thiền thọ xả (4 tâm đạo ngũ thiền, 4 tâm quả ngũ thiền).

b. Sở hữu tâm: có 46 sở hữu tâm

- 11 sở hữu tợ tha trừ thọ và hỷ (6 sở hữu biến hành: xúc, tưởng, tư, nhất hành, mạng quyền, tác ý; 5 sở hữu biệt cảnh: tầm, tứ, thắng giải, cần, dục).
- 4 sở hữu bất thiện biến hành (si, vô tàm, vô uý, phóng dật).
- 3 sở hữu tham phần (tham, tà kiến, ngã mạn).
- 2 sở hữu hôn phần (hôn trầm, thụy miên).
- 1 sở hữu hoài nghi
- 25 sở hữu tịnh hảo (19 sở hữu tịnh hảo biến hành: tín, niệm, tàm, uý, vô tham, vô sân, hành xả, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm; 3 sở hữu giới phần gồm: chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng và 2 sở hữu vô lượng phần gồm: bi, tùy hỷ cùng với 1 sở hữu trí tuệ).

THỌ XẢ PHỐI TÂM/TÂM SỞ

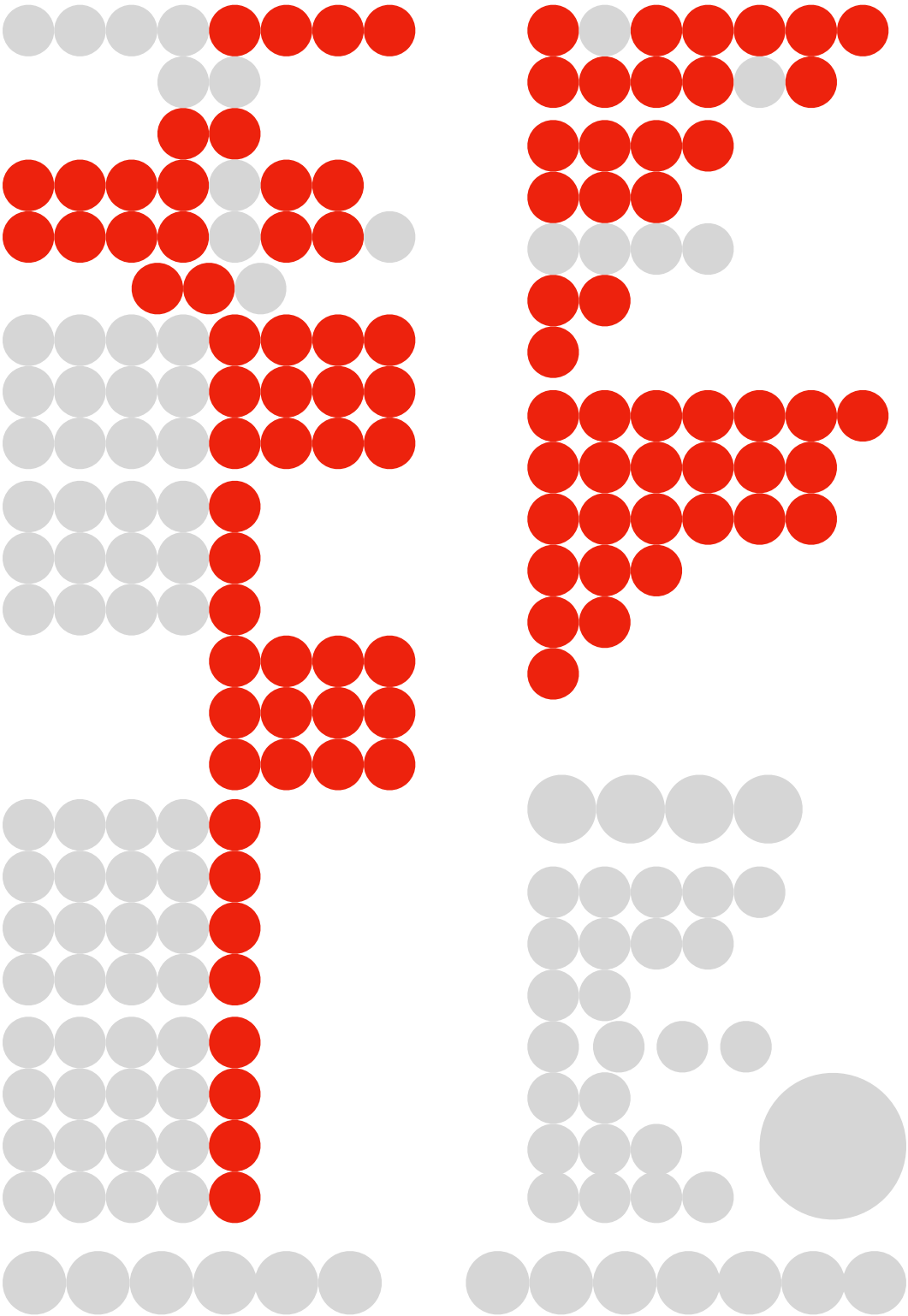

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **11**

(BÀI 8) **11**

TÂM - SỞ HỮU TÂM

PHỐI HỢP

CHƯƠNG II **37**

SƠ ĐỒ TÂM - SỞ HỮU TÂM PHỐI HỢP

CHƯƠNG III **161**

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG

TÂM - SỞ HỮU TÂM

PHỐI HỢP

CHƯƠNG IV (BÀI 9) **171**

SỞ HỮU TÂM – TÂM PHỐI HỢP

CHƯƠNG V **180**

SƠ ĐỒ SỞ HỮU TÂM - TÂM PHỐI HỢP

CHƯƠNG VI **201**

(BÀI 10) **201**

3 TÁNH

CHƯƠNG VII **211**

(BÀI 11) **211**

BỐN GIỐNG

CHƯƠNG VIII **222**

(BÀI 12) **222**

BA THỜI
CHƯƠNG IX **226**
SƠ ĐỒ 3 THỜI
CHƯƠNG X **233**
(BÀI 13) **233**
12 HẠNG NGƯỜI
CHƯƠNG XI **248**
SƠ ĐỒ 12 HẠNG NGƯỜI
CHƯƠNG XII **265**
(BÀI 14) **265**
THỌ
CHƯƠNG XIII **275**
SƠ ĐỒ THỌ

HẾT TẬP II